

**Bồ-tát Di Lạc tạo tụng**

Viết dịch: Quảng Minh

**HIỆN QUÁN TRANG NGHIÊM LUẬN  
LƯỢC THÍCH**

**現觀莊嚴論略釋**

**Abhisamayālaṅkāra-śāstra**



Hán dịch và lược thích:

**Pháp sư Pháp Tôn**

Bồ-tát Di Lạc tạo tụng

**HIỆN QUÁN TRANG NGHIÊM LUẬN  
LƯỢC THÍCH**

現觀莊嚴論略釋

**Abhisamayāljāra-śāstra**

Hán dịch và lược thích: Pháp sư Pháp Tôn

Quảng Minh dịch chú

*Con thành kính hiến cúng dịch phẩm  
Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Lược Thích  
dâng lên Bồ-tát Di Lặc, Pháp sư Pháp Tôn,  
cùng các Bậc Thầy và thiện tri thức trong mười phương.*

*Nguyện đem công đức này  
Trang nghiêm Phật Tịnh độ  
Trên đền bốn ơn nặng  
Dưới cứu khổ ba đường  
Nếu có ai thấy nghe  
Đều phát tâm Bồ-đề  
Hết một báo thân này  
Đồng sinh nước Cực lạc.*

# **Lời Giới Thiệu**

# Mục Lục

**Lời giới thiệu**

**Dẫn nhập**

(Tổng quát)

## **A. CẢNH**

**I. Nhất thiết tướng trí, có 10 nghĩa:**

- 1. Đại thừa phát tâm**
- 2. Đại thừa tu hành giáo thọ**
- 3. Bốn thuận quyết trạch phần**
- 4. Đại thừa tu hành sở y**
- 5. Đại thừa tu hành sở duyên**
- 6. Đại thừa tu hành sở vi**
- 7. Áo giáp chánh hành**
- 8. Thú nhập chánh hành**
- 9. Tư lương chánh hành**
- 10. Xuất sanh chánh hành**

**II. Đạo tướng trí, có 11 nghĩa:**

- 1. Chi phần của Đạo tướng trí**
- 2. Đạo tướng trí của Thanh văn đạo trí**
- 3. Đạo tướng trí của Độc giác đạo trí**
- 4. Đại thừa Kiến đạo**

5. Tác dụng của Đại thừa Tu đạo
6. Thắng giải Tu đạo
7. Thắng lợi của Thắng giải Tu đạo
8. Hồi hướng Tu đạo
9. Tùy hỷ Tu đạo
10. Dẫn phát Tu đạo
11. Thanh tịnh Tu đạo

### III. Nhất thiết trí, có 9 nghĩa:

1. Trí tuệ không trú sinh tử
2. Bi tâm không trú niết-bàn
3. Không phương tiện nên cách xa thể trí
4. Có phương tiện nên đến gần thể trí
5. Sở tri phẩm của thể trí
6. Năng tri phẩm của thể trí
7. Thể trí gia hành
8. Gia hành bình đẳng tánh
9. Kiến đạo

## B. HẠNH

### I. Chánh đẳng gia hành, có 11 nghĩa:

1. Sở tu gia hành tướng
2. Năng tu các gia hành
3. Công đức gia hành
4. Làm lỗi gia hành
5. Tánh tướng gia hành

- 6. Đại thừa thuận giải thoát phần**
- 7. Đại thừa thuận quyết trạch phần**
- 8. Chúng Hữu học bất thối**
- 9. Sinh khởi niết-bàn bình đẳng gia hành**
- 10. Thanh tịnh quốc độ gia hành**
- 11. Thiện xảo phương tiện gia hành**

## **II. Đánh gia hành, có 8 nghĩa:**

- 1. Noãn đánh gia hành**
- 2. Đảnh đánh gia hành**
- 3. Nhẫn đánh gia hành**
- 4. Thế đệ nhất pháp đánh gia hành**
- 5. Kiến đạo đánh gia hành**
- 6. Tu đạo đánh gia hành**
- 7. Vô gián đạo đánh gia hành**
- 8. Diệt trừ tà hành**

## **III. Tiệm thứ gia hành, có 11 nghĩa:**

- 1. Bồ thi ba-la-mật**
- 2. Tịnh giới ba-la-mật**
- 3. An nhẫn ba-la-mật**
- 4. Tinh tiến ba-la-mật**
- 5. Tĩnh lự ba-la-mật**
- 6. Bát-nhã ba-la-mật**
- 7. Tùy niệm Phật**
- 8. Tùy niệm Pháp**
- 9. Tùy niệm Tăng**

10. Tùy niệm giới
11. Tùy niệm xả
12. Tùy niệm thiên
13. Tu vô tánh tự tánh

**IV. Sát-na gia hành, có 4 nghĩa:**

1. Phi dị thực sát-na gia hành
2. Dị thực sát-na gia hành
3. Vô tướng sát-na gia hành
4. Vô nhị sát-na gia hành

**C. QUẢ**

**Pháp thân, có 4 nghĩa:**

1. Tự tánh thân
2. Trí pháp thân
3. Thọ dụng thân
4. Thắng ứng thân

**Phụ lục 1: Chánh văn Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Tụng**

**Phụ lục 2: Dịch nghĩa Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Tụng**

**Phụ lục 3: Cuộc Đời Hành đạo của Pháp sư Pháp Tôn**



(Chi tiết)

## **Phẩm Một: Mở Đầu**

### **A. Luận tiền nghĩa**

- 1. Thích luận đề**
- 2. Giải ‘kính lễ’**
- 3. Bày tỏ sự kính lễ và nói rõ chí nguyện tạo luận**
- 4. Với người ưa văn dài, phân biệt nói rộng, chia làm ba: a. Mục đích tạo luận; b. Tổng nghĩa toàn luận; c. Văn nghĩa toàn luận.**

### **B. Tổng nghĩa toàn luận**

- 1. Lược nêu luận thể**
  - a. Nêu đối tượng giải thích**
  - b. Nêu năng thích số**
- 2. Tùy nêu quảng thích**
  - a. Giải thích tánh chất của ba trí**
    - a.1 Nhất thiết tướng trí**
    - a.2 Đạo tướng trí**
    - a.3 Nhất thiết trí**
  - b. Giải thích tánh chất của bốn gia hành**
    - b.1 Viên mãn chúng tướng gia hành**
    - b.2 Đảnh gia hành**
    - b.3 Tiệm thứ gia hành**
    - b.4 Sát-na gia hành**

**c. Giải thích tánh chất của pháp thân**

**Phẩm Hai: Nhất Thiết Tướng Trí**

**C. Văn nghĩa toàn luận**

**I. Giải rộng Ba trí**

**a. Vì cầu Nhất thiết tướng trí mà phát thệ nguyện**

**b. Hiện thị phương tiện là Giáo thọ để hoàn thành thệ nguyện**

**b.1 Chánh thích Giáo thọ**

**b.2 Nghĩa tu Giáo thọ**

**b.2.1 Lược nêu**

**b.2.2 Rộng thích**

**b.2.2.1 Ba tướng pháp: sở duyên, hành tướng, nhân duyên**

**b.2.2.2 Phân biệt**

**b.2.2.3 Nhiếp trì**

**c. Đúng như Giáo thọ mà tu tập Chánh hành**

**c.1 Tu hành sở y**

**c.1.1 Chung tánh sai biệt**

**c.1.2 Đoạn tranh cãi**

**c.2 Tu hành sở duyên**

**c.3 Tu hành sở vi**

**c.4 Tự thể Tu hành**

**c.4.1 Ý lạc quảng đại: Áo giáp chánh hành**

**c.4.2 Gia hành quảng đại: Thú nhập chánh hành**

**c.4.3 Tư lương quảng đại: Tư lương chánh hành**

**(a) Nói rộng**

**(b) Riêng giải ba tư lương**

**(b.1) Trí tu lương**

**(b.2) Địa tu lương**

**(b.2.1) Giải thích nhân vị của mười địa tu trị**

**(b.2.1.1) Địa thứ nhất tu trị**

**(b.2.1.2) Địa thứ hai tu trị**

**(b.2.1.3) Địa thứ ba tu trị**

**(b.2.1.4) Địa thứ tư tu trị**

**(b.2.1.5) Địa thứ năm tu trị**

**(b.2.1.6) Địa thứ sáu tu trị**

**(b.2.1.7) Địa thứ bảy tu trị**

**(b.2.1.8) Địa thứ tám tu trị**

**(b.2.1.9) Địa thứ chín tu trị**

**(b.2.2) Giải thích sắc thái quả vị của địa thứ mười**

**(b.3) Đạo tu lương**

**c.4.4 Quyết định xuất sinh Nhất thiết tướng trí: Xuất sinh chánh hành**

### **Phẩm Ba: Đạo Tướng Trí**

**1. Chi phần của Đạo tướng trí**

**2. Bản tánh của Đạo tướng trí**

**a. Đạo tướng trí biết Thanh văn đạo**

**a.1 Tự tánh**

**a.2 Thuận quyết trạch phần làm nhân**

**b. Đạo tướng trí biết Độc giác đạo**

**b.1 Sở y sai biệt**

**b.2 Làm sao liễu tri đạo ấy**

### **b.3 Thuận quyết trạch phần làm nhân**

#### **c. Đạo tướng trí biết Bồ-tát đạo**

##### **c.1 Kiến đạo**

###### **c.1.1 Lược nêu sát-na**

###### **c.1.2 Rộng giải sắc thái tu tập**

##### **c.2 Tu đạo**

###### **c.2.1 Tác dụng của Tu đạo**

###### **c.2.2 Hữu tác dụng của Tu đạo**

###### **c.2.2.1 Hữu lậu tu đạo**

###### **(a) Thắng giải tu đạo**

###### **(b) Hồi hướng tu đạo**

###### **(c) Tùy hỷ tu đạo**

###### **c.2.2.2 Vô lậu tu đạo**

###### **(a) Dẫn phát tu đạo**

###### **(b) Thanh tịnh tu đạo**

###### **(b.1) Nhân sai biệt**

###### **(b.2) Cảnh sai biệt**

###### **(b.3) Quả sai biệt**

###### **(b.4) Tự tánh sai biệt**

###### **(b.4.1) Có hay không có sự sai biệt của tối thanh tịnh?**

###### **(b.4.2) Xác định sự thanh tịnh của Phật là tối thanh tịnh**

### **Phẩm Bốn: Nhất Thiết Trí**

#### **1. Bản tánh của Nhất thiết trí**

##### **a. Viên cặn đạo**

###### **a.1 Lý của viên cặn đạo**

- a.2 Thành lập lý ấy**
  - a.3 Sai biệt của năng trị sở trị**
    - a.3.1 Sở trị phẩm của Nhất thiết trí**
    - a.3.2 Năng trị phẩm của Nhất thiết trí**
    - a.3.3 Tương chấp sở trị trên quả**
    - a.3.4 Năng trị trên quả**
      - (a) Năng trị là lý của sở trị phẩm**
      - (b) Chánh đối trị**
      - (c) Nghĩa khác biệt**
    - a.3.5 Tiểu kết**
  - b. Gia hành của Nhất thiết trí**
    - b.1 Gia hành sai biệt**
    - b.2 Tự tánh của gia hành**
  - c. Quả của sự tu gia hành**
    - c.1 Lược nói sát-na**
    - c.2 Rộng thích hành tướng**
- 2. Tổng kết ba trí**

**Phẩm Năm: Viên Mãn Nhất Thiết Tướng Hiện Quán**

## **II. Giải rộng Bốn gia hành**

- 1. Tự tại nhân quả**
  - 1.1 Tự tại nhân: Nhất thiết tướng gia hành**
    - 1.1.1 Tổng kiến lập Nhất thiết tướng gia hành**
      - a. Tự tánh Nhất thiết tướng gia hành**
        - a.1 Trí tướng sai biệt**
          - a.1.1 Lược nêu**

## **a.1.2 Rộng thích**

**(a) Tướng Nhất thiết trí**

**(b) Đạo tướng trí tướng**

**(c) Nhất thiết tướng trí tướng**

**Sắc thái Đạo tướng trí tùy thuận Bồ-tát sở hữu**

**Sắc thái Nhất thiết tướng trí duy Phật sở hữu, có 39:**

## **a.2 Thắng gia hành**

**a.2.1 Tích chứa thiện căn**

**a.2.2 Tự thể Gia hành**

**b. Công đức và lỗi lầm của sự tu gia hành**

**b.1 Công đức gia hành**

**b.2 Lỗi lầm gia hành**

**c. Tánh tướng của gia hành**

**c.1 Lược nêu**

**c.2 Rộng giải**

**c.2.1 Trí tướng**

**c.2.1.1 Gia hành tướng của Nhất thiết trí**

**c.2.1.2 Gia hành tướng của Đạo tướng trí**

**c.2.1.3 Gia hành tướng của Nhất thiết tướng trí**

**c.2.2 Thắng tướng**

**c.2.2.1 Lược nêu**

**c.2.2.2 Rộng giải**

**c.2.3 Tác dụng tướng**

**c.2.4 Tự tánh tướng**

**1.1.2 Từ Thuận giải thoát phần giải thích sinh khởi thứ đệ**

**a. Căn cơ sở vi**

**a.1 Tổng tướng**

## **a.2 Căn cơ giáo hóa**

### **b. Thứ đệ của sự sinh khởi đạo thành thực**

### **c. Thứ đệ của sự sinh khởi hiện quán thù thắng**

#### **c.1 Tướng bất thối Vô thượng Bồ-đề**

##### **c.1.1 Lược nêu**

##### **c.1.2 Rộng thích**

##### **c.1.2.1 Gia hành đạo bất thối chuyển tướng**

###### **(a) Lược nêu**

###### **(b) Rộng thích**

##### **c.1.2.2 Kiến đạo bất thối chuyển tướng**

###### **(a) Lược nêu**

###### **(b) Rộng thích**

##### **c.1.2.3 Tu đạo bất thối chuyển tướng**

###### **(a) Rộng thích Đại thừa tu đạo**

###### **(b) Bất thối chuyển tướng**

#### **c.2 Dẫn phát thù thắng đạo của ba thân**

##### **c.2.1 Nhân tố của Pháp thân : Sinh tử Niết-bàn bình đẳng gia hành**

##### **c.2.2 Nhân tố của Thọ dụng thân : Nghiêm tịnh Phật độ gia hành**

##### **c.2.2 Nhân tố của Hóa thân : Thiện xảo phương tiện gia hành**

## **Phẩm Sáu: Đảnh Hiện Quán**

### **1.2 Tự tại quả: Đảnh gia hành**

#### **1.2.1 Gia hành đạo Đảnh gia hành**

##### **1.2.1.1 Noãn Đảnh gia hành**

##### **1.2.1.2 Đảnh Đảnh gia hành**

### **1.2.1.3 Nhấn Đánh gia hành**

### **1.2.1.4 Thế đệ nhất pháp Đánh gia hành**

## **1.2.2 Kiến đạo Đánh gia hành**

### **1.2.2.1 Sở trị phân biệt**

#### **(a) Lược nêu**

##### **i. Sở thủ phân biệt**

##### **ii. Năng thủ phân biệt**

#### **(b) Rộng thích**

##### **i. Sở thủ phân biệt**

##### **i.1 Chuyển thú sở thủ phân biệt**

##### **i.2 Thối hoàn sở thủ phân biệt**

##### **ii. Năng thủ phân biệt**

##### **ii.1 Thật chấp phân biệt**

##### **ii.2. Giả chấp phân biệt**

### **1.2.2.2 Đối trị sự phân biệt**

#### **(a) Nhân của Kiến đạo Đánh gia hành**

#### **(b) Quả Kiến đạo Đánh gia hành đối với quả Đại Bồ-đề**

##### **i. Quan điểm của tự tông về Đại Bồ-đề**

##### **ii. Thừa nhận tánh thật hữu là không hợp đạo lý**

##### **iii. Muốn chứng cứu cánh Đại Bồ-đề phải thừa nhận các pháp đều là Không**

#### **(c) Tự tánh của Kiến đạo Đánh gia hành**

##### **i. Chánh thuyết**

##### **ii. Đoạn đức tự tại**

## **1.2.3 Tu đạo Đánh gia hành**

### **1.2.3.1 Sở y Tu đạo**

### **1.2.3.2 Sở đoạn phân biệt**

#### **(a) Sở thủ phân biệt**



**i. Chuyển thú sở thủ phân biệt**

**ii. Thối hoàn sở thủ phân biệt**

**(b) Năng thủ phân biệt**

**i. Thật chấp phân biệt**

**ii. Giả chấp phân biệt**

**ii.1 Lược nêu**

**ii.2 Rộng thích**

**1.2.3.3 Thắng lợi của đoạn trừ sở đoạn**

**1.2.4 Vô gián đạo Đánh gia hành**

**1.2.4.1 Chánh thuyết**

**(a) Đa phước dụ hiển**

**(b) Thích hành tướng sở duyên**

**1.2.4.2 Đoạn trừ tà chấp**

**Phẩm Bảy: Tiệm Thứ Hiện Quán**

**2. Kiên cố nhân quả**

**2.1 Vì đặc kiên cố mà tu Tiệm thứ gia hành**

**Phẩm Tám: Sát-na Chứng Đại Bồ-đề**

**2.2 Đã đặc kiên cố Sát-na gia hành**

**Phẩm Chín: Pháp Thân**

**III. Giải rộng Pháp thân**

- 1.1 Thân kiến lập**
- 1.2 Tự tánh thân**
- 1.3 Trí pháp thân**
- 1.4 Chánh nghĩa**
  - 1.4.1.1 Sai biệt**
  - 1.4.1.2 Đoạn tránh**
    - 1.4.1.2.1 Đoạn tránh đối với pháp thân thường trú**
    - 1.4.1.2.2 Đoạn tránh đối với biến thường**
- 1.5 Thọ dụng thân**
  - 1.5.1.1 Lược nêu hành tướng**
  - 1.5.2 Rộng giải công đức**
    - 1.5.2.1.1 Tướng tốt**
    - 1.5.2.1.2 Vẻ đẹp**
    - 1.5.2.2 Thắng ứng thân**
- 2. Sự nghiệp**

## **Phẩm Mười: Nhiếp**

- 3. Thích lược nghĩa khác**
  - 3.1 Nhiếp làm sáu nghĩa**
  - 3.2 Nhiếp làm ba nghĩa**
- 4. Luận hậu nghĩa**

# **Lời Giới Thiệu**

## Dẫn Nhập

Hiện Quán Trang Nghiêm Luận (現觀莊嚴論, Abhisamayāljāra-sāstra, mngon-par rtogs-pa'i rgyan), còn gọi là Bát-nhã Kinh Luận Hiện Quán Trang Nghiêm Tụng (般若經論現觀莊嚴頌), gọi đủ là Bát-nhã Ba-la-mật-đa Yêu Quyết Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Tụng (般若波羅蜜多要訣現觀莊嚴論頌), hoặc gọi là Hiện Quán Trang Nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Ưu-ba-đề-xá Luận (現觀莊嚴般若波羅蜜多優波提舍論, Abhisamayāljāra-nāma-prajñāpāramitopadeśa-sāstra, shes-rab kyi pha-rol-tu phyin-pa'i man-ngag gi bstan-bcos mngon-par rtogs-pa'i rgyan ces-bya-ba).<sup>1</sup> Tác phẩm này xuất hiện vào khoảng thế kỷ 5 và được cho là tác phẩm của Bồ-tát Di Lặc (Maitreyanātha) người Ấn độ soạn thuật, là một trong Di Lặc ngũ luận<sup>2</sup>, là bộ luận Đại thừa tóm tắt cương yếu của 25.000 bài tụng Bát nhã (tương đương với Kinh Đại phẩm Bát-nhã bản Hán dịch), mô tả đầy đủ và chi tiết về con đường dẫn đến giác ngộ.

*Hiện quán*, là trạng thái của trí năng quán và tánh chân thật sở quán kế hợp làm một, mang ý nghĩa nhận biết, thực nghiệm, hiện chứng hay thân chứng. Luận này được gọi là *hiện quán* là vì những gì nó diễn giải chính là hiện quán. *Trang nghiêm*, là tự thể kinh Đại Bát-nhã được trang sức bằng diệu pháp, tức “8 sự 70

---

<sup>1</sup> Về tánh chất của luận này, nó thuộc về luận nghĩa, giáo thọ hay khẩu quyết (upadeśa) của kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên gọi là “Bát-nhã Ba-la-mật-đa ưu-ba-đề-xá luận” (般若波羅蜜多優波提舍論). Hiện quán, có nghĩa là ‘hiện chứng’ hay ‘thân chứng’, chỉ cho sự tương ứng hoàn toàn giữa trí tuệ năng quán và tánh cảnh chân thật sở quán. Trang nghiêm, là thí dụ, là lấy “tám hiện quán, bảy mươi nghĩa” để trang hoàng, khai triển về đẹp tự nhiên của kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà được trình bày rõ ràng trong luận này, khiến cho người đọc sinh tâm hoan hỷ.

<sup>2</sup> Truyền thống Phật giáo Tây Tạng cho rằng, Bồ-tát Di Lặc là tác giả của 5 bộ luận, được gọi là Di Lặc ngũ luận: 1. Đại thừa tối thượng yếu nghĩa luận (Mahāyāna-sūtrālamkārikā); 2. Pháp pháp tánh phân biệt luận (Dharma-dharmatā-vibhāga); 3. Biện trung biên luận (Madhyānta-vibhāga-kārikā); 4. Hiện quán trang nghiêm luận (Abhisamayaalamkāra); 5. Đại thừa trang nghiêm kinh luận (Mahāyānasūtralamkāra). Theo truyền thống Phật giáo Trung Hoa, Di Lặc ngũ luận là: 1. Du già sư địa luận; 2. Phân biệt du già luận; 3. Đại thừa trang nghiêm kinh luận; 4. Biện trung biên luận; 5. Kim cương bát nhã ba-la-mật-đa kinh luận. Trong số năm bộ luận Bồ-tát Di Lặc thì Đại thừa trang nghiêm kinh luận và Hiện quán trang nghiêm luận là quan trọng nhất.

nghĩa”<sup>3</sup> hay “8 hiện quán 70 nghĩa”. Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh, quyển 1, có viết: “*Như trang sức vật đẹp, Soi gương sanh thắng hỷ, Diệu pháp trang nghiêm rồi, Được cái vui bậc nhất.* (譬如莊美質, 臨鏡生勝喜, 妙法莊嚴已, 得喜更第一.) *Giải thích: Thí như người trang sức thêm vật đẹp trên thân, đứng trước gương soi thì sanh thắng hỷ. Vì sao? Vì có sự vui thích. Bỏ tất cũng vậy, trang nghiêm bằng diệu pháp, nghĩa là thể nhập tự tâm, thì sanh thắng hỷ.*”

Hiện Quán Trang Nghiêm Luận chủ yếu giải thích về ba trí. Ba trí tổng nhiếp tất cả đạo: Thanh văn và Độc giác đạo được nhiếp trong Nhất thiết trí; Bồ-tát đạo được nhiếp trong Đạo tướng trí; Phật đạo được nhiếp trong Nhất thiết tướng trí. Tất cả đối cảnh: uẩn, xứ, giới, đều được nhiếp trong ba trí. Khi giải bày ba trí thì cũng giải bày tất cả đạo, tất cả đối cảnh, tất cả hành tướng, và quá trình tu hành theo thứ lớp từ phàm phu đến cảnh giới Phật. Luận này gồm có 8 phẩm (8 sự), 70 nghĩa, 1200 mục, 276 tụng<sup>4</sup>:

1. Phẩm Nhất thiết tướng trí (56 tụng, 18-73): Nhất thiết tướng trí, Nhất thiết chủng trí, Biến tướng trí hay Tướng trí (Phạn: Sarvākārajñatā) là Thánh trí hiện quán cứu cánh về 10 nghĩa: sơ phát tâm, giáo thọ, bốn quyết trạch phân, chánh hành sở y, chư sở duyên, sở vi sự, áo giáp, thú nhập, tư lương và xuất ly. Tướng trí có 2 phần: một là, tướng trí liễu tri hành tướng của tất cả sở tri; hai là, tướng trí liễu tri nhân quả chủ yếu, tức 70 yếu nghĩa. Giới hạn chỉ ở Phật địa.

2. Phẩm Đạo tướng trí (31 tụng, 74-104): Đạo tướng trí, Đạo chủng trí hay Đạo trí (Phạn: Mārgajñatā) là trí của Thánh giả Đại thừa về dòng tâm thức tương

<sup>3</sup> Tám sự, còn gọi là tám hiện quán, là 3 trí, 4 gia hành và 1 quả pháp thân (trí pháp thân).

<sup>4</sup> Bản Hiện Quán Trang Nghiêm Luận tiếng Tây Tạng do Quả-mễ-kỳ-mỹ (果米其美, Shcherbatsky) và Lạc-đan-hiệp-nhiêu (洛單協饒, Obermüller) dịch và in bằng tiếng Tây Tạng năm 1929, được thu lục trong Đức Cách bản “Đan Châu Nhĩ (德格版《丹珠爾》), No.3786, có 273 tụng. Ngoài 17 tụng phần Tựa: mục đích tạo luận (tụng 1-2), lược nói luận thể (3-4 tụng), rộng thuyết luận thể (5-17 tụng), cùng hai tụng 272 và 273 của lời Bạt, 254 tụng còn lại được chia thành tám phẩm (Tạng ngữ gọi là skabs), thứ tự là: 1. Phẩm Nhất thiết tướng trí, 56 tụng (18-73); 2. Phẩm Đạo trí, 31 tụng (74-104); 3. Phẩm Nhất thiết trí, 16 tụng (105-120); 4. Phẩm Viên mãn Nhất thiết tướng Hiện quán, 63 tụng (121-183); 5. Phẩm Đảnh hiện quán, 42 tụng (184-225); 6. Phẩm Tiệm thứ Hiện quán, 1 tụng (226); 7. Phẩm Sát-na hiện chứng Đăng giác, 5 tụng (227-231); 8. Phẩm Pháp thân, 40 tụng (232-271).

tục của những bồ-đặc-già-la mà vốn có tự thân Đạo trí, ngang qua sự nhiếp trì bởi Bát-nhã hiện quán tánh Không. Đạo trí có 3 phần: một là, Đạo trí liễu tri Thanh văn đạo; hai là, Đạo trí liễu tri Độc giác đạo; ba là, Đạo trí liễu tri Đại thừa đạo. Giới hạn là từ Kiến đạo của Đại thừa cho đến Phật địa.

3. Phẩm Nhất thiết trí (16 tụng, 105-120): Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tánh hay Cơ trí (Phạn: Tataḥ sarvajñatā) là Thánh trí chứng ngộ chủng loại, an trú Đại thừa, được nhiếp trì bởi Bát-nhã hiện quán vô ngã trong dòng tâm thức tương tục của những bồ-đặc-già-la mà vốn có tự thân Nhất thiết trí. Nhất thiết trí có 4 phần: một là, Nhất thiết trí tiếp cận quả Phật mẫu; hai là, Nhất thiết trí viễn ly quả Phật mẫu; ba là, bất thuận phẩm của Nhất thiết trí; bốn là, đối trị phẩm của Nhất thiết trí. Giới hạn là tâm tương tục của tất cả Thánh giả.

4. Phẩm Viên mãn nhất thiết tướng hiện quán (67 tụng, 121-187): Viên mãn nhất thiết tướng gia hành, Viên mãn nhất thiết tướng hiện quán hay Nhất thiết tướng gia hành (Phạn: Sarvākārābhisambodho) là sự tu tập của Bồ-tát Du-già mà thu nhiếp tất cả hành tướng của ba trí, được nhiếp trì bởi Bát-nhã. Bồ-tát trí ở đây bao gồm 173 chủng loại. Giới hạn từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

5. Phẩm Đánh Hiện quán (41 tụng, 188-228): Đánh gia hành, Đánh hiện quán hay Chí đánh gia hành (Phạn: Mūrdhaprāpto) là Bồ-tát Du-già, được nhiếp trì bởi Bát-nhã, lấy sự tổng tu hành tướng của ba trí để siêu việt Đại thừa Tư lương đạo. Đánh gia hành có 4 thứ: một là, Gia hành đạo Đánh gia hành; hai là, Kiến đạo Đánh gia hành; ba là, Tu đạo Đánh gia hành; bốn là, Vô gián [Tam-ma-địa] Đánh gia hành. Giới hạn từ Noãn vị của Đại thừa Gia hành đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

6. Phẩm Tiệm thứ hiện quán (1 tụng, 229): Tiệm thứ gia hành hay Tiệm thứ hiện quán (Phạn: Anupūrvikaḥ) là Bồ-tát Du-già, được nhiếp trì bởi Bát-nhã, muốn đạt được sự kiên cố đối với hành tướng của ba trí mà tu tập theo thứ lớp về hành

tướng của ba trí, gồm có 13 thứ hiện quán: sáu Ba-la-mật-đa, sáu Tùy niệm và Nhất chủng thể tánh vô thật hữu (: vô tánh tự tánh). Giới hạn từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

7. Phẩm Sát-na chứng Đại bồ-đề (5 tụng, 230-234): Sát-na gia hành (Phạn: Ekakṣaṇābhisambodho) là Bồ-tát Du-già đã được kiên cố hoàn toàn đối với hành tướng của ba trí. Sát-na gia hành có 4 thứ: một là, Dị thực sát-na gia hành; hai là, Phi dị thực sát-na gia hành; ba là, Vô tướng sát-na gia hành; bốn là, Vô nhị sát-na gia hành. Giới hạn chỉ ở tối hậu tâm của địa thứ mười.

8. Phẩm Pháp thân (42 tụng, 235-276): Quả Pháp thân (Phạn: Dharmakāyaśca te aṣṭadhā) là thông qua sự tu tập phương tiện lực là hành tướng của ba trí mà chứng đắc tự thân là quả Pháp thân. Pháp thân có 4 thứ: Pháp thân, Tự tánh thân, Thọ dụng thân và Hóa thân. Giới hạn chỉ ở Phật địa.

Tám sự có thể gộp lại thành 3 loại: ba sự đầu là *cảnh*, bốn sự tiếp theo là gia hành, tức là *nhân* hay *hành*, và một sự cuối là Pháp thân và sự nghiệp, tức là *quả*. Tám sự này triển khai thành 70 nghĩa, nó bao quát 108 cú pháp<sup>5</sup> được đề cập trong Kinh Đại Bát-nhã.

Về bảy mươi nghĩa thì, Nhất thiết tướng trí có 10 nghĩa; Đạo tướng trí có 11 nghĩa; Nhất thiết trí có 9 nghĩa; Viên mãn hiện quán Nhất thiết tướng gia hành có

---

<sup>5</sup> Một trăm lẻ tám cú pháp (一百零八句法) trong kinh Đại Bát-nhã: Khi Phật giáo Tây Tạng nghiên cứu về Hiện Quán Trang Nghiêm Luận, thường nói rằng "Có 108 cú pháp từ sắc pháp cho đến Nhất thiết tướng trí". Tuy nhiên, rất hiếm khi biết chính xác 108 cú pháp là gì. Dù kinh Đại Bát-nhã được giảng thuyết khắp nơi, nhưng khó có thể ghép được con số 108 cú, vì mở đầu và kết thúc khác nhau. Dựa trên trước thuật của Lama Long Tĩnh (隆靚), nó được mô tả ngắn gọn như sau: Một trăm lẻ tám cú pháp được chia thành 2 loại: (a) 53 pháp thuộc về tạp nhiễm phẩm; (b) 55 pháp thuộc về thanh tịnh phẩm. Năm mươi ba pháp thuộc về tạp nhiễm: 5 uẩn, 6 căn, 6 cảnh, 6 thức, 6 xúc, 6 ái, 6 giới và 12 duyên khởi. Năm mươi lăm pháp thuộc về thanh tịnh: 6 ba-la-mật, 18 tánh không, 37 Bồ đề phần pháp (hợp làm 7 cú), tam-muội có 6 cú (4 diệu đế, 4 tinh lự, 4 vô lượng, 4 đẳng chí vô sắc, 8 giải thoát, 9 thứ đệ định, mỗi thứ là 1 cú), tỳ-bát-xá-na đạo tam giải thoát môn làm 1 cú, thù thắng công đức đạo có 3 cú (6 thông, 4 chủng tam-ma-địa, 4 đà-la-ni môn, mỗi thứ 1 cú), quả đạo có 6 cú (10 lực, 4 vô úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, 18 pháp bất cộng của Phật, mỗi thứ 1 cú), 5 loại bồ-đặc-già-la chứng đạo (Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác) làm 5 cú, 3 trí (Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí) làm 3 cú. Như vậy, nhiễm pháp và tịnh pháp cộng thành 108 cú. Một trăm lẻ tám cú pháp là pháp số cơ bản mà người sơ học Phật pháp nên học.

11 nghĩa; Chí đánh gia hành có 8 nghĩa; Tiệm thứ gia hành có 13 nghĩa; Nhất sát-na viên chứng Bồ-đề gia hành có 4 nghĩa; Pháp thân có 4 nghĩa.<sup>6</sup>

Tóm lại, trong 8 phẩm nói trên, 3 phẩm đầu trình bày về Nhất thiết trí tánh; 4 phẩm kế tiếp nương vào Nhất thiết trí tánh mà nói rõ việc tu tập gia hành; phẩm cuối kết luận nhờ tu gia hành mà đạt đến quả Phật. Trong phẩm Tựa thứ nhất, có 2 tụng Quy kính và 17 tụng giải thích vấn tắt về Luận thể trước khi đi vào chi tiết 8 phẩm, và phẩm Nhiếp thứ mười có 2 tụng Tổng kết.

Cách giải thích kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa trong Hiện Quán Trang Nghiêm Luận có thể được hiểu từ ba khía cạnh: (1) *Tám môn nói rộng*: đề cập đến tám phẩm năng thuyên: phẩm Nhất thiết tướng trí, phẩm Đạo tướng trí, phẩm Nhất thiết trí, phẩm Viên mãn nhất thiết tướng hiện quán, phẩm Đánh hiện quán, phẩm Tiệm thứ hiện quán, phẩm Sát-na chứng Đại bồ-đề, phẩm Pháp thân, để giải thích tám sự sở thuyên: Nhất thiết tướng trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết trí, Viên mãn nhất thiết tướng gia hành, Đánh gia hành, Tiệm thứ gia hành, Sát-na chứng Đại bồ-đề gia hành, quả Pháp thân. (2) *Sáu môn nói vửa*: bản chất của sự nương tựa ba trí, tự tại nhân (: là đối với hành tướng của ba trí mà tu tập để được tự tại), tự tại quả (: đã được tự tại đối với hành tướng của ba trí), kiên cố nhân (: đối với hành tướng của

---

<sup>6</sup> Nhất thiết tướng trí có 10 nghĩa: (1) Phát tâm; (2) Giáo thọ; (3) Thuận quyết trạch phân; (4) Sở y của chánh hành; (5) Sở duyên; (6) Sở vi sự; (7) Áo giáp; (8) Thú nhập; (9) Tư lương; (10) Xuất ly. Đạo tướng trí có 11 nghĩa: (11) Ánh đạo, v.v.; (12) Tri Thanh văn đạo; (13) Tri Lâm dự đạo; (14) Bồ tát Kiến đạo; (15) Tu đạo tác dụng; (16) Thắng giải tu đạo; (17) Tán dương sự; (18) Hồi hướng Tu đạo; (19) Tùy hỷ Tu đạo; (20) Dẫn phát Tu đạo; (21) Tối thanh tịnh Tu đạo. Nhất thiết trí có 9 nghĩa: (22) Do trí mà chẳng trụ sanh tử; (23) Do bi mà chẳng trụ tịch diệt; (24) Phi phương tiện tránh xa; (25) Chánh phương tiện tiếp cận; (26) Sở trị phẩm; (27) Đối trị phẩm; (28) Gia hành; (29) Bình đẳng tánh; (30) Kiên đạo của Thanh văn, v.v. Viên mãn hiện quán nhất thiết tướng gia hành có 11 nghĩa: (31) Hành tướng; (32) Gia hành; (33) Công đức; (34) Lâm lỗi; (35) Tánh tướng; (36) Thuận giải thoát phân; (37) Thuận quyết trạch phân; (38) Bất thối chuyển chúng; (39) Sanh tử niết-bàn bình đẳng tánh; (40) Vô thượng thanh tịnh Phật độ; (41) Thiện xảo phương tiện. Chí đánh gia hành có 8 nghĩa: (42) Mười hai chủng tướng của Noãn vị lợi căn Bồ tát; (43) Mười sáu tầng trưởng của Đánh vị; (44) Kiên ổn của Nhân vị; (45) Tâm biến trú của Thế đệ nhất pháp; (46) Sở trị năng trị của Kiên đạo; (47) Năng trị sở trị của Tu đạo; (48) Vô gián định; (49) Tà chấp. Tiệm thứ gia hành có 13 nghĩa: (50) Bồ thí; (51) Tri giới; (52) Nhân nhục; (53) Tinh tiến; (54) Tĩnh lự; (55) Bát-nhã; (56) Niệm Phật; (57) Niệm Pháp; (58) Niệm Tăng; (59) Niệm giới; (60) Niệm thiên; (61) Niệm xả; (62) Vô tánh tự tánh tiệm thứ hiện quán gia hành. Sát-na viên chứng Bồ-đề gia hành có 4 nghĩa: (63) Dị thực sát-na gia hành; (64) Phi dị thực sát-na gia hành; (65) Vô nhị sát-na gia hành; (66) Vô tướng sát-na gia hành. Pháp thân có 4 nghĩa: (67) Tự tánh thân; (68) Viên mãn báo thân; (69) Biên hóa thân; (70) Pháp thân. Hiểu rộng 70 nghĩa thì xem thêm Hiện quán trang nghiêm luận trung bát phẩm thất thập nghĩa lược giải (現觀莊嚴論中八品七十義略解) do Pháp sư Pháp Tôn thuật, <http://tripitaka.cbeta.org/B09n0030>



ba trí mà tu tập thêm lên để được kiên cố), kiên cố quả (: đã được kiên cố đối với hành tướng của ba trí), dị thực quả của ba trí (: quả Pháp thân). (3) *Ba môn nói lược*: cảnh (: ba trí), hành (: bốn gia hành) và quả (: quả Pháp thân).

Sự giải thích ba trí: Nhất thiết tướng trí, Đạo tướng trí và Nhất thiết trí không tuân theo "trình tự nhân quả" mà đi theo "trình tự giải thoát". Nếu giải thích dựa trên "trình tự nhân quả", thì Nhất thiết trí nên được giải thích trước, tức là trước hết phải có ý tưởng về con đường tu học: thông suốt 16 hành tướng về vô thường, khổ, không, vô ngã của Tứ Thánh đế, và bằng cách này, trước mới có năng lực tu học, từng bước hiểu sâu hơn về Đạo tướng trí, sau đó có thể sinh khởi hiện quán về 10 pháp: phát tâm, giáo thọ, v.v. của Nhất thiết tướng trí trong dòng tâm thức tương tục và sự hóa độ chúng sinh. Khi giải thích ba trí theo "trình tự giải thoát", trước hết nói về Nhất thiết tướng trí, mục đích là phát khởi động lực tu học và giáo hóa chúng sinh sau khi thấy được kết quả cùng những công đức và lợi ích của Nhất thiết tướng trí; giống như một doanh nhân sẽ tích cực tham gia kinh doanh sau khi nhìn thấy lợi nhuận khổng lồ trong kinh doanh; một nông dân sẽ làm việc chăm chỉ để trồng trọt sau khi nhìn thấy những lợi ích của vụ mùa. Để hiểu được các hành tướng của ba trí, cần phải có những gia hành cụ thể để hỗ trợ việc thực hành ba trí. Viên mãn nhất thiết tướng gia hành là con đường đưa tới sự tự tại đối với hành tướng của ba trí. Đánh gia hành là hành tướng của ba trí đã được tự tại. Tiệm thứ gia hành là con đường đưa tới sự kiên cố đối với ba trí. Sát-na gia hành là hành tướng của ba trí đã được kiên cố.

Về nguyên do soạn thuật luận này, cứ theo Bát thiên tụng Bát nhã thích luận của ngài Sư Tử Hiền (師子賢, Haribhadra)<sup>7</sup> thì vì trong Kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa

---

<sup>7</sup> Sư Tử Hiền (師子賢, Haribhadra): Cao tăng Ấn độ, sống vào giữa thế kỷ thứ 8, xuất thân từ giai cấp Sát đế lợi. Sư xuất gia vào đời vua Đức ngô ba lạp (德瓦巴拉, Devapāla), học rộng cả nội điển và ngoại điển, đặc biệt tinh thông Bát nhã. Sư từng theo ngài Duy lô tả năng phạ đa lạp (維盧左曩帕哆拉, Vairocana-bhadra) học tập pháp sám hối của đức Di lặc. Một hôm, sư bỗng nằm mộng thấy 1 vị tăng khuyển sư đến xứ Ca sa lộ ba nạp (卡莎路巴納, Khasarpana); sau khi tỉnh dậy, sư nhịn ăn trong 3 ngày để suy xét về việc trong giấc mộng. Sau, sư lại mộng thấy

có nhiều chỗ trùng lập, nhiều chỗ ý nghĩa rất sâu xa khó hiểu, nên ngài Vô Trước thỉnh cầu Bồ-tát Di Lặc giải thích rõ Kinh Bát-nhã, do đó mà ngài Di Lặc tạo luận này. Sau thời Vô Trước, quá trình kế thừa của luận này không được rõ ràng, chỉ biết đệ tử Tăng Hộ (僧護, Samgha-rakṣita) là Giải Thoát Quân (解脫軍, Ārya-Vimuktisena)<sup>8</sup> truyền xuất, dung hợp kiến giải của phái Du-già hành và phái Trung quán.<sup>9</sup> Vào năm 1938, dựa vào dịch bản Tạng văn của luận này, pháp sư Pháp Tôn

---

minh ở trong chùa Áo đan tháp phổ lợi (奧丹塔普利, Odantapuri), lúc ấy có vị thần, chỉ hiện nửa thân phía trên, đứng trong áng mây, cúi mình lễ bái sư, sư hỏi lí do vì sao lễ bái, vị thần nói với sư là mình đang lễ bái đức Di Lặc giải nói 8 nghìn bài tụng Bát Nhã (八千頌般若, Astasāhasrikā). Không bao lâu, sư mộng thấy đức Di Lặc, toàn thân màu vàng ròng, trên đầu có Chi đề (支提, tháp không có xá lợi), tay kết ấn Thuyết pháp, sư đành lễ thưa hỏi: Trong đa số các sách chú giải bộ luận Hiện quán trang nghiêm (Abhisamayāljākāra) do đức Di Lặc trú tác thì nên lấy bản nào làm tiêu chuẩn? Đức Di Lặc liền bảo: Đợi sau khi ông đã lãnh hội toàn bộ các sách chú giải ấy, rồi từ trong đó, ông lại viết ra bộ sách chú giải khác. Do nhân duyên này nên sau khi tỉnh mộng, sư mới ra sức tìm xem và soạn thuật. Danh tiếng sư lúc bấy giờ được vua Mã hi ba lạp (馬希巴拉, Mahīpāla) trọng vọng, nhà vua triệu thỉnh sư đến đô thành để chuyên việc trú tác. Sư soạn rất nhiều chú sớ, nổi tiếng hơn cả thì có các bộ: (1) Vimuktasena chú; (2) Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã chú (Pañcaviṅśatisāhasrikā-prajñāpāramitā); (3) Bát thiên tụng Bát-nhã thích Hiện quán trang nghiêm minh (Astasāhasrikā-prajñāpāramitā-vyākhyā Abhisamayāljākārāloka; (4) Bạc già phạm công đức bảo tập tụng nam ngữ thích (Bhagavad-ratnagunasañcaya-gāthā nāma pañjikā ); (5) Chuyển thanh tụng (Vibhakti-kārikā), v.v. Các tác phẩm trên hiện còn trong Đan châu nhĩ của Đại tạng kinh Tây tạng. [X. Pag Sam Jon Zang by Zri Sarat Chandra Das; Geschichte des Buddhismus in Indien by F. A. Schiefner; History of Buddhism by Buston, by E. Obermiller].

<sup>8</sup> Thánh Giải Thoát Quân (聖解脫軍, Ārya Vimuktisena): Sống khoảng thế kỷ 6, là tác giả của chú giải sớm nhất về Hiện quán trang nghiêm (Abhisamayāljākāra) liên quan đến Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Perfection of Wisdom Sutra in Twenty-five Thousand Lines). Thế Thân có bốn đệ tử lớn, những vị này học được nhiều chủ đề thông thạo hơn thầy mình. Trong số này, Thánh Giải Thoát Quân được học nhiều hơn về chủ đề Bát-nhã ba-la-mật-đa. Người ta nói rằng Thánh Giải Thoát Quân được sinh ra ở ngã ba Trung Ấn và Nam Ấn Độ, gần hang động Kỳ bà la (耆婆羅, Jvāla), là cháu ngoại của Giác Sư (Buddhadāsa) - đệ tử của Thế Thân (Vasubandhu), ông xuất gia theo Kê dận bộ. Sự truyền thừa của Giải Thoát Quân là không rõ ràng. Có người nói: Ông đã nghe Kinh Bát-nhã từ Thế Thân, và luận nghĩa của Bát-nhã được học từ Tăng Hộ (Samgharakṣa). Có người nói: Giải Thoát Quân là một đệ tử của Trần Na (Dinnāga), và luận nghĩa Bát-nhã được học từ Thanh Biện (Bhavyaviveka). Người ta nói rằng, Hiện Quán Trang Nghiêm Luận là do Di Lặc tạo ra, cho nên suy ra Giải Thoát Quân là đệ tử của Thế Thân. Hiện Quán Trang Nghiêm Luận là luận của trung bản Kinh Bát-nhã, phân làm 8 phẩm, 70 nghĩa, tuy nhiên, 25.000 tụng của trung bản Kinh Bát-nhã đôi chỗ chưa phù hợp. Sau đó, Giải Thoát Quân ở Ba-la-nại (Vārāṇasī), đi đến Bôn-đà-phạt-đà-na (Puṇḍavardhana) để gặp ưu-bà-tắc Tịch Khải (Śāntivarman). Tịch Khải đã từ Bôn-đà-phạt-đà-na đi đến Phồ-đà-lạc (Potala) ở Nam Ấn Độ, trú xứ của Bồ-tát Quán Tự Tại (Avalokiteśvara), học tập 20.000 tụng của Kinh Bát-nhã từ Bồ-tát, nó được phân làm 8 phẩm. Do đó, Thánh Giải Thoát Quân mới tạo ra một bộ “Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã kinh Hiện quán trang nghiêm luận thích”. Có người nói: Tịch Khải đã đến Phồ-đà-lạc tổng cộng ba lần, và chỉ lần thứ ba ông ấy mới nhận được 20.000 tụng của Kinh Bát-nhã. Hành trình nhận được kinh Bát-nhã của Tịch Khải đầy bí ẩn. Về sau, tại một tiểu vương quốc ở phương Đông, Thánh Giải Thoát Quân đã quảng bá Kinh Bát-nhã trong 30 năm.

<sup>9</sup> Các chú giải về Hiện Quán Trang Nghiêm Luận hay Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện được lưu giữ trong các phiên bản tiếng Phạn bao gồm các tác phẩm của ba luận sư Ấn Độ là Sư Tử Hiền, Giải thoát quân và Bảo Tạng Tịch (寶藏寂, Ratnākaraśānti, khoảng thế kỷ 11). Trong số đó, Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã kinh Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Thích (Abhisamayālamkāravṛtti) của Giải Thoát Quân là bộ luận sớm nhất, được hoàn thành vào khoảng thế kỷ thứ năm và thứ sáu. Các chú giải sau này, chẳng hạn như ‘Bát-nhã Ba-la-mật-đa yếu quyết Hiện quán luận minh nghĩa thích’ của Sư Tử Hiền, cũng dựa trên luận thích của Giải Thoát Quân. Vì vậy, để hiểu được tư tưởng có hệ

(1901-1981) phiên dịch Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Tụng ra Hán ngữ và chú giải nó, gọi là Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Lược Thích (現觀莊嚴論略釋), và Đại sư Thái Hư đã viết Lời tựa. Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Lược Thích được thu tàng trong Đại Tạng Kinh Bổ Biên (大藏經補編), được ấn hành để bổ sung những khiếm khuyết cho hai bộ Đại Tạng Kinh và Tục Tạng Kinh, Tập B09, No.0031, có 4 quyển.<sup>10</sup>

Ở Ấn độ và Tây Tạng, luận này rất được xem trọng và cũng có khá nhiều tác phẩm đã căn cứ vào luận này để giải thích Nhị vạn ngữ thiên tụng Bát-nhã (25.000 tụng Bát-nhã) và Bát thiên tụng bát-nhã (8.000 bài tụng Bát nhã), mà trong Đan châu nhĩ (丹珠爾) của Đại tạng kinh Tây Tạng có tới 21 thích luận được thu lục:

1. Thánh Giải Thoát Quân ('Phags-pa rnam-'grol sde), *Nhị vạn ngữ thiên Bát-nhã kinh luận Hiện quán trang nghiêm thích* (二萬五千般若經論現觀莊嚴釋, 'Phags-pa rnam-'grol sde, No.3787), gọi tắt là *Nhị vạn quang minh thích* (二萬光明釋). Đây là bộ chú thích Hiện Quán Trang Nghiêm Luận truyền đến Tây Tạng sớm nhất, có ảnh hưởng đến phái Tự tục Trung quán Du-già hành.
2. Thánh Giải Thoát Quân, *Nhị vạn ngữ thiên Bát-nhã kinh luận Hiện quán trang nghiêm tụng thích*, (二萬五千般若經論現觀莊嚴頌釋, nyi-khri rnam 'grel, No.3788).

---

thống của Hiện Quán Trang Nghiêm Luận thì phần chú giải của Giải Thoát Quân là không thể thiếu. Theo Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ, Pháp sư Thánh Nghiêm viết: “Sư Tử Hiền, ông sống ước vào thế kỷ thứ tám tây lịch. Ông viết lời thích cho bộ Hiện Quán Trang Nghiêm do Di Lặc tạo, và Hiện Quán Trang Nghiêm Minh Bát Nhã Ba La Mật Đa Thích, v.v. Nhưng bộ luận Hiện Quán Trang Nghiêm là bộ luận do Di Lặc tạo, thuyết này trước giờ chưa nghe tới bao giờ. Tuy nhiên vào thời Ba La vương triều, người học không dung nạp cả duy tâm chân thường và trở thành đại thịnh, từ đó luận Hiện Quán Trang Nghiêm mới được coi là một trong năm bộ luận lớn của Di Lặc. Mật Giáo Tây Tạng thịnh hành chân thường duy tâm, nên luận Hiện Quán Trang Nghiêm nhờ đó cũng thịnh hành tại Tây Tạng. Ở đây cũng cần nói rõ, những vị vì luận Hiện Quán Trang Nghiêm của Di Lặc mà viết lời giải thích, thì người đầu tiên là Giải Thoát Quân, một môn sinh của Tăng Hộ, Giải Thoát Quân lần lượt truyền xuống Tiểu Giải Thoát Quân, Thắng Quân, Điều Phục Quân, Tịnh Mệnh, Sư Tử Hiền, và đến Liên Hoa Giới thì được rục rở đại xưng.” (Thích Tâm Trí dịch)

<sup>10</sup> <http://tripitaka.cbeta.org/B09n0031>

3. Su Tử Hiền (Seng-ge bzang-po), *Nhị vạn ngũ thiên Bát-nhã hợp luận* (二萬五千般若合論, le'u brgyad ma/ston-phrag nyi-shu-lnga-pa/'grel chen, No.3790).
4. Bảo Tác Tịch (寶作寂, Shan-ti-pa/rin-chen 'byung-gnas zhi-ba, thể kỷ 11), *Nhị vạn ngũ thiên Bát-nhã Hiện quán trang nghiêm tụng cụ túc thanh tịnh thích*, (二萬五千般若現觀莊嚴頌具足清淨釋, dag-ldan, No.3801).
5. Pháp Cát Tường Xứng (法吉祥稱, Dharmasrī), *Thập vạn Bát-nhã quảng thích*, (十萬般若廣釋, stong-phrag -brgya-pa'i rnam-bshad, No.3802).
6. Su Tử Hiền, *Bát thiên Bát-nhã Hiện quán trang nghiêm quang minh thích* (八千般若現觀莊嚴光明釋, rgyan-snang, No.3791).
7. Bảo Tác Tịch, *Bát thiên Bát-nhã quảng thích tối thắng tâm yếu* (八千般若廣釋最勝心要, dka' 'grel snying-po can, No.3803).
8. Vô Úy Tác Hộ (無畏作護, 'Jigs-med 'byung-gnas rbas-pa, thể kỷ 11), *Bát thiên Bát-nhã yếu kiện nguyệt quang thích* (八千般若要鍵月光釋, gnad kyi zla-'od, No.3805).
9. Niệm Trí Xứng (念智稱, Smrtijñānakīrti), *Quảng trung lược Bát-nhã bát nghĩa đồng hiển luận* (廣中略般若八義同顯論, yum-gsum don-brgyad mthun-pa, No.3789).
10. Su Tử Hiền, *Bảo tập tụng nan ngữ thích* (寶集頌難語釋, dka'-'grel rtogs sla, No.3792).
11. Giác Cát Tường Trí (覺吉祥智, Buddhaśrījñāna), *Bát-nhã nhiếp tụng tường giải* (般若攝頌詳解, sdud-pa'i dka'-'grel, No.3798).
12. Pháp Cát Tường Xứng, *Bát-nhã khai tạng thược* (般若啟藏鑰, sher-phyin mdzod kyi lde-mig, No.3806).

13. Sư Tử Hiền, *Hiện quán trang nghiêm luận minh nghĩa thích* (現觀莊嚴論明義釋, 'grel-ba don-gsal, No.3793), gọi tắt là *Minh nghĩa thích* hay *Tiểu thích*. Bộ chú thích này là cơ sở để các chú giải về Hiện Quán Trang Nghiêm Luận của các trường phái Cát-đương (Kadampa) và phái Cách-lỗ (Gelugpa) sau khi nó được du nhập vào Tây Tạng.
14. Pháp Hữu (法友, Chos kyi bshes-gnyen), *Hiện quán trang nghiêm luận minh cú số* (現觀莊嚴論明句疏, tshig gsal, No.3796).
15. Kim Châu Pháp Xứng (金洲法稱, Chos kyi grags-pa dpal), *Hiện quán trang nghiêm luận thích hiển minh nan giải số* (現觀莊嚴論釋顯明難解疏, rtogs-dka'i snang-ba, No.3794).
16. Trí Tác Tuệ (智作慧, Sher 'byung, thế kỷ 11), *Hiện quán trang nghiêm thích lược nghĩa số* (現觀莊嚴釋略義疏, 'grel-pa'i bsdus-don, No.3795).
17. A-đê Hạp (阿底峽, Jo-bo rje), *Bát-nhã kinh lược nghĩa đăng* (般若經略義燈, dong-bsdus sgron-me, No.3804).
18. Đồng Cát Tường (童吉祥, Kumāraśrībhadrā), *Bát-nhã kinh lược nghĩa* (般若經略義, sherphyin don-bsdus, No.3797).
19. Bảo Xứng (寶稱, Ratnakīrti), *Hiện quán trang nghiêm luận cực thành phần* (現觀莊嚴論極成分, grags-pa'i cha, No.3799).
20. Giác Cát Tường Trí, *Hiện quán trang nghiêm luận Bát-nhã đăng man thích* (現觀莊嚴論般若燈鬘釋, sgron-me'i phreng-ba, No.3800).
21. Vô Úy Tác Hộ, *Mâu-ni mật ý trang nghiêm* (牟尼密意莊嚴, thub-pa'i dgongs rgyan, No.3903)

Xưa nay, việc giải thích “Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã”, ngoài Đại Trí Độ Luận của Trung Quốc truyền dịch, không thể bỏ qua sự giải thích, lý giải có hệ

thống của Hiện Quán Trang Nghiêm Luận. Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa là một trong những kinh điển Đại thừa rất trọng yếu ở thời sơ kỳ, nó đã được phát triển gần một ngàn năm, không chỉ có chiều dài kinh văn mà còn có nhiều chủng loại, được phân thành 8.000 tụng, 18.000 tụng, 25.000 tụng và 100.000 tụng. Nổi tiếng nhất trong số các phiên bản ngắn hơn là Kinh Kim Cương (Vajracchedikā), có 300 tụng.<sup>11</sup> Khu vực lưu truyền của Kinh Bát-nhã là từ Ấn Độ sang Tây Tạng, rồi đến Đông Á. Nội dung chính yếu Kinh Bát-nhã nói về tánh Không của Đại thừa, nhưng cũng bao gồm con đường tu hành của Bồ tát như phát tâm, từ bi, lục độ, thí dụ, phương tiện, v.v. Kinh này đặt nền tảng cho tất cả các văn bản Đại thừa về trí tuệ của tánh Không. Nội dung của Kinh Đại Bát-nhã rất phức tạp, bản dịch của Huyền Trang có mười sáu hội hay mười sáu phần, mà cơ bản nhất là năm phần đầu tiên. Phần giải thích trong Hiện Quán Trang Nghiêm Luận tương đương với hội thứ hai, đó là “Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã”. Hiện Quán Trang Nghiêm Luận không phải là một chú thích từng dòng về “Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã”, mà là một bản tóm tắt của Kinh Bát-nhã dưới dạng các bài kệ, sử dụng phong cách luận nghị (Ưu-ba-đề-xá 優波提舍) để viết đại ý của kinh văn theo từng đoạn như một đề

---

<sup>11</sup> Đại Trí Độ Luận nói rằng Kinh Bát-nhã có ba hạng: thượng, trung và hạ, là 100.000 tụng bát-nhã, cũng như các kinh Bát-nhã lớn nhỏ. Bản sao của Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa thập vạn tụng được tìm thấy trong động Tàng Kinh (Hang 17) thuộc quần thể hang động Mạc Cao (莫高窟), nằm gần Đôn Hoàng, thuộc tỉnh Cam Túc, Trung Quốc ngày nay. Nó được cho là đã được tạo ra ở miền bắc Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ 8 và đã đi đến Tây Bắc Trung Quốc, có lẽ là đi qua Tây Tạng, vì điều này sẽ trùng hợp với thời kỳ người Tây Tạng chiếm đóng Đôn Hoàng. Theo Kim Cương Tiên Luận (金剛仙論, No. 1512) ghi: “Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật bao quát tông chỉ lớn lao của 8 bộ, nó khế hợp với cương yếu của các kinh [Bát-nhã], điều ấy rõ ràng. Nó chỉ có luận về quả thường hữu là Phật tánh và nhân tố của 10 địa. Nhân tròn đầy thì tánh hiển lộ, tức có cảm ứng, thích hợp với đời. Thế nên, thuyết giảng 8 bộ Bát-nhã bằng 10 thứ nghĩa, giải thích 10 thứ đối trị: bộ thứ 1 có mười vạn kệ (Đại Phẩm Bát-nhã); bộ thứ 2 có hai vạn năm ngàn kệ (Phóng Quang Bát-nhã); bộ thứ 3 có một vạn tám ngàn kệ (Quang Tán Bát-nhã); bộ thứ 4 có tám ngàn kệ (Đạo Hành bát-nhã); bộ thứ 5 có bốn ngàn kệ (Tiểu Phẩm Bát-nhã); bộ thứ 6 có hai ngàn năm trăm kệ (Thiên Vương Vấn Bát-nhã); bộ thứ 7 có sáu trăm kệ (Văn-thù Bát-nhã); bộ thứ 8 có ba trăm kệ (tức Kim Cương Bát-nhã). Đây là tên gọi của 8 Bộ. Bảy bộ trước loại trừ các tướng chưa hết nên chỉ xưng là Bát-nhã, bộ thứ 8 này hoàn toàn loại bỏ các tướng nên lập riêng tên là Kim Cương.” Theo E. Conze, việc thu thập tài liệu Kinh Bát-nhã kéo dài hơn một nghìn năm, qua bốn thời kỳ: (1) Sơ thủy (100B.C.~100A.D.), (b) Phát triển (100 A.D.~300A.D.), (c) Tinh giản (300 A.D. ~500A.D.), (d) Ảnh hưởng Mật tông (600 A.D.~1200A.D.) Bản kinh lưu hành sớm nhất là “Bát thiên tụng Bát-nhã kinh” (thường gọi là Tiểu phẩm); sau đó là thời kỳ thứ hai, các kinh Bát-nhã Trung phẩm và Đại phẩm mới xuất hiện: “Nhất vạn bát thiên tụng”, “Nhị vạn ngũ thiên tụng”, “Thập vạn tụng”; thời kỳ thứ ba là Tiểu bộ các kinh Bát-nhã: “Nhiếp tụng” cùng “Kim cương kinh”, “Thiện Dững thỉnh vấn kinh”, “Tâm Kinh”; và thời kỳ thứ tư là “Lý thủ bách ngũ thập tụng Bát-nhã kinh”.

cương, tóm tắt thành nhiều cú nghĩa, và không câu nệ việc giải thích câu từ. Có thể thấy luận này có sức ảnh hưởng rất lớn đối với các học thuyết Phật giáo. Không nghi ngờ rằng luận này chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ thời kỳ cuối. Tuy nhiên, do tính phức tạp của văn bản và thuật ngữ của nó, không có bản dịch hoàn chỉnh của bất kỳ chú sớ Hiện Quán Trang Nghiêm Luận của Tây Tạng được xuất bản bằng ngôn ngữ phương Tây.

Những dịch phẩm, luận giải về Hiện Quán Trang Nghiêm Luận của các học giả, luận sư từ Tây sang Đông có thể kể ra:

- Eugene Obermiller (1901-1935), *Abhisamayālaṅkāra-prājñāparamitā-upadeśa-sāstra: The work of Bodhisattva Maitreya* / Edited, explained and translated by Th. Stcherbatsky and E. Obermiller. Fasciculus 1: Introduction, Sanscrit text and Tibetan translation. Leningrad, USSR Academy of sciences, 1929.
- Giuseppe Tucci (1894-1984), Edited with Introduction and Indices, *The Commentaries on the Prajñāpāramitās: Vol. I. The Abhisamayālaṅkāraloka of Haribhadra*, being a commentary on the Abhisamayālaṅkāra of Maitreyanātha and the Aṣṭasāhasrikāprajñāparāmitā. Oriental Institute, 1932.
- Edward Conze (1904-1979), Editor and Translator, *The Large Sutra on Perfect Wisdom: With the Divisions of the Abhisamayalankara*, Delhi: Motilal Banarsidass, 1979.
- Nancy R. Lethcoe (1940-2022), *Comparison of the Unrevised Chinese Versions of the Pancavimsatisahasrika (kinh Quang Tán, 光讚經, No. 222) with the divisions of the Abhisamayalankara*, The Journal of the American Oriental Society, 1976.

- Gareth Sparham, *Abhisamayālaṅkāra with Vṛtti and Āloka* (có 4 volumes). Jain Publishing, 2006 (vol. 1) and 2008 (vol. 2). Bản dịch tiếng Anh Hiện Quán Trang Nghiêm Kinh do Bồ-tát Di Lạc tạo, với hai chú giải chính của Giải Thoát Quân và Sư Tử Hiền.
- Tông Khách Ba (1359-1415), *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Cụ thích quảng số diệu giải kim man* (現觀莊嚴論具釋廣疏妙解金鬘, gọi tắt là Kim man số 金鬘疏, The Golden Rosary of Excellent Explanation). Kim man số được trứ tác dựa trên hai tác phẩm của Sư Tử Hiền là Bát-nhã Ba-la-mật-đa Yếu quyết Hiện Quán Luận minh nghĩa thích (般若波羅密多要訣現觀論明義釋) và Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa kinh hợp luận (二萬五千頌般若波羅密多經合論). Kim man số là chú giải nổi bật, rõ ràng tường tận nhất trong các trước thuật của học giả Tây Tạng.<sup>12</sup>
- Mễ-bàng Nhân-ba-thiết (米龐仁波切, Jamgön Ju Mipham Gyatso, 846-1912), *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Chú Sớ – Bạch Liên Hoa Anh Lạc* (現觀莊嚴論注疏·白蓮花瓔珞), do Khenpo Sách-đạt-cát Nhân-ba-thiết (索達吉仁波切, Khenpo Sodargye, 1962- ) phiên dịch ra Hoa ngữ, Tuệ Quang Tập (51), Ninh-mã Ba-lạt-vinh Tam thừa Pháp lâm Phật học hội (寧瑪巴喇榮三乘法林佛學會), Taipei, 07/2012.

---

<sup>12</sup> Các đệ tử thượng thủ của Tông Khách Ba như Cổ Tào Kiệt, Khắc Chủ Kiệt, Tăng Thành, v.v. đều có các chú sớ của riêng họ, và các học giả sau này cũng trước thuật không ngừng từ Kim man số. Đến thế kỷ 17 và 18, số lượng chú giải đã gần trăm loại, khi ấy có ngài Diệu Âm Tiểu Kim Cang (1648-1742) xem hết những chú thích này, sau đó ông trứ tác "Bảo Đăng Luận" (寶燈論) (còn gọi là Bát phẩm luận và Thất thập nghĩa luận). Cuốn sách này có tiếng tăm và ảnh hưởng lớn ở Mông Cổ và Tây Tạng. Do đó, trong hệ thống học thuật của tu viện Cách-lỗ, Hiện Quán Trang Nghiêm Luận được quy định là sách phải đọc khi học môn Bát-nhã trong năm bộ môn, và những chú sớ nổi tiếng cũng không thể thiếu để tham khảo.



- Koei H. Amano (Thiên Dã Hoành Anh, 天野宏英, 1931- ), *A Study on Abhisamayālaṃkāra-kārikā-śāstra-vivṛti*, Tokyo : Japan Science Press, 1975.
- Ryukai Mano (Chân Dã Long Hải, 真野龍海), *The kṣaṇa in the Abhisamayālaṃkāra*, 般若波羅蜜多思想論集般若波羅蜜多の研究, Sơn Hỷ Phòng Phật Thư Lâm, 1992.
- Tetsuya Tabata (Điền Đoan Triết Tai, 田端哲哉), *Thư bình: E. Conze, The Large Sūtra on Perfect Wisdom: With the Divisions of the Abhisamayālaṅkāra*, Buddhist Seminar, 1976.
- La Thì Hiến (羅時憲, 1914-1993), *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Lược Thích Giảng Nghĩa* (現觀莊嚴論略釋講義), Phật Giáo Pháp Tướng Học Hội, 2005.
- Trần Ngọc Giao (陳玉蛟), *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Sơ Thám* (現觀莊嚴論初探), Đông Sơ Xuất Bản Xã, 02/1992.
- Thrangu Rinpoche & Geshe Lharampa, *The Ornament of Clear Realization: A Commentary on the Prajñāpāramitā of Maitreya Buddha*, Anh dịch bởi Dr. Cornelia Weishaar-Gunter, Ken & Katia Holmes, Sri Satguru Publications, Delhi, India, 2001. Việt dịch bởi Ban dịch thuật Thiện Tri Thức, sách Ấn tổng của Quỹ Liên Hoa Quang (lienhoaquang.org), NXB Thiện Tri Thức, 2016.
- Geshe Lobsang Choephel (Lạc-tang Khước-bội, 洛桑卻佩), *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Giảng Ký* (現觀莊嚴論講記), có 67 bài giảng từ

tháng 3 năm 2012 đến tháng 9 năm 2015, cư sĩ Mậu Bản Thánh (廖本聖, Liao BenSheng) đã phiên dịch 17 bài giảng đầu tiên và Pháp sư Pháp Cự (法炬) phiên dịch phần còn lại, Thích Kiến Đế biên tập thành sách.

- Thích Như Thạch (釋如石, 1952 - ), *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Nhất Trích* (現觀莊嚴論一滴), tác phẩm hiệu đính từ một nghiên cứu viết 10 năm trước: *Hiện Quán Trang Nghiêm Sơ Thám* (現觀莊嚴初), dịch chú dựa trên Minh Nghĩa Thích của Sư Tử Hiền và Kim Man Sớ của Tông Khách Ba, là một cẩm nang không thể thiếu đối với những ai có ý định nghiên cứu Bát-nhã học của Phật giáo Ấn Độ và Tây Tạng, Xuất bản xã Pháp Cổ Văn Hóa, 07/2002.

Sau khi Hiện Quán Trang Nghiêm Luận được du nhập vào Tây Tạng, các sách chú thích của nó bắt đầu xuất hiện vào khoảng đầu thế kỷ 11. Vào giữa và cuối thế kỷ 11, sự nghiên cứu về Bát-nhã của Hiện Quán Trang Nghiêm Luận đã hưng khởi. Điều này liên quan đến sự hình thành dần dần hệ thống giáo dục tự viện Phật giáo Tây Tạng. Vào giai đoạn Hậu hoàng kỳ<sup>13</sup>, chùa Tang Phổ (桑浦寺) là trung tâm nghiên cứu Ngũ bộ đại luận. Với sự phát triển mạnh mẽ của giáo dục tự viện Phật giáo Tây Tạng, Tông Khách Ba (Tsongkhapa), người sáng lập ra giáo

---

<sup>13</sup> Thời Đường, năm Hội Xương nguyên niên (841), sau khi vua Lãng Đạt Mã (Langdarma, trị vì từ 838 đến 842) tiêu diệt Phật giáo, Phật giáo Tây Tạng đã bị gián đoạn trong hơn 100 năm. Đến thời Tống, năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978), Phật giáo được phục hưng trở lại ở Tây Tạng, và nó được du nhập vào khu vực Vệ Tạng (Ü-Tsang), được lập thông qua việc hợp nhất hai trung tâm quyền lực trước đó là: Ü (Dbus) ở trung bộ Tây Tạng, kiểm soát bởi phái Cách-lỗ của Phật giáo Tây Tạng dưới thời đầu các Dalai Lama, và Tsang (Gtsang) kéo dài từ Gyantse (Rgyang-rtse) đến phía Tây, kiểm soát bởi phái Tát-ca (Sakyapa). Phật giáo phục hưng có những đặc điểm rõ ràng của địa phương Tây Tạng, nhằm thu phục nhiều tín đồ hơn. Do phương pháp tu tập và hệ thống kế thừa khác nhau, nhiều tông phái đã được hình thành, thời kỳ đầu chủ yếu là Ninh-mã (Nyingma), Cát-đương (Kadam), Tát-ca (Sakya) và Cát-cử (Kagyü). Vào cuối thế kỷ 13, các giáo phái khác nhau tranh giành quyền lực. Dưới sự hỗ trợ của nhà Nguyên, các Lạt ma thượng đẳng của giáo phái Sakya bắt đầu nắm quyền kiểm soát chính quyền địa phương ở Tây Tạng. Vào đầu thế kỷ 15, Tông Khách Ba tiến hành “cải cách” tôn giáo và thành lập phái Cách-lỗ (Gelug). Bắt đầu từ giữa thế kỷ 17, phái Cách-lỗ, dưới sự hỗ trợ của nhà Thanh, đã nắm quyền chính trị và tôn giáo ở Tây Tạng. Vào Hậu hoàng kỳ, có rất nhiều bản dịch kinh luận, các bộ sách cũng nhiều và đầy đủ. Vào nửa sau của thế kỷ 14, các học giả Tây Tạng đã biên soạn tổng tập kinh, luật, luận của Tạng truyền Phật giáo gọi là Cam Châu Nhĩ (Ganggyur) và Đan Châu Nhĩ (Tengyur).

phái Cách-lỗ sau này, đã thành lập Tu viện Cam-đan (甘丹寺, Ganden Monastery) ở Dazi, phía Đông Lhasa vào năm 1409, lấy sự hành trì nghiêm ngặt giới luật, tuân theo trình tự học tập kinh điển, chủ trương nguyên tắc giáo dục “tiên hiền hậu mật”, tức là hiền mật viên dung. Tông Khách Ba đã thiết lập thành công một hệ thống giáo dục chặt chẽ, với nội dung giảng dạy dựa trên cốt lõi là Ngũ bộ đại luận: Nhân minh, Bát-nhã, Trung quán, Câu-xá và Giới luật. Học tập Bát-nhã đòi hỏi thời gian từ 6 đến 7 năm, và nội dung chủ yếu dựa trên Hiện Quán Trang Nghiêm Luận. Hiện nay các tu viện phái Cách-lỗ vẫn duy trì chương trình học tập Ngũ bộ đại luận, với thời gian từ 16 đến 20 năm mới đạt được học vị Geshe.

Bản dịch Hán ngữ đầu tiên của Hiện Quán Trang Nghiêm Luận là từ Pháp sư Pháp Tôn vào thời kỳ đầu của Trung Hoa Dân Quốc, từ đó nó bắt đầu được phổ biến ở Phật giáo Bắc truyền. Tuy nhiên, nếu ai đó muốn nghiên cứu Hiện Quán Trang Nghiêm Luận qua các luận sớ liên quan thì tài liệu bằng tiếng Trung hiện nay khá hạn chế, và các nghiên cứu sâu hơn chủ yếu phải dựa vào tài liệu Tây Tạng.

Hiện Quán Trang Nghiêm Luận

Tổng nhiếp Đại Bát-nhã

Qua tám thứ hiện quán

Và bảy mươi yếu nghĩa

Tu bốn thứ gia hành

Học hành tướng ba trí

Có trí tuệ, bi tâm

Hiểu thế tục, thắng nghĩa

Pháp Đại thừa đặc thù

Tất cả đạo tánh Không

Thành tựu quả Pháp thân

Lợi ích mọi chúng sinh  
Trí không trú chur hữu  
Bi chẳng trệ Niết-bàn  
Khen ngợi Phật tướng hảo  
Xin nguyện cho chúng sinh  
Thành tựu bốn thân Phật  
Chúng đấng pháp vô tướng  
Con duyên dịch luận này  
Nguyện người đọc hoan hỷ  
Hành giả được trang nghiêm  
Trông rộng phước giải thoát  
Cùng trọn thành Phật đạo.

*San Francisco, ngày Thánh đản Đức Phật A Di Đà*

*10.12.2022*

*Phật tử Quảng Minh kính ghi*

## **Bài Tựa của Đại sư Thái Hư**

Nghe nói Tây Tạng lưu truyền năm bộ luận của Bồ-tát Từ Thị, mà Hiện Quán Trang Nghiêm Luận là bộ luận cần phải học. Nhân đó, tôi nhiều lần thỉnh cầu Dịch sư Pháp Tôn chuyển ngữ những kệ tụng của luận ấy, đồng thời lược thích. Tôi xem qua nội dung: Phẩm Nhất thiết tướng trí nói đến 22 dụ về Bồ-đề tâm, 20 vị Tăng của Đại thừa, 4 gia hành phân làm ba bậc thượng, trung và hạ, 36 phân biệt năng sở nhiệm tịnh, 13 pháp tánh của sự tu hành, 8 chánh hành xuất sinh. Phẩm Đạo Trí nói đến 16 sát-na Kiến đạo của Đại thừa. Phẩm Biến trí nói về sự xa gần của đạo, sự sai biệt giữa năng trị và sở trị, và sự gia hành gồm 10 sai biệt và 4 tự tánh. Phẩm Nhất thiết tướng gia hành nói về tướng sai biệt của ba trí và tướng đặc thát của gia hành. Tướng của ba trí và thắng tướng đều có 16, tác dụng tướng có 11, tự tánh tướng có 16. Đánh vị của Kiến đạo và Tu đạo đều có 36 phân biệt về năng thủ và sở thủ. Đánh vị và Gia hành vị của Vô gián đạo là để phá hủy 16 thứ tà chấp. Tiệm thứ gia hành có 13 nghĩa, Sát-na gia hành có 4 nghĩa. Bốn thân sai biệt và trí thân có 21 tự và 27 sự nghiệp. Sự huyền chỉ của luận này có nhiều tầng bậc, sự chấn động của nó và sự tán thưởng về nó là chưa từng có. Sau đó tôi làm sự đối

chiếu luận này với Hội thứ nhất, Hội thứ hai và Hội thứ tư của kinh Đại Bát-nhã, thì thật là sáng tỏ và ngăn nắp, đều trùng lập với những nghĩa lý vốn có ở kinh văn. Tuy nhiên, người đọc thẳng nơi kinh Đại Bát-nhã dễ sinh tâm nhầm chán vì sự phức tạp của nó. Tông chỉ của luận Trí Độ là thật tướng, sự suy luận về các pháp dường như bất tận. Nghĩa lý của thật tướng thì sâu rộng, chưa có ai hệ thống được nó, trừ phi là trí tuệ sâu xa của bậc Bồ-tát bồ xứ mới có thể thông suốt nghĩa lý của kinh, mới sắp xếp được thứ tự về cảnh của ba trí, về hành của bốn gia hành, về quả của một pháp thân. Cái lưới có dây giềng thì những mối sợi không rời rời. Vận dụng xảo phân biệt tướng của Du-già, trình bày vô phân biệt tướng của Bát-nhã, luận này có được may mắn rạch rỡ của Bát-nhã, tinh túy tràn đầy của Du-già. Tụng bản có 8 phẩm. Nếu thêm phần mở đầu và kết cuối của luận, thì hợp thành 10 phần. Phần giữa của luận là những câu văn trau chuốt. Tôi thật sự vui thích khi lần đầu đọc luận bản vi diệu này, liền ghi lại cảm nhận giản dị của tôi.

Dân Quốc, năm thứ 26 (1937), tháng 11, bảy giờ Đại sư Thái Hư trú ở hương thất Na-già-quật của Hán Tạng Giáo Lý Viện.

## Phẩm Một: Mở Đầu

*Kính lễ Đại Hùng sư*

*Từ Thị tôn, Vô Trước*

*Trao truyền Giáo thọ này*

*Gia trì lợi hữu tình.*

[0016a05] Nay tôi y theo những trước thuật của phụ tử Đại sư Tông Khách Ba<sup>14</sup> và Đại sư Trát Ca – vị ân sư không ai sánh bằng, mà giải thích chánh nghĩa bằng sự lược ghi ít phần.

Giải thích luận này chia làm ba phần: A. Luận tiền nghĩa; B. Luận chánh nghĩa; C. Luận hậu nghĩa.

### **A. Luận tiền nghĩa**

#### **1. Thích luận đề**

### **Hiện Quán Trang Nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Giáo Thọ Luận**

---

<sup>14</sup> Hai vị đệ tử thượng thủ của Đại sư Tông Khách Ba 宗喀巴 là Cổ Tào Kiệt 賈曹傑 và Khắc Chủ Kiệt 克主傑. Hai vị ấy hoàn toàn lãnh nạp giáo giới của Đại sư, kế thừa y bát của Đại sư, hoằng giáo pháp viên mãn của Tông Khách Ba. Công đức của nhị vị so với Đại sư không hai không khác, cho nên người đời tôn xưng là ‘Tông Đại sư phụ tử tam tôn’ (宗大師父子三尊). Đạt Mã Nhân Khâm 達瑪仁欽 (Gyaltsab Dharma Rinchen, 1364-1432) lúc đầu xuất gia theo phái Tát Ca, và thân cận các thiện tri thức như ngài Kết Tôn Nhân Đạt Ngõa (Rendawa, 1349-1412), v.v... để tu học kinh luận. Thầy là một trong số đại đệ tử của ngài Nhân Đạt Ngõa, và là vị biện luận tài giỏi nhất. Sau đó, trong suốt mười hai năm, Đạt Mã Nhân Khâm theo Đại sư Tông Khách Ba học tập tất cả pháp nghĩa Hiền Mật, và là đệ tử thượng thủ trong tăng chúng. Sau khi Đại Sư Tông Khách Ba viên tịch, Thầy tiếp thừa pháp vị, nên mọi người đều tôn xưng là ‘Cổ Tào Kiệt, Đạt Mã Nhân Khâm’. Khắc Chủ Kiệt (Losang Chokyi Gyelten) vốn tên là Cách Lặc Bạ Tang (格勒巴桑, Khedrup Gelek Pelzang, 1385-1438) là vị Ban-thiền Lạt-ma đời thứ nhất. Vị này đầu tiên xuất gia theo phái Tát Ca 薩迦, và thường thân cận ngài Kết Tôn Nhân Đạt Ngõa cùng đại A-xà-lê Đạt Mã Nhân Khâm.

[0016a08] Luận đề này trong tiếng Phạn là A-tỳ-tam-muội-da a-lăng-ca-la na-ma bát-nhã ba-la-mật-đa ỏ-bạt-đề-sa xa-tát-đá-la (*Abhisamayā laṅkāra nāma prajñāpāramit opadeśa śāstra*). Hoa ngữ dịch A-tỳ-tam-muội-da (阿毘三昧耶) là *hiện quán*; a-lăng-ca-la (阿朗迦羅) là *trang nghiêm*; na-ma (那摩) là *tên gọi*; bát-nhã ba-la-mật-đa (般若波羅蜜多) là *tuệ đáo bi ngạn*; ỏ-bạt-đề-sa (鄔拔提沙) là *giáo thọ*; xa-tát-đá-la (奢薩哆囉) là *luận*.

[0016a10] Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nói quảng đại là Hội thứ nhất, nói trung bình là Hội thứ hai, nói tinh lược là Hội thứ tư<sup>15</sup>. Rất khó để thông suốt

---

<sup>15</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa (大般若波羅蜜多經, Mahā-prajñāpāramitā-sūtra) gồm 600 quyển, ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Gọi tắt: Đại bát nhã kinh, thu vào Đại chánh tạng tập 5 đến tập 7. Bát nhã ba la mật đa nghĩa là trí tuệ đạt đến bờ bên kia (bờ giải thoát). Toàn bộ kinh nhắm mục đích nói rõ ràng, hết thảy mọi hiện tượng trong thế gian đều do nhân duyên (các mối quan hệ tương đối) hòa hợp mà có, là giả dối không thật. Phải nhận thức chân tướng của các pháp (hiện tượng) bằng trí tuệ bát nhã thì mới có thể nắm bắt được chân lý tuyệt đối mà đạt đến cảnh giới giác ngộ giải thoát. Kinh này là cơ sở lý luận của Phật giáo Đại thừa, và là tập đại thành của các bộ kinh Bát nhã.

Hội thứ 1: Gồm 79 phẩm, 400 quyển (Q.1~400), nội dung nói về việc mở rộng và tu tập pháp quán Bát nhã, hạnh nguyện của Bồ tát và sự sâu xa thù thắng của Bát nhã; tường thuật nhân duyên tán thán cúng dường của các vị Đại đệ tử, chư Thiên, Thích, Phạm và công đức rộng lớn của việc thọ trì Bát nhã dù chỉ với một câu, đồng thời, căn cứ vào nhân duyên thọ lãnh Bát nhã của hai bồ tát Thường đề và Pháp dũng mà nói rõ việc được nghe nói Bát nhã ba la mật là việc rất khó. Cứ theo Pháp uyển châu lâm quyển 100 và Khai nguyên thích giáo lục quyển 11 nói, thì nguyên bản tiếng Phạn của hội thứ 1 gồm có 132.600 kệ tụng, tương đương với 100.000 kệ tụng Bát nhã (Phạm: Śatasāhasrikā-prajñāpāramitā) tiếng Phạn hiện còn. Đối chiếu và so sánh với Đại chính tạng, thì bản tiếng Phạn gồm có 6 chương, 72 phẩm, trong đó, thiếu mất các phẩm là: Phẩm Bồ tát Thường đề, phẩm Bồ tát Pháp dũng và phẩm Kết khuyến, các phẩm còn lại có rất nhiều chỗ khác với bản Hán dịch. Nhưng các bản Tạng dịch cũng có nhiều chỗ giống bản tiếng Phạn và chỉ có bản Nại đường (Tạng: Snar-than) là có đủ 3 phẩm Thường đề, Pháp dũng và Kết khuyến mà thành 75 phẩm.

Hội thứ 2: Gồm 85 phẩm, 78 quyển (Q.401~478). So với hội thứ 1, về nghĩa thì giống nhau, nhưng văn thì ngắn gọn hơn, sự thay đổi các phẩm cũng khác và thiếu ba phẩm Thường đề, Pháp dũng v.v... Tương đương với 25.000 kệ tụng Bát nhã (Phạm: Pañcavijsāhasrikā-prajñāpāramitā) hiện còn. Bản dịch Tây tạng chia làm 76 phẩm, trong có các phẩm Thường đề v.v... Theo bài tựa của hội thứ 2 do ngài Huyền tác ở chùa Tây minh soạn, thì các kinh như: Phóng quang bát nhã 20 quyển do ngài Vô xoa la dịch vào đời Tây Tấn, kinh Quang tán (thiếu nửa sau) 10 quyển do ngài Trúc pháp hộ dịch vào đời Tây Tấn, kinh Ma ha bát nhã ba la mật 27 quyển (Đại phẩm) do ngài Cưu ma la thập dịch vào đời Diêu Tân v.v... đều là những bản dịch khác của hội này.

Hội thứ 4: Gồm 29 phẩm, 18 quyển (Q.538~555). Về yếu chỉ thì giống với ba hội trước, nhưng văn rất tinh lược. Theo bài Tựa hội thứ 4 của ngài Huyền tác và Pháp uyển châu lâm, Khai nguyên thích giáo lục, thì các kinh như: Đạo hành bát nhã 10 quyển do ngài Chi lâu ca sám dịch vào đời Hậu Hán, kinh Đại minh độ 6 quyển do ngài Chi khiêm dịch vào đời Ngô, kinh Tiểu phẩm bát nhã ba la mật 10 quyển do ngài Cưu ma la thập dịch vào đời Hậu Tần v.v... đều là những bản dịch khác của hội này (kinh Phật mẫu xuấtsinh tam pháp tạng bát nhã ba la mật đa 25 quyển do ngài Thí hộ dịch vào đời Bắc Tống cũng là cùng bản với hội này). Bản tiếng Phạn gồm 8.000 kệ tụng, tương đương với 8.000 tụng Bát nhã (Phạm: Astasāhasrikā-prajñāpāramitā) hiện còn.



nghĩa lý của ba bộ [Bát-nhã] ấy<sup>16</sup>. Có thể hiểu nội dung của Bát-nhã một cách dễ dàng ngang qua luận này, nên gọi là ‘giáo thọ’. Có đủ hai thứ công đức là sửa chữa và cứu giúp<sup>17</sup>, gọi là ‘luận’ (dựa theo ý ‘chánh lý luận’ do Thế Thân giải thích). Hiện tiền thân chúng, gọi là ‘hiện quán’. Thí dụ như một người có dáng vẻ đoan nghiêm, còn mang những trang sức tuyệt diệu, đứng trước gương soi, thêm sinh hoan hỷ. Cũng vậy, tự thể Bát-nhã rất sâu xa vi diệu, chính là ‘tự thể trang nghiêm’, lại lấy *bảy mươi nghĩa* để trang sức, qua đó soi sáng luận này, khiến cho người trí thêm sinh hoan hỷ, cho nên luận này gọi là ‘trang nghiêm’ (nghĩa là sáng tỏ trang nghiêm).

## 2. Giải ‘kính lễ’

### *Kính lễ tất cả chư Phật, Bồ-tát*

[0016a16] Các vị dịch sư từ Phạn ngữ sang Tạng ngữ vì muốn dứt sạch mọi lưu nạn<sup>18</sup>, vì muốn sự nghiệp phiên dịch được viên mãn, vì muốn biết luận này nhiếp thuộc Kinh tạng và vì chứng đắc Vô thượng bồ-đề, cho nên trước khi phiên dịch phải ‘kính lễ tất cả chư Phật, Bồ-tát’ vậy.

## 3. Bày tỏ sự kính lễ và nói rõ chí nguyện tạo luận

---

<sup>16</sup> Ba bộ Bát-nhã: 1. Đại phẩm Bát-nhã: Hội thứ 1, 100.000 kệ tụng Bát nhã; 2. Tiểu phẩm Bát-nhã: Hội thứ 2, 25.000 kệ tụng Bát nhã; và 3. Phóng quang Bát-nhã: Hội thứ 4, 8.000 kệ tụng Bát nhã. Thêm 5 bộ Bát-nhã nữa thành bát bộ Bát-nhã: 4. Quang tán Bát-nhã; 5. Đạo hành Bát-nhã; 6. Kim cương Bát-nhã; 7. Thắng thiên vương Bát-nhã; 8. Văn thù vãn Bát-nhã.

<sup>17</sup> Sửa chữa, là đối trị phiền não. Cứu giúp, là vượt thoát ác đạo và luân hồi.

<sup>18</sup> Lưu nạn 留難: Tà ma đến ngăn cản việc làm thiện, đây là chướng nạn của người tu hành, nên gọi là Lưu nạn. Vãng sinh luận chú quyển thượng (Đại 40, 832 hạ), nói: Thiên ma ở tầng trời thứ 6 cõi Dục thường đến chỗ đức Phật gây lưu nạn.

*Thanh văn cầu tịch nhờ biến trí  
Đẫn đường thú nhập tối tịch diệt.  
Các bậc ra lợi ích chúng sinh  
Đạo trí thành tựu lợi thế gian.  
Chư Phật có đủ Chứng tướng trí  
Nói mọi đặc tướng của các pháp.  
Hết thấy Thanh văn, Bồ-tát, Phật  
Mẹ của tứ Thánh, con kính lễ.*

[0017a02] Trước phần luận bản của Đức Từ Tôn, phải kính lễ và ca ngợi ba trí, đó là vì muốn những người được giáo hóa phát sinh tịnh tín đối với Bát-nhã Phật mẫu<sup>19</sup>. Do nhân duyên này mà họ sẽ được giải thoát và được Nhất thiết chủng trí. Hiện tại bày tỏ sự kính lễ và nói rõ chí nguyện tạo luận làm mục đích tối hậu. Giống như các bậc thiện sĩ dẫu bị mất mạng cũng không chịu từ bỏ chí nguyện đã phát.

Trên đây là giải thích mục đích của sự kính lễ.

Văn kệ tụng ‘quy kính’, nghĩa được chia làm hai đoạn: ca ngợi và kính lễ.

Ca ngợi lại chia hai:

a. Ca ngợi công đức của ba trí: Ca ngợi *Nhất thiết trí* có khả năng hướng dẫn đối tượng giáo hóa được thú nhập và chứng đắc sự tịch diệt. Ca ngợi *Đạo tướng trí* có khả năng hoàn thành những mong cầu nghĩa lợi của ba đối tượng giáo hóa<sup>20</sup>. Ca ngợi *Nhất thiết tướng trí* có khả năng chuyển vận bánh xe chánh pháp. Theo thứ tự, đây là ba câu tụng ở trước (Hán văn dịch thành sáu câu).

---

<sup>19</sup> Bát nhã Phật mẫu 般若佛母: Bát nhã là mẹ của Phật. Bát nhã là mẹ của các đại Bồ-tát, hay sinh ra chư Phật, giữ gìn các Bồ-tát. Vì giữa cha mẹ, thì công của mẹ là sâu nặng nhất, cho nên Phật lấy Bát nhã làm mẹ. [X. kinh Đại phẩm bát nhã phẩm Tát đà ba luân; luận Đại trí độ Q.34].

<sup>20</sup> Ba đối tượng giáo hóa: Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát.

Câu đầu nêu Thanh văn thì cũng bao gồm Độc giác. Hàng Độc giác vì cầu tự lợi mà thú nhập Niết-bàn, giống như hàng Thanh văn, nên chưa nói ra.

b. Ca ngợi [Bát-nhã] là mẹ của tứ Thánh: Một câu sau cùng (Hán văn dịch thành hai câu) là ca ngợi Mẹ của tứ Thánh: Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và Như Lai.

**Con kính lễ:** Là nói ba nghiệp chí thành kính lễ Bát-nhã ba-la-mật-đa – Mẹ của tứ Thánh

Trên đây là giải thích lược nghĩa của sự kính lễ.

[0017a08] Trước phần luận bản của Đức Từ Tôn, phải kính lễ và ca ngợi ba trí, đó là vì thành tựu sở y của bồ-đặc-già-la<sup>21</sup> là Thanh văn và Độc giác – những người cầu tịch diệt, [xuất ly] hai đế Khổ và Tập. Nhờ có được Nhất thiết trí nên các vị ấy biến tri các pháp: uẩn, xứ, giới, đều là bồ-đặc-già-la vô ngã (: nhân vô ngã). Nhất thiết trí dẫn đạo các vị ấy đi vào diệu quả là Niết-bàn tịch diệt hữu dư y hay vô dư y, cho nên kính lễ trí ấy.

Lại vì thành tựu sở y của bồ-đặc-già-la là Bồ-tát – những người cầu lợi ích chúng sinh. Nhờ có được Đạo tướng trí nên các vị ấy thông đạt ba thứ vô ngã<sup>22</sup> và hoàn thành sự lợi ích cho ba chủng tánh chúng sinh<sup>23</sup> ở thế gian.

---

<sup>21</sup> Hoa ngôn là Số thủ thú (數取趣): Tức là bồ-đặc-già-la (s. pudgala). Bồ, có nghĩa là số. Đặc-già, có nghĩa là thủ, tức là chấp thủ. La, có nghĩa là thú, tức là cõi sống. Bồ-đặc-già-la có nghĩa là cá nhân làm chủ các hoạt động tâm lý cũng như thân thể, mà nhiều lần chấp thủ cái thân năm uẩn, do đó phải luân hồi mãi trong các cõi sống.

<sup>22</sup> Tam vô ngã 三無我: Chỉ cho 3 thứ Vô ngã do tông Pháp tướng dựa theo 3 tính Biến kế, Y tha và Viên thành mà lập ra. Đó là: 1. Vô tướng vô ngã: Cái thực ngã, thực pháp của tính Biến kế sở chấp là tính có lý không; thể tướng của cái ngã ấy vốn không, cho nên gọi là Vô tướng. 2. Dị tướng vô ngã: Các pháp của tính Y tha khởi là do nhân duyên sinh ra, thể tướng là vô ngã; nhưng tướng này chẳng phải hoàn toàn là không, mà chỉ khác với ngã tướng của tính Biến kế sở chấp, cho nên gọi là Dị tướng. 3. Tự tướng vô ngã: Tính Viên thành thực lấy chân như do vô ngã hiện bày làm tướng, vì thế gọi là Tự tướng vô ngã. [X. luận Biện trung biên Q.trung; luận Thành duy thức Q.8].

<sup>23</sup> Chỉ cho tam tụ 三聚, còn gọi là Tam định tụ 三定聚: 1. Chánh định tụ 正定聚; 2. Tà định tụ 邪定聚; 3. Bất định tụ 不定聚. Đại Trí Độ Luận, quyển 84 có ghi, cái có thể phá được điên đảo là Chánh định, cái không phá được điên đảo thì gọi là Tà định; có được nhân duyên thì có thể phá được, không có nhân duyên thì không phá được, gọi là bất định. Lại theo thuyết của Thích Ma Ha Diễn Luận (釋摩訶衍論, No. 1668) quyển 1 cho biết, 10 vị Thánh là Chánh định tụ, 3 vị Hiền là Bất định tụ, phàm phu là Tà định tụ.

Lại nữa, chư Phật do có đủ Nhất thiết tướng trí mà thông đạt ‘tất cả tướng đều là vô ngã’, làm tăng thượng duyên cho sự thuyết pháp: tuyên thuyết đủ loại pháp tạng<sup>24</sup> nói về ‘tất cả tướng’. Ba nghiệp kính lễ đối với trí ấy.

Trên đây là giải thích văn nghĩa của sự kính lễ.

**4. Với người ưa văn dài, phân biệt nói rộng, chia làm ba: a. Mục đích tạo luận; b. Tổng nghĩa toàn luận; c. Văn nghĩa toàn luận.**

*Đại sư ở đây nói*

*Đạo Nhất thiết tướng trí*

*Kẻ khác không lãnh hội*

*Nơi tánh mười pháp hành*

*Nghĩa Kinh trú chánh niệm*

*Bậc cụ tuệ thấy được*

*Làm cho dễ hiểu Kinh*

*Là mục đích tạo luận.*

[0017a15] Như vậy, sự ca ngợi và kính lễ luôn ở phần mở đầu của chánh luận. Luận này giải thích cho ba bộ Bát-nhã: quảng đại, trung bình và tinh lược.

Theo Bồ-tát Thế Thân, phương cách giải thích kinh điển là: “*Người diễn thuyết nghĩa Kinh, Trước phải nói mục đích, Lược nghĩa và văn nghĩa, Kết hợp và đáp nạn.*”<sup>25</sup> Vì làm cho dễ hiểu nên dùng năm chi phương tiện mà giải thích.

---

<sup>24</sup> Pháp tạng 法藏: Chỉ cho giáo pháp của đức Phật. Vì giáo pháp hàm chứa nhiều nghĩa, cho nên gọi là Pháp tạng (kho tàng giáo pháp). Hoặc chỉ cho Thánh giáo, kinh điển chứa đựng những giáo pháp ấy. Vì kinh điển chứa đựng nhiều pháp uẩn (法蘊, dharmaskandha), nên gọi là Pháp tạng. Theo nhà nghiên cứu Đinh Phúc Bảo 丁福保, pháp uẩn là khái niệm “chỉ chung cho tất cả giáo pháp được Phật giảng dạy. Giáo pháp hàm tàng đa nghĩa, nên gọi là Pháp tạng. Do tập hợp nhiều lời dạy nên gọi là Pháp uẩn, con số lên đến 84,000.”

<sup>25</sup> Thích quỹ luận 釋軌論 (Phạn: Vyākhyāyukti), tác phẩm của Thế Thân, chỉ có bản dịch tiếng Tây Tạng (rnam par bshad pa'i rigs pa), không có bản dịch tiếng Hán. Theo Thế Thân, có năm phương cách giảng dạy kinh điển: 1. Mục

**Đại sư ở đây nói, ... Là mục đích tạo luận:** có 2 kệ tụng, là nói mục đích của việc tạo luận (tức là hoạt dụng hay kết quả của tạo luận).

**Bát-nhã ba-la-mật, ... Bốn tướng chánh tuyên thuyết:** có 15 kệ tụng, là nói lược nghĩa toàn luận.<sup>26</sup>

**Phát tâm vì lợi người, ... Khen pháp thân sự nghiệp, Có hai mươi bảy loại:** là nói văn nghĩa toàn luận, có 70 nghĩa.<sup>27</sup>

Lại nữa, trong luận văn có những câu như “**Thứ Nhất thiết trí tánh**” (Kế Nhất thiết trí tánh) và “**Thứ do nhập sư tử**” (Kế do nhập sư tử), v.v. Chữ **thứ** 次, là nói nghĩa ‘kết hợp’, kết hợp văn nghĩa ở đoạn trước và đoạn sau làm cho xuyên suốt, liền mạch.

Lại nữa, trong luận văn có những câu như “**Pháp giới không sai biệt**”, “**Nếu ai đối nghĩa gì**” và “**Trong tánh bất khả thuyết**”,<sup>28</sup> v.v. đều là nói về ‘đáp nạn’.

*Năm chi thích kinh* này có thể giúp người nghe cung kính, dễ hiểu, đoạn nghi ngờ, sinh tín tâm. Như Bồ-tát Thế Thân có nói: “*Do nghe kinh thắng lợi, Nếu lắng nghe thọ trì, Người nghe khởi cung kính, Trước nên nói mục đích. Thành đây nhờ lược nghĩa, Lược nghĩa nhờ biết văn, Thứ tự lý trước sau, Cả hai không mâu thuẫn.*” Những người muốn tìm kiếm nghĩa lý của kinh, do nhìn thấy thắng lợi cứu cánh hiện tại, họ cung kính và thọ trì văn nghĩa. Vì muốn những người ấy ở nơi kinh điển mà phát khởi sự mong cầu, trước phải nói mục đích. Nếu lấy sự thẩm định chính xác để thành lập ‘mục đích’, thì phải biết sơ qua lược nghĩa. Muốn hiểu tường tận lược nghĩa, thì phải học rộng văn nghĩa của luận. Muốn cho luận văn được xuyên suốt trước sau, thì phải nhờ sự kết hợp các đoạn văn. Muốn giải thích đoạn văn trước và sau mà không mâu thuẫn, thì phải giải thích các chương nạn.

---

đích (prayojanārtha); 2. Yếu nghĩa (piṇḍārtha); 3. Cú nghĩa (padārtha); 4. Tương hợp nghĩa (anusamdhika); 5. Thích nạn.

<sup>26</sup> Hết phẩm Mở đầu, thứ nhất.

<sup>27</sup> Từ phẩm Nhất thiết tướng trí, thứ hai, đến phẩm Pháp thân, thứ chín.

<sup>28</sup> Các câu này nằm trong Phẩm một, hai và năm.

[0018a04] Trong sự giải thích mục đích, hai câu đầu tiên: **Đại sư ở đây nói, Đạo Nhất thiết tướng trí**, là nói về pháp sở thuyên (: pháp được Phật thuyết). Câu **Kể khác không lãnh hội**, là nói về sự khác biệt của pháp ấy. Ba câu tiếp theo: **Nơi tánh mười pháp hành, Nghĩa Kinh trú chánh niệm, Bạc cụ tuệ thấy được**, là nói mục đích cứu cánh. Hai câu sau cùng: **Làm cho dễ hiểu Kinh, Là mục đích tạo luận**, là nói ý nghĩa của việc tạo luận: Làm cho hữu tình ở thời Mạt pháp dễ dàng hiểu được nghĩa lý Bát-nhã sâu xa do Đức Phật tuyên thuyết.

Trong luận văn chỉ ngầm nói đến nghĩa ‘hệ thuộc’<sup>29</sup>.

[0018a06] Nói tổng quát về sở thuyên của luận này: Trong ba bộ Bát-nhã: quảng đại, trung bình và tinh lược, được chia làm tám thứ hiện quán, [mà đầu tiên,] Đức Phật nói về con đường (: đạo đế) của Nhất thiết tướng trí, với mười pháp hành: phát tâm, v.v.

Tám thứ hiện quán được nói ở đây chẳng phải chỗ mà hàng ngoại đạo, Tiểu thừa, v.v. có thể lãnh hội được, bởi vì những vị ấy chưa lắng nghe và tư duy về kinh điển Đại thừa Phương quảng. Luận này cũng có mục đích cứu cánh là kết quả: lấy mười pháp hành: phát tâm, v.v. làm thể tánh của nghĩa lý kinh điển; an trú sự lắng nghe, tư duy và chánh niệm, nhờ đó bậc Bồ-tát thông tuệ có thể hiện kiến và chứng đắc. Nay sự tạo luận này không có lỗi trùng lập với kinh. Nhờ y theo luận này mà hiểu nghĩa lý kinh điển một cách dễ dàng, đây là nghĩa ‘mục đích’ của sự tạo luận.

## **B. Tổng nghĩa toàn luận**

Tổng nghĩa toàn luận có hai phần: 1. Lược nêu luận thể; 2. Tùy nêu quảng thích.

---

<sup>29</sup> Trong kinh luận, dù được trình bày hay không được trình bày, phải đủ 4 nghĩa: sở thuyên (: pháp được nói), sở vi (: mục đích của pháp), cứu cánh sở vi (: mục đích cứu cánh là ứng dụng thực hành) và hệ thuộc (: dựa vào sở thuyên để hoàn thành sở vi; dựa vào sở vi để hoàn thành cứu cánh sở vi).

### 3. Lược nêu luận thể

#### d. Nêu đối tượng giải thích

*Bát-nhã ba-la-mật*

*Chánh thuyết bằng tám sự:*

[0018a12] Luận Hiện Quán Trang Nghiêm lấy tám phẩm năng thuyên và tám sự sở thuyên để giải thích nghĩa lý của ba bộ kinh Bát-nhã: quảng đại, trung bình và tinh lược, cũng như giải thích ba thứ bát-nhã: giáo, đạo và quả, tức là văn tự bát-nhã, phương tiện bát-nhã và cứu cánh bát-nhã.<sup>30</sup>

#### e. Nêu năng thích số

*Biến tướng trí, Đạo trí*

*Cùng Nhất thiết trí tánh*

*Nhất thiết tướng hiện quán*

*Chí đảnh và tiệm thứ*

*Sát-na chứng Bồ-đề*

*Và pháp thân là tám.*

Nghĩa lý được nói ở luận này là: (1) Nhất thiết tướng trí; (2) Đạo tướng trí; (3) Nhất thiết trí;<sup>31</sup> (4) Viên mãn chứng Nhất thiết tướng gia hành; (5) Chí đảnh gia

<sup>30</sup> Cũng gọi là văn tự bát-nhã, quán chiếu bát-nhã và thật tướng bát-nhã.

<sup>31</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 363, tr. 871b22: “Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng, ba trí như thế, tướng của nó như thế nào, có gì sai biệt? Phật dạy: - Nay Thiện Hiện! Trí nhất thiết là trí chung cùng Thanh văn và Độc giác; trí đạo tướng là trí chung cùng với Đại Bồ-tát; trí nhất thiết tướng là diệu trí riêng có của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Vì duyên gì mà trí nhất thiết là trí chung cùng Thanh văn và Độc giác? Phật

hành; (6) Tiệm thứ gia hành; (7) Sát-na hiện chứng Bồ-đề gia hành; (8) Pháp thân quả.

#### 4. Tùy nêu quang thích

##### b. Giải thích tánh chất của ba trí

###### a.1 Nhất thiết tướng trí

*Phát tâm và giáo thọ*

*Bốn thứ quyết trạch phần*

*Sở y của chánh hành*

*Gọi pháp giới tự tánh*

*Các sở duyên, sở vi*

*Áo giáp, thú nhập sự*

*Tư lương và xuất sinh*

*Là Phật Biến tướng trí.*

[0019a01] Biểu thị tánh chất của Nhất thiết tướng trí là mười pháp hành:

(1) *Phát tâm*: thệ nguyện ý lạc.

(2) *Giáo thọ*: phương tiện hoàn thành thệ nguyện.

(3) *Bốn thuận quyết trạch phần*: chánh hành tu đắc, đầu tiên là thông đạt tánh Không.

(4) *Pháp giới tự tánh trú chủng tánh*: căn bản sở y của sự tu hành Đại thừa.

(5) *Sở duyên*: sở y cho sự đoạn trừ tăng ích [chấp] của sự tu hành Đại thừa.

---

dạy: - Nay Thiện Hiện! Vì với trí nhất thiết, Thanh văn, Độc giác cũng có thể biết rõ năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới v.v... mà không có thể biết tất cả đạo tướng và tất cả pháp, tất cả các loại tướng. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Vì duyên gì mà trí đạo tướng là trí chung cùng Đại Bồ-tát? Phật dạy: - Nay Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát nên học biết hết tất cả đạo tướng, đó là đạo tướng Thanh văn, đạo tướng Độc giác, đạo tướng Bồ-tát, đạo tướng Như Lai. Các Đại Bồ-tát đối với các đạo này thường nên tu học khiến mau viên mãn; tuy khiến đạo này làm việc nên làm, nhưng không khiến chúng thật tế.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



- (6) *Sở vi*: sở tu cứu cánh của chánh hành Đại thừa.  
 (7) *Áo giáp chánh hành*: tu hành phải phát tâm quảng đại.  
 (8) *Thú nhập chánh hành*: gia hành phải bước tới quảng đại.  
 (9) *Tư lương chánh hành*: tu hành phải có hai thứ tư lương quảng đại.  
 (10) *Xuất sinh chánh hành*: quyết định [địa] xuất sinh Nhất thiết tướng trí.  
 Đây là mười pháp biểu thị cho Nhất thiết tướng trí.

## a.2 Đạo tướng trí

*Trí che mọi ánh sáng*

*Đệ tử, lân dụ đạo*

*Đây và kia công đức*

*Đại thắng lợi kiến đạo*

*Tác dụng và thắng giải*

*Khen, thừa sự, xưng dương*

*Hồi hướng và tùy hỷ*

*Các tác ý Vô thượng*

*Dẫn phát, tối thanh tịnh*

*Gọi đó là tu đạo*

*Các Bồ-tát thông trí*

*Như vậy nói Đạo trí.*

[0019a08] Biểu thị tánh chất của Đạo tướng trí là mười một pháp.<sup>32</sup>

<sup>32</sup> Đạo tướng trí lấy 11 pháp để biểu thị: (1) Đạo tướng trí chi phần; (2) Đệ tử Thanh văn đạo; (3) Lân dụ Độc giác đạo; (4) Đại thừa Kiến đạo; (5) Tu đạo công dụng; (6) Thắng giải Tu đạo; (7) Thắng giải Tu đạo công đức: Thán mỹ, thừa sự và xưng dương; (8) Hồi hướng Tu đạo; (9) Tùy hỷ Tu đạo; (10) Chánh hành Tu đạo; (11) Thanh tịnh Tu đạo.

(1) *Đạo tướng trí chi phần*: ánh sáng tự tánh của Như Lai làm cho ánh sáng của chư thiên, v.v. bị lu mờ, không thể hiển lộ.

(2) Biết rõ Đạo tướng trí của *Thanh văn đệ tử đạo*.

(3) Biết rõ Đạo tướng trí của *Lân dụ độc giác đạo*<sup>33</sup>.

Biết rõ trong Đạo tướng trí của Bồ-tát đạo, có kiến đạo và tu đạo:

Một là,

(4) *Đại thừa kiến đạo*: đầy đủ thắng lợi quang đại ở hiện pháp và hậu pháp.<sup>34</sup>

Hai là, Đại thừa tu đạo:

(5) *Công dụng tu đạo*: do lực tu tập ở tu đạo mà có được thắng lợi.

(6) *Tác ý thắng giải tu đạo*: tín giải Bát-nhã là ba lợi<sup>35</sup> đi theo một bản nguyên.

(7) *Thắng lợi của thắng giải tu đạo*: tán mỹ, thừa sự và xưng dương [công đức của] tu đạo.

---

<sup>33</sup> Câu xá luận, quyển 12: “Độc giác có hai loại sai khác: Các vị Độc giác sống thành đoàn (bộ hành); các vị Phật Độc giác “tương tự như loài tê ngưu” (lân giác dụ 麟角喻 hay tê giác dụ 犀角喻). Bộ hành: thuộc hàng Thanh văn. Có luận sư cho rằng các vị này vốn thuộc dị sinh nhưng đã từng tu tập thuận quyết trách phần của Thanh văn thừa; đến đời này thì tự mình chứng đắc được Thánh đạo. Bản sự nói rằng: “Có 500 vị tiên cùng tu khổ hạnh trên một ngọn núi. Lúc đó có một con khi đã từng sống gần một vị Phật Độc giác đi đến chỗ của họ và làm các điều bộ đã bắt chước được của vị Phật Độc giác trước mặt họ. 500 tiên nhân thấy vậy cũng bắt chước theo các cử chỉ này và người ta nói rằng nhờ vậy mà họ chứng đắc Bồ-đề của Phật Độc giác. Theo các luận sư trên thì rõ ràng 500 vị tiên nhân này không phải là Thánh giả, tức không phải là Thanh văn, bởi vì nếu trước đây đã đắc quả Thanh văn tức phải xả ly giới cấm thủ thì về sau không thể nào lại xả bỏ để tu tập khổ hạnh trở lại.” (tr. 64a28-b11) Lân giác dụ là các vị Phật Độc giác sinh sống một mình. Các vị này phải trải qua một trăm đại kiếp để tu tập các pháp cần thiết cho sự chứng đắc Bồ-đề (Bồ-đề tư lương, tức giới, định, tuệ). Họ tự mình chứng đắc Bồ-đề mà không nhờ vào Thánh giáo và vì chỉ có thể điều phục được mình mà không thể chuyển hóa chúng sinh cho nên gọi là Độc giác.

<sup>34</sup> Hiện pháp lạc trú 現法樂住 (drsta-dharma-sukha-vihāra), cũng gọi Hiện pháp lạc, Hiện pháp an lạc trú, Hiện pháp hi lạc trú. Đối lại với Hậu pháp lạc trú. An trú trong niềm vui pháp hiện tiền. Bậc Thánh vô học nhờ tu tập các thiện tinh lự mà được an trú trong pháp vui giải thoát. Vì căn cứ vào kết quả của thiền định nên có tên gọi là Hiện pháp lạc trú. Một trong 4 Đăng tri của cõi Sắc, một trong 7 loại Thiền định. Cứ theo luận Câu xá quyển 28, thì nhờ nương vào 4 Tĩnh lự căn bản thanh tịnh, vô lậu mà được pháp lạc hiện tiền. Luận Đại tỷ bà sa quyển 26 thì nêu ra 4 loại Hiện pháp lạc trú là: Xuất gia lạc, Viễn ly lạc, Tịch tĩnh lạc và Tam bồ đề lạc. Hiện pháp lạc trú nói chung chỉ giới hạn trong 4 Tĩnh lự căn bản ở cõi Sắc, chứ không có ở Cận phần định và cõi Vô sắc. [X. luận Câu xá Q.28; luận Đại tỷ bà sa Q.81; luận Hiện dương Thánh giáo Q.19; luận A tì đạt ma thuận chính lý Q.79]. Luận Đại tỷ bà sa, Q.81, nói: “Hỏi: Trong 4 Tĩnh lự cũng có năng lực dẫn ra công đức pháp lạc về sau, tại sao chỉ nói hiện pháp lạc trú? Đáp: Hậu pháp lạc trú cũng nên được nói mà lại không nói, nên biết kinh này có cách nói khác. Lại nữa, nếu nói đây là hiện pháp lạc trú, thì nên biết là đã nói hậu pháp lạc trú, bởi vì hậu pháp lạc trú dùng hiện pháp lạc trú mà có được. Như trong khế kinh có nói: ‘Trước ở thời gian này tu các đăng chí rồi sau mới sinh về cõi kia.’” (tr. 418a03)

<sup>35</sup> Ba lợi: tự lợi, lợi tha và tự tha câu lợi.

(8) *Tác ý hồi hướng Vô thượng tu đạo*: chuyển vận bao nhiêu thiện căn của mình và người cho chi phần Bồ-đề.

(9) *Tác ý tùy hỷ Vô thượng tu đạo*: đối với thiện căn của mình và người, tu hành sâu xa sự tùy hỷ.

Ba thứ tu đạo: thắng giải, hồi hướng và tùy hỷ là hữu lậu tu đạo (tức là trí Hậu đắc hữu phân biệt).

(10) *Dẫn phát tu đạo* (hay *chánh hành tu đạo*): có được nhân tố cho trí đức cứu cánh.

(11) *Tối cực thanh tịnh tu đạo*: có được nhân tố cho đoạn đức cứu cánh.

Hiện quán Đạo tướng trí của các Bồ-tát thông trí được biểu thị bằng mười một pháp như vậy.

### **a.3 Nhất thiết trí**

*Trí không trú chư hữu*

*Bi chẳng trệ Niết-bàn*

*Phi phương tiện thì xa*

*Phương tiện thì chẳng xa.*

*Sở tri, năng tri phẩm*

*Gia hành, bình đẳng tánh*

*Thanh văn đẳng kiến đạo*

*Nhất thiết trí như vậy.*

[0019a17] Biểu thị tánh chất của Nhất thiết trí là chín pháp:<sup>36</sup>

---

<sup>36</sup> Nhất thiết trí lấy 9 pháp để biểu thị: (1) Trí không trú sinh tử; (2) Bi không trú Niết-bàn; (3) Cách xa Phật quả; (4) Gần kề Phật quả; (5) Sở tri; (6) Năng tri; (7) Gia hành; (8) Bồ-tát gia hành bình đẳng tánh; (9) Kiến đạo.

(1) Nơi sự quán đãi thể tục<sup>37</sup> mà có thể phá hủy biên tế chư hữu<sup>38</sup> bằng *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa Thánh trí, tức là do Đạo tướng trí mà ***Trí không trú chư hữu.***

(2) Nơi sự quán đãi thể tục mà có thể phá hủy biên tế tịch tĩnh bằng *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa Thánh trí, tức là do Đạo tướng trí mà ***Bi chẳng trệ Niết-bàn.***

(3) Viễn ly phương tiện và trí tuệ thù thắng<sup>39</sup>, tức là ***Phi phương tiện thì cách xa*** Nhất thiết trí.

(4) Phương tiện và trí tuệ thù thắng được nhiếp trì bởi Nhất thiết trí, tức là ***Phương tiện thì chẳng cách xa*** Nhất thiết trí.

Cả hai pháp trên đây theo thứ tự, cũng tức là:

(5) ***Phi phương tiện thì xa*** là *sở trị phạm* của Nhất thiết trí.

(6) ***Phương tiện thì chẳng xa*** là *năng trị phạm* của Nhất thiết trí.

(7) Sự tu tập đối trị thật chấp<sup>40</sup>, gọi là *gia hành của Bồ-tát*.

(8) Phá trừ trí tuệ đối trị thật chấp mà được nhiếp trì bởi gia hành, tức là *gia hành bình đẳng tánh*.

(9) Để hiện quán của Đại thừa, chính là *kiến đạo*.

Theo sự kiến lập sở y, Nhất thiết trí được kiến lập trong tự thân các Thánh giả Thanh văn, Độc giác, nghĩa là lấy chín pháp như vậy để giải thích.

---

<sup>37</sup> Quán đãi 觀待 (chờ đợi đối đãi) là duyên khởi, là đạo lý quán đãi, như kinh Giải thâm mật ghi: “Đạo lý quán đãi là do nhân tố và duyên tố mà phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành.” Pháp hữu vi thì ắt có nhân quả đối đãi, nhân sinh quả, quả do nhân sinh. Không xét đến thắng nghĩa để mà chỉ xét đến thể tục để thì không bỏ qua vấn đề đối đãi giữa ‘thật hữu’ và ‘không thật hữu’, gọi là quán đãi thể tục.

<sup>38</sup> Chỉ cho tam hữu: Tam Hữu: Hữu, Phạm: Bhava. Tam hữu chỉ cho Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu, tức đồng nghĩa với Tam giới (3 cõi). Vì chúng sinh trong 3 cõi này có (hữu) tạo nghiệp dẫn đến quả báo dị thực nên gọi là Tam hữu. 1. Dục hữu: Nơi cư trú của các loài trời, người, tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, mỗi loài tùy theo nghiệp nhân mà chịu quả báo. 2. Sắc hữu: Các trời Tứ thiên của cõi Sắc, tuy đã lìa thân thô nhiễm của cõi Dục nhưng còn sắc thanh tịnh. 3. Vô sắc hữu: Các trời Tứ không của cõi Vô sắc, tuy không còn sắc chất làm ngại, nhưng cũng vẫn tùy theo chỗ tạo nghiệp nhân mà chịu quả báo. [X. luận Đại trí độ Q.3; luận Tập dị môn túc Q.4; luận Đại tỳ bà sa Q.60]

<sup>39</sup> Phương tiện là tâm đại bi. Trí tuệ là trí hiện quán tánh Không.

<sup>40</sup> Chấp trước các pháp thật hữu hay hữu tự tánh.

## **b. Giải thích tánh chất của bốn gia hành**

### **b.1 Viên mãn chúng tướng gia hành**

*Hành tướng, các gia hành*

*Công tội và tánh tướng*

*Thuận giải thoát quyết trạch*

*Hữu học chúng bất thối.*

*Hữu tịch tĩnh bình đẳng*

*Vô thượng thanh tịnh sát*

*Mãn chứng Nhất thiết tướng*

*Đầy đủ thiện phương tiện.*

[0020a05] Tánh chất của Viên mãn Nhất thiết tướng gia hành là mười một pháp:

- (1) Hành tướng của sở tu.
- (2) Các gia hành của năng tu.
- (3) Công đức gia hành.
- (4) Tội lỗi gia hành.
- (5) Tánh tướng của gia hành.
- (6) Đại thừa thuận giải thoát phần.
- (7) Đại thừa thuận quyết trạch phần.
- (8) Sắc thái bất thối của Tăng chúng Hữu học bất thối chuyển.
- (9) An lập pháp thân bằng gia hành tam hữu và tịch diệt bình đẳng.
- (10) An lập thọ dụng thân bằng gia hành nghiêm tịnh Phật độ vô thượng.
- (11) An lập hóa thân bằng gia hành phương tiện thiện xảo.

Đây là biểu thị tánh chất của Viên mãn Nhất thiết tướng gia hành qua mười một pháp.

## **b.2 Đảnh gia hành**

*Này tướng và tăng trưởng*

*Kiên ổn, tâm biến trú*

*Trong kiến đạo, tu đạo*

*Mỗi có bốn phân biệt.*

*Bốn thứ năng đối trị*

*Vô gián tam-ma-địa*

*Cùng các tà chấp trước*

*Đó là Đảnh hiện quán.*

[0020a08] Tánh chất của Đảnh gia hành là:

(1) Có được một tướng trong 12 tướng của Đảnh gia hành. Đây là Thuận quyết trạch phần thứ nhất (: Noãn).

(2) Phước đức có được từ 16 thứ tăng trưởng so sánh với phước đức cúng dường chư Phật nhiều như hữu tình loại trong ba ngàn đại thiên thế giới thì càng siêu thắng. Đây là Thuận quyết trạch phần thứ hai (: Đảnh).

(3) Thông đạt ba trí tùy thuận tuệ, và đối với sự lợi tha có được sự kiên định, không thể phá hoại. Đây là Thuận quyết trạch phần thứ ba (: Nhãn).

(4) Thành thực công năng dẫn phát kiến đạo, tâm có thể biến trú vô biên tam-ma-địa. Đây là Thuận quyết trạch phần thứ tư (: Thế đệ nhất pháp).

(5) (6) Kiến đạo đánh gia hành và Tu đạo đánh gia hành: cả hai đạo ấy, mỗi đạo có bốn thứ phân biệt và bốn thứ chân năng đối trị<sup>41</sup>.

(7) Vô gián tam-ma-địa đánh gia hành.

(8) Các tà hành phải trừ bỏ.

Lấy tám pháp này để biểu thị Đánh gia hành.

### **b.3 Tiệm thứ gia hành**

*Trong tiệm thứ hiện quán*

*Có mười ba thứ pháp:*

[0020a15] Tiệm thứ gia hành có 13 thứ pháp:

(1) – (6) Sáu thứ tiệm thứ gia hành cho sáu ba-la-mật-đa.

(7) – (9) Ba thứ tiệm thứ gia hành cho tùy niệm Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng.<sup>42</sup>

(10) – (12) Ba thứ tiệm thứ gia hành cho tùy niệm Giới, Thí và Thiên.

(13) Tiệm thứ gia hành cho pháp vô tánh tự tánh.

Đây là biểu thị 13 pháp của tiệm thứ gia hành.

### **b.4 Sát-na gia hành**

*Sát-na chứng Bồ-đề*

*Phân bốn thứ bởi tướng.*

---

<sup>41</sup> Bốn thứ phân biệt và bốn thứ chân năng đối trị sẽ được giải thích ở Chí đánh gia hành.

<sup>42</sup> Tam bảo là nơi nương tựa thực sự, không nương tựa gì khác ngoài Tam bảo.

[0020a19] Tánh chất của Sát-na gia hành chỉ có một pháp, nhưng xét về tướng bất đồng mà được chia làm bốn:

- (1) Dị thực sát-na gia hành.
- (2) Phi dị thực sát-na gia hành.
- (3) Vô nhị sát-na gia hành.
- (4) Vô tướng sát-na gia hành.

#### **f. Giải thích tánh chất của pháp thân**

*Tự tánh, viên mãn báo*

*Như vậy còn hóa thân*

*Pháp thân và sự nghiệp*

*Bốn tướng được tuyên thuyết.*

[0021a02] Nói về pháp thân, có bốn thứ pháp:

- (1) Tự tánh thân.
- (2) Viên mãn thọ dụng thân.
- (3) Như vậy còn lại là hóa thân.
- (4) Trí tuệ là pháp thân và sở tác là sự nghiệp.



## Phẩm Hai: Nhất Thiết Tướng Trí

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, từ quyển 401 - phẩm Hoan Hỷ thứ 2, đến quyển 424 - phẩm Viễn Ly thứ 24)

### C. Văn nghĩa toàn luận

#### IV. Giải rộng Ba trí

##### d. Vì cầu Nhất thiết tướng trí mà phát thệ nguyện

*Phát tâm vì lợi tha*

*Cầu Chánh đẳng Bồ-đề*

*Kia kia như trong kinh*

*Tuyên thuyết môn lược quảng*

*Như đất, vàng, trắng, nước*

*Tạng, nguồn báu, biển cả*

*Kim cương, núi, thuốc, bùa*

*Như ý, mặt trời, [tiếng] ca*

*Vua, kho và đường lớn*

*Xe cộ và suối nước*

*Nhã thanh, dòng sông, mây*

*Chia hai mươi hai thứ.*

[0021a11] Thánh trí hiện chứng rốt ráo mười pháp: Phát tâm, v.v. là thể tánh của Nhất thiết tướng trí. Biểu thị trí ấy bằng mười pháp.<sup>43</sup>

**Phát Bồ-đề tâm:** Vì lợi tha mà mong cầu Đại bồ-đề, tức dục [tâm sở]<sup>44</sup> tương ưng [Bồ-đề] được khởi, thú nhập Đại thừa đạo môn<sup>45</sup> được biểu hiện qua ý thức thứ sáu tối thắng của tâm vương, là sắc thái của Đại thừa phát tâm. Nó giới hạn từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến Phật địa.

[0021a13] Chữ **kia** (bỉ 彼) trước chỉ cho Bồ-đề - sở duyên của phát tâm, và chữ **kia** sau chỉ cho lợi tha – sở vi của phát tâm. Trong ba bộ Bát-nhã: quảng đại, trung bình và tinh lược, thì hai môn quảng lược được tuyên thuyết, như “25 ngàn kệ kinh Bát-nhã” được thuyết, hai bộ kinh còn lại cũng được nói.

Sự phát tâm như vậy, có sự tương đồng giữa trợ bạn và thí dụ, chia làm 22 thứ. Những trợ bạn tương ưng với sự phát tâm là:

(1) Dục [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là tất cả bạch pháp<sup>46</sup> làm sở y xứ; đây là phát tâm như đại địa.

---

<sup>43</sup> Nhất thiết tướng trí: Phát tâm, Giáo thọ, Thuận quyết trạch phần, Chánh hành sở y, Chánh hành sở duyên, Chánh hành sở vi, Áo giáp chánh hành, Thú nhập chánh hành, Thú nhập chánh hành, Định sinh chánh hành.

<sup>44</sup> Dục là một tâm sở trong ngũ biệt cảnh: dục, thắng giải, niệm, định và tuệ.

<sup>45</sup> Chỉ cho Đại thừa tư lương đạo hạ phẩm 大乘資糧道下品.

<sup>46</sup> Bạch Pháp 白法: Chỉ pháp lành trong sạch. Đối lại với hắc pháp (pháp tà ác như nhóp). Kinh Đại phương đẳng đại tập quyển 55 (Đại 13, 363 thượng) nói: Sau khi ta nhập diệt trong năm trăm năm, các tí khuru còn trong pháp của ta được giải thoát kiên cố. (...) Năm trăm năm kế tiếp, các tí khuru ở trong pháp ta đấu tranh giành giật, bạch pháp ẩn mất, tổn hại kiên cố. Lại luận Cứu kính nhất thừa bảo tính quyển 4 (Đại 31, 847 hạ) nói: Kẻ ngu không tin bạch pháp, tà kiến và kiêu mạn, do nghiệp báng pháp ở quá khứ, cứ chấp chặt những cái mà nghĩa lý không rõ ràng, tham đắm sự cúng dường cung kính, duy chỉ thấy các pháp tà. Đây là lấy chính pháp do đức Phật nói làm bạch pháp, pháp do ngoại đạo nói làm hắc pháp. Cho nên, đến đời mạt pháp, tất cả giáo pháp của Phật đã diệt hết, thì gọi là bạch pháp ẩn trệ (pháp lành ẩn mất). Lại nếu nói theo nghiệp thì hết thấy pháp có thể chia làm hắc pháp, bạch pháp, phi hắc bạch pháp. Cứ theo luận Nhiếp đại thừa (bản dịch đời Lương) quyển 11, quyển 13 chép, thì các pháp phiền não bất thiện là hắc pháp, các pháp thiện hữu lậu (lậu, tức là tên gọi khác của phiền não) là bạch pháp, còn các pháp thiện vô lậu là pháp phi hắc bạch, cũng tức là Đệ nhất nghĩa đế, không dính dấp một máy may tạp nhiễm nào của hắc hay bạch pháp. Lại hai thứ bạch pháp là chỉ thiện và hỷ. Có nghĩa là hai thứ này có thể khiến cho các hành động được sáng sủa sạch sẽ, cứu độ chúng sinh, cho nên gọi là bạch pháp. Cứ theo Hoa Nghiêm kinh tùy sở diễn nghĩa sao quyển 44 chép, thì: 1. Tâm bạch pháp, nghĩa là bên trong tự thẹn thùng không dám làm điều xấu ác. 2. Quí bạch pháp, nghĩa là bên trong tự thấy xấu hổ sợ hãi, rồi dãi bày tội lỗi không dám làm lại nữa. Vì thế, bảo người tu hành đạo Phật phải tu trì bạch pháp, vứt bỏ hắc pháp, tức phải tu tập pháp lành, dứt trừ hạnh ác. Ngoài ra, bốn thứ bạch pháp là chỉ dục bạch pháp, hành bạch pháp, mãn túc công đức bạch pháp, chứng bạch pháp. Thắng tư duy Phạm thiên sở vấn kinh luận quyển 1 nói rằng, người tu hạnh Bồ tát, phải tập tất cả pháp lành trắng sạch, xa lìa hắc pháp bốn ngã (tu la, ngã qui, súc sinh, địa ngục). Bởi thế, người tu hạnh Bồ tát phải tu tập: 1. Dục bạch pháp, nghe chính

(2) Ý lạc [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là đi đến Bồ-đề mà không biến đổi; đây là phát tâm như vàng ròng.

(3) Tăng thượng ý lạc [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là khả năng tăng trưởng tất cả thiện pháp: Bốn niệm trú, v.v.; đây là phát tâm như trăng non [thành trăng tròn].

(4) Cùng tu ba trí tùy thuận gia hành [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là khả năng đốt cháy củi ‘chương ngại ba trí’; đây là phát tâm như lửa dữ.

(5) Bồ thí [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là khả năng thỏa mãn nguyện vọng của chúng sinh; đây là phát tâm như kho báu.

(6) Trì giới [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là nguồn sinh ra tất cả công đức; đây là phát tâm như quặng báu.

(7) An nhẫn [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là dầu gặp nghịch duyên mà tâm không bị nhiễu loạn; đây là phát tâm như biển cả.

(8) Tinh tiến [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là kẻ khác không thể phá hoại; đây là phát tâm như kim cương.

(9) Tĩnh lự tương ưng Bồ-đề, là ở nơi tán loạn mà tâm không dao động; đây là phát tâm như núi chúa.

(10) Bát-nhã [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là khả năng chữa trọng bệnh hai chương; đây là phát tâm như thuốc tốt.

(11) Phương tiện thiện xảo [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là không bỏ sự lợi tha; đây là phát tâm như bạn lành (thiện tri thức).

(12) Đại nguyện [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là hoàn thành đúng như ý nguyện; đây là phát tâm như ngọc báu như ý.

---

giáo của đức Phật, tâm sinh vui thích không muốn bỏ trong giây phút nào. 2. Hành bạch pháp, siêng năng tu hành sáu độ, chỉ nhằm làm lợi ích cho thế gian, cho hết thảy chúng sinh, chứ không cầu quả báo cho chính mình. 3. Mãn túc công đức bạch pháp, tinh tiến dững mãnh, tu khắp mọi hạnh, khiến cho các công đức tròn đầy. 4. Chứng bạch pháp, hạnh trong sạch đã thành, công đức đã đủ, chứng ngộ được quả Phật. [X. kinh Niết bàn (bản Bắc) Q.19; luận Phạm loại túc Q.6; luận Câu xá Q.16].

(13) Đại lực [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là khả năng thành thực sự giáo hóa; đây là phát tâm như mặt trời.

(14) Diệu trí [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là giáo hóa điều phục bằng ái ngữ; đây là phát tâm như tiếng ca.

(15) Thần thông [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là có thể lực vô ngại; đây là phát tâm như quốc vương.

(16) Hai tư lương phước tuệ [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là đầy đủ vô lượng tư lương phước tuệ; đây là phát tâm như kho chứa đồ.

(17) Ba mươi bảy bồ-đề phần [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là ba đời chư Phật đều thực hành đạo này; đây là phát tâm như đường lớn.

(18) Tâm đại bi và tỳ-bát-xá-na (: quán tuệ) [tâm sở], là không rơi vào sinh tử hay Niết-bàn; đây là phát tâm như xe cộ.

(19) Tổng trì và biện tài [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là khả năng nắm giữ những pháp đã nghe hay chưa được nghe; đây là phát tâm như suối nước (hay ao nước).

(20) Bốn pháp ót-đà-nam<sup>47</sup> [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là tuyên dương diệu âm cho chúng sinh giải thoát sinh tử; đây là phát tâm như âm thanh hòa nhã.

(21) Duy nhất cộng đạo [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là làm lợi ích chúng sinh một cách bình đẳng, không có khác biệt; đây là phát tâm như dòng sông.

(22) Pháp thân [tâm sở] tương ưng Bồ-đề, là thị hiện an trú cõi trời đồ-sử-đa (: Đâu suất), rồi ở đó ẩn mật, v.v.; đây là phát tâm như đám mây lớn.<sup>48</sup>

---

<sup>47</sup> Bốn pháp ôn-đà-nam (四法唄陀南) = bốn pháp ấn: là lược tập của giáo pháp, theo đó chúng sinh tu tập thì giải thoát sinh tử, như nói “Tất cả hành vô thường, hữu lậu đều khổ, các pháp vô ngã, niết bàn tịch tĩnh.”

<sup>48</sup> Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh 大乘莊嚴經論, No. 1604, phẩm Phát tâm, tr. 596b21: “(1) Sự phát tâm ban đầu được ví như đại địa, vì tất cả Phật pháp có thể được sanh trưởng và nắm giữ từ sự phát tâm ấy. (2) Sự phát tâm ý lạc tương ưng được ví như vàng ròng, vì mang lại lợi ích, an lạc, không thoái lui và hư hoại. (3) Sự phát tâm tinh cần tương ưng được ví như trăng non, vì tất cả thiện pháp dần dần tăng trưởng. (4) Sự phát tâm cực y tương ưng được ví như tảng lửa, vì sự tích lũy công hạnh cực y như thêm củi cho lửa cháy bùng. (5) Sự phát tâm bố thí ba la mật tương ưng được ví như một kho tàng lớn, vì có thể chu cấp tài bảo một cách vô tận. (6) Sự phát tâm trì giới ba la mật tương ưng được ví như cái tráp báu, vì công đức pháp bảo phát sanh từ trì giới. (7) Sự phát tâm nhẫn nhục ba la mật tương ưng được ví như biển lớn, vì những điều trái nghịch đến với mình mà tâm không dao động. (8) Sự phát

[0022a03] Sau đây là giới hạn của 22 thứ phát tâm: (1) – (3) Ba thứ phát tâm đầu tiên, theo thứ tự, là Đại thừa Tư lương đạo thuộc hạ phẩm, trung phẩm và thượng phẩm. (4) Gia hành tương ưng phát tâm thuộc về Đại thừa Gia hành đạo. (5) – (14) Mười thứ phát tâm tiếp theo: Bồ thí tương ưng, v.v. thuộc về Thập địa: Cực hỷ địa, v.v. (15) – (19) Năm thứ phát tâm tiếp theo: Thần thông tương ưng, v.v. thuộc về ba Thanh tịnh địa. (20) – (22) Ba thứ phát tâm sau cùng thuộc về Phật địa.

*Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh nói:*

*Phát tâm nơi các địa*

*Thắng giải, ý lạc, tịnh*

*Còn lại là dị thực*

*Sau vĩnh đoạn các chướng.*<sup>49</sup>

---

tâm tinh tiến ba la mật tương ưng được ví như kim cương, vì có đặc tính mạnh mẽ, cứng chắc, không gì làm cho hư hoại. (9) Sự phát tâm thiền định ba la mật tương ưng được ví như vị sơn vương, vì sự vật không thể làm xáo động do tâm bất loạn. (10) Sự phát tâm trí tuệ ba la mật tương ưng được ví như vị dược vương, vì có khả năng diệt trừ hai bệnh là hoặc chướng và trí chướng. (11) Sự phát tâm vô lượng tương ưng được ví như thiện hữu, vì trong tất cả thời gian không bỏ chúng sanh. (12) Sự phát tâm thần thông tương ưng được ví như bảo châu như ý, vì khả năng hóa hiện để thành mãn những mong cầu của chúng sanh. (13) Sự phát tâm bốn pháp nhiếp tương ưng được ví như ngày mùa lúa chín, vì khả năng thành thực chúng sanh. (14) Sự phát tâm bốn vô ngại biện tương ưng được ví như âm nhạc tuyệt vời, vì khả năng thuyết pháp giáo hóa, nhiếp phục chúng sanh. (15) Sự phát tâm tư lương tương ưng được ví như vị quốc vương, vì khả năng làm nhân tố bất hoại cho chánh đạo. (16) Sự phát tâm khối phước đức và trí tuệ tương ưng được ví như kho lẫm, vì làm nơi gom chứa tài sản chánh pháp là phước đức và trí tuệ. (17) Sự phát tâm bảy giác phần tương ưng được ví như đường đi của vua, vì bậc đại thánh thực hành trước nhất, các bậc khác thực hành theo sau. (18) Sự phát tâm chỉ quán tương ưng được ví như xe cộ, vì đủ hai bánh nên an lạc mà đi. (19) Sự phát tâm tổng trì tương ưng được ví như dòng suối, vì sự nghe pháp tuy nhiều nhưng giáo pháp thì vô tận. (20) Sự phát tâm bốn pháp ấn tương ưng được ví như tiếng mừng vui, vì người cầu giải thoát ưa thích nghe được pháp ấy. (21) Sự phát tâm tự tánh tương ưng được ví như dòng sông, vì dòng vô sanh pháp nhân tự nhiên trôi chảy mà không cần tác ý. (22) Sự phát tâm phương tiện tương ưng được ví như đám mây lớn hình thành thế giới, vì khả năng thị hiện tám tướng thành đạo để giáo hóa chúng sanh. Như vậy hết thảy có hai mươi hai thí dụ, dụ dẫn cho sự phát tâm.”

<sup>49</sup> Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh, phẩm Phát tâm, tr. 595c09: “Tin hành và tịnh y, Báo đắc và vô chướng, Phát tâm dựa các địa, Sai biệt có bốn thứ. (信行與淨依, 報得及無障, 發心依諸地, 差別有四種) Sự phát tâm của Bồ tát căn cứ theo các địa, có bốn thứ sai biệt: 1. Tin hành phát tâm, là tin hành thuộc lợi người; 2. Tịnh y phát tâm, là bảy địa ở trước; 3. Báo đắc phát tâm, là ba địa ở sau; 4. Vô chướng phát tâm, là Như Lai địa.”

Tin hành phát tâm còn gọi là Giải hành phát tâm, chỉ cho hàng Bồ tát ở giai đoạn Giải hành (bao gồm cả Tư lương vị và Gia hành vị). Giai đoạn Giải hành ở vô số kiếp thứ nhất, gồm 10 tín, 10 trú, 10 hành, 10 hướng và 4 gia hành. Danh hiệu địa vị này có 4: nguyện lạc, tín hành, thắng giải hành và ý lạc. Địa vị này khẳng định về chân như được dạy cho, chứ chưa chứng ngộ chân như ấy. Tín là tin hiểu sâu xa các địa. Hành là tu tập 10 pháp hạnh. Tín hành

(1) – (4) Luận này nói là Tư lương vị, Gia hành vị, [thì Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh] gọi là *Thắng giải phát tâm*. (5) – (11) Bảy địa chưa thanh tịnh, gọi là *Tăng thượng ý lạc thanh tịnh phát tâm*. (12) – (19) Ba địa thanh tịnh, gọi là *Dị thực phát tâm*. (20) – (22) Phật địa, gọi là *Chượng đoạn phát tâm*.

Lại nói, *phát tâm như đại địa* là Đại thừa tư lương đạo thuộc hạ phẩm, là nói giới hạn thấp nhất, chứ không phải nói giai đoạn trước đó không có sự phát tâm. Những giới hạn của *phát tâm như vàng ròng, như trắng non*, v.v. dựa theo luận này mà biết.

### **e. Hiện thị phương tiện là Giáo thọ để hoàn thành thế nguyện**

#### **b.1 Chánh thích Giáo thọ**

*Tu hành và chư đế*

*Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng*

*Không dính mắc, không mệt*

*Khấp cả nhiếp trì đạo.*

*Ngũ nhãn, lục thông đức*

*Kiến đạo và tu đạo*

*Nên biết đây chính là*

*Thể tánh mười giáo thọ.*

---

thuộc lợi người, là tu tập bốn pháp nhiếp và bốn phạm trù. Thanh tịnh ý lạc phát tâm là vì chứng đắc tâm mình người bình đẳng nên không còn tâm sai biệt giữa lợi mình và lợi người. Tịnh y phát tâm là do không còn hai chướng ngại do bản là năng thù và sở thù. Báo đắc phát tâm còn gọi là Dị thực phát tâm, là vì hiện hành vô tướng thuận với phần thanh tịnh (: chân tánh xuất triền) nên hoạch đắc trí vô phân biệt, có khả năng nhậm vận tu tập 10 độ. Vô chướng phát tâm còn gọi là Viên mãn đại bi đoạn chướng phát tâm, là vì đã diệt trừ vĩnh viễn phiền não chướng và sở tri chướng cùng cực vi tế, thể hiện chánh biến giác đối với cảnh giới sở tri.

[0022a11] Lời dạy khai thị về Đại thừa có thể là phương tiện cho sự phát tâm Đại thừa. Đây là tánh chất của Đại thừa giáo thọ. Giới hạn của nó từ chưa nhập đạo cho đến địa vị Phật đà.

Đại thừa giáo thọ có 10 thứ:

- (1) Giáo thọ khai thị về hai đế là thế tục đế và thắng nghĩa đế, là nói *tự tánh* của tu hành.
- (2) Giáo thọ khai thị về tứ đế, là nói *sở duyên* của tu hành.
- (3) Giáo thọ khai thị về Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng, là nói *sở y* của tu hành.
- (4) Giáo thọ khai thị về sự tinh tiến không yếu đuối, để đối trị biếng nhác mà tham đắm ác sự, là nói *nhân tố kiên định* của tu hành.
- (5) Giáo thọ khai thị về sự tinh tiến không mệt mỏi, để đối trị biếng nhác mà lùi bước và khuất phục, là nói *nhân tố tăng tiến* của tu hành.
- (6) Giáo thọ khai thị về sự tinh tiến nhiếp trì Đại thừa đạo, để đối trị biếng nhác mà tự khinh thị mình, là nói *nhân tố bất thối* của tu hành.
- (7) Giáo thọ khai thị về ngũ nhãn, là nói *nhân tố không trông chờ vào người khác*, có thể chuyển hóa tự tại trong khi tu hành, đó là chứng đắc ngũ nhãn<sup>50</sup>: (a) *Nhục nhãn*, với các sắc thô tế bên trong, có thể thấy suốt một trăm du-thiện-na (Yojana) cho đến ba ngàn đại thiên thế giới; (b) *Thiên nhãn*, từ thiện nghiệp hữu lậu đời trước cảm quả dị thực mà sinh ra, có thể như thật thấy rõ sự sinh tử của chúng sinh; (c) *Tuệ nhãn* hiện chứng các pháp là không thật; (d) *Pháp nhãn* biết được căn tánh lợi độn của tất cả Thánh giả; (e) *Phật nhãn* hiện quán tất cả các pháp.

---

<sup>50</sup> Kinh Đại Bát-nhã, No. 220, quyển 8, tr. 42c26: “Lại nữa, Xá-lợi tử! Có đại Bồ-tát tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, đấng năm nhãn thanh tịnh. Những gì là năm? Đó là nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

- (8) Giáo thọ khai thị về lục thần thông, là nói *nhân tố mau chóng viên mãn tư lương quảng đại* của sự tu hành, đó là lục thần thông: (a) *Thần biến thông* có thể chuyển biến đủ thứ sự việc; (b) *Thiên nhĩ thông* nghe được mọi âm thanh thô tế ở các thế giới; (c) *Tha tâm thông* biết được các tâm sở thiện, ác, v.v. của các hữu tình khác; (d) *Túc trú tùy niệm thông* biết được sự qua lại thọ sinh ở những đời trước; (e) *Thiên nhãn thông* biết được các sắc thô tế ở các thế giới; (f) *Lậu tận thông* đoạn trừ vĩnh viễn phiền não chướng.
- (9) Giáo thọ khai thị về kiến đạo, là để *liễu tri chủng tử phân biệt* phải đoạn trừ.
- (10) Giáo thọ khai thị về tu đạo, là để *liễu tri chủng tử câu sinh* phải đoạn trừ.

Đây là tánh chất của 10 thứ Đại thừa giáo thọ.<sup>51</sup>

***Các độn căn, lợi căn***

***Gia gia, tín, kiến chí***

***Nhất gián, trung, sinh ban***

***Hành, vô hành, cứu cánh***

***Ba siêu, trú Hữu đảnh***

***Hoại Sắc tham, hiện pháp***

***Tịch diệt và thân chứng***

***Lân dụ cộng hai mươi.***

[0023a02] Chỗ này nói riêng biệt về Tăng bảo trong Tam bảo giáo thọ, đó là:

<sup>51</sup> Giáo thọ có 2: 1. Sở ý là Tam bảo; 2. Năng y, có 2: (a) Sai biệt sự, có 2: (i) Hành tướng: Tự tánh tu hành (1); (ii) Sở duyên: chư đế (2); (b) Sai biệt pháp, có 2: (i) Đoạn trừ dị phẩm (4, 5, 6); (ii) Thành tựu công đức (7, 8, 8, 10).



Như trong *phẩm Đạo tướng trí* có nói, 16 sát-na tâm của Đại thừa kiến đạo<sup>52</sup> nhiếp thuộc Đạo tướng trí, Bò-tát an trú 6 nhãn của Thánh vị kiến đạo, gọi là *Dự lưu hướng*. Dự lưu hướng này có hai loại: (1) ***độn căn tùy tín hành*** và (2) ***lợi căn tùy tín hành***.

(3) Bò-tát an trú 6 trí của Thánh vị kiến đạo, và do diệt hết 3 kết là thân kiến, giới cấm thủ và nghi, gọi là an trú *Dự lưu quả*. Trong luận ngầm nói quả này.

(4) Đoạn ba phẩm tu hoặc ở Dục giới của Thánh vị Bò-tát, gọi là ***gia gia***.<sup>53</sup> Gia gia có hai loại: *thiên gia gia* và *nhân gia gia*.

Vì đoạn sáu phẩm tu sở đoạn hoặc ở Dục giới để đắc Giải thoát đạo, mà tinh tiến tu hành Tu đạo của Bò-tát. (5) Bậc độn căn, gọi là ***Tín giải***. (6) Bậc lợi căn, gọi là ***Kiến chí***. Hợp cả hai gọi là *Nhất lai hướng*.

(7) Đã đoạn sáu phẩm tu sở đoạn hoặc ở Dục giới của Thánh vị Bò-tát, gọi là *Nhất lai quả*. Trong luận cũng ngầm nói quả này.

(8) Đã đoạn tám phẩm tu sở đoạn hoặc ở Dục giới của Thánh vị Bò-tát, gọi là ***Nhất gián***.

---

<sup>52</sup> Cứ theo tông Câu xá, giai vị Kiến đạo dùng trí vô lậu quán xét cảnh Tứ đế, gọi là Thánh đế hiện quán. Pháp quán này có 3 loại: 1. Kiến hiện quán: Dùng trí tuệ vô lậu quán xét cảnh Tứ đế và thấy một cách rõ ràng. 2. Duyên hiện quán: Hợp trí tuệ vô lậu với tâm, tâm sở tương ứng với trí tuệ này để cùng duyên theo cảnh Tứ đế. 3. Sự hiện quán: Hợp trí tuệ vô lậu với tâm, tâm sở tương ứng (với trí tuệ này) và Vô biểu sắc cùng với pháp bất tương ứng như: sinh, trụ, dị, diệt (tứ tướng) để tu tập Tứ đế. Đại chúng bộ cho rằng trong một sát na, tâm có thể hiện quán Tứ đế, vì thế bộ này chủ trương Đốn hiện quán (Hiện quán mau chóng). Còn Nhất thiết hữu bộ thì cho rằng hiện quán Tứ đế theo thứ tự 16 sát na của bát nhãn bát trí, tức là Tiệm hiện quán (hiện quán dần dần theo thứ lớp). [X. luận Câu xá Q.23]

Bát nhãn bát trí 八忍八智: Nghĩa là ở ngôi Kiến đạo quán xét lý Tứ đế, mà sản sinh nhãn, trí vô lậu, đều có tám thứ. Đây cũng là mười sáu tâm kiến đạo, cũng gọi bát nhãn bát quán. Trong tám nhãn thì bốn nhãn trước là nhĩn chịu và ấn chứng bốn phép nhãn của bốn đế ở cõi Dục, tức là khổ pháp nhãn, tập pháp nhãn, diệt pháp nhãn và đạo pháp nhãn. Còn bốn nhãn sau là nhĩn chịu và ấn chứng bốn loại nhãn của bốn đế ở cõi Sắc và cõi vô Sắc, tức là khổ loại nhãn, tập loại nhãn, diệt loại nhãn và đạo loại nhãn. Vì tám nhãn trên đây chính thức diệt trừ kiến hoặc trong ba cõi, cho nên là Vô gián đạo. Kiến hoặc đã bị dứt hết, sự quán chiếu trở nên rõ ràng, thì là tám trí, tức khổ pháp trí, tập pháp trí, diệt pháp trí, đạo pháp trí, khổ loại trí, tập loại trí, diệt loại trí, đạo loại trí là Giải thoát đạo. Nhãn là nhân của trí, trí là quả của nhãn. [X. luận Tạp a tỳ đàm tâm Q.5; luận Thành duy thức Q.9]

<sup>53</sup> Thánh giả Nhất lai hướng đang lúc đoạn ba phẩm hay bốn phẩm tu hoặc cõi Dục thì gọi là Thánh quả gia gia, có nghĩa là từ nhà đến nhà, tức là phải thọ sinh từ nhân gian lên thiên thượng (thiên gia gia) hay từ thiên thượng xuống nhân gian (nhân gia gia), trước khi chứng đắc Niết-bàn. Luận Câu-xá, phẩm Phân Biệt Hiền Thánh: “Thiên gia gia là các Thánh giả sau khi đã chuyển sinh vào hai hoặc ba nhà ở cõi thiên sẽ chứng được Niết-bàn ở ngay cõi trời đó hoặc ở cõi trời khác. Nhân gia gia là các Thánh giả sau khi đã chuyển sinh vào hai hoặc ba nhà ở cõi người sẽ chứng được Niết-bàn ở châu này hoặc ở một châu khác.”

(9) Vì đoạn chín phẩm tu sở đoạn hoặc ở Dục giới để đắc Giải thoát đạo, mà tinh tiến tu hành Tu đạo của Bồ-tát. Theo tiêu chuẩn ở trên, chia làm hai loại: **Tín giải** và **Kiến chí**. Hợp cả hai gọi là **Bát hoàn hướng**. [Trong luận cũng ngầm nói quả này.]

Trong **Bát hoàn quả** phân ra làm 5 loại<sup>54</sup>, đó là: (10) **Trung ban**: Thánh giả Bồ-tát có thân ở Sắc giới, đoạn được một trong số phiền não chướng của Giải thoát đạo. (11) **Sinh ban**.<sup>55</sup> (12) **Hữu hành ban**: Thánh giả sinh vào Sắc giới nhưng phải tinh tiến tu công hạnh mới được Giải thoát đạo. (13) **Vô hành ban**: Thánh giả sinh vào Sắc giới nhưng không dụng công hạnh mà được Giải thoát đạo.

Nơi cái thân trời Sắc cứu cánh mà chứng đoạn một trong số phiền não chướng của Thánh vị Bồ-tát, nên gọi là **Trú Sắc cứu cánh**.<sup>56</sup> Ở đây chia làm ba: Toàn siêu ban, Bán siêu ban và Biến một ban. (14) **Toàn siêu ban**: Trước trú ở cõi Đại phạm thiên, sau sinh thẳng lên cõi Sắc cứu cánh mà không sinh vào các cõi trời trung gian<sup>57</sup>, chứng Giải thoát đạo. (15) **Bán siêu ban**: Khi mất ở cõi Phạm chúng thiên thì thọ sinh một trong ba cõi thấp của Tịnh cư thiên, sau đó vượt qua một cõi trung gian để sinh vào cõi Sắc cứu cánh<sup>58</sup>, chứng Giải thoát đạo. (16) **Biến một ban**: Khi mất ở cõi Phạm chúng thiên thì lần lượt thọ sinh ở tất cả các cõi trời tiếp theo, cho đến cõi trời cuối cùng là cõi Sắc cứu cánh<sup>59</sup>, chứng Giải thoát đạo.

---

<sup>54</sup> Gọi là ngũ chủng bát hoàn 五種不還, có nơi còn gọi là ngũ chủng A-na-hàm 五種阿那含, ngũ bát hoàn quả 五不還果, hay ngũ chủng ban 五種般.

<sup>55</sup> Sinh ban 生般: Thánh giả đã sinh về Sắc giới không lâu thì có khả năng phát khởi Thánh đạo, đoạn trừ được hoặc nghiệp của Vô sắc giới mà vào Bát Niết-bàn.

<sup>56</sup> Còn gọi là Thượng lưu ban 上生般: Trước hành giả sinh về sơ thiên Sắc giới, dần dần sinh lên trong các trời khác ở Sắc giới, cuối cùng đến trời Sắc cứu cánh hoặc trời Hữu đảnh mà nhập Bát Niết-bàn.

<sup>57</sup> Mười bốn tầng trời: Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Phước sinh, Phước ái, Quảng quả, Vô tướng, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến và Thiện hiện.

<sup>58</sup> Ngũ Tịnh cư thiên, cũng gọi Ngũ bát hoàn thiên, là: Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện và Sắc cứu cánh. Ba cõi thấp của Tịnh cư thiên là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến. Cõi trung gian là Thiện hiện.

<sup>59</sup> Vì tất cả cõi trời đều có chết đi để thọ sinh vào cõi tiếp theo, cho nên gọi là Biến một.

Bồ-tát không mong cầu sinh về Vô sắc giới, nên gọi là **Trú Hữu đảnh**. Ở đây chia làm hai: (17) **Hiện pháp tịch diệt** (: Hiện pháp Niết-bàn): Thánh giả Bồ-tát đoạn trừ sự kết sinh tương tục của hoặc và nghiệp.<sup>60</sup> (18) **Thân chứng**: Thánh giả Bồ-tát chứng đắc tám giải thoát.<sup>61</sup>

(19) **A-la-hán hướng**: Vì muốn dứt hết phiền não chướng mà tinh tiến tu hành 7 địa Bồ-tát. Trong luận ngầm nói quả này.

(20) **Lân dụ Độc giác**: Là Bồ-tát ở địa thứ 10.

Trên đây bao gồm 20 loại Tăng già. Giải thích này dựa vào ý thuật của luận sư Sư Tử Hiền.<sup>62</sup> Còn nghĩa lý của luận sư Giải Thoát Quân<sup>63</sup>, ở đây không phồn thuyết.<sup>64</sup>

---

<sup>60</sup> Du-già sư địa luận, quyển 59, tr. 629c14: “Nên biết, hết thầy phiền não đều là chuỗi nối kết các đời sống (: kết sinh tương tục).”

<sup>61</sup> A-tỳ-đạt-ma Tập Dị Môn Túc Luận, No. 1536, tr. 443a26: “Tám giải thoát: Những gì là tám? 1. Hoặc hữu sắc, quán các sắc, là giải thoát thứ nhất. 2. Hoặc nội vô sắc tướng, quán ngoại sắc, là giải thoát thứ hai. 3. Thân tác chứng thành tựu và an trú tịnh giải thoát, là giải thoát thứ ba. 4. Vượt thoát sắc tướng, diệt tận hữu đối tượng, không tư duy về đa dạng ấn tượng, thể nhập không vô biên, vị ấy chứng nghiệm và an trú Không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư. 5. Vượt thoát tất cả loại Không vô biên xứ, thể nhập vô biên thức, vị ấy chứng nghiệm và an trú Thức vô biên xứ, giải thoát thứ năm. 6. Vượt thoát tất cả loại Thức vô biên xứ, thể nhập vô sở hữu, vị ấy chứng nghiệm và an trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. 7. Vượt thoát tất cả loại Vô sở hữu xứ, thể nhập Phi tướng phi phi tướng, vị ấy chứng nghiệm và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. 8. Vượt thoát tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, thể nhập diệt thọ tướng, thân tác chứng thành tựu và an trú, đó là giải thoát thứ tám.”

<sup>62</sup> Sư Tử Hiền 師子賢: Phạm: Haribhadra. Cao tăng Ấn độ, sống vào giữa thế kỷ thứ VIII, xuất thân từ giai cấp Sát-đế-lợi. Sư xuất gia vào đời vua Đức ngỗ ba lạp (Devapāla), học rộng cả nội điển và ngoại điển, đặc biệt tinh thông Bát nhã. Sư từng theo ngài Duy lô tả năng phạ đa lạp (Vairocana-bhadra) học tập pháp sám hối của đức Di lặc. Một hôm, sư bỗng nằm mộng thấy 1 vị tăng khuyên sư đến xứ Ca sa lộ ba nạp (Khasarpaja); sau khi tỉnh dậy, sư nhin ăn trong 3 ngày để suy xét về việc trong giấc mộng. Sau, sư lại mộng thấy mình ở trong chùa Áo đan tháp phổ lợi (Odantapuri), lúc ấy có vị thần, chỉ hiện nửa thân phía trên, đứng trong áng mây, cúi mình lễ bái sư, sư hỏi lý do vì sao lễ bái, vị thần nói với sư là mình đang lễ bái đức Di lặc giải nói 8 nghìn bài tụng Bát Nhã (Astasāhasrikā). Không bao lâu, sư mộng thấy đức Di Lặc, toàn thân màu vàng ròng, trên đầu có Chi đề (tháp không có xá lợi), tay kết ấn Thuyết pháp, sư đánh lễ thưa hỏi: Trong đa số các sách chú giải bộ luận Hiện quán trang nghiêm (Abhisamayālakāra) do đức Di Lặc trú tác thì nên lấy bản nào làm tiêu chuẩn? Đức Di Lặc liền bảo: Đợi sau khi ông đã lãnh hội toàn bộ các sách chú giải ấy, rồi từ trong đó, ông lại viết ra bộ sách chú giải khác. Do nhân duyên này nên sau khi tỉnh mộng, sư mới ra sức tìm xem và soạn thuật. Danh tiếng sư lúc bấy giờ được vua Mã Hí Ba Lạp (Mahīpāla) trọng vọng, nhà vua triệu thỉnh sư đến đô thành để chuyên việc trú tác. Sư soạn rất nhiều chú sớ, nổi tiếng hơn cả thì có các bộ: Vimuktasena chú, Nhị vạn ngữ thiên tụng Bát-nhã chú (Pañcavijsatisāhasrikā-prajñāpāramitā), Bát thiên tụng Bát-nhã Hiện quán trang nghiêm luận quang minh thích (Astasāhasrikā-prajñāpāramitā-vyākhyā, Abhisamayālakārāloka), Bạc-già-phạm công đức bảo tập tụng nan ngữ thích (Bhagavad-ratnagunasañcaya-gāthā nāma pañjikā), Chuyển thanh tụng (Vibhakti-kārikā), v.v. Các tác phẩm trên hiện còn trong Đan châu nhĩ của Đại tạng kinh Tây tạng. [X. Śrī Sarat Chandra Das: Pag Sam Jon Zang; F.A. Schiefner: Geschichte des Buddhismus in Indien; E. Obermiller: History of Buddhism by Buxton].

<sup>63</sup> Thánh Giải Thoát Quân 聖解脱軍 (Vimuktisena), hoặc xưng là Giải Thoát Quân, là luận sư phái Trung Quán của Phật giáo Ấn Độ, đệ tử của ngài Thế Thân, một vị cao Tăng Ấn Độ rất nổi tiếng. Truyền thuyết nói Thánh Giải

## b.2 Nghĩa tu Giáo thọ

### b.2.1 Lược nêu

*Sở duyên và hành tướng*

*Nhân duyên và nhiếp trì*

*Bậc Bồ-tát cứu thế*

---

Thoát Quân sanh ở xứ giao nhau giữa Trung Ấn và Nam Ấn, gần hang động Kì-bà-la (Jvāla), là cháu ngoại của Giác Sư (Buddhadāsa) (đệ tử của Thế Thân), xuất gia theo Kê-dận-bộ (Kukkuṭika). Sự truyền thừa của Giải Thoát Quân rất không rõ ràng. Có thuyết nói: ngài đã nghe được kinh Bát-nhã từ Thế Thân (Vasubandhu), còn luận nghĩa của Bát-nhã là học được từ Tăng Hộ (Samgharakṣa). Có thuyết nói: Giải Thoát Quân là đệ tử của Trần-na (Dinnāga), luận nghĩa Bát-nhã là do học được từ Thanh Biện. Truyền thuyết nói luận Hiện quán trang nghiêm là do Di-lặc (Maitreya) sáng tác, cho nên phổ biến nói Giải Thoát Quân là đệ tử của Thế Thân. Luận Hiện quán trang nghiêm là luận của kinh Trung bản Bát-nhã, chia thành 8 phẩm, 70 nghĩa, nhưng có một số nơi không quá phù hợp với bản 25.000 bài tụng của Trung bản Bát-nhã. Về sau, tại Ba-la-nại (Vārāṇasī), Giải Thoát Quân gặp được ưu-bà-tắc Tịch Khải (Śānti-varman), là người thuộc địa phương Bôn-đà-phật-đàn-na (Puṇḍavardhana); Tịch Khải từ Bôn-đà-phật-đàn-na đi đến Phổ-đà-lạc (Potala) thuộc Nam Ấn-độ, lấy được kinh Bát-nhã gồm 20.000 bài tụng từ nơi Bồ-tát Quán Tự Tại (Avalokiteśvara), là bộ chia thành 8 phẩm. Do đây Thánh Giải Thoát Quân mới sáng tác bộ luận Giải thích kinh Bát-nhã 25.000 bài tụng tên Hiện quán trang nghiêm. Cũng có người nói: Tịch Khải đến Phổ-đà-lạc rồi đi, tổng cộng 3 lần, lần thứ 3 mới lấy được kinh Bát-nhã gồm 20.000 bài tụng, hành trình lấy kinh mang đầy không khí thần bí. Về sau, Thánh Giải Thoát Quân hoằng dương Bát-nhã trong 30 năm tại một vương quốc nhỏ ở phương Đông. Sự tích về Thánh Giải Thoát Quân thì âm muội nhưng giàu tính truyền kỳ: (1) Truyền thừa không rõ ràng. (2) Lai lịch của kinh Bát-nhã gồm 8 phẩm là quá ly kỳ. Kinh Bát-nhã gồm 20.000 bài tụng được chia thành 8 phẩm ấy, phần cuối có phẩm Di-lặc vấn, nói về 3 tánh, là phẩm mà những bản kinh khác của kinh Bát-nhã không có. (3) Huyền Trang và Nghĩa Tịnh đều không đề cập đến Giải Thoát Quân và luận Hiện quán trang nghiêm, những Đại đức đến từ phương Tây cũng không nói đến. (4) trong Lịch sử Phật giáo Ấn-độ của Đa Thi, truyền thừa từ Thánh Giải Thoát Quân về sau, thẳng đến thời vua Đạt-ma-ba-la (Dharmapāla, 766-829 A.D.), nói về việc Sư Tử Hiền (Siṃhabhadra) thọ học luận Hiện quán trang nghiêm từ Biến Chiếu Hiền (Vairocanaśāstra), lúc ấy đã sau 100 năm từ khi Nghĩa Tịnh đi Ấn-độ. Nếu Giải Thoát Quân đúng là đệ tử của Thế Thân thì từ Giải Thoát Quân đến Biến Chiếu Hiền, sự truyền thừa không rõ ràng khoảng 300 năm vậy. Truyền thuyết nói Giải Thoát Quân là đệ tử của Trần-na, theo Thanh Biện thọ học, khả năng là cùng thời đại với Hộ Pháp, Nguyệt Xứng (khoảng thế kỷ V, VI A.D.). Giải Thoát Quân hoằng truyền ở phương Đông (Bôn-đà-phật-đàn-na cũng ở phía bờ Đông sông Hằng, tiếp giáp với Đông Ấn-độ); luận Hiện quán trang nghiêm được hưng thịnh lên ở phương Đông, đây là điều cần phải được chú ý.

<sup>64</sup> (Một) Luận sư Thánh Giải Thoát Quân chủ trương 20 Tăng chúng: Chánh triển khai Tăng chúng, có 16: (1) Hưởng dự lưu quả lợi căn; (2) Hưởng dự lưu quả độn căn; (3) Thiên gia gia; (4) Nhân gia gia; (5) Hưởng nhất lai quả; (6) Nhất giá nhất lai quả; (7) Hưởng bất hoàn quả và Hưởng Bất hoàn quả; (8) Sinh ban; (9) Trung ban; (10) Hữu hành ban; (11) Vô hành ban; (12) Thượng lưu: toàn siêu, bán siêu, biến một, Sắc cứu cánh, Hữu danh; (13) Định hành sắc giới; (14) Hiện pháp tịch diệt; (15) Thân chứng; (16) Lân dự độ giác. Thuận triển khai Tăng chúng, có 4: (17) Trú Dự lưu quả; (18) Trú Nhất lai quả, trú Bất hoàn quả; (20) Hưởng A-la-hán quả.

(Hai) Luận sư Sư Tử Hiền chủ trương 20 Tăng chúng: Chánh triển khai Tăng chúng, có 17: (1) Hưởng Dự lưu quả lợi căn; (2) Hưởng Dự lưu quả độn căn; (3) Thiên gia gia; (4) Nhân gia gia; (5) Hưởng Nhất lai quả; (6) Nhất giá nhất lai quả; (7) Hưởng Bất hoàn quả; (8) Sinh ban; (9) Trung ban; (10) Hữu hành ban; (11) Vô hành ban; (12) Toàn siêu; (13) Bán siêu; (14) Biến một; (15) Hiện pháp tịch diệt; (16) Thân chứng; (17) Lân dự độ giác. Thuận triển khai Tăng chúng, có 3: (18) Trú Dự lưu quả; (19) Trú Nhất lai quả; (20) Hưởng A-la-hán quả.

*Thế tánh Noãn, vân vân.*

*Theo đủ bốn phân biệt*

*Phân hạ, trung, thượng phẩm*

*Thắng xuất các Thanh văn*

*Cùng với các Lân dụ.*

[0023a17] Sau khi viên mãn Đại thừa *Thuận giải thoát phần*<sup>65</sup>, *hiện quán chủng loại* được sinh, trong đó, *Đế hiện quán*<sup>66</sup> tùy thuận với Đại thừa *Thế gian đạo*<sup>67</sup>, tức là Đại thừa *Gia hành đạo* [được an lập].

Bồ-tát cứu hộ thế gian là những bậc tu tập bốn gia hành: noãn, đánh, nhẫn, thế đệ nhất pháp, và trong mỗi giai vị có sở duyên, hành tướng, nhân duyên và nhiếp trì, giống như tự tánh của Thế gian đạo dựa vào 4 thứ phân biệt<sup>68</sup>, và trong mỗi giai vị được chia làm ba phẩm sai biệt: hạ, trung và thượng. Đại thừa Gia hành đạo vượt trội hơn Gia hành đạo của Thanh văn và Độc giác.

## **b.2.2 Rộng thích**

### **b.2.2.1 Ba thắng pháp: sở duyên, hành tướng, nhân duyên**

*Sở duyên: vô thường, v.v.*

*Là các tướng Tứ đế*

*Hành tướng phá chấp trước*

<sup>65</sup> Đại thừa Thuận giải thoát phần chính là Đại thừa Tư lương đạo, đồng nghĩa mà dị danh.

<sup>66</sup> Đại thừa Đế hiện quán chính là Đại thừa kiến đạo, đồng nghĩa mà dị danh.

<sup>67</sup> Đại thừa thế gian đạo là tư lương đạo và gia hành đạo, nhưng nó không giống như thế gian đạo của tứ thiên bát định. Xét về kiến đạo, tu đạo và vô học đạo mà nói, gia hành đạo là thế gian đạo. Xét về tứ thiên bát định mà nói, tư lương đạo và gia hành đạo là xuất thế gian đạo.

<sup>68</sup> Bốn thứ phân biệt: Sở thủ phân biệt: 1. Chuyển thủ sở thủ phân biệt; 2. Thối hoàn sở thủ phân biệt; Năng thủ phân biệt: 3. Thật chấp năng thủ phân biệt; 4. Giả chấp năng thủ phân biệt. [Giải thích ở sau]

*Là được nhân Tam thừa  
Năm uẩn lià tự tán  
Trú, giả lập, vô thuyết.  
Năm uẩn chẳng an trú  
Thể chúng vô tự tánh.  
Uẩn - tự tánh là một  
Vô thường, v.v. chẳng trú.  
Các tướng – tánh ấy Không  
Uẩn - tự tánh là một  
Chẳng chấp trước các pháp  
Vì không thấy tướng kia.  
Quán sát bằng trí tuệ  
Tất cả vô sở đắc.  
Năm uẩn vô tự tánh  
Vô ấy chính tánh chúng.  
Không sinh, không xuất ly  
Thanh tịnh và vô tướng.  
Do không dựa tướng kia  
Chẳng thắng giải, vô tướng.  
Chánh định định tác dụng  
Thọ ký hết chấp trước.  
Ba cùng là một tánh  
Chánh định vô phân biệt.*

## *Là thuận quyết trạch phần*

### *Ba phẩm: hạ, trung, thượng.*

[0024a06] Giải thích về sở duyên, hành tướng và nhân duyên của Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất.

#### **Noãn vị**

(1) Hạ phẩm Noãn vị: *Sở duyên* là 16 hành tướng của Tứ đế: vô thường, v.v.<sup>69</sup> *Hành tướng* là ở trên 16 tướng của Tứ đế, phá trừ chấp trước ‘thật hữu’ bằng trí của hạ phẩm Noãn vị.

Bốn gia hành đạo: Noãn, v.v. của Đại thừa đều là cận nhân<sup>70</sup> của Tam thừa để chứng đắc Đại thừa Kiên đạo, vì chúng là thắng phương tiện tùy thuận sự Kiên đạo ấy.

(2) Trung phẩm Noãn vị: *Sở duyên* là sắc, v.v. (: năm uẩn) tách rời *sai biệt chân thật tự tánh*<sup>71</sup> của Tứ đế. *Hành tướng* là tách rời ‘danh ngôn tương tục an trú’ và trí biết ‘không có thắng nghĩa an trú’.

(3) Thượng phẩm Noãn vị: *Sở duyên* là sắc, v.v. tất cả các pháp đều là *sai biệt giả lập* của Tứ đế. *Hành tướng* là trí thông đạt [thắng nghĩa của các pháp là] bất khả thuyết.

#### **Đảnh vị**

(4) Hạ phẩm Đảnh vị: *Sở duyên* có hai: (a) Bất an lập đế<sup>72</sup>: thắng nghĩa của sắc, v.v. thì không thể an lập, và tự thể của sắc, v.v. là tự tánh không thật hữu.

---

<sup>69</sup> Ở Noãn vị này, quán đủ cả bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo ngang qua 16 hành tướng (dạng tánh chất), nghĩa là dùng trí tuệ quán rõ bốn đế đều có bốn hành tướng. Như quán Khổ để thấy rõ nó là vô thường, khổ, không, vô ngã; quán Tập đế, thấy rõ nó là nhân, tập, sinh, duyên; quán Diệt đế thấy rõ nó là diệt, tịnh, diêu, ly; quán Đạo đế thấy rõ nó là đạo, như, hành, xuất.

<sup>70</sup> Quả có 2 thứ nhân: cận nhân và viễn nhân. Cận nhân của quả khổ là nghiệp. Viễn nhân của quả khổ là hoặc hay vô minh. Cận nhân như hạt giống, còn viễn nhân là nước, phân, nhân công.

<sup>71</sup> Chân thật là chân như. Tự tánh là sinh diệt.

*Hành tướng* là trí biết tự tánh của sắc, v.v. và pháp tánh là đồng nhất. (b) An lập đế: sắc, v.v. kia [thành tựu] là bởi thật tánh Không kia.<sup>73</sup> Sắc, v.v. không trú thắng nghĩa, [cho nên có] sai biệt vô thường, v.v. của Tứ đế. *Hành tướng* là trí biết ‘tự thể của vô thường, v.v. thì đồng nhất với pháp tánh’.

(5) Trung phẩm Đảnh vị: *Sở duyên* là không chấp trước đặc tướng của các pháp. *Hành tướng* là không thấy các pháp ấy là thật có đặc tướng; đó là trí thông đạt các pháp nhân duyên, không thật.

(6) Thượng phẩm Đảnh vị: *Sở duyên* là lấy *tuệ quán sát thắng nghĩa* mà quán sát khắp cả [16 hành tướng] của Tứ đế. *Hành tướng* là trí biết tất cả pháp qua ba luân<sup>74</sup>, ở mặt thắng nghĩa, đều là vô sở đắc.

### **Nhẫn vị**

(7) Hạ phẩm Nhẫn vị: *Sở duyên* là sắc, v.v. tất cả pháp, ở mặt thắng nghĩa, đều là vô tự tánh. *Hành tướng* là trí biết tự thể của sắc, v.v., ở mặt thắng nghĩa, là không có, chỉ là danh ngôn.

(8) Trung phẩm Nhẫn vị: *Sở duyên* là sắc, v.v., ở mặt thắng nghĩa, không có sinh tử, không có Niết-bàn. *Hành tướng* là trí biết tu tập như vậy thì sẽ được thanh tịnh ba nghiệp thân ngữ ý.

(9) Thượng phẩm Nhẫn vị: *Sở duyên* là thắng nghĩa vô tướng của Tứ đế.<sup>75</sup> *Hành tướng* là thắng nghĩa không dựa vào tự thể của sắc, v.v., bởi vì trí biết [thắng nghĩa] chẳng phải ấn tượng của [tác ý] thắng giải<sup>76</sup> và [toàn là] vô tướng<sup>77</sup>.

---

<sup>72</sup> Bất an lập đế 不安立諦, còn gọi là Phi an lập đế 非安立諦, cũng gọi là Phi an lập chân như. Thể tính của chân như lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, tịch diệt vô vi, gọi là Phi an lập đế, 1 trong 2 chân như nói trong luận Duy thức. Thành duy thức luận thuật ký, quyển 1, phần đầu (Đại 42, 244 thượng) nói: Giả danh phi an lập đế, nghĩa là lí nhị không nương nơi giả không môn nói là chân tính, nhờ chân tính ấy mà bên trong chứng trí cảnh vô ngôn. Gọi Nhị không chân như chỉ là bày đặt. Thành duy thức luận thuật ký, quyển 9, phần cuối (Đại 42, 568 thượng) nói: “Hữu sai biệt danh ngôn, gọi là an lập. Vô sai biệt, ly danh ngôn, gọi là phi an lập. An lập là nghĩa thi thiết.” [X. luận Du già sư địa Q.72; luận Hiền dương Thánh giáo Q.6].

<sup>73</sup> Trung luận, phẩm Quán Tứ Đế, kệ 14: Dĩ hữu không nghĩa cố, Nhất thiết pháp đắc thành; Nhược vô không nghĩa giả, Nhất thiết tác bất thành. 以有空義故, 一切法得成; 若無空義者, 一切則不成. (Do có nghĩa không, nên tất cả các pháp được thành tựu, nếu không có nghĩa không, thì tất cả các pháp không thành.)

<sup>74</sup> Luận Hiền Dương Thánh Giáo, No. 1602, quyển 17, phẩm Thành Du-già, tr. 563b16: “Tất cả pháp: Là ba luân: 1. Cảnh sở tri; 2. Trí năng tri; 3. Người năng tri.”



## Thế đệ nhất pháp vị

(10) Hạ phẩm Thế đệ nhất pháp: *Sở duyên* là pháp tánh vô sinh và tam-ma-địa Kiện hành v.v.<sup>78</sup> *Hành tướng* là trí biết ở trong Phật vị, tác dụng của những chánh định ấy nhận vận<sup>79</sup> mà chuyển khởi.

(11) Trung phẩm Thế đệ nhất pháp: *Sở duyên* là thắng nhân thọ ký<sup>80</sup> cho sự bất hiện kiến<sup>81</sup>. *Hành tướng* là đối với thắng nghĩa, dứt hết thô phần của sự chấp trước ‘ba luân’.

---

<sup>75</sup> Tâm Kinh nói là “vô khổ, tập, diệt, đạo”.

<sup>76</sup> Luận Du-già Sư Địa, quyển 95, tr. 845a28: “Các bậc Thánh biết đây (: khổ, tập, diệt, đạo) chính là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết do hai duyên được gọi là đế: (1) Pháp tánh, do nghĩa chân thật nên gọi là đế; (2) Thắng giải, do ở trong nghĩa chân thật ấy khởi thắng giải chắc chắn, không nghi hoặc nên gọi là đế. Tất cả ngu phu chỉ do pháp tánh mà được gọi là đế, chẳng phải do thắng giải. Các Thánh giả thì đủ hai thứ nên được gọi là đế, và khéo thuyết tất cả đây nên gọi là Thánh đế.”

Luận A-tỳ-đạt-ma Tập Tập, tr. 697b07: “Thắng giải, thể của nó là tùy theo sự quyết định mà duy trì dấu ấn trên sự thể được quyết định. Nghiệp dụng của nó là không bị dẫn chuyển, nghĩa là, phán đoán dứt khoát rằng sự thể ấy tất nhiên phải như vậy chứ không thể khác. Do thắng giải nên dù có điều kiện đặc biệt nào cũng không làm cho nó dẫn chuyển.”

Luận Câu-xá, quyển 7, chia Tác ý làm 3 thứ: Tự tướng tác ý, Cộng tướng tác ý và Thắng giải tác ý. 1. Tự tướng tác ý: Khi quán xét một vật nào đó thì chỉ thấy tướng riêng của vật ấy thôi; như quán sắc thì thấy tướng biến đổi và chất ngại. 2. Cộng tướng tác ý: Khi quán pháp Tứ đế thì thấy 16 hành tướng là tướng chung của các pháp. 3. Thắng giải tác ý: Tức khi quán tướng các pháp bất tịnh, sinh khởi tác ý thù thắng. Ở cõi Dục có 3 thứ tác ý là Văn sở thành, Tu sở thành và Sinh sở đắc; cõi Sắc có 3 thứ tác ý là Văn sở thành, Tu sở thành và Sinh sở đắc; còn cõi Vô sắc thì chỉ có 2 thứ tác ý là Tu sở thành và Sinh sở đắc. Theo luận Du-già sư địa, quyển 33, nếu các vị Du-già sư muốn lìa dục ở cõi Dục mà siêng tu quán hạnh thì phải qua 7 thứ tác ý mới có thể lìa được dục, đó là: Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả. (tr. 465b29~466c23) Ngoài ra, luận Đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 7, cho rằng sau khi sinh khởi 6 tâm là: 1. Tâm căn bản; 2. Tâm tùy hành; 3. Tâm quán sát; 4. Tâm thật giải; 5. Tâm tổng tụ; 6. Tâm mong cầu; thì kế đó sinh khởi 11 thứ tác ý: 1. Tác ý có giác có quán; 2. Tác ý không giác có quán; 3. Tác ý không giác không quán; 4. Tác ý xa ma tha; 5. Tác ý tỷ bát xá na; 6. Tác ý hai tương ưng; 7. Tác ý khởi tướng; 8. Tác ý nhiếp tướng; 9. Tác ý xả tướng; 10. Tác ý hằng tu; 11. Tác ý cung kính. (tr. 624a26)

<sup>77</sup> Vô tướng: Trạng thái vô tâm, thức không hiện diện.

<sup>78</sup> Nhiếp Đại thừa Luận Bản, No. 1594, tr. 146c16: “Chủng loại của định tăng thượng là định Đại thừa quang minh (: ánh sáng của giáo pháp đại thừa), định Tập phước định vương (: chúa tể trong sự tập hợp phước đức), định Hiền thủ (: từ bi giữ gìn cho chúng sinh), định Kiện hành (: tinh tiến hùng mãnh), v.v., chủng loại vô lượng.”

<sup>79</sup> Nhận vận: Vận chuyển, vận dụng một cách tự nhiên, không cần tác ý.

<sup>80</sup> Thọ ký 授記 (Skt. vyākaraṇa), cũng dịch là ký thuyết 記說, ký biệt 記別; chỉ sự xác nhận của Phật về chỗ tái sinh của một Thánh đệ tử. Ký thuyết là sự khẳng định hay xác nhận một cách dứt khoát, không mơ hồ. Tập A-hàm, kinh Phù-di, số 343: “Này A-nan, trước đây khi Ta ở trong núi tại Tiên nhân trú xứ, thành Vương xá, bấy giờ có chúng xuất gia ngoại đạo đã đem ý vị như vậy, văn cú như vậy, nghĩa lý như vậy đến hỏi Ta. Ta vì họ mà đem ý vị thể này, văn cú thể này, nghĩa lý thể này xác nhận (: ký thuyết) cho họ, giống như những gì Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói.”

<sup>81</sup> Bất hiện kiến sự 不現見事: chỉ cho sự quá khứ và sự vị lai.

(12) Thượng phẩm Thế đệ nhất pháp: *Sở duyên* là ba luân: (a) Pháp năng tu là tam-ma-địa, (b) Người tu là Bồ-tát, (c) Pháp sở tu là Bát-nhã ba-la-mật-đa, mỗi luân cùng đồng nhất với pháp tánh, là nhất tánh sai biệt của Tứ đế. *Hành tướng* là trí biết sự tu tam-ma-địa trở về sau toàn là ‘vô phân biệt’, tức là phương tiện tối thắng để thành tựu quả vị Phật đà.

Trên đây là 4 giai đoạn tu tập của Đại thừa Thuận quyết trạch phần, trong mỗi giai đoạn có 3 phẩm hạ, trung và thượng.

Bốn gia hành đạo<sup>82</sup> như vậy: (1) Do là ngọn lửa của trí Kiến đạo làm dấu hiệu đầu tiên, nên nói là Noãn. (2) Do các thiện căn không bị lay động bởi tà kiến, nên gọi là Đảnh. (3) Do diệt ác nghiệp chiêu cảm thọ sinh ác thú, và do rời xa sự sợ hãi nhờ [an trú] tánh Chân không, nên gọi là Nhẫn. (4) Do là cận nhân của sự kiến đạo, là pháp [hữu lậu] bậc nhất trong tất cả pháp thế gian, nên gọi là Thế đệ nhất pháp.

#### **b.2.2.2 Phân biệt**

*Do sở y, đối trị*

*Hai sở thủ phân biệt*

*Do ngu, uẩn có khác*

*Mỗi loại có chín thứ*

*Do thật hữu, giả hữu*

*Năng thủ cũng chia hai*

*Thế tư tại, ngã, v.v.*

---

<sup>82</sup> Luận Thành Duy Thức, tr. 49a28: “Bốn gia hành này gọi chung là thuận quyết trạch phần, vì thuận dẫn hướng đến sự quyết trạch sự chân thật. Do gần với kiến đạo nên gọi là gia hành, chứ không phải trong giai đoạn tư lương trước đó không hàm nghĩa gia hành.”

## ***Chỗ dựa uẩn, v.v. cũng vậy.***

Phân biệt có hai: sở thủ phân biệt và năng thủ phân biệt.

1. Trong sở thủ lại có hai: (a) *Sở y*: là sự tạp nhiễm; (b) *Đối trị*: là đối trị sự tạp nhiễm ấy.<sup>83</sup> Trong hai sự ấy, mỗi sự lại có 9 thứ, (a) do duyên ngu si, vô minh, v.v.<sup>84</sup>, và (b) do duyên uẩn, v.v.<sup>85</sup>, mà có sai biệt.

### **Chín thứ tạp nhiễm sở thủ phân biệt:**

(1) Tập đế nhiễm ô: là duyên nhiễm ô vô minh.

(2) Khổ đế nhiễm ô: là duyên hữu lậu sắc, v.v. các uẩn.

Trên đây là hai: tổng thể Tập đế và Khổ đế.

(3) Chấp trước danh sắc: là ái trước quả [dị thực] tạp nhiễm<sup>86</sup>.

(4) Tham trước hai bên thường – đoạn: là ưa thích sở tri sai lầm.

(5) Không biết thủ xả đối với pháp tịnh nhiễm: là duyên với tâm sở bất tín.

(6) Không mạnh mẽ an trú đối với các Thánh đạo: là duyên với tâm sở giải đãi.

Trên đây là bốn: duyên riêng với phiền não.

(7) Ba thọ hữu lậu: lạc thọ, khổ thọ và xả thọ.

(8) Sở y của ba thọ: là các pháp hữu lậu: tự, tha, [hữu, vô,] v.v.<sup>87</sup>

---

<sup>83</sup> Sự tạp nhiễm, có 3: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm.

<sup>84</sup> Mười hai duyên sinh.

<sup>85</sup> Uẩn, xứ, giới.

<sup>86</sup> Tức Sinh tạp nhiễm.

<sup>87</sup> Trung luận, phẩm Quán Hữu vô, kệ 6: Nhược nhân kiến hữu vô Kiến tự tánh tha tánh Như thị tác bất kiến Phật pháp chân thật nghĩa. 若人見有無, 見自性他性, 如是則不見, 佛法真實義. (Nếu người nào còn thấy có, thấy không, thấy tự tánh, tha tánh, người ấy như vậy không thấy được nghĩa chân thật của Phật pháp.)

(9) Biết thọ là thể tánh của khổ<sup>88</sup>. Do yểm ly các thọ mà dẫn phát sự thanh tịnh, v.v.

Duyên ba chấp trước ‘thật hữu thọ dụng’ này là duyên riêng với khổ.

Cộng thành 9 thứ tạp nhiễm sở thủ phân biệt.

### **Chín thứ thanh tịnh sở thủ phân biệt:**

Duyên tánh tận sở hữu<sup>89</sup> của [các pháp] sở tri<sup>90</sup>, có 4:

(1) Thanh tịnh là *các uẩn*.

(2) Tăng thượng duyên là *các xứ* thuộc về sinh môn.<sup>91</sup>

---

<sup>88</sup> Tất cả pháp hữu lậu đều là khổ, cho nên khổ thọ, lạc thọ hay bất khổ bất lạc thọ cũng đều là khổ. Kể cả khi tu tập chỉ quán, hiện pháp lạc trú vẫn còn khổ, chỉ khi nào vĩnh đoạn phiền não mới hết khổ. Thể tánh của khổ bao gồm khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

Luận Câu-xá, phẩm Phân biệt Hiền Thánh, tr. 114b07: “Có ba tánh chất về khổ: (1) Khổ vì đó là khổ (khổ khổ); (2) Khổ vì là pháp hữu vi (hành khổ); (3) Khổ vì biến đổi (hoại khổ). Vì ba tánh chất trên mà tất cả các pháp hành hữu lậu đều là khổ: Các pháp vừa ý (khả ý) là khổ, vì phải chịu sự biến đổi (hoại khổ); các pháp không vừa ý (phi khả ý) là khổ, vì tự thân chúng đã là khổ (khổ khổ); các pháp không phải vừa ý cũng không phải không vừa ý (phi khả ý phi phi khả ý) là khổ, vì chúng là hành pháp (hành khổ). (Hỏi) Các pháp khả ý, phi khả ý và phi khả ý phi phi khả ý là gì? (Đáp) Theo thứ tự trên, các pháp này chính là ba thọ, và vì do ba thọ này mà tất cả các pháp hữu vi vốn dẫn khởi lạc thọ, v.v. có tên là khả ý v.v. Lạc thọ là khổ, vì bị biến đổi, như kinh nói: ‘Lạc thọ là lạc khi sinh, là lạc khi trụ, là khổ khi biến đổi (hoại).’ Khổ thọ có tự thể vốn là khổ, như kinh nói: ‘Khổ thọ là khổ khi sinh, là khổ khi trụ.’ Bất khổ bất lạc thọ là khổ, vì vốn tạo thành do các duyên như kinh nói: ‘Cái gì vô thường là khổ.’ Vì thế pháp hữu vi nào dẫn khởi các loại thọ này (thuận thọ chư hành) cũng đều giống như các loại thọ này.” (Đạo Sinh dịch)

<sup>89</sup> Tánh như sở hữu 如所有性: cái tánh đúng như cái thực của sự hiện hữu hay chân như tánh của các pháp. Tánh tận sở hữu 盡所有性: cái tánh cùng tận cái lượng của sự hiện hữu hay nhất thiết tánh của các pháp. Đẳng chánh giác hay chánh biến tri, là tuệ giác của Phật chứng ngộ một cách như sở hữu tánh về bản thể và tận sở hữu tánh về hiện tượng. Tuệ giác ấy là trí căn bản và trí sự dụng. Trí căn bản là trí hội nhập chân như: như lý trí biết như sở hữu tánh, nói cách khác là đại niết bàn. Trí sự dụng là trí toàn giác vạn hữu: như lượng trí biết tận sở hữu tánh, nói cách khác là đại bồ-đề.

<sup>90</sup> Các pháp sở tri: Sở tri, là được biết đến. Pháp, là khái niệm; một pháp là một khái niệm. Cây bút là một pháp, mà cây bút dài hay ngắn, trắng hay đen, cũ hay mới, tốt hay xấu, cũng toàn là một pháp. Một ý tưởng là một pháp, mà ý tưởng ấy thiện hay ác, đúng hay sai, lợi hay hại, mê hay ngộ, cũng toàn là một pháp. Thế nên pháp bao gồm tất cả có không, tâm vật, nhiễm tịnh, thiện ác, mê ngộ, thánh phàm. Các pháp ấy là những đối tượng được biết, và đối tượng ấy chính là 3 tánh: tánh biến kế sở chấp, tánh y tha khởi và tánh viên thành thật, đó gọi là các pháp sở tri.

<sup>91</sup> Luận Câu-xá: “Tu, sinh môn, chủng tộc, Thị uẩn, xứ, giới nghĩa. 聚生門種族是蘊處界義” (Sự tập hợp, cửa ngõ sinh khởi và chủng tộc, Là ý nghĩa của uẩn, xứ và giới.) Câu Xá Luận Thật Nghĩa Số, No. 1561, do An Huệ tạo, quyển 3, phẩm Phân biệt giới, tr. 326b22-c1: “Ba khoa: 1. Tự; 2. Sinh môn; 3. Chủng tộc. Tự, là nghĩa của uẩn. Sinh môn, là cửa ngõ sinh trưởng tâm và tâm sở pháp; sinh ở nhãn thức, lấy mắt làm cửa ngõ. Kinh này xác chứng nghĩa ‘môn’ có 6, nhưng tâm sở pháp có 12, cho nên kệ kinh nói: ‘Con mắt và cảnh sắc làm duyên sinh ra nhãn thức; ba hòa hợp, xúc khởi ra thọ, tưởng và tư. Như vậy cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức; ba hòa hợp, [xúc khởi ra thọ, tưởng và tư].’ Chủng tộc, là nghĩa của giới. Như trong một ngọn núi có nhiều giới, tộc như đồng, thiếc, vàng,

(3) Nhân duyên là *các giới* thuộc về chúng tộc.

(4) Sự thanh tịnh sinh khởi là sự hoàn diệt của duyên khởi.<sup>92</sup>

Duyên thanh tịnh sở tri, có 1:

(5) Duyên *tánh như sở hữu* hay tánh Không.

Duyên các hành, có 1:

(6) Duyên nghĩa của các ba-la-mật-đa, chấp trước các hành.<sup>93</sup>

Duyên các đạo, có 3:

(7) Duyên Kiến đạo.

(8) Duyên Tu đạo.

(9) Duyên Vô học đạo.

Cộng thành 9 thứ thanh tịnh sở thủ phân biệt.

2. Năng thủ phân biệt cũng có hai: (a) *Thật hữu bồ-đặc-già-la* làm sở y; (b) *Giả hữu sĩ phu* làm sở y.<sup>94</sup> Hai năng thủ phân biệt này, mỗi phân biệt có 9 thứ: do

---

bạc, gọi là đa giới; cũng vậy, trong một thân thể hay một sự thể tương tục, có 18 loại. Chúng tộc của các pháp gọi là 18 giới.

<sup>92</sup> Tương Ứng Bộ kinh II, tr.1-2: "Do đoạn diệt tham ái, vô minh một cách hoàn toàn, hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; ...; do sinh diệt nên lão tử, sầu bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt. Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là đoạn diệt."

<sup>93</sup> Luận Hiển Dương Thánh Giáo, quyển 20, phẩm Nhiếp Thắng Quyết Trạch, tr. 580a05: "Lại nữa, lược nói về nghĩa tự thể của tuệ ba-la-mật-đa, thì có ba sắc thái: 1. Sắc thái sở y; 2. Sắc thái sở duyên; 3. Sắc thái hành. Sắc thái sở y: Là bồ đề tâm. Sắc thái sở duyên: Là sắc pháp, v.v... Sắc thái hành: Có hai thứ: hành thể gian và hành xuất thể gian. (1) Hành thể gian: các hành là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn. (2) Hành xuất thể gian: các hành tương ưng vô sở đắc. Lại có ba thứ nghĩa khéo tích tập tu ba-la-mật-đa: 1. Đem tác ý tương ưng tánh của nhất thiết trí đề cùng với tất cả hữu tình hồi hướng về quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề; 2. An trú thật tế bằng các ba-la-mật-đa; 3. Ở nơi thật tế mà không tác chứng."

<sup>94</sup> Đại phẩm bát-nhã 2 (La-thập, T8n223, tr.230c11), 16 biệt danh của ngã: chúng sinh, thọ giả, mạng giả, sinh giả, dưỡng dục giả, chúng số nhân, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Danh sách theo Huyền Trang, Đại bát nhã 406 (T7n220, tr.29a29): hữu tình, mạng giả, sinh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bồ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả.

Bồ-đặc-già-la là hữu tình, là chúng sinh. Sĩ phu là cá thể, là nhân. Xem luận Câu-xá, chương Phá ngã chấp, và kinh Kim cương nói về ngã chấp bằng bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

duyên ngã tự tại, v.v. làm tự thể, và do duyên uẩn, v.v. làm sở y, nên có như vậy  
thấy các phân biệt.

### **Chín thứ thật chấp năng thủ phân biệt:**

(1) Duyên chấp trước có cái ngã tự tại.

Năng thủ phân biệt trên là chấp trước vào tướng mà thiết lập. Tám năng thủ  
phân biệt sau đây là chấp trước vào cảnh mà thiết lập:

(2) Duyên chấp trước cái ngã tự tại là duy nhất.

(3) Là người tạo nhân.

(4) Là người thấy cảnh, v.v.<sup>95</sup>

(5) Lại duyên chấp sự tạp nhiễm là cái ngã tự tại.

(6) Duyên chấp thể gian đạo có người ly dục.

(7) (8) (9) Duyên chấp xuất thể gian kiến đạo, tu đạo và lực dụng sở y của  
đạo làm cho cái ngã được tự tại.

Những chấp trước trên chính là *sở duyên* của phân biệt. Ngã chấp có 9 thứ,  
cho nên năng duyên của ngã chấp phân biệt cũng có 9 thứ, tức là 9 thứ [thật hữu]  
năng thủ phân biệt vậy.

### **Chín thứ giả chấp năng thủ phân biệt:**

(1) (2) (3) Đối với uẩn, xứ và giới, chấp làm *giả hữu sở phư*.

(4) Và đối với 12 duyên khởi, chấp làm *giả hữu sở phư*.

(5) (6) (7) (8) (9) Đối với 37 pháp bồ-đề phần, kiến đạo, tu đạo, thắng tiến  
đạo và vô học đạo, chấp làm *giả hữu sở phư*.

Duyên các [ý tưởng về] ngã này, rồi chấp chặt và kể đặc rằng có người năng  
thọ dụng thật sự, đó là 9 thứ giả hữu năng thủ phân biệt vậy.

---

<sup>95</sup> Thấy, nghe, hay, biết (kiến, văn, giác, tri), bao gồm 6 thức: thấy là nhãn thức, nghe là nhĩ thức, hay là tỷ thức, thiết thức và thân thức, biết là ý thức.

### b.2.2.3 Nhiếp trì

*Tâm không khiếp sợ, v.v.*

*Tuyên thuyết vô tánh, v.v.*

*Xả bỏ phẩm sở trị*

*Nên biết là nhiếp trì.*

[0026a02] (1) Gia hành đạo của Bồ-tát thì không rời *tác ý Nhất thiết tướng trí*. Đối với tánh Không [của Bát-nhã] thâm sâu mà không kinh khiếp, không sợ hãi, v.v.<sup>96</sup> là nhờ những phương tiện thiện xảo<sup>97</sup>, là nhờ xả bỏ *vi phẩm*<sup>98</sup> [với Nhất thiết tướng trí] là *tác ý Nhị thừa*<sup>99</sup> và phá trừ bất cứ *thật chấp*.

Như vậy, *trí Gia hành đạo* của Bồ-tát chính là *nội nhiếp trì*<sup>100</sup> của Bồ-tát ở gia hành đạo. Đây chính là Bồ-tát hiện quán để song phá hai bên sinh tử và Niết-bàn.

---

<sup>96</sup> Chữ ‘đăng’ (v.v.), chỉ cho đại bi tâm.

<sup>97</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 410, tr. 54b01: “Này Thiện Hiện! Đại Bồ-tát này khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa vì có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm sâu như vậy, tâm họ không kinh khiếp, không e ngại, không sợ hãi.” Về phương tiện thiện xảo, xin xem quyển 409, 410 và 411.

<sup>98</sup> Vi phẩm 違品: tánh chất trái ngược. Thí dụ, nhẫn có ba: nhẫn nại những sự gia hại của kẻ oán ghét mình, an nhẫn thọ khổ, để nhẫn quán sát pháp một cách chân thật. Vi phẩm của 3 nhẫn trên là: oán hận, tức giận và tâm yếu hèn, và không hiểu nên không có tâm ưa thích.

<sup>99</sup> Tác ý Nhị thừa là tác ý tương ưng với Thanh văn thừa và Độc giác thừa. Kinh Đại Bát-nhã, quyển 580, tr. 998a28: “Nếu tác ý tương ưng với Thanh văn thừa, Độc giác thừa thì không xen tạp tâm đại Bồ-đề, đều gọi là Bồ-tát tác ý phi lý. Vì sao? Vì tác ý Nhị thừa nên trái nghịch với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu ai khởi tâm kia ngay hiện tiền thì không viên mãn tư lương Bồ-đề, lại vui mừng an lạc Niết-bàn, nhằm chán sanh tử. Đối với điều đó, Bồ-tát phải nên xa lìa và tránh xa, phải nghĩ như vậy: Nếu ta tác ý Nhị thừa sẽ xa lìa trí nhất thiết, thuận theo Niết-bàn, không nên để điều đó xen tạp trong tâm ta.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>100</sup> Nhiếp trì là nhiếp thọ và nắm giữ. Nội nhiếp trì của Bồ-tát: Nếu tự thân được dùng làm công cụ để nhiếp thọ chánh pháp của Đại thừa, thì chúng ta phải có một loại trí tuệ, tức là chúng ta sẽ không khiếp sợ về tánh Không thâm sâu. Giống như Bồ-tát Thường Đề nghe danh hiệu của Đại Bồ-tát Pháp Dũng, hay khi Đại Bồ-tát Pháp Dũng muốn giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Bồ-tát Thường Đề rất hoan hỷ, tinh tiến cầu pháp, không có khiếp sợ. (Xin xem phẩm Bồ-tát Thường Đề, quyển 398 – 400) Điều kiện thứ hai của nội nhiếp trì là tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, nghĩa là trong sâu thẳm tâm mình, Bồ-tát phát khởi thế nguyện quảng đại, nguyện độ hóa vô lượng vô biên chúng sinh, có thể dùng mãnh tinh tiến chịu đựng tất cả các loại khổ hạnh trong vô lượng kiếp.

(2) *Thắng ứng thân* của Phật<sup>101</sup> vì Bồ-tát ở gia hành đạo mà tuyên thuyết: “Tất cả các pháp đều là thắng nghĩa, vô tự tánh, v.v.”<sup>102</sup> Và nói: “*Xả bỏ vi phảm, chính là con đường của ác ma và ác hữu.*”

Đây chính là *ngoại nhiếp trì* của Bồ-tát ở gia hành đạo, tức là bậc thiện tri thức khai thị trọn vẹn về con đường Đại thừa.<sup>103</sup>

## **f. Đúng như Giáo thọ mà tu tập Chánh hành**

### **c.1 Tu hành sở y**

#### **c.1.1 Chủng tánh sai biệt**

*Thông đạt có sáu pháp*

*Đối trị và đoạn trừ*

*Những nghịch phảm dứt sạch*

*Đủ trí tuệ, bi mẫn*

*Bất cộng các đệ tử*

*Lợi tha tiệm thứ hành*

*Trí vô công dụng chuyển*

*Sở y gọi chủng tánh.*

---

<sup>101</sup> Chư Phật có 3 loại hóa thân: 1. Thắng ứng thân, cũng gọi là Đại hóa thân, thân này cao 1 ngàn trượng, để giáo hóa hàng bồ-tát đại thừa gia hạnh vị; 2. Liệt ứng thân, cũng gọi là Tiểu hóa thân, thân này cao 1 trượng 6, để giáo hóa hàng bồ-tát đại thừa 3 tư lương vị (Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng); 3. Tùy loại hóa thân, thân này biểu hiện theo thân của 6 loại chúng sanh, bao gồm tam thừa và lục thú.

<sup>102</sup> Kinh Giải Thâm Mật: “Tất cả các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn.

<sup>103</sup> Ngoại nhiếp trì của Bồ-tát là bậc thiện tri thức Đại thừa, người mà Bồ-tát phải nương tựa, và giáo pháp Đại thừa được tuyên thuyết như “Các pháp toàn Không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn.”



[0026a10] Pháp tánh trong thân Bồ-tát cũng làm sở y cho sự tu hành Đại thừa, chính là *chủng tánh tự tánh trú*<sup>104</sup> làm sở y cho sự tu hành Đại thừa. Giới hạn [của chủng tánh tự tánh trú] là từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến *tối hậu tâm* của Bồ-tát địa thứ mười.

Ở đây, do 13 pháp năng y của tu hành mà chia làm 13 chủng pháp tánh, đó là:

(1)- (6) Bốn thuận quyết trạch phần (noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất pháp), kiến đạo và tu đạo của Đại thừa.

Đây là xét mặt tự tánh của sự tu hành mà chia làm 6 thứ *trí đức [tu hành]*.

(7) Đối trị nghịch phẩm [của vô gián đạo], thiết lập *năng trị tu hành*.

(8) Đoạn trừ nghịch phẩm [của giải thoát đạo], thiết lập *năng đoạn tu hành*.

(9) Nghịch phẩm tận phần<sup>105</sup>, thiết lập *ngịch phẩm vĩnh đoạn giải thoát đạo tu hành*.

Đây là xét tác dụng của sự tu hành, có 3 phần.

(10) Dựa vào sự tăng thượng của địa thứ tám<sup>106</sup>, thiết lập *tuệ bi tu hành* để song phá hai bên sinh tử và Niết-bàn.

(11) Dựa vào sự tăng thượng của địa thứ chín, thiết lập *bát cộng đệ tử Thanh văn tu hành*.

(12) Dựa vào sự tăng thượng [trí] hậu đắc của địa thứ mười, thiết lập *lợi tha tiệm thứ tu hành*.

---

<sup>104</sup> Du-già Sư Địa Luận, quyển 35, tr. 478c12: “Có hai loại chủng tánh, chủng tánh bản tính trú và chủng tánh tập sở thành. ... Bản tánh trú: sáu xứ của Bồ tát, với hình thái đặc biệt như thế, kể từ vô thủy lần lượt truyền đến nay, sở đắc bởi tự nhiên (dharmaatā: pháp nhĩ). Tập sở thành: thiện căn đạt được do tập quán từ trước.”

<sup>105</sup> Đoạn tận năng đối trị phân biệt và sở đối trị phân biệt.

<sup>106</sup> Kinh Đại Bảo Tích, quyển 16, Pháp Hội Tịch Cư Thiên Tử, tr. 89b20: “Sơ địa thì thiện căn tăng thượng, nhị địa thì giới tăng thượng, tam địa thì phương tiện tăng thượng, tứ địa thì sở tác tăng thượng, ngũ địa thì thập nhị nhân duyên tăng thượng, lục địa thì thậm thâm nhãn tăng thượng, thất địa thì hoại tướng trí tăng thượng, bát địa thì hoại tướng giáo hóa chúng sanh tăng thượng, cửu địa thì điều phục tăng thượng, thập địa thì hoại tướng tịnh Phật quốc độ tăng thượng.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

(13) Dựa vào sự tăng thượng [tối] hậu tâm của địa thứ mười, thiết lập *trí vô công dụng chuyển tu hành*.

Đây là xét giới hạn của sự tăng thượng, có 4 phần.

Mười ba loại tu hành như vậy là 13 chủng pháp tánh trong thân Bồ-tát, tức là các chủng tánh Đại thừa làm sở y cho sự tu hành. Những sự tu hành kia đều là sự thăng tiến của các chủng tánh đây.

### **c.1.2 Đoạn tranh cãi**

*Pháp giới vô sai biệt*

*Chủng tánh không nên khác.*

[0026a18] Chủng tánh ba thừa không thể phân chia khác biệt, hoặc tất cả hạng người có chủng tánh ba thừa đều nên thông trú chủng tánh ba thừa, bởi vì tất cả chủng tánh và pháp giới không có sai biệt, pháp giới tức là chủng tánh.

*Do pháp năng y khác*

*Nên nói tánh sai biệt.*

[Đáp:] Đã thông đạt rằng, pháp giới tuy không có sai biệt, nhưng không thể không chia thành 3 loại chủng tánh, cho nên tránh cái lỗi *chủng tánh không thể phân biệt*. Về mặt năng y, trí đức ba thừa có công năng lớn nhỏ khác nhau, cho nên [giả lập] nói sở y là *pháp tánh* có sai biệt. Thí dụ, sở y giống như lọ gốm đồng nhất, còn năng y là mật ong, đường cát, v.v. bất đồng, [vì công năng sai biệt] thế nên phân ra những đồ đựng sai biệt.

### **c.2 Tu hành sở duyên**

*Sở duyên: nhất thiết pháp*

*Đó là pháp thiện, v.v.*

*Sở tri của thế gian*

*Và pháp xuất thế gian*

*Pháp hữu lậu, vô lậu*

*Các hữu vi, vô vi*

*Pháp chung của đệ tử*

*Pháp bất cộng của Phật.*

[0027a06] Tu hành Đại thừa thì phải đoạn trừ chỗ tăng ích<sup>107</sup>, tức là sắc thái *tu hành sở duyên* của Đại thừa. Giới hạn là bao gồm *tất cả pháp*. Sự sai biệt của tất cả pháp được chia thành 11 thứ<sup>108</sup>, đó là:

- (1) – (3) Thiện, v.v. Chữ ‘đẳng’ (v.v.) chỉ cho pháp bất thiện, pháp vô ký.
- (4) Các pháp còn có *thế gian đạo* được bao gồm hay được hiểu là *ngũ uẩn*.
- (5) Và trong xuất thế gia đạo, có pháp vô lậu là *bốn tinh lục*.
- (6) Pháp hữu lậu là *ngũ thủ uẩn*<sup>109</sup>.

---

<sup>107</sup> Tăng ích 增益, là thêm thắt chứ không phải đặc tánh thật hữu, là biến kế sở chấp nơi các pháp: các pháp không thật, như huyền hóa, mà chấp là thật hữu. Thành Duy Thức Luận Thuật ký, No. 1830, quyển 2, tr. 297c04: “Cộng tướng được thêm vào (tăng ích) trên tự tướng, là hữu pháp có tánh y tha. Nghĩa là, một đặc tính của sắc được gắn lên chung cho các sắc, gọi là tăng ích.”

<sup>108</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 46, tr. 261c13: “Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp mà khuyên các đại Bồ-tát, đối với tất cả pháp đó, đều không có sở hữu, không ngại, không đấm, nên học, nên biết? Phật bảo: Thiện Hiện! Tất cả pháp đó là pháp thiện, pháp phi thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng. Thiện Hiện! Đó là tất cả pháp. Các đại Bồ-tát, đối với tất cả pháp đó, đều không có sở hữu, không ngại, không đấm, nên học, nên biết.”

Tất cả pháp bao gồm: (a) Pháp thiện (1); (b) Pháp ác; (c) Pháp vô ký (3). Trong pháp thiện có 2: (a) Thế gian đạo (4), tức pháp hữu lậu (6), và (b) Xuất thế gian đạo (5), tức pháp vô lậu (7), có 2: (i) pháp hữu vi (8), chia làm 2: pháp cộng đệ tử (10) và pháp Phật bất cộng (11); (ii) Pháp vô vi (9).

<sup>109</sup> Ngũ thủ uẩn 五取蘊: Phạm: pañca upādāna-skandhāh. Pàli: pañc' upādāna-kkhandhā. Cũng gọi Ngũ thọ ầm. Năm uẩn hữu lậu do thủ (phiền não) sinh ra hoặc sinh ra thủ. Chỉ cho sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Luận Đại tỳ bà sa, quyển 75, giải thích rằng: Nếu sắc hữu lậu hữu thủ thì sắc ấy ở quá khứ, vị lai và hiện tại, hoặc khởi dục, hoặc khởi tham, sân, si, bố (sợ), hoặc lại theo đó mà sinh khởi tâm sở Tùy phiền

- (7) Pháp vô lậu là *tứ niệm trú*.
- (8) Pháp hữu vi là đạo đế.
- (9) Pháp vô vi là diệt đế.
- (10) Pháp cộng thông của Thanh văn đệ tử là *bốn tịnh lực*.<sup>110</sup>
- (11) Pháp bát cộng của Phật là *mười lực*, v.v.<sup>111</sup>

### c.3 Tu hành sở vi

*Vượt thắng tâm hữu tình*

*Đoạn và trí là ba*

*Nên biết ba đại này*

*Sự sở vi: tự giác.*

[0027a11] Lý do tu hành [đề thú nhập] quả cứu cánh là gì? Đó là sắc thái *sở vi*<sup>112</sup> của sự tu hành Đại thừa.<sup>113</sup> Giới hạn là chỉ ở Phật địa.

Lý do có sai biệt, chia làm 3 sự vĩ đại<sup>114</sup>:

---

não, thì gọi là Sắc thủ uẩn. Phân biệt rộng ra thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Trong luận còn phân biệt sự sai khác giữa uẩn và thủ uẩn, cho rằng uẩn chung cả hữu lậu và vô lậu, còn thủ uẩn thì chỉ có hữu lậu mà thôi. Ngoài ra, bàn về danh nghĩa của Thủ uẩn thì luận Câu xá, quyển 1, cho rằng tất cả phiền não gọi chung là Thủ; uẩn từ thủ sinh, hoặc uẩn thuộc về thủ, hoặc uẩn sinh ra thủ, vì thế gọi là Thủ uẩn. Nhưng luận Đại thừa a tý đạt ma tạp tập, quyển 1, thì đặc biệt gọi Dục tham có trong các uẩn là Thủ, rồi đem hợp với uẩn gọi là Thủ uẩn. [X. kinh Tạp a hàm Q.3; kinh Pháp thừa nghĩa quyết định Q.thượng; luận Du giả sư địa Q.65; luận Thành duy thức Q.1; Thành duy thức luận thuật ký Q.1, phần cuối; Thành duy thức luận chương trung xu yếu Q.thượng, phần cuối; Câu xá luận quang ký Q.1].

<sup>110</sup> Cộng pháp: bốn tịnh lực, bốn vô lượng, bốn định Vô sắc của thế gian.

<sup>111</sup> Chỉ cho 18 Pháp: 10 lực, 4 vô sở úy, 3 niệm trụ và đại bi mà chư Phật tu được ở giai vị Tận trí lúc các Ngài vừa thành đạo, là những pháp mà các bậc Thánh khác không có.

<sup>112</sup> Sở vi 所為, là nguyên nhân, lý do, mục tiêu.

<sup>113</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 413, phẩm Siêu Thắng, tr. 94a03: “Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa: - Bạch Thế Tôn! Nói Đại thừa, Đại thừa là vượt hơn tất cả trời, người, A-tổ-lạc v.v... là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu. Bạch Thế Tôn! Đại thừa như vậy bằng với hư không, cũng như hư không có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này nên Đại thừa của Đại Bồ-tát tức là thừa trí nhất thiết trí.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

(1) Tâm đại: tâm đại bi vượt thắng mọi tâm lý của hữu tình.

(2) Đoạn đại: là đoạn đức cứu cánh.

(3) Chứng đại: là trí đức cứu cánh.

Nên biết, ba sự vĩ đại này chính là lý do (sở vi) ‘tự giác’ của Bồ-tát, bởi vì vin vào quả cứu cánh mà tu hành.

## **c.4 Tự thể Tu hành<sup>115</sup>**

### **c.4.1 Ý lạc quảng đại: Áo giáp chánh hành**

*Do mỗi độ: thí, v.v.*

*Được nhiếp bằng sáu thứ*

*Nên áo giáp tu hành*

*Sáu sáu như kinh thuyết.*

[0027a17] Mỗi một độ như bồ thí, v.v. đều được nhiếp trong sáu độ mà tu tập. Đây là Bồ-tát tu tập Du-già<sup>116</sup> được nhiếp trì bởi *ý lạc quảng đại*<sup>117</sup>, tức là sắc

---

<sup>114</sup> Tam đại tương đương tam đức. Tam đức 三德: Chỉ cho 3 thứ đức tướng của quả vị Phật là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức. Luận Phật tính, quyển 2, giải thích Tam đức này như sau: 1. Trí đức: Chỉ cho trí tuệ của Phật quán xét tất cả các pháp. 2. Đoạn đức: Chỉ cho đức diệt trừ hết tất cả phiền não hoặc nghiệp. 3. Ân đức: Đức do nguyện lực cứu độ chúng sinh mà ban ân huệ cho tất cả chúng sinh. Ba đức trên đây phối với Pháp thân, Báo thân và Ứng thân, đồng thời, Trí đức và Đoạn đức có nội dung tự lợi, tự hành và tự giác, còn Ân đức thì mang nội dung lợi tha, hóa tha và giác tha. Hoa nghiêm kinh số, quyển 12, (Đại 35, 589 hạ) nói: Hạt giống Phật không dứt mất có tướng như thế nào? Là thành tựu Tam đức: Cứu độ chúng sinh, thành tựu Ân đức; đoạn hẳn phiền não, thành tựu Đoạn đức; rõ biết các hạnh, thành tựu Trí đức. [X. Nhiếp đại thừa luận thích Q.8 (bản dịch đời Lương); Di lạc thượng sinh kinh số Q.hạ].

<sup>115</sup> Tu hành có 4 thứ chánh hành: (1) Bị giáp chánh hành; (2) Thú nhập chánh hành; (3) Tư lương chánh hành; (4) Xuất sinh chánh hành.

<sup>116</sup> Du-già (sa. yoga): Dịch nghĩa là tương ưng (thích ứng với nhau), chính yếu là chỉ và quán. Tu tập Du-già như thế nào thì xin xem phẩm Phân Biệt Du-già của kinh Giải Thâm Mật.

<sup>117</sup> Nhiếp Đại Thừa Luận Thích, No. 1597, tr. 356a22: “Nếu các vị bồ tát trải qua bao nhiêu vô số đại kiếp mới hiện chứng vô thượng bồ đề, trong thì gian ấy giả sử mỗi một sát na bỏ hết mọi thân mạng, đem 7 thứ quý báu chứa đầy trong hằng sa thế giới mà phụng thí chư vị Như lai, làm như vậy cho đến ngày an tọa trên pháp tòa bồ đề, vậy mà các vị bồ tát ấy ý lạc về thí vẫn không biết chán và biết đủ; lại cũng trải qua ngàn ấy thì gian, giả sử trong mỗi sát na lừa dối đầy cả đại thiên thế giới, đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng thiếu thốn mọi thứ để sống, vậy mà giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, vẫn thường xuyên hiện hành, cho đến ngày an tọa trên pháp tòa bồ đề, giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, bao nhiêu

thái *Áo giáp chánh hành*. Giới hạn là từ Đại thừa tu lương đạo cho đến *tối hậu tâm* của địa thứ mười.

*Áo giáp chánh hành*, như được thuyết trong Kinh<sup>118</sup>, cũng được Đức Từ Tôn nói đến qua 36 (6 x 6) pháp tu:

(1) – (6) Ngang qua sáu thứ Áo giáp chánh hành (6 độ), mỗi độ đều được nhiếp trong 6 độ: bố thí, v.v.

#### **c.4.2 Gia hành quảng đại: Thú nhập chánh hành**

*Tịnh lực, Vô sắc định*

*Thí, v.v., các đạo, từ, v.v.*

*Thành tựu vô sở đắc*

*Ba luân khéo thanh tịnh*

*Sở vi và sáu thông*

*Nơi Nhất thiết tướng trí*

*Năng thú nhập chánh hành*

*Nên thăng tiến Đại thừa.*

---

ý lạc ấy, các vị bồ tát vẫn không biết chán biết đủ, như thế đó gọi là ý lạc rộng lớn của bồ tát.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>118</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 412, tr. 62c12-65c19: “Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Các Đại Bồ-tát khi tu hành bố thí Ba-la-mật-đa, đem tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí để tu bố thí Ba-la-mật-đa. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, đem cho tất cả hữu tình cùng nhau hướng đến trí nhất thiết trí, ... mặc áo giáp công đức lớn bố thí Ba-la-mật-đa. ... mặc áo giáp công đức lớn bố thí Ba-la-mật-đa. ... mặc áo giáp công đức lớn tịnh giới Ba-la-mật-đa.... mặc áo giáp công đức lớn an nhẫn Ba-la-mật-đa. ... mặc áo giáp công đức lớn tinh tấn Ba-la-mật-đa. ... mặc áo giáp công đức lớn tịnh lực Ba-la-mật-đa. Này Xá-lợi Tử! Như vậy, Đại Bồ-tát khi tu hành bố thí Ba-la-mật-đa, mặc áo giáp công đức lớn đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa. Này Xá-lợi Tử! Đại Bồ-tát nào đem tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí khi tu hành bố thí Ba-la-mật-đa, đối với tướng sáu Ba-la-mật-đa không chấp, không đắc. Nên biết Đại Bồ-tát này mặc áo giáp công đức lớn. ... Này Xá-lợi Tử! Các Đại Bồ-tát an trụ mỗi một Ba-la-mật-đa đều tu sáu pháp Ba-la-mật-đa làm cho được viên mãn. Vì vậy gọi là mặc áo giáp công đức lớn.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch) [Xin xem quyển 412]

[0028a03] Các pháp nhân quả Đại thừa, theo sự thích ứng Đại thừa mà Bồ-tát tu tập Du-già, chính yếu là nhờ  *tinh tiến gia hành* ; đây là  *sắc thái thú nhập chánh hành* . Giới hạn là từ Đại thừa gia hành đạo: Noãn vị, v.v., cho đến tối hậu tâm.

Sai biệt của thú nhập chánh hành này có 9:

- (1) Sở y của đạo: Bốn thứ tĩnh lự và bốn định Vô sắc.
  - (2) Năng dẫn trí đức cứu cánh: Sáu độ: bố thí, v.v.
  - (3) Năng dẫn đoạn đức cứu cánh: Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo và Thăng tiến đạo.
  - (4) Phương tiện của sự lợi tha: Bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả.
  - (5) Thanh tịnh lợi tha: Thành tựu vô sở đắc.
  - (6) Bất đồng Tiểu thừa: Ba luân thanh tịnh nơi tất cả vật.
  - (7) Chuyển các thiện căn trở thành 3 thứ nghĩa sở vi (tâm đại, đoạn đại, chứng đại).
  - (8) Mau chóng viên mãn 2 thứ tư lương<sup>119</sup>: Sáu thần thông<sup>120</sup>.
  - (9) Ở quả vị: Chánh hành có khả năng thú nhập Nhất thiết tướng trí.
- Nên biết, 9 thú nhập chánh hành này có khả năng thăng tiến<sup>121</sup> Đại thừa.<sup>122</sup>

---

<sup>119</sup> Hai thứ tư lương: phước đức tư lương và trí đức tư lương. Năm độ đầu là phước đức tư lương. Tuệ độ là trí đức tư lương.

<sup>120</sup> Bồ-tát thành tựu nhiều chủng loại định mà dẫn ra thần thông biến hóa. Thần thông biến hóa như “chấn động thế giới, phóng ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp mọi khu vực, làm cho mọi thế giới trở nên thấy được, làm cho vật thể chuyển biến, đi lại trong từng sát na giữa các thế giới, thu lại và phóng ra cả không gian và thì gian, thu mọi sắc tượng vào nơi bản thân, đến với loài nào thì hiện ra thân hình cùng loại, hoặc hiện hoặc ẩn, tự do làm cho các loài biến thể, chế ngự thần thông thấp kém của người khác, truyền cảm hứng hùng biện cho người thuyết pháp, và truyền cảm hứng ghi nhớ và thích thú cho người nghe pháp, phóng ra ánh sáng lớn những lúc thuyết pháp, dẫn ra những thần thông lớn lao như vậy.” (Nhiếp luận, H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>121</sup> Thăng tiến lực là cụ bị sức mạnh tinh tiến trong từng ý nghĩ sao cho sự tu tập được thêm và hơn lên để đạt đến viên mãn.

<sup>122</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 487, tr. 474a25-b05: “Xá-lợi Tử! Các Đại Bồ-tát nương vào các phương tiện thiện xảo như vậy. Tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, vì lợi lạc khắp các hữu tình nên phát thú Đại thừa. Lại nữa, Xá-lợi Tử! Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, tu tất cả pháp môn như bốn niệm trụ, ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba môn giải thoát cho đến mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, giữ gìn thiện căn, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng

### c.4.3 Tư lương quảng đại: Tư lương chánh hành

#### (a) Nói rộng

*Bi và sáu độ: thí, v.v.*

*Cùng tu chỉ quán đạo*

*Và dùng song vận đạo*

*Các thiện hộ phương tiện*

*Trí phước và các đạo*

*Đà-la-ni mười địa*

*Năng đối trị nên biết*

*Tư lương hành thứ đệ.*

[0028a10] Do hai tư lương quảng đại được nhiếp trì, vượt qua *Trung phẩm Thế đệ nhất pháp* trở xuống của Đại thừa gia hành đạo, Bồ-tát có khả năng sinh tự quả Bồ-đề qua sự tu tập Du-già. Đây là sắc thái của *tư lương chánh hành*. Giới hạn là từ *Thượng phẩm Thế đệ nhất pháp* của Đại thừa gia hành đạo cho đến *tối hậu tâm* [của địa thứ mười].

Tư lương chánh hành có 17 sai biệt:<sup>123</sup>

(1) Tâm đại bi muốn cho hữu tình thoát ly khổ đau.

(2) – (7) Do tâm đại bi mà tu hành 6 ba-la-mật-đa: thí, giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, bát-nhã.

---

các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Xá-lợi Tử! Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc các hữu tình nên phát thú Đại thừa.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>123</sup> Tư lương chánh hành chia làm 17 thứ: (1) Đại bi; (2) Bồ thí; (3) Trì giới; (4) Nhẫn nhục; (5) Tinh tiến; (6) Thiền định; (7) Trí tuệ; (8) Chí; (9) Quán; (10) Chỉ quán song vận; (11) Phương tiện thiện xảo; (12) Trí; (13) Phước đức; (14) Đạo; (15) Đà-la-ni; (16) Địa; (17) Đối trị.



- (8) – (10) Khi nhập định, tu tập con đường chỉ, quán và chỉ quán song vận.
- (11) Đối với sự lợi tha, sử dụng *phương tiện thiện quyền*.
- (12) *Trí tuệ tư lương*.
- (13) Và *phước đức tư lương*.
- (14) Kiến đạo, tu đạo, vô học đạo và thắng tiến đạo, làm *đạo tư lương*.
- (15) Văn nghĩa của các pháp cho đến đà-la-ni nhiều kiếp thọ trì không quên. Ở đây chia ra: (a) Thông đạt chư tự chân thật của *Nhãn đà-la-ni*<sup>124</sup>; (b) Vì cứu hộ chúng sinh, có thể chế tác các minh chú của Chú đà-la-ni; (c) Văn cú của kinh điển cho đến *Pháp đà-la-ni* nhiều kiếp thọ trì không quên; (d) Nghĩa lý của kinh điển cho đến *Nghĩa đà-la-ni* nhiều kiếp thọ trì không quên.
- (16) Năng lực tạo tác công đức, làm chỗ sở y cho *Thập địa tư lương*.
- (17) Năng lực đoạn trừ *tương vi phạm* cho *đối trị tư lương*.
- Nên biết, những sai biệt này chính là *thứ đệ* của Tư lương chánh hành.

## (b) Riêng giải ba tư lương

### (b.1) Trí tư lương

[0028a17] Ở đây giải thích riêng về trí tư lương. Luận không có tụng văn, nhưng cần giải thích trí tư lương. *Cánh sở duyên* có 20 thứ tánh Không, và *trí năng duyên* có 20 thứ trí tuệ tư lương.

- (1) Do nội lực xứ chân thật Không, gọi là *nội Không*.

<sup>124</sup> Đắc Bồ-tát Nhãn đà-la-ni 得菩薩忍陀羅尼: Cũng gọi Năng đắc Nhãn Bồ-tát đà-la-ni, Nhãn đà-la-ni. Nương vào mật chú để an trụ nơi thật tướng ly ngôn của các pháp mà gìn giữ không mất. Là 1 trong 4 loại Đà-la-ni. Cứ theo Đại thừa nghĩa chương, quyển 11 nói, thì có hai phương pháp Đắc nhãn đà la ni: 1. Sức huân tập nhiều đời trước; 2. Sức tu tập ở hiện tại. Còn theo luận Du già sư địa, quyển 45 nói, thì Đắc nhãn đà-la-ni của Bồ-tát là nhân hạnh thành tựu tự nhiên kiên cố, đầy đủ diệu tuệ, ở nơi vắng lặng, thường vào thiền định, ngủ ít thức nhiều. Đối với các câu chú Đắc bồ-tát nhãn mà đức Phật đã nói, cần suy xét cặn kẽ, thấu đáo, đồng thời, hiểu rõ thông suốt nghĩa của các câu chú này chính là tính Viên thành thật chứ không có nghĩa nào khác.

- (2) Do ngoại sắc, v.v. chân thật Không, gọi là *ngoại Không*.
- (3) Do nội ngoại câu phân, được nhiếp bởi căn và y xứ chân thật Không, gọi là *nội ngoại Không*.
- (4) Do tánh Không cũng chân thật Không, gọi là *Không Không*.
- (5) Do mười phương chân thật Không, gọi là *đại Không*.
- (6) Do đạo sở chứng là Niết-bàn chân thật Không, gọi là *thắng nghĩa Không*.
- (7) Do duyên sinh hữu vi chân thật Không, gọi là *hữu vi Không*.
- (8) Do phi duyên sinh vô vi chân thật Không, gọi là *vô vi Không*.
- (9) Do nội, ngoại và trung gian chân thật Không, gọi là *cửu cảnh Không*.
- (10) Do sinh tử tiền tế và hậu tế chân thật Không, gọi là *vô tế Không*.
- (11) Do thủ xả chân thật Không, gọi là *vô tán Không*.
- (12) Do thật tánh chân thật Không, gọi là *bản tánh Không*.
- (13) Do nhất thiết pháp chân thật Không, gọi là *nhất thiết pháp Không*.
- (14) Do các pháp sinh, v.v.<sup>125</sup> chân thật Không, gọi là *tự tướng Không*<sup>126</sup>.
- (15) Do quá khứ, vị lai, v.v. chân thật Không, gọi là *bất khả đắc Không*.
- (16) Do nhân duyên hòa hợp chân thật Không, gọi là *vô tánh tự tánh Không*.
- (17) Do ngũ uẩn tự tánh chân thật Không, gọi là *hữu tánh Không*.
- (18) Do hư không vô vi, v.v.<sup>127</sup> chân thật Không, gọi là *vô tánh Không*.
- (19) Do bản tánh Không cũng chân thật Không, gọi là *tự tánh Không*.
- (20) Do các pháp tác giả tự tánh Không, gọi là *tha tánh Không*.<sup>128</sup>

<sup>125</sup> Sinh, trụ, di, diệt, hay sinh, lão, bệnh, tử.

<sup>126</sup> Tất cả pháp có 2 thứ tướng: 1. Tổng tướng: sinh diệt không dừng trú, xưa không nay có, có rồi hoàn không, thay đều vô thường. 2. Biệt tướng: như đất có tướng cứng, nước có tướng ướt, lửa có tướng nóng, gió có tướng động. Hai tướng như vậy đều là trống không, gọi là Tự tướng Không.

<sup>127</sup> Theo Ngũ uẩn luận, có 4 vô vi: hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, chân như vô vi. Theo các luận Bách pháp, Du-già, thêm bất động vô vi, tướng thọ diệt vô vi, thành 6.

<sup>128</sup> Mười tám thứ Không ở trước đều dựa vào biệt nghĩa của 2 thứ Không sau cùng mà an lập.

Nhị thập Không 二十空: Hai mươi thứ không. Phẩm Học quán trong kinh Đại bát nhã, quyển 3, nêu lên 20 thứ Không là: 1. Nội không: Sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc pháp bên trong vô thường, vô ngã, là Không. 2. Ngoại không: Sáu cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thuộc pháp bên ngoài vô thường, vô ngã, là Không. 3. Nội

Giống như 20 thứ Không [làm cảnh sở duyên], cũng có 20 thứ trí tuệ tư lương làm trí năng duyên.

## **(b.2) Địa tu lương**

### **(b.2.1) Giải thích nhân vị của mười địa tu trị**

#### **(b.2.1.1) Địa thứ nhất tu trị**

*Do mười thứ tu trị*

*Mà chứng đắc sơ địa:*

*Ý lạc sự nhiều ích*

*Hữu tình tâm bình đẳng*

*Năng xả, gần thiện hữu*

*Cầu chánh pháp sở duyên*

*Thường phát tâm xuất gia*

*Ưu thích thấy thân Phật*

*Chỉ dạy chánh pháp giáo*

*Thật ngữ là thứ mười*

---

ngoại không: Sáu căn, 6 cảnh đều không. 4. Không không: Cái không cũng lại là không, tức không chấp trước tất cả pháp trong ngoài là không, chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tính tự nhiên như thế. 5. Đại không: Mười phương đông, tây, nam, bắc, 4 góc, trên, dưới đều không. 6. Thắng nghĩa không: Niết bàn thắng nghĩa cũng là không. 7. Hữu vi không: Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc hữu vi đều không. 8. Vô vi không: Vô vi không sinh, trụ, dị, diệt là không, nhưng cái không ấy cũng là không nên không chấp trước. 9. Tất cánh không: Không chấp trước các pháp rốt ráo không thực có. 10. Vô tế không: Quá khứ, hiện tại, vị lai không thực có, thời gian qua lại cũng không thực có, cũng không chấp trước cái không ấy. 11. Tán không: Các pháp phóng tán khí xả cũng là không. 12. Vô biến dị không: Các pháp không phóng tán khí xả, không biến dị, cái không biến dị ấy cũng là không, không thật có. 13. Bản tính không: Bản tính của tất cả pháp dù hữu vi hay vô vi, đều chẳng phải do Thanh văn, Độc giác tạo ra, mà bản tính ấy xưa nay vốn là không. 14. Tự tướng không: Tự tướng của tất cả pháp như tự tướng của sắc biến ngại, thụ, tưởng, hành, thức... đều là không. 15. Cộng tướng không: Cộng tướng của tất cả pháp, như khổ là cộng tướng của pháp hữu lậu, vô thường là cộng tướng của pháp hữu vi, không, vô ngã là cộng tướng của tất cả pháp... đều là không, không thực có. 16. Nhất thiết pháp không: 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, hữu sắc vô sắc, hữu lậu vô lậu, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu vi vô vi... hết thấy các pháp đều là không, mà cũng chẳng chấp trước cái không ấy. 17. Bất khả đắc không: Tất cả pháp Hữu trong 3 đời đều không thực có nên không chấp trước. 18. Vô tính không: Không 1 chút tính nào có thể duyên theo được nên là vô tính; cái vô tính ấy cũng không thể nào tưởng tượng được nên là không. 19. Tự tính không: Tự tính của các pháp hòa hợp không có thực thể, cho nên là không. 20. Vô tính tự tính không: Vô tính và tự tính đều là không. [X. phẩm Biện đại thừa trong kinh Đại bát nhã ba la mật đa Q.51; phẩm Quán chiếu kinh Đại bát nhã ba la mật đa Q.403]

## ***Tánh ấy bất khả đắc***

### ***Biết đó là tu trì.***

[0029a09] Do 10 thứ tu trì mà có được các thứ công đức của địa thứ nhất, đó là:

- (1) Với tất cả sự, không có tâm lừa dối, ý lạc thanh tịnh.
- (2) Có năng lực thực hành việc lợi mình, lợi người, gọi là *thọ trì Đại thừa*.
- (3) Với các hữu tình, tu 4 tâm vô lượng, tâm ấy bình đẳng.
- (4) Có thể thí xả thân thể, tài sản, thiện căn<sup>129</sup>, v.v., không sinh tâm bòn xén.
- (5) Đem ba nghiệp chí thành để thân cận, thừa sự các bậc thiện tri thức.
- (6) Tìm cầu sở duyên là chánh pháp của tam thừa.
- (7) Thường phát tâm xuất gia, không thích đời sống tại gia.
- (8) Nghĩ nhớ về Phật không quên, ưa thấy thân Phật.
- (9) Chỉ dạy giáo pháp, toàn không xen pháp.
- (10) Thệ nguyện cứu cánh, nói lời chân thật.

Mười pháp của *Cực hỷ địa* này, nên biết, do được nhiếp trì bởi tâm đại bi và Không tuệ không thủ đắc tự tánh, nên gọi là *tu trì*.<sup>130</sup>

---

<sup>129</sup> Thiện căn = thiện pháp. Chỉ cho thiện pháp mình làm ở trong 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc là thiện pháp thế gian, thiện pháp xuất thế gian, hoặc là xuất thế gian thượng thượng của Đại thừa thiện pháp.

<sup>130</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 53, tr. 303a23-b14: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc ban đầu là Cực hỷ, nên khéo léo tu sửa mười thứ nghiệp thù thắng. Những gì là mười? Một là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp ý lạc thù thắng thanh tịnh, vì việc ý lạc thù thắng chẳng thể nắm bắt được; hai là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp tâm bình đẳng đối với tất cả hữu tình, vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được; ba là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp bố thí vì người cho, kẻ nhận và vật được cho chẳng thể nắm bắt được; bốn là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp thân cận thiện hữu, vì thiện hữu, ác hữu không có hai tướng; năm là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp cầu pháp, vì các pháp được cầu chẳng thể nắm bắt được; sáu là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp thường ưa xuất gia, vì việc xả bỏ nhà cửa chẳng thể nắm bắt được; bảy là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp mến thích thân Phật, vì các tướng tốt và vẻ đẹp kèm theo chẳng thể nắm bắt được; tám là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp khai triển giáo pháp, vì pháp được phân biệt chẳng thể nắm bắt được; chín là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp phá trừ kiêu mạn, vì các pháp hưng thịnh chẳng thể nắm bắt được; mười là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp ngôn ngữ chắc thật, thường hằng vì tánh của tất cả ngôn ngữ chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi an trú bậc ban đầu là Cực hỷ, nên khéo tu sửa mười nghiệp thù thắng như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

### **(b.2.1.2) Địa thứ hai tu trị**

*Giới, báo ân, an nhẫn*

*Cực hỷ và đại bi*

*Thừa sự, kính sư nghe*

*Thứ tám: cần tu thí, v.v.*

[0029a15] Trong địa thứ hai có 8 thứ tu trị, đó là:

- (1) Giới cấm *Nhiếp thiện pháp*, v.v.
- (2) Báo đáp ân người.
- (3) An nhẫn oán hại.
- (4) Hoan hỷ tối cực mà tu các thiện hạnh.
- (5) Khởi đại bi mãn với các chúng sinh.
- (6) Cung kính thừa sự ỏ-ba-đà-da<sup>131</sup>, v.v.
- (7) Kính trọng sư trưởng, chư thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp.
- (8) Tinh tiến tu tập sáu ba-la-mật-da: bố thí, v.v.<sup>132</sup>

Do tám thứ tu trị ở *Ly cầu địa* thứ hai mà có thể phá vỡ những nghịch phẩm ở địa thứ hai, viên mãn sự đối trị.

### **(b.2.1.3) Địa thứ ba tu trị**

---

<sup>131</sup> ỏ-ba-đà-da 鄢波駄耶: Phạm: Upādhyāya. Pāli: Upajjhāya. Cũng gọi Ưu-ba-đà-ha, Ưu-ba-đê-da, Úc-ba-đê-da-dạ, ỏ-bà-đê-da. Hán dịch: Thân giáo sư, Cận tụng, Y học (y chỉ để học). Đồng nghĩa: Hòa thượng. Vì đệ tử trẻ tuổi không được xa thầy, thường ở gần thầy nhận kính để tụng, nên gọi là Cận tụng. Lại vì đệ tử nương tựa nơi thầy để học đạo, tu tập, nên cũng gọi là Y học ( ). [X. luận Bồ đề tư lương Q.5; Huyền ứng âm nghĩa Q.23].

<sup>132</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 53, tr. 303b14-19: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ hai là Ly cầu, nên đối với tám pháp, tư duy, tu tập, khiến mau viên mãn. Những gì là tám? Một là cấm giới thanh tịnh, hai là tri ân báo ân, ba là trụ sức an nhẫn, bốn là thọ hoan hỷ thù thắng, năm là không bỏ hữu tình, sáu là hằng khởi đại bi, bảy là đối với các Sư trưởng đem tâm kính tin để thăm hỏi, thừa sự, cúng dường, tương như phụng sự Phật, tám là khuyên cầu tu tập các Ba-la-mật-đa. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ hai là Ly cầu, nên đối với tám pháp như vậy, tư duy, tu tập, khiến mau viên mãn.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

*Nghe nhiều không chán đủ  
Vô nhiễm hành pháp thí  
Nghiêm tịnh thành Phật độ  
Không chán ghét quyền thuộc  
Và có tâm, có quý  
Năm tánh không chấp trước.*

[0029a20] Trong địa thứ ba có 5 tu trị, đó là:

- (1) Siêng tu đa văn, nghe pháp không chán.
- (2) Không cầu lợi danh, không các nhiễm trước vì người thuyết pháp.
- (3) Sửa chữa những lỗi của hữu tình thế gian và khí thế gian để nghiêm tịnh quốc độ tương lai thành Phật của mình.
- (4) Tuy thấy quyền thuộc làm lỗi tà hành, v.v. nhưng không chán bỏ việc lợi tha.
- (5) Quan đãi tự pháp thì không tạo các điều ác, gọi là *có tâm*. Quan đãi thế gian thì không tạo các điều ác, gọi là *có quý*. Đối với tâm quý, hết thấy không có tâm chấp trước, do được nhiếp trì bởi cái tuệ thông đạt vô ngã.

Năm pháp này là năng tu trị của *Phát quang địa* thứ ba, dựa theo trước nên biết.<sup>133</sup>

#### **(b.2.1.4) Địa thứ tư tu trị**

*Trú rừng, ít muốn, đủ*

---

<sup>133</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 53, tr. 303b21-27: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ ba là Phát quang, nên trụ năm pháp. Những gì là năm? Một là cần cầu đa văn, thường không nhàm chán và không cho là đủ, đối với pháp đã nghe chẳng chấp trước văn tự; hai là lấy tâm vô nhiễm, thường hành pháp thí, tuy mở rộng giáo hóa mà không tự cao; ba là vì nghiêm tịnh cõi nước mà trồng các căn lành, tuy là để hồi hướng mà chẳng tự đề cao; bốn là vì giáo hóa hữu tình, tuy chẳng mệt mỏi chán nản với việc sanh tử vô biên mà chẳng tự cao; năm là tuy trụ tâm quý mà không chấp trước. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ ba là Phát quang, nên thường an trú năm pháp như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

***Đầu-đà chánh luật nghi***  
***Không bỏ các học xứ***  
***Nhàm chán các dục lạc***  
***Vắng lặng, xả mọi vật***  
***Không chìm, không lưu luyến.***

[0030a05] Trong địa thứ tư có 10 tu trị, đó là:

- (1) Thường sống trong rừng vắng, a-luyện-nhã xứ<sup>134</sup>, rời xa ồn náo.
- (2) Chưa được lợi dưỡng, không có các tham dục, gọi là ít muốn.
- (3) Đã được lợi dưỡng, không cầu nhiều và tốt, gọi là biết đủ.
- (4) Thệ nguyện thực hành 12 công đức đầu-đà để được chánh luật nghi.

Mười hai công đức đầu-đà là: 1. Thường khát thực; 2. Ngồi ăn một lần; 3. Thọ thực một bữa. Đây là 3 sự đối trị tham ăn uống. 4. Trú ở a-lan-nhã; 5. Ngồi dưới gốc cây; 6. Sống nơi đất trống; 7. Sống giữa gò mả. Đây là 4 sự đối trị tham chỗ ở. 8. Chỉ có ba y; 9. Giữa y bằng lông; 10. Mặc y phẩn tảo. Đây là 3 sự đối trị tham y phục. 11. Thường đoan tọa; 12. Tùy nghi ngồi. Đây là 2 sự đối trị tham chỗ nằm.<sup>135</sup>

---

<sup>134</sup> A-luyện-nhã xứ 阿練若處 (Skt. aranyāyatana): vô sự xứ 無事處, không nhàn xứ 空閑處, rừng vắng, khu vực ngoài phạm vi dân cư,

<sup>135</sup> Du-già sư địa luận, quyển 25, tr. 422b24: “Hỏi: Vì sao gọi là công đức đầu-đà? Đáp: Ví như ở thế gian hoặc lông thú, hoặc bông vải, nếu chưa dùng roi quất, chưa đánh toi, chưa tách ra, nên sợi của nó lúc ấy không mịn nhuyễn, không nhẹ nhàng, chưa thể kết thành sợi tơ nhỏ để làm chiếu đệm được. Nhưng nếu được đập, được đánh toi, được tách ra, bấy giờ tự phân tán ra trở nên nhẹ nhàng mềm mại, có thể kết thành các sợi tơ nhỏ làm thành chiếu đệm. Hành giả thực hành cũng vậy, do tham ăn uống nên tâm nhiễm đắm đắm với các thức ăn uống, do tham y phục nên tâm nhiễm đắm đắm với y phục, do tham các vật dụng nằm ngồi nên tâm nhiễm đắm đắm với các vật dụng ấy. Do công đức đầu-đà như thế, kia năng tu đối trị khiến tâm thuần trực, khiến thanh tịnh, nhu nhuyễn, diệu khéo, có khả năng kham nhiệm, thuận theo điều được dạy bảo năng tu phạm hạnh. Cho nên gọi là công đức đầu-đà. Trong việc ăn uống có tham ăn mỹ vị và tham ăn nhiều năng chứng ngại việc tu thiện pháp. Vì muốn đoạn trừ tham ăn mỹ vị, nên tùy chỗ khát thực có được, thứ lớp khát thực. Vì muốn đoạn trừ tham ăn nhiều, nên chỉ ngồi ăn một lần, trước dùng sau ăn. Trong việc y phục có 3 chủng tham năng chứng trong việc tu thiện: 1. Tham nhiều y; 2. Tham xúc chạm mềm mại; 3. Tham tốt đẹp thượng diệu. Vì muốn đoạn trừ tham nhiều y, nên chỉ giữ ba y. Vì muốn đoạn trừ tham xúc các y phục mềm mại, nên chỉ giữ y bằng lông. Vì muốn đoạn trừ tham y phục tốt đẹp thượng diệu, nên giữ y phẩn tảo. Trong việc vật dụng nằm ngồi có 4 chủng tham năng chứng trong việc tu thiện: 1. Tham ồn tạp; 2. Tham nhà cửa; 3. Tham ưa nương tựa, ưa nằm; 4. Tham các vật dụng nằm ngồi. Vì muốn đoạn trừ tham ồn náo hỗn tạp, nên ở chốn a-lan-nhã. Vì muốn đoạn trừ tham nhà cửa, nên thường ở dưới gốc cây, đồng hoang, gò mả. Vì muốn

- (5) Học xứ đã thọ đều không xả bỏ.
- (6) Xem năm thứ dục lạc [là tội lỗi], tâm sinh chán lìa.
- (7) Thích ứng giáo hóa khiến trú vắng lặng.
- (8) Xem tất cả tài vật giống như tham dục, cho nên buông bỏ.
- (9) Tu các thiện pháp, tâm không ngưng mất.
- (10) Đối với mọi vật, tâm không lưu luyến.

Như vậy là mười pháp tu trị của *Diệm tuệ địa* thứ tư, dựa theo trước nên biết.<sup>136</sup>

#### **(b.2.1.5) Địa thứ năm tu trị**

*Thân Ni, keo tại gia*

*Uả hôn tạp mà sống*

*Khen mình và chê người*

*Mười bất thiện nghiệp đạo*

*Kiêu mạn và điên đảo*

*Ác tuệ, nhận phiền não*

*Rời xa mười sự này*

*Chứng đắc địa thứ năm.*

[0030a13] Trong địa thứ năm có 10 tu trị, đó là:

---

đoạn trừ tham dâm dật, nên thường ở nghĩa địa. Vì muốn đoạn trừ tham ưa dựa nằm, nên thường ngồi ngay thẳng. Vì muốn đoạn trừ tham các vật dụng năm ngôi, nên thiết lập chỗ ngồi bình thường. Đây gọi là thành tựu công đức đầu-đà.”

<sup>136</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 53, tr. 303b28-c07: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ tư là Diệm tuệ, nên trụ mười pháp thường tu chẳng bỏ. Những gì là mười? Một là ở chỗ thanh vắng, thường chẳng xa lìa, hai là thiếu dục, ba là hỷ túc, bốn là thường chẳng lìa bỏ công đức đầu đà, năm là đối với các học xứ chưa từng xả bỏ, sáu là đối với dục lạc hết sức sanh nhàm chán, xa lìa, bảy là thường ưa phát khởi tâm vắng lặng, tám là bỏ các sở hữu, chín là tâm chẳng ngưng trệ chìm đắm, mười là đối với các sở hữu không có gì luyến tiếc đoái hoài. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ tư là Diệm tuệ, nên an trú mười pháp như vậy, thường hành chẳng bỏ.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



- (1) Ưa cùng bí-sô-ni qua lại thân quen.
  - (2) Ganh tỵ lợi dưỡng của người khác<sup>137</sup>, keo lận với người tại gia.
  - (3) Thích sống hỗn tạp cùng đại chúng.<sup>138</sup>
  - (4) Thích tự khen mình, chê bai người khác.
  - (5) Do đây tăng trưởng mười bất thiện nghiệp đạo.
  - (6) Ý mình đa văn, v.v. nên không cung kính người khác, khiến tâm lý cất cao.
  - (7) Điên đảo chấp trước đối với chỗ thủ xả.
  - (8) Chấp giữ ác tuệ: tà kiến, v.v.<sup>139</sup>
  - (9) [Do dự, hoài nghi].
  - (10) Nhận chịu xu hướng phiền não: tham, sân, si.<sup>140</sup>
- Nếu có thể viễn ly mười pháp này, y chỉ mười thứ đối trị, thì chúng đắc *Nan thắng địa* thứ năm.

### (b.2.1.6) Địa thứ sáu tu trị

#### *Thí, giới, nhẫn, tinh tiến*

<sup>137</sup> Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 8, tr. 38b04: “Không ganh tỵ lợi dưỡng của người khác, là nếu người khác có được y phục, ngọc cụ, thuốc men, ăn uống, phòng nhà, sản nghiệp, tiền của, vàng bạc, châu báu, xóm làng, quốc gia, thành thị, nam nữ, ... thì đối với người được thí như vậy không sinh tâm ganh tỵ, cũng không ôm lòng oán hận, mà tâm phải mừng vui cho họ.”

<sup>138</sup> Du-già sư địa luận, quyển 62, tr. 644c23: “Thế nào là ổi tạp? Là ưa sống hỗn tạp cùng chúng tại gia và chúng xuất gia, lại ưa tâm tư các ác bất thiện, tâm tư các dục, cho đến tâm tư gia thế, tương ưng tâm tư, nhiều tùy tâm tư, nhiều tùy quan sát.”

<sup>139</sup> Du-già sư địa luận, quyển 62, tr. 644c18: “Thế nào là ác tuệ? Là nắm giữ kiến thù của mình, chấp bất bình đẳng, khó từ bỏ ngôn luận.” Bất bình đẳng nhân luận là cái thuyết cho rằng một Nhân có thể sinh ra vạn vật, và cái Nhân đó không do một Nhân khác sinh ra, mà cũng không giống với vạn vật, cho nên gọi là bất bình đẳng.

<sup>140</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 303c15-22: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ năm là Cực nan thắng, phải xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là phải xa lìa nhà ở, hai là phải xa lìa Bí-sô-ni, ba là phải xa lìa nhà keo kiệt, bốn là phải xa lìa chúng hội tranh cãi, năm là phải xa lìa sự khen mình chê người, sáu là phải xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, bảy là phải xa lìa sự tăng thượng kiêu mạn ngạo nghễ, tám là phải xa lìa sự điên đảo, chín là phải xa lìa sự do dự, mười là phải xa lìa tham, sân, si. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ năm là Cực nan thắng, phải thường xa lìa mười pháp như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

***Tĩnh lực, tuệ viên mãn  
Với đệ tử, lân dụ  
Xả hỷ, xả sợ hãi  
Tìm cầu không buồn rầu  
Xả hết không lo tiếc  
Tuy nghèo không chán cầu  
Chứng đắc địa thứ sáu.***

[0030a19] Trong địa thứ sáu có 12 tu trị, đó là:

(1) – (6) Do viên mãn 6 thứ ba-la-mật-đa: bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tiến, tịnh lực, trí tuệ, mà viễn ly 6 thứ tu trị, là:

(7)(8) Do viên mãn trì giới và tĩnh lực mà viễn ly hỷ lạc ở Thanh văn đệ tử địa và lân dụ Độc giác địa.

(9) Do viên mãn an nhẫn ba-la-mật-đa mà viễn ly tâm sợ hãi đối với oán hại, khổ cực và chân lý.

(10) Do viên mãn bố thí ba-la-mật-đa mà người tìm cầu đi đến, tâm không buồn rầu.

(11) Do yêu thích bố thí và tinh tiến viên mãn mà thí xả tất cả vật, tâm không lo tiếc.

(12) Do viên mãn bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy rất nghèo túng cũng không chán bỏ người tìm cầu.

Do 12 tu trị này mà chứng đắc *Hiện tiền địa* thứ sáu.<sup>141</sup>

---

<sup>141</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 303c23-304a03: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ sáu là Hiện tiền, phải viên mãn sáu pháp. Những gì là sáu? Một là phải viên mãn bố thí Ba-la-mật-đa, hai là phải viên mãn tịnh giới Ba-la-mật-đa, ba là phải viên mãn an nhẫn Ba-la-mật-đa, bốn là phải viên mãn tinh tấn Ba-la-mật-đa, năm là phải viên mãn tịnh lực Ba-la-mật-đa, sáu là phải viên mãn Bát-nhã-ba-la-mật-đa. Lại phải xa lìa sáu pháp. Những gì là sáu? Một là phải xa lìa tâm Thanh-văn, hai là phải xa lìa tâm Độc-giác, ba là phải xa lìa tâm nhiệt não, bốn là thấy kẻ hành khát đến tâm chẳng bực bội lo lắng, năm là bỏ vật sở hữu tâm không lo buồn hối tiếc, sáu là đối với kẻ

**(b.2.1.7) Địa thứ bảy tu trị**

*Chấp ngã và hữu tình*

*Mạng và số thủ thú*

*Đoạn, thường và tướng, nhân*

*Uẩn, giới và các xứ*

*Trú tam giới tham trước*

*Tâm lý đầy khiếp thoái*

*Đôi Tam bảo, thi-la*

*Khởi cái thấy chấp trước*

*Tranh luận nơi tánh Không*

*Trái tánh Không làm lỗi*

*Do rời hai mươi thứ*

*Liên đắc địa thứ bảy.*

[0031a06] Đoạn trừ 20 thứ làm lỗi được nói ở đây, thì thành tựu 20 thứ tu trị. Do được nhiếp trì bởi Không tuệ nói ở trên, liền chứng đắc *Viễn hành địa* thứ bảy, đó là:

- (1) Chấp ngã.
- (2) Chấp hữu tình.
- (3) Chấp mạng giá.
- (4) Chấp bỏ-đặc-già-la.
- (5)(6) Như vậy chấp đoạn biên, thường biên.

---

đến cầu xin, hoàn toàn chẳng kiêu ngạo đối gạt. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ sáu là Hiện tiền, phải viên mãn sáu pháp như vậy và phải xa lìa sáu pháp như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

- (7) Chấp tướng.
- (8) Chấp nhân.
- (9)(10)(11) Chấp uẩn, giới, xứ.
- (12)(13) Chấp tam giới là chân thật nên trú trước, là chân thật nên xả bỏ.
- (14) Tự giác không thể có được công đức thắng thượng, tâm lý đầy ắp sự khiếp sợ và thoái lui.
- (15)(16)(17)(18) Đối với Tam bảo và tịnh giới, khởi cái thấy mà chấp trước.
- (19) Vọng chấp tánh Không là phá hoại *hữu sự*<sup>142</sup>, để rồi dấy lên sự tranh luận.
- (20) Chấp tánh Không thì trái ngược với thế tục.
- Đây là 20 thứ làm lỗi ở địa thứ bảy cần phải rời xa.<sup>143</sup>

### ***Biết ba giải thoát môn***

<sup>142</sup> Luận Câu-xá, phẩm Phân biệt Các Giới: “Các pháp hữu vi cũng được gọi là Ly (nihsaraṇa), tức thoát ly, là Niết-bàn của tất cả các pháp. Các pháp hữu vi đều có tính chất thoát ly này do đó nói là hữu ly. Do tính chất có nguyên nhân, nên nói là hữu sự (savastuka). Sự (vastu) là từ đồng nghĩa của nhân (hetu); đó là truyền thuyết của các luận sư Tỳ-bà-sa (Vaibhāṣika).”

<sup>143</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 304a04-b05: “Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ bảy là Viên hành, phải xa lìa hai mươi pháp. Những gì là hai mươi? Một là phải xa lìa chấp ngã, chấp hữu tình cho đến chấp cái biết, chấp cái thấy, hai là phải xa lìa chấp đoạn, ba là phải xa lìa chấp thường, bốn là phải xa lìa chấp tướng, năm là phải xa lìa chấp nhơn kiến, sáu là phải xa lìa chấp danh sắc, bảy là phải xa lìa chấp uẩn, tám là phải xa lìa chấp xứ, chín là phải xa lìa chấp giới, mười là phải xa lìa chấp Thánh đế, mười một là phải xa lìa chấp duyên khởi, mười hai là phải xa lìa chấp trụ trước ba cõi, mười ba là phải xa lìa chấp tất cả pháp, mười bốn là phải xa lìa chấp như lý và chẳng như lý của tất cả pháp, mười lăm là phải xa lìa kiến chấp nương vào Phật, mười sáu là phải xa lìa kiến chấp nương vào Pháp, mười bảy là phải xa lìa kiến chấp nương vào Tăng, mười tám là phải xa lìa kiến chấp nương vào giới, mười chín là phải xa lìa sự sợ hãi pháp không, hai mươi là phải xa lìa sự trái chổng tánh không. Lại phải viên mãn hai mươi pháp. Những gì là hai mươi? Một là phải viên mãn sự thông đạt cái không, hai là phải chứng đắc sự viên mãn vô tướng, ba là phải viên mãn sự hiểu biết vô nguyện, bốn là phải viên mãn ba luân thanh tịnh, năm là phải viên mãn tâm bi mãn hữu tình và đối với hữu tình không có sự chấp trước, sáu là phải viên mãn cái thấy bình đẳng về tất cả các pháp và ở trong đó không có sự chấp trước, bảy là phải viên mãn cái thấy bình đẳng về tất cả hữu tình và ở trong đó không có sự chấp trước, tám là phải viên mãn sự thông đạt lý thú chơn thật và ở trong đó không có sự chấp trước, chín là phải viên mãn cái trí Vô-sanh-nhãn, mười là phải viên mãn cái thuyết tất cả pháp đều qui lý nhất tướng, mười một là phải viên mãn sự diệt trừ phân biệt, mười hai là phải viên mãn sự xa lìa các tướng, mười ba là phải viên mãn sự xa lìa các kiến chấp, mười bốn là phải viên mãn sự xa lìa phiền não, mười lăm là phải viên mãn sự Sa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na (chỉ quán), mười sáu là phải viên mãn sự điều phục tâm tánh, mười bảy là phải viên mãn sự tịch tịnh tâm tánh, mười tám là phải viên mãn tánh vô ngại trí, mười chín là phải viên mãn sự không ái nhiễm, hai mươi là phải viên mãn sự tùy theo ý muốn đến các cõi Phật, tự hiện thân trong chúng hội của Phật. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ bảy là Viên hành, phải xa lìa hai mươi pháp như vậy và phải viên mãn hai mươi pháp như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

*Ba luân đều thanh tịnh  
Đại bi, không chấp trước  
Pháp bình đẳng, nhất lý  
Biết vô sinh, biết nhẫn  
Nói các pháp nhất tướng  
Diệt trừ các phân biệt  
Lìa tướng, kiến, phiền não  
Xa-ma-tha định tư  
Thiện tỳ-bát-xá-na  
Nội tâm khéo điều phục  
Trí vô ngại tất cả  
Chẳng tham địa, tùy dục  
Đẳng du các cõi Phật  
Hết thấy khắp hiện thân  
Cộng thành hai mươi thứ.*

[0031a12] Đề đối trị 20 thứ làm lỗi, có 20 thứ tu trị đối trị ở địa thứ bảy, đó là:

(1)(2)(3) Biết tự tướng nhân quả của các pháp đều là tánh Không chân thật, thì biết ba giải thoát môn: không, vô tướng, vô nguyện.

(4) Hiện chứng ba luân: người giết, vật bị giết và hành động giết hại đều không phải thật có, cho nên ba luân đều thanh tịnh.

(5) Duyên với tất cả hữu tình mà khởi tâm đại bi.

(6) Đối với tất cả pháp, không chấp chúng là chân thật.

(7) Biết tất cả pháp bình đẳng đều là tánh Không chân thật.

(8) Biết tất cả pháp là thắng nghĩa, vô sinh.

(9) Đối với tánh Không sâu xa, không sinh tâm khiếp sợ, trái lại liễu tri và an nhẫn sâu xa.

(10) Các pháp trong sự tuyên thuyết và sự pháp tâm đều là *nhất tướng*, không thật.

(11) Hủy hoại tất cả *thật chấp phân biệt*<sup>144</sup>.

(12) Không có chấp trước *ý tướng* về các tướng: thường, lạc, ngã, tịnh.

(13) Rời xa 5 kiến: tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ kiến và giới cấm thủ kiến.

(14) Rời xa phiền não: tham, sân, si, v.v.

(15) Do cánh cửa xa-ma-tha (: chỉ) mà quyết định [ở trong định] tư duy về Nhất thiết tướng trí; do thắng tuệ của tỳ-bát-xá-na (: quán) mà có đủ phương tiện thiện xảo để liễu tri “*duyên khởi như huyễn*”<sup>145</sup>.

(16) Điều phục thật chấp [huyễn tướng] nơi nội tâm.<sup>146</sup>

(17) Đối với tất cả [các pháp] sở tri, thành tựu *trí vô chướng ngại*.

(18) Trí thông đạt tất cả thì nó chẳng phải lĩnh vực tham trước ‘chân thật’.

(19) Tùy ý muốn của mình mà bình đẳng du hành qua các cõi Phật.

(20) Do nơi tự thân hoạch đắc sự tự tại, trong mọi thời gian, có năng lực hiện thân của mình khắp cả các chúng hội của Phật.

Do 20 thứ tu trì này mà chứng đắc địa thứ bảy, dựa theo trước nên biết.

### (b.2.1.8) Địa thứ tám tu trì

---

<sup>144</sup> Năng thủ phân biệt: 1. Thật chấp phân biệt; 2. Giả chấp phân biệt.

<sup>145</sup> Các nhà Trung quán cho rằng, khi thông đạt được các pháp Duyên khởi như huyễn, thì nhất định chẳng an lập một cái gì chân thật nữa, mà quán tất cả pháp đều là giả lập, nương nhau thành tựu và khi vừa thông đạt được một pháp thì liền thông đạt tất cả pháp. Vì thế, khi liễu giải được các pháp Duyên khởi tánh không, thì biết rằng chẳng phải do có mặt trăng thật trên trời mà có bóng trăng trong nước. Cần phải đạt được tất cả như huyễn; hiểu được ‘căn, cảnh, thức không thật tánh’ để phản quán mà đạt được giải thoát. Vì thế y thật lập giả, là do từ vọng chấp tự tánh mà ra.

<sup>146</sup> Nghiệp sinh ra từ phiền não, phiền não sinh ra từ phi lý tác ý, và phi lý tác ý sinh ra từ thật chấp về huyễn tướng nơi nội tâm.

*Biết ý các hữu tình  
Du hý các thần thông  
Tạo Phật độ vi diệu  
Quán nên thân cận Phật.  
Biết căn, tịnh Phật độ  
An trú như huyễn sự  
Suy nghĩ thọ ba hữu  
Nói tám thứ tu nghiệp.*

[0032a01] Trong địa thứ tám có 8 tu trị:

- (1) Biết như thật về tâm ý của các hữu tình, như hữu tham, ly tham, hữu sân, ly sân, hữu si, ly si, v.v.
- (2) Thần thông du hý nơi các Phật độ.
- (3) Kiến tạo Phật độ vi diệu bằng những chất liệu như phệ lưu ly<sup>147</sup>, v.v.
- (4) Vì muốn quán trách văn nghĩa của các pháp mà thân cận và thừa sự chư Phật.<sup>148</sup>
- (5) Nhờ có thiên nhãn mà biết các căn lợi độn.
- (6) Nghiêm tịnh quốc độ thành Phật ở tương lai, sửa chữa những mê lầm của hữu tình.
- (7) Xuất định nhập định thì an trú ‘tất cả như huyễn’.
- (8) Do bi nguyện mà nghĩ đến sự thọ sinh ba hữu.<sup>149</sup>

---

<sup>147</sup> Phệ lưu ly 吠琉璃 (S: vaidurya): Một loại đá quý màu xanh da trời, thường gọi tắt là Lưu ly.

<sup>148</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 304b06-11: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ tám là Bất động, phải viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là phải viên mãn sự ngộ nhập tâm hạnh của tất cả hữu tình, hai là phải viên mãn các thần thông du hý, ba là phải viên mãn cái thấy các cõi Phật, và như cái thấy ấy mà tự trang nghiêm các cõi Phật, bốn là phải viên mãn sự cúng dường, thừa sự chư Phật Thế Tôn, đối với thân Như Lai, quán sát như thật. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ tám là Bất động, phải viên mãn bốn pháp như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

Đây là 8 tu trì nghiệp của Bất động địa thứ tám. Do 8 sự này mà viên mãn địa thứ tám.<sup>150</sup>

### **(b.2.1.9) Địa thứ chín tu trì**

*Vô biên các thế nguyện*

*Biết ngôn ngữ trời, rồng, v.v.*

*Biện thuyết như thác ghềnh*

*Sự nhập thai bậc nhất*

*Chứng tánh tộc hoàn hảo*

*Quyển thuộc và sinh thân*

*Xuất gia cây Bồ-đề*

*Viên mãn các công đức.*

[0032a07] Trong địa thứ chín có 12 thứ tu trì, đó là:

- (1) Do viên mãn 9 thứ ba-la-mật-đa mà vô biên đại nguyện đều được thành tựu.
- (2) Lại biết rõ tất cả ngôn ngữ khác biệt của trời, rồng, v.v.
- (3) Do có được *biện vô ngại giải* mà biện tài thuyết pháp không cùng tận, giống như thác ghềnh.

---

<sup>149</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 304b12-16: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ chín là Thiện tuệ, phải viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là phải viên mãn về cái trí căn cơ thẳng, liệt của các hữu tình, hai là phải viên mãn sự nghiêm tịnh cõi Phật, ba là phải viên mãn đẳng trì như huyễn, thường nhập vào các định, bốn là phải viên mãn sự tùy theo thiện căn thuần thực của các hữu tình mà nhập vào các cõi, tự hiện hóa sanh. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ chín là Thiện tuệ, phải viên mãn bốn pháp như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>150</sup> Trung phẩm Bát-nhã, No.223, phẩm Phát Thú, thứ 20, tr. 257b20: Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bát địa phải đầy đủ năm pháp. Những gì là năm? Một là thuận nhập vào tâm chúng sanh. Hai là du hí các thần thông. Ba là thấy các Phật quốc. Bốn là tự trang nghiêm quốc độ mình như Phật quốc đã thấy. Năm là quán thân Phật như thiết, tự trang nghiêm Phật thân. Lại phải đầy đủ năm điều. Một là biết các căn tánh thượng hạ. Hai là thanh tịnh Phật độ. Ba là nhập như huyễn tam muội. Bốn là thường nhập tam muội. Năm là tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân. Trên đây là năm pháp và năm điều mà đại Bồ Tát bát địa đầy đủ.” (H. T Thích Trí Tịnh dịch)



(4) Người rời xa mọi lỗi lầm của phụ nữ, được mọi người ca tụng, nhập thai người mẹ này là bậc nhất.

(5) Chúng tộc hoàn hảo, như sát-đế-lợi hay bà-la-môn.

(6) Dòng họ hoàn hảo, như Nhật chủng hay Cam giá, v.v.<sup>151</sup>

(7) Thất tộc hoàn hảo, như mẹ, v.v.<sup>152</sup>

(8) Quyển thuộc hoàn hảo: tự mình giáo hóa quyển thuộc khiến họ an trú Bồ-đề.

(9) Được vua trời Đế Thích, quốc vương, mọi người xưng tán mà đản sinh.

(10) Nhờ chư Phật và chư thiên Tịch cư khuyến trợ sự xuất gia.

(11) Thành tựu đại đạo quả dưới cây Bồ-đề, như cây A-thuyết-tha<sup>153</sup> của Đức Phật Thích Ca, cây Long Hoa của Đức Di Lặc, cây Nặc-cù-đa<sup>154</sup> của Đức Phật Nhiên Đăng.

---

<sup>151</sup> Cam Giá 甘蔗 (S: Ikṣvāku; P: Okkāka): Vua Cam Giá, âm dịch là Ý-ma-di 懿摩彌, Ý-su-ma 懿師摩, Thanh-ma 聲摩, Y-ma 伊摩, là vị vua tối sơ của Nhật chủng 日種 (Sūryavamśa) của vương quốc A-du-đô (Ayodhyā) ở Trung Thiên Trúc, thuộc dòng giống Aryan, tổ tiên dòng họ Thích Ca (Sakya). Sách Bách Trượng Tùng Lâm Thanh Quy Chứng Nghĩa Ký 百丈叢林清規證義記, có ghi: “Dựa theo nước Ấn Độ có chia ra đông, nam, tây, bắc, trung ương năm nước lớn. Phật sanh ở Trung Thiên Trúc thuộc gia đình hoàng gia nước Ca Tỳ La, giòng Sát Đế Lợi, tên là Cù Đàm, tiếng Phạn là Gautama, Trung Hoa phiên âm là Cam Giá. Thủy Tổ Vương tiên bị người thợ săn bắn chết, máu loang ra đất mọc lên 2 cây mía, mặt trời thiêu chín một cây sanh ra một nam tử hiệu là Cam Giá Vương. Một cây là nữ, vợ vua tên Thiện Hiền, sanh người con trai làm vua Chuyên Luân dùng mặt trời thiêu đốt, còn gọi là Nhật Chủng truyền tới 700 đời đến vua Tịnh Phạn. Phật do công phu tu hành nhiều kiếp đầy đủ, từ cung trời Đâu Suất giáng xuống hoàng cung chun vào hông bà Ma Gia phu nhân. Bấy giờ nhằm năm thứ 24 đời Châu Chiêu Vương, hay còn gọi là năm Giáp Dần thứ (624 BC). Ngài sanh mồng 8 tháng 4, tên là Tất Đạt Đa. Sau khi sanh được 7 ngày, mẹ mất bà sanh lên cung trời Đạo Lợi.” (Thích Bảo Lạc dịch)

<sup>152</sup> Thất tộc 七族: 7 gia tộc, 7 dòng họ hay 7 thế hệ.

<sup>153</sup> A-thuyết-tha thọ 阿說他樹 (S: azvattha): Còn gọi là Át-thuyết-tha thọ, Ba-thập-ba-tha thọ. Dịch ý là Cát tường thọ (cây tốt lành), Vô tội thọ (cây vô tội). Tên khoa học là Ficus religiosa. Là tên gọi khác của cây Tất-ba-la (S: Pippala). Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành chánh giác dưới gốc cây A-thuyết-tha, vì thế còn gọi là cây Bồ-đề. Hoa nghiêm kinh thám huyền ký, quyển 20 (Đại 35, 482 thượng): Cây A-thuyết-tha, Hán dịch là cây vô tội. Nghĩa là đi quanh cây này ba vòng có thể diệt được tội chướng, đó là cây Bồ-đề. Vì đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây này mà thành đạo, cho nên, không những chỉ tín đồ Phật giáo tôn sùng, mà từ xưa cả Ấn độ cũng coi là cây Thần, dùng để làm các đồ cúng dường, hoặc khi cúng lửa thì dùng làm cây hộ ma. [X. Phật sở hành tán Q.3; Tô tất địa yết la cúng dường pháp; Hữu bộ ti-nại-da được sự Q.1; Cao tăng Pháp hiển truyện]

<sup>154</sup> Nặc-cù-đa thọ 諾瞿陀樹 (S: Nyagrodha. P: Nigrodha, Nigoha): Cũng gọi Ni câu luật thọ, Ni câu loại đà thọ, Ni câu đà thọ. Tên khoa học: Ficus indica. Loại cây giống như cây si, thuộc họ cây dâu, mọc ở Ấn độ, Tích lan. Thân cây cao to thẳng đứng, tán rộng, có rễ từ trên thân rủ xuống, khi chạm đất thì rễ ấy lại mọc lan ra tứ phía. Đức Phật thứ 6 trong 7 đức Phật quá khứ là Ca diếp Như lai đã ngồi dưới cây này để thuyết pháp độ sinh. [X. kinh Đại bản trong Trường a hàm Q.1; kinh Tạp a hàm Q.33; luận Câu xá Q.6; Tuệ lâm âm nghĩa Q.12, 15].

(12) Viên mãn tất cả công đức như mùi lục, v.v.<sup>155</sup>

Do 12 thứ tu trị này mà viên mãn Thiện tuệ địa thứ chín, dựa theo trước nên biết.

### (b.2.2) Giải thích sắc thái quả vị của địa thứ mười

*Vượt qua chín địa rồi*

*Bằng trí trú Phật địa*

*Nên biết đây chính là*

*Bồ-tát địa thứ mười.*

[0032a14] *Chín địa* ở đây là chỉ cho:

(1) - (8) Tám địa của Tiểu thừa.

(9) Và nhân vị Bồ-tát là chín địa, hợp thành một là Bồ-tát địa.

Tám địa của Tiểu thừa nhờ *trí kiến* mà vượt lên. Bồ-tát địa do *an trú* mà vượt lên.<sup>156</sup>

---

<sup>155</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 304b18-c02: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ mười là Pháp vân, phải viên mãn mười hai pháp. Những gì là mười hai? Một là phải viên mãn đại nguyện nhiếp thọ vô biên xứ sở, tùy theo sở nguyện đều được viên mãn, hai là phải viên mãn cái trí biết âm thanh của các loài khác nhau như là chur thiên, long, dược xoa, Kiên-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, nhơn, phi nhơn v.v... ba là phải viên mãn trí biện thuyết vô ngại, bốn là phải viên mãn sự nhập thai hoàn hảo, năm là phải viên mãn sự đản sanh hoàn hảo, sáu là phải viên mãn gia tộc hoàn hảo, bảy là phải viên mãn chủng tánh hoàn hảo, tám là phải viên mãn quyền thuộc hoàn hảo, chín là phải viên mãn sanh thân hoàn hảo, mười là phải viên mãn xuất gia hoàn hảo, mười một là phải viên mãn trang nghiêm cây Bồ-đề hoàn hảo, mười hai là phải viên mãn sự hoàn thành tất cả công đức hoàn hảo. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ mười là Pháp vân, phải viên mãn mười hai pháp như vậy. Thiện Hiện! Nên biết đã viên mãn bậc thứ mười là Pháp vân, đại Bồ-tát cùng các Như Lai phát ra lời nói không khác.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>156</sup> Tam thừa cộng Thập địa: Thập địa chung cho Tam thừa. Thuyết này có xuất xứ từ kinh Đại phẩm bát nhã quyển 6, 17, vì Thập địa này chung cho cả Tam thừa, nên gọi là Tam thừa cộng thập địa, hoặc Cộng thập địa, Cộng địa. Tông Thiên thai gọi là Thông giáo thập địa. Trong Pháp hoa huyền nghĩa, quyển 4, hạ, và Ma ha chỉ quán, quyển 6, thượng, ngài Trí Khải giải thích ý nghĩa của Thập địa này như sau: 1. Can tuệ địa 乾慧地 (śukla-vidarśanā-bhūmi), cũng gọi Quá diệt tịnh địa, Tịch nhiên tạp kiến hiện nhập địa, Siêu tịnh quán địa, Kiến tịnh địa, Tịnh quán địa. Nghĩa là địa vị này chỉ có tuệ chứ chưa có định, tương đương với giai vị Tam hiền của Thanh văn và Giác vị của Bồ tát từ Sơ phát tâm cho đến trước khi được Thuận nhãn. 2. Tính địa 性地 (gotra-bhūmi), cũng gọi Chủng tính địa, Chủng địa. Tức địa vị tương đương với giai vị Tứ thiện căn của Thanh văn và giai vị Thuận nhãn của Bồ tát, tuy đằm trước

Vượt qua 9 địa rồi, trên hết là trí của địa thứ mười, như trong kinh có nói: “*Siêu việt chín địa, an trú Phật địa, nên biết chính là Bồ-tát địa thứ mười.*”<sup>157</sup>

Như vậy, ở nhân vị, chín địa đều nói về *tu trí*; ở quả vị là địa thứ mười, vì sao không nói đến *tu trí*, mà chỉ nói sắc thái của địa thứ mười? – Địa thứ mười viên mãn là nhờ chủng loại công đức đoạn trí của các địa ở trước, cho nên không nói đến *tu trí*.

Tám địa của Tiểu thừa là:

---

thực tướng các pháp, nhưng không sinh tà kiến, đầy đủ trí tuệ và thiền định. 3. Bát nhân địa 八人地 (astamaka-bhūmi), cũng gọi Đệ bát địa, Bát địa. Nhân nghĩa là nhân. Tương đương với 15 tâm kiến đạo của Thanh văn và vô sinh pháp nhẫn của Bồ tát. 4. Kiến địa 見地 (darsana-bhūmi), cũng gọi Cụ kiến địa. Tương đương với quả Tu đà hoàn của Thanh văn và địa vị A bệ bát trí (bất thoái chuyển) của Bồ tát. 5. Bạc địa 薄地 (tanū-bhūmi), cũng gọi Nhu nhuyễn địa, Vi dục địa. Tức giai vị đã đoạn trừ 1 phẩm trong 9 phẩm Tu hoặc (phiền não) ở cõi Dục, tức quả Tu đà hoàn hoặc Tu đà hàm. Cũng chỉ cho địa vị Bồ tát đã đoạn trừ các phiền não, nhưng vẫn còn các tập khí mỏng (bạc), tức địa vị từ A bệ bát trí trở lên cho đến trước quả Phật. 6. Ly dục địa 離欲地 (vīta-rāga-bhūmi), cũng gọi Ly tham địa, Diệt dâm nộ si địa. Tức giai vị Thanh văn đoạn hết phiền não cõi Dục được quả A na hàm và địa vị Bồ tát lia dục được 5 thân thông. 7. Dĩ tác địa 已作地 (krtāvī-bhūmi), cũng gọi Sở tác biện địa, Dĩ biện địa. Tức địa vị Thanh văn được tận trí, vô sinh trí chứng đắc A la hán quả, hoặc Bồ tát thành tựu Phật địa. 8. Bích chi Phật địa 辟支佛地: Duyên giác quán xét 12 nhân duyên mà thành đạo. 9. Bồ tát địa 菩薩地: Chỉ cho các địa vị từ Can tuệ địa cho đến Ly dục địa đã nói ở trên, hoặc chỉ cho Hoan hỉ địa cho đến Pháp vân địa (từ Sơ phát tâm đến Kim cương tam muội) sẽ nói ở sau, tức địa vị Bồ tát từ Sơ phát tâm đến trước khi thành đạo. 10. Phật địa 佛地: Chỉ cho địa vị hoàn toàn đầy đủ các pháp của chư Phật như Nhất thiết chủng trí... Theo luận Đại trí độ quyển 75 thì hàng Bồ tát tam thừa cộng vị này, nương vào trí vô lậu đoạn trừ hết nghi hoặc mà khai ngộ; như ngọn đèn tâm được thắp lên không nhất định là ở ngọn lửa đầu tiên hay ngọn lửa sau cùng, sự đoạn hoặc của hàng Thập địa cũng thế, không cố định ở bất cứ 1 Địa nào, mà là mỗi địa đều đưa đến quả Phật, vì thế mà ví dụ Thập địa như việc đốt đèn. [X. phẩm Thập trụ trong kinh Quang tán bát nhã Q.7; phẩm Trí địa trong kinh Phóng quang bát nhã Q.4, phẩm Thập thâm Q.13; phẩm Tu trí trong kinh Đại bát nhã Q.415]

<sup>157</sup> Trung phẩm Bát-nhã, No.223, phẩm Phát Thú, thứ 20, tr. 257c06: “Thế nào là đại Bồ Tát an trú trong bậc thập địa phải biết như Phật? Nay Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát đầy đủ sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng và nhứt thiết chủng trí dứt tất cả phiền não và tập khí, thời gọi là đại Bồ Tát an trú trong bậc thập địa phải biết là chư Phật. Nay Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trú trong bậc thập địa này dùng sức phương tiện để thật hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến thật hành mười tám pháp bất cộng, vượt qua bậc càn huệ địa, bậc tánh địa, bậc bát nhơn địa, bậc kiến địa, bậc bạc địa, bậc ly dục địa, bậc dĩ tác địa, bậc Bích Chi Phật địa, bậc Bồ Tát địa. vượt qua chín bậc trên mà an trú nơi Phật địa, đây là Bồ Tát thập địa. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

Kinh Đại Bát-nhã, quyển 54, tr. 304b18-c02: “Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ mười là Pháp vân, phải viên mãn mười hai pháp. Những gì là mười hai? Một là phải viên mãn đại nguyện nhiếp thọ vô biên xứ sở, tùy theo sở nguyện đều được viên mãn, hai là phải viên mãn cái trí biết âm thanh của các loài khác nhau như là chư thiên, long, được xoa, Kiên-đạt-phược, A-tô-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-giã, nhơn, phi nhơn v.v... ba là phải viên mãn trí biện thuyết vô ngại, bốn là phải viên mãn sự nhập thai hoàn hảo, năm là phải viên mãn sự đản sanh hoàn hảo, sáu là phải viên mãn gia tộc hoàn hảo, bảy là phải viên mãn chủng tánh hoàn hảo, tám là phải viên mãn quyển thuộc hoàn hảo, chín là phải viên mãn sanh thân hoàn hảo, mười là phải viên mãn xuất gia hoàn hảo, mười một là phải viên mãn trang nghiêm cây Bồ-đề hoàn hảo, mười hai là phải viên mãn sự hoàn thành tất cả công đức hoàn hảo. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc thứ mười là Pháp vân, phải viên mãn mười hai pháp như vậy. Thiện Hiện! Nên biết đã viên mãn bậc thứ mười là Pháp vân, đại Bồ-tát cùng các Như Lai phát ra lời nói không khác.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

- (1) Thanh văn chủng tánh địa.
- (2) Dự lưu hướng: Có được trí đức đầu tiên của *bốn đôi tám bậc*<sup>158</sup>, gọi là *bát nhân địa*.
- (3) Dự lưu: Trí đức được hiển lộ do đoạn trừ ba kết (: thân kiến, giới cấm thủ, nghi), gọi là *kiến địa*.
- (4) Nhất lai: Trí đức trú quả được hiển lộ do đa phần ly dục, gọi là *bạc địa*.
- (5) Bất hoàn: Trí đức trú quả được hiển lộ do đoạn trừ năm hạ phần kiết sử (: thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân), gọi là *ly dục địa*.
- (6) Thanh văn A-la-hán quả: Trí đức Tiểu thừa được hiển lộ do đoạn trừ năm thượng phần kiết sử (: sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh), gọi là *dĩ biện địa*.
- (7) Còn 3 hướng (: Nhất lai hướng, Bất hoàn hướng, A-la-hán hướng) ở trước Thanh văn quả: Những trí đức khác hướng đến Thanh văn quả, gọi chung là *Thanh văn địa*.
- (8) Thánh hiện quán của bậc Độc giác, vì là hiện quán của Trung thừa, gọi là *bích chi Phật địa*.

### **(b.3) Đạo tư lương**

***Kiến, tu trong các đạo***  
***Sở, năng thủ phân biệt***  
***Do diệt trừ phân biệt***  
***Nói tám thứ đối trị.***

[0033a04] Trong kiến đạo và tu đạo của Đại thừa, do diệt trừ 8 thứ phân biệt của sở thủ và năng thủ, mà chánh hành của *đối trị tư lương* cũng có 8 thứ.

<sup>158</sup> Tứ song bát bối 四雙八輩: Là thánh giả tứ hướng tứ quả của Tiểu thừa. Hướng quả là một song, mà một song như vậy có tứ chủng, vậy một song của tứ chủng tức là bát bối.

#### c.4.4 Quyết định xuất sinh Nhất thiết tướng trí: Xuất sinh chánh hành

*Sở vi và bình đẳng*

*Lợi hữu tình, vô dụng*

*Siêu nhị biên xuất sinh*

*Chứng đắc tướng xuất sinh*

*Nhất thiết tướng trí tánh*

*Đạo hữu cảnh xuất sinh*

*Nên biết tám thứ này*

*Là xuất sinh chánh hành.*

[0033a08] *Quyết định* [vô ngại]<sup>159</sup> có năng lực xuất sinh Nhất thiết tướng trí ở *Du-già thanh tịnh địa*, và đó là sắc thái của *xuất sinh chánh hành*.

Giới hạn là xuất sinh chánh hành chỉ có ở 3 thanh tịnh địa (: địa thứ tám, địa thứ chín và địa thứ 10).

Sai biệt có 8 sự xuất sinh, đó là:<sup>160</sup>

(1) Ba thứ sự sở vi (: tâm đại, đoạn đại và chứng đại)

(2) Thông đạt tất cả pháp là tánh Không bình đẳng.

(3) Năng lực kiến tạo lợi ích cho vô biên hữu tình.

(4) Nhậm vận lợi tha, không gia công dụng.

Ba xuất sinh chánh hành này là sai biệt của tâm đại.

<sup>159</sup> Quyết định địa là địa thứ tám, có thứ quyết định: 1. Chúng tánh quyết định, là nhất định sẽ thành Phật; 2. Phát tâm quyết định, là từ phát tâm trở về sau, nhất định không thoái lui; 3. Bất hư hành quyết định, là Bồ-tát đã được tự tại, công hạnh vì lợi ích rộng khắp mọi hữu tình, theo sự mong cầu của họ mà kiến tạo và tu dưỡng, trọn không sáo rỗng. Quyết định hành địa là địa thứ chín, từ địa trước lại tiến lên thêm nữa.

<sup>160</sup> Xuất sinh chánh hành chia làm 8 thứ: (1) Sở vi; (2) Bình đẳng; (3) Lợi hữu tình; (4) Vô dụng; (5) Siêu nhị biên xuất sinh; (6) Chứng đắc tướng xuất sinh; (7) Nhất thiết tướng trí tánh; (8) Đạo hữu cảnh xuất sinh.

(5) Siêu xuất nhị biên thường đoạn, xuất sinh *niết-bàn vô trú*<sup>161</sup>.

(5) Vĩnh lý tất cả sở tri, chứng đắc tất cả sở chứng, đó là tướng của sự xuất sinh.

Hai xuất sinh chánh hành này là sai biệt của đoạn đại (: đoạn đức cứu cánh).

(6) Hiện chứng *cứu cánh trí*<sup>162</sup> bằng 10 pháp hành<sup>163</sup>, đó là *Nhất thiết tướng trí*.

(8) Sự xuất sinh có năng lực sinh ra *thắng tiến đạo*<sup>164</sup> của *Nhất thiết tướng trí* và hữu cảnh (: năng duyên tâm, tâm sở) của *Kim cang dụ định*<sup>165</sup>.

---

<sup>161</sup> Niết-bàn vô trú là bỏ tạp nhiễm (phiền não) mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi niết-bàn. Bồ tát chứng đắc trí bình đẳng nên chứng được sinh tử tức niết-bàn. “Do vậy, đối với sanh tử không phải xả bỏ không phải không xả bỏ, cũng tức là đối với niết bàn không phải chứng đắc không phải không chứng đắc.” (Nhiếp luận, H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>162</sup> Cứu cánh trí: trí tuệ cứu cánh, trí tuệ của A-la-hán, còn được dịch là hòn toàn trí, sở đắc trí. Trung A-hàm, kinh Bát Niệm, số 74: “Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, thì đối với hai quả, chắc chắn người đắc được một, hoặc trong đời này đắc cứu cánh trí, hoặc nếu còn hữu dư thì đắc A-na-hàm.” [Tám suy niệm là: “Đạo chứng đắc từ vô dục, chứ chẳng phải từ hữu dục. Đạo chứng đắc từ trí túc, chứ không phải là không nhằm chán. Đạo chứng đắc từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống tụ hội, không phải từ sự hội họp tụ hội. Đạo chứng đắc từ sự tinh cần, chứ không phải từ sự biếng nhác. Đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm. Đạo chứng đắc từ định ý, chứ không phải từ loạn ý. Đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si. Đạo chứng đắc từ chỗ không hý luận, ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận, chứ không phải từ chỗ hý luận, không phải từ chỗ ưa hý luận, không phải từ chỗ hành hý luận.”] Ở đây, cứu cách trí của Bồ-tát được hiển bày qua 4 biệt pháp: (1) Sở y sai biệt: chỉ giới hạn thân Phật mới có; (2) Tự thể sai biệt: thể là chánh trí; (3) Hành tướng sai biệt: hoàn toàn không có hai tướng; (4) Lý chương sai biệt: tánh Không như huyền.

<sup>163</sup> Mười pháp hành biểu thị cho Nhất thiết tướng trí: Phát tâm, Giáo thọ, Bốn thuận quyết trách phần, Pháp giới tự tánh trú chung tánh, Sở duyên, Sở vi, Áo giáp chánh hành, Thú nhập chánh hành, Tư lương chánh hành và Xuất sinh chánh hành.

<sup>164</sup> Thắng tiến đạo 勝進道: Phạm: viśesa-mārga. Pàli: viśesa-magga. Cũng gọi Thắng đạo. Chỉ cho con đường tu hành so với các giai đoạn trước đó thì càng thù thắng hơn và từ đây tiến thẳng đến đạo giải thoát hoàn toàn, là 1 trong 4 đạo. Tức là sau Giải thoát đạo lại tiến thêm bước nữa đoạn trừ các phẩm phiền não còn lại và tiến tu phương tiện; hoặc ở yên trong các giai đoạn: Gia hạnh (phương tiện), Vô gián, Giải thoát. Thắng tiến đạo có 2 loại, loại thứ nhất vì đoạn trừ các phẩm phiền não còn lại mà tiến lên, tức là Giải thoát đạo trong 4 đạo; hoặc sau khi đoạn trừ được 1 phẩm phiền não, lại ở trong Vô gián đạo mà tu phương tiện để đoạn trừ các phẩm phiền não còn lại. Ở đây, đối với các phẩm phiền não đã đoạn trừ ở trước, gọi là Thắng tiến đạo, còn trông về các phẩm phiền não sẽ được đoạn ở sau thì gọi là Phương tiện đạo, hoặc Vô gián đạo, Giải thoát đạo. Loại thứ 2 là không cầu thắng tiến mà sinh tướng tri túc (biết đủ), hoặc đối với các phẩm phiền não đã đoạn trừ rồi thì chỉ quán sát mà thôi. Tức là sau Giải thoát đạo, không tu phương tiện ở Vô gián đạo, chỉ sinh ý tưởng tri túc đối với các phẩm phiền não đã đoạn ở trước, cho thể là đủ rồi, không cầu thắng tiến, hoặc nguy hại hơn, lại rơi vào tình trạng buông thả, không tiến tu. Hoặc đối với các phẩm phiền não đã đoạn trừ, dùng trí quán sát để quán xét kỹ lại một lần nữa, cũng gọi là Thắng tiến đạo. Trong đó, nghĩa trước là nhìn về các phẩm phiền não sẽ đoạn ở sau mà tu phương tiện, đây là nguyên ý của Thắng tiến, như thế thì 3 đạo: Gia hạnh, Vô gián, Giải thoát đồng với Thắng tiến đạo, ngoài 3 đạo không có tự thể của Thắng tiến riêng, cũng không cần phải lập riêng Thắng tiến nữa. Nếu nói theo nghĩa sau thì ngoài 3 đạo còn có riêng Thắng tiến đạo, tức ở yên tại các phẩm phiền não trước đã đoạn rồi, hoặc chỉ quán sát tư duy lại một lần nữa mà thôi, chứ không tiến tới

Hai xuất sinh chánh hành này là sai biệt của chúng đại (: trí đức cứu cánh).

Như vậy là tổng và biệt của 8 thứ xuất sinh chánh hành, nên biết đó là xuất sinh chánh hành vậy.

(Hết Quyển 1)

---

các phẩm còn lại ở sau nữa. [X. luận Du già sư địa Q.69; luận Đại thừa a tì đạt ma tạng tập Q.9; luận Đại tì bà sa Q.66; luận Thuận chính lý Q.71]

<sup>165</sup> Kim cang dụ định (vajropamasamādhī): Bằng tâm kiên cố của kim cang định, Bồ-tát Thập địa đoạn trừ tất cả vô minh vi tế để thành Chánh giác.

## Phẩm Ba: Đạo Tướng Trí

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, từ quyển 425 - phẩm Đế Thích thứ 25, đến quyển 436 - phẩm Thanh Tịnh thứ 40)

Do phương tiện và trí tuệ tối thù thắng, cả hai được nhiếp trì bởi Đại thừa Thánh trí mà gọi là Đạo tướng trí. Giới hạn của trí này là từ Đại thừa kiến đạo cho đến Phật địa.

### 3. Chi phần của Đạo tướng trí

*Vì điều phục chư thiên*

*Phóng quang khiến ẩn mắt*

*Cảnh quyết định, phổ biến*

*Bản tánh và sự nghiệp.*

[0034a05] Nhân, quả và tự tánh của Đạo tướng trí, ba pháp này đều thuộc về công đức thù thắng của sự nhậm trì tâm đại bi. Đó là sắc thái chi phần của Đạo tướng trí. Giới hạn là từ bậc tinh giác Đại thừa chủng tánh cho đến Phật địa.

(1) Ánh sáng bản thể của Như Lai che lấp ánh sáng dị thực của chư thiên Dục giới và Sắc giới<sup>166</sup>, đó là vì muôn chư thiên liễu tri rằng, do điều phục cái tâm

---

<sup>166</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 425, phẩm Đế Thích, tr. 133c29: “Bấy giờ, ở ba ngàn đại thiên thế giới thế giới Kham Nhân này có trời Tứ đại vương cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi (ức) các Thiên tử cõi trời Tứ đại vương đều đến hội họp; có vua trời Thiên Đế cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi các Thiên tử cõi trời Ba mươi ba đều đến hội họp; có vua trời Tô-dạ-ma cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi các Thiên tử cõi trời Dạ-ma đều đến hội họp; có vua trời San-đô-sứ-đa cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi các Thiên tử cõi trời Đô-sứ-đa đều đến hội họp; có vua trời Diệu biến hóa cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi các Thiên tử cõi trời Lạc biến hóa đều đến hội họp; có vua trời Tự tại cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi các Thiên tử cõi trời Tha hóa tự tại đều đến hội họp; có vua trời Đại phạm cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi các thiên chúng trời Đại phạm đều đến hội họp; có trời Cực quang tịnh cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi thiên chúng đặc tịnh lự thứ hai đều đến hội họp; có trời Biến tịnh cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi thiên chúng đặc tịnh lự thứ ba đều đến hội họp; có trời Quảng quả



*tăng thượng mạn* mà có thể phát tâm [Bồ-đề] và sinh khởi trí đức của Đạo tướng trí. Lại nữa, điều phục chư thiên có tâm tăng thượng mạn, là vì muốn họ có khả năng sinh khởi Đạo tướng trí. Đây là nói về sự viển ly *hiện hành tăng thượng mạn*, một chướng ngại cho sự sinh khởi Đạo tướng trí.

(2) Chỉ có sự phát tâm Bồ-đề mới sinh khởi được Đạo tướng trí, vì cảnh riêng biệt quyết định [cho sự sinh khởi Đạo tướng trí].

(3) Tất cả hữu tình đều có khả năng sinh khởi Đạo tướng trí, nên gọi là *phổ biến*.

(4) Không cầu sự đoạn dục của tự thân, vì Đạo tướng trí có bản chất của các pháp hữu lậu.

(5) Tác dụng thù thắng của Đạo tướng trí là thành tựu sự lợi tha.

Đây là 5 chi của Đạo tướng trí.<sup>167</sup>

#### 4. Bản tánh của Đạo tướng trí

##### d. Đạo tướng trí biết Thanh văn đạo

###### a.1 Tự tánh

*Lý của Đạo tướng trí*

*Do các Tứ Thánh đế*

*Hành tướng bất khả đắc*

---

cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi thiên chúng đắc tịnh lự thứ tư đều đến hội hợp; có trời Sắc cứu cánh cùng với vô lượng trăm ngàn Câu-chi thiên chúng trời Tịnh cư đều đến hội hợp. Thiên chúng cõi trời Tứ đại vương, cho đến thiên chúng trời Tịnh cư có nghiệp dị thực thanh tịnh thân có ánh sáng, so với ánh sáng thường hiện của thân Như Lai không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, không bằng một phần Câu-chi, không bằng một phần trăm Câu-chi, không bằng một phần ngàn Câu-chi, không bằng một phần trăm ngàn Câu-chi, như vậy, cho đến số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, cho đến cũng không bằng một phần cực số. Vì sao? Vì ánh sáng thường hiện của thân Như Lai rất rực rỡ, trong các ánh sáng là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, vô tỷ, vô đẳng, vô thượng, đệ nhất, che ánh sáng chư Thiên làm cho bị ảm mất, giống như đóm lửa tim đèn đối với vàng Thiệm-bộ.”

<sup>167</sup> Đạo tướng trí chi phần có 5 chi: (1) Phật quang che lấp ánh sáng của chư thiên Dục giới, Sắc giới, chế phục tâm tăng thượng mạn của họ; (2) Chỉ phát Bồ-đề tâm mới sinh khởi được Đạo tướng trí; (3) Tất cả hữu tình đều có khả năng sinh khởi Đạo tướng trí; (4) Không đoạn tự thân các lậu; (5) Tác dụng thù thắng thành tựu lợi tha.

## *Nên biết Thanh văn đạo.*

[0034a13] Do phát tâm, hồi hướng và thông đạt Không tuệ, ba pháp được nhậm trì; vì muốn nhiếp thọ những hiểu biết của Thanh văn chủng tánh về *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa Thánh trí, đó là *Đạo tướng trí biết Thanh văn đạo*. Giới hạn của trí này là từ Đại thừa kiến đạo cho đến Phật địa.

**Lý của Đạo tướng trí:** Trong phẩm loại này<sup>168</sup>, trên 16 hành tướng: vô thường, khổ, v.v. của Tứ Thánh đế; và trong sự nhậm trì 3 pháp: phát tâm, hồi hướng và Không tuệ về ‘chân thật bất khả đắc’<sup>169</sup>, thì Bồ-tát sẽ biết tu học đạo tướng Thanh văn này.<sup>170</sup>

Mười sáu hành tướng của Tứ Thánh đế là:

(1) Các pháp là nhân duyên sinh nên *vô thường*; tùy phiền não và nghiệp chuyển động nên *khổ*; ngã không khác với bản thể thanh tịnh nên *Không*; ngã không có tự thể nên *vô ngã*. Đây là 4 hành tướng trên *Khổ đế*.

(2) Là căn bản của khổ nên gọi là *nhân*; luôn luôn sinh khổ nên gọi là *tập*; chuốc khổ mãnh liệt nên gọi là *sinh*; làm trợ duyên cho quả [dị thực] ở đời sau nên gọi là *duyên*. Đây là 4 hành tướng trên *Tập đế*.

(3) Thoát ly hệ phược do đoạn trừ phiền não nên gọi là *diệt*; thoát ly hệ phược do vắng lặng khổ đau nên gọi là *tịnh*; thoát ly hệ phược do lợi lạc tự tánh nên gọi là *diệu*; thoát ly hệ phược do khổ không còn sinh nữa nên gọi là *ly*. Đây là 4 hành tướng trên *Diệt đế*.

(4) Con đường hướng đến giải thoát nên gọi là *đạo*; cái đạo đối trị phiền não nên gọi là *lý (= như)*; do thực hành không điên đảo mà hiện chứng được thể tánh

<sup>168</sup> Chánh văn là ‘thứ phẩm’, chỉ cho hiện quán chủng loại Đại thừa Thánh trí.

<sup>169</sup> Các pháp duyên khởi là giả danh, cho nên chúng là chân thật bất khả đắc.

<sup>170</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 363, tr. 871c05: “Phật dạy: - Này Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát nên học biết hết tất cả đạo tướng, đó là đạo tướng Thanh văn, đạo tướng Độc giác, đạo tướng Bồ-tát, đạo tướng Như Lai. Các Đại Bồ-tát đối với các đạo này thường nên tu học khiến mau viên mãn; tuy khiến đạo này làm việc nên làm, nhưng không khiến chúng thật tế.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

nên gọi là *hành*; năng lực dứt khổ và đoạn phiền não từ căn bản nên gọi là *xuất*. Đây là 4 hành tướng trên *Đạo đế*.

Bốn hành tướng trên Khổ đế thì trái ngược nhau, và bốn hành tướng trên ba đế kia thì nghĩa giống nhau.

## **a.2 Thuận quyết trạch phần làm nhân**

*Đạo của Thánh Thanh văn*  
*Bởi vì sắc, v.v. là Không*  
*Không chẳng khác, là Noãn*  
*Các pháp vô sở đắc*  
*Đó là đến Đánh vị*  
*Nhãn vị đối với sắc, v.v.*  
*Phá lý chấp thường, v.v.*  
*Dựa vào mười địa. v.v.*  
*Nên nói rộng vô trú*  
*Liên gọi Đệ nhất pháp*  
*Do Phật dùng hiện trí*  
*Nên không thấy các pháp.*

[0035a06] Bốn Thuận quyết trạch phần là nhân tố của Đạo tướng trí để liễu tri Thanh văn đạo, đó là:

(1) Sắc, v.v.<sup>171</sup> là thắng nghĩa Không; *vô phân biệt tuệ* thông đạt tánh Không và sắc, v.v., được nhiếp trì ở Gia hành đạo, chính là *Noãn vị*.

---

<sup>171</sup> Năm uân, 12 xứ, 18 giới, 12 duyên khởi.

(2) Vô sở đắc tuệ thông đạt thắng nghĩa của sắc, v.v., được nhiếp trì ở Gia hành đạo, chính là *Đánh vị*.

(3) Thông đạt sắc, v.v. ở mặt thắng nghĩa, phá trừ lý an trú thường, vô thường, v.v., tuệ này được nhiếp trì ở Gia hành đạo, chính là *Nhẫn vị*.

(4) Y cứ Bồ-tát ở mười địa, đó là Bồ-tát ở Cực hỷ địa, v.v. với tuệ giác thông đạt *thắng nghĩa là vô sở trú*, như Kinh Bát-nhã có nói rộng, tuệ này được nhiếp trì ở Gia hành đạo, chính là *Thế đệ nhất pháp vị*.

Hỏi: Vì sao không có mười địa như vậy ở mặt thắng nghĩa?

Đáp: Vì Đức Phật Thế Tôn hiện biết hết tất cả pháp, ở mặt thắng nghĩa, Ngài không thấy có mười địa.<sup>172</sup>

Hỏi: Như vậy, Gia hành đạo ở phẩm này và Gia hành đạo đã nói ở phẩm Một có lỗi trùng lặp?

Đáp: Gia hành đạo nói ở phẩm Một là sự hiểu biết về sự thắng xuất Thanh văn. Gia hành đạo nói ở phẩm này là vì muốn hiểu biết về cái tuệ ‘thông đạt tánh Không’ được nhiếp trì để tu tập Tứ đế qua 16 hành tướng: vô thường, v.v., cho nên không có lỗi.

## **e. Đạo tướng trí biết Độc giác đạo**

### **b.1 Sở y sai biệt**

*Do tự giác, tự chứng*

*Nên không y người dạy*

*Cũng sẽ không tuyên thuyết*

*Trí Lân dụ sâu xa.*

<sup>172</sup> Theo quan điểm Trung Quán, các hoạt động của tâm và tâm sở là thế tục đế. Nhập Bồ-tát hạnh, chương Trí Tuệ, kệ 2: Thế tục dữ thắng nghĩa, Hứa chi vi nhị đế; thắng nghĩa phi tâm cảnh, Thuyết tâm thị thế tục. 世俗與勝義，許之為二諦；勝義非心境，說心是世俗。(Thế tục và thắng nghĩa, Gọi đó là hai đế; Thắng nghĩa chẳng tâm cảnh, Nói tâm là thế tục.) Tâm của Bồ-tát Thập địa toàn là thắng nghĩa vô tự tánh

[0035a15] Do ba biệt pháp (phát tâm, hồi hướng, Không tuệ) được nhậm trì, và vì muốn nhiếp thọ những hiểu biết của Độc giác chủng tánh về *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa Thánh trí, đó là *Đạo tướng trí biết Độc giác đạo*. Giới hạn của trí này là từ Đại thừa kiến đạo cho đến Phật địa.

*Tự giác*, là chỉ cho Độc giác A-la-hán. Vị ấy ở đời sống tối hậu, không cậy nhờ sự giáo thọ của một bậc Thầy, tự có khả năng chứng đắc Bồ-đề.

Chữ ‘*cũng*’ trong kệ tụng, ý nói vị ấy cũng không dùng ngôn ngữ để thuyết pháp cho người.

Trí Lâm dụ so sánh với trí Thanh văn thì rất sâu xa, bởi vì hàng Thanh văn phải dựa vào ngôn giáo mới hiểu được trí ấy. Bậc Độc giác chỉ dùng thân biểu, hiện thân thông thuyết pháp nên là trí sâu xa.

***Nếu ai nơi nghĩa gì***

***Muốn nghe thuyết như nào***

***Đủ loại nghĩa với họ***

***Vô thanh như vậy hiện.***

Hỏi: Độc giác vô thanh thì bằng cách gì thuyết pháp?

Đáp: Sự thuyết pháp như vậy không có gì sai. Nếu có hữu tình nào được giáo hóa, với nghĩa lý nào họ muốn nghe, bằng loại ngôn ngữ nào của họ, thì vị Độc giác có ‘*đủ loại nghĩa với họ*’, dấu không có thanh âm cũng hiện hóa như thế.<sup>173</sup>

---

<sup>173</sup> Bậc đã tự mình chứng ngộ tứ Thánh đế mà không Thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh đạo, 4 Thánh quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-la-hán gọi là Độc giác Phật hay Bích chi Phật (P: Paccekabuddha). Sở dĩ vị Độc giác không thuyết pháp hóa độ chúng sinh cùng chứng ngộ chân lý tứ Thánh đế y theo Ngài được, là vì vị Độc giác không chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp hóa độ chúng sinh được. Ví dụ một cách nôm na, như người cảm nằm ngủ thấy một giấc mộng lành, cảm thấy sung sướng, vô cùng hoan hỷ, nhưng không thể nói cho người khác biết được.

## **b.2 Làm sao liễu tri đạo ấy**

*Rời sở thủ phân biệt*

*Nhưng chưa rời năng thủ*

*Nên biết do sở y*

*Nhiếp làm Lân dụ đạo.*

[0036a07] Nên biết Lân dụ đạo được nhiếp trì bởi ba pháp sai biệt, đó là:

(1) Rời xa *sở thủ phân biệt* đối với ngoại cảnh: sắc, v.v.

(2) Chưa thể rời xa *thật hữu năng thủ phân biệt* đối với nội thức.

(3) Xét mặt sở y sai biệt, đó là *sở y chủng tánh* làm chỗ dựa cho Độc giác thừa được nhiếp trì bởi pháp tánh của tất cả pháp.

## **b.3 Thuận quyết trạch phần làm nhân**

*Khai giả hữu, pháp tánh*

*Không trái ngược là Noãn*

*Đảnh là thông đạt sắc, v.v.*

*Không giảm, v.v. được hiển lộ*

*Nhãn là thấy nội Không, v.v.*

*Vì không chấp các sắc, v.v.*

*Các sắc, v.v. vốn không sinh, v.v.*

*Đó là Thế đệ nhất.*

[0036a12] Bốn Thuận quyết trách phần là nhân tố của Đạo tướng trí để liễu tri Độc giác đạo, đó là:

(1) Khai mở về sắc, v.v., là *không có ở mặt thắng nghĩa*, là *giả hữu ở mặt danh ngôn*, không tách rời *pháp tánh*, đó là *Noãn vị*.

(2) *Đánh vị* là do thông đạt sắc, v.v., được hiển lộ qua vô giảm, v.v.<sup>174</sup> ở mặt thắng nghĩa.

(3) *Nhãn vị* là do thông đạt nội Không, v.v.<sup>175</sup>, biết rõ rằng không thể chấp thủ thắng nghĩa của sắc, v.v..

(4) *Thế đệ nhất pháp* là biết rõ thắng nghĩa của sắc, v.v. là bản thể vô sinh, v.v.

## f. Đạo tướng trí biết Bồ-tát đạo

### c.1 Kiến đạo

#### c.1.1 Lược nêu sát-na

*Dựa trên đế và đế*

*Bốn sát-na nhãn trí*

*Nói đây Đạo tướng trí*

*Kiến đạo đủ công đức.*

[0036a16] Hiện chứng *Không tánh tuệ* được nhiếp trì bởi Đại thừa đế hiện quán, đó là sắc thái Đại thừa Kiến đạo. Giới hạn là chỉ ở Đại thừa Kiến đạo.

---

<sup>174</sup> Các pháp vô vi vô tướng, vô sinh vô diệt, vô tăng vô giảm, v.v.

<sup>175</sup> Hai mươi tánh Không: nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, cứu cánh Không, vô tế Không, vô tán Không, bản tánh Không, nhất thiết pháp Không, tự tướng Không, bất khả đắc Không, vô tánh tự tánh Không, hữu tánh Không, vô tánh Không, tự tánh Không và tha tánh Không.

Đây là nói bản thân của người Đại thừa Kiến đạo có đủ đại công đức thắng lợi của sự kiến đạo. Sự kiến đạo dựa trên 4 sát-na nhãn và trí của Khổ Tập đế và Diệt Đạo đế.<sup>176</sup>

### **c.1.2 Rộng giải sắc thái tu tập**

*Chân như và các trí*

*Năng, sở y đồng nhất*

*Nên không có sai biệt,*

*Rộng lớn, không thể lường,*

*Không lượng; không nhị biên*

*Trú đó nơi các sắc, v.v.*

*Chấp làm tự tánh Phật*

*Không có thủ, không xả, v.v.*

*Từ, bi, v.v.; và tánh Không*

*Chứng đắc tánh Phật đà*

*Khấp giữ các tịnh pháp*

*Trừ khử các khổ bệnh;*

*Diệt trừ chấp Niết-bàn*

*Được chư Phật thủ hộ, v.v.*

*Không sát hại chúng sinh*

*Lý Nhất thiết tướng trí*

---

<sup>176</sup> Kiến đạo chỉ cho giai vị tu hành dùng trí vô lậu quán xét Tứ đế để thấy rõ chân lý. Từ Kiến đạo trở về trước là phạm phu, từ Kiến đạo trở về sau là bậc Thánh. Về đối tượng được quán xét thì có thể chia làm 16 sát-na tâm gồm 8 nhãn và 8 trí: 1. Khổ pháp trí nhãn (trí vô gián đạo) và Khổ pháp trí (trí giải thoát đạo) do quán xét Khổ đế ở cõi Dục mà được. 2. Khổ loại trí nhãn và Khổ loại trí do quán xét Khổ đế ở cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được. 3. Tập pháp trí nhãn và Tập pháp trí do quán xét Tập đế ở cõi Dục mà được; 4. Tập loại trí nhãn và Tập loại trí do quán xét Tập đế ở cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được. 5. Diệt pháp trí nhãn và Diệt pháp trí do quán xét Diệt đế ở cõi Dục mà được. 6. Diệt loại trí nhãn và Diệt loại trí do quán xét Diệt đế ở cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được. 7. Đạo pháp trí nhãn và Đạo pháp trí do quán xét Đạo đế ở cõi Dục mà được. 8. Đạo loại trí nhãn và Đạo loại trí do quán xét Đạo đế ở cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được. Dùng 16 sát-na tâm trên đây mà quán xét rõ lý Tứ đế, gọi là Thánh để hiện quán.



***Tự trú lập hữu tình***  
***Tu tập sự bố thí, v.v.***  
***Hồi hướng đại bồ-đề;***  
***Là Đạo trí sát-na.***

[0037a05] Có 16 sát-na trong sự kiến đạo được nhiếp bởi Đạo tướng trí, đó là:

(1) Chân như nơi Khổ đế và trí Phật hiện chứng chân như ấy, ở mặt thắng nghĩa, năng y (: trí) và sở y (: chân như) không có tánh hỗ tương. Ở mặt thắng nghĩa, không thừa nhận năng y và sở y có sai biệt. Đại thừa kiến đạo thì hiện chứng ‘không có năng sở’, đó là *Khổ pháp nhãn*.

(2) *Rộng lớn*: Sắc, v.v. là *pháp giới thể tánh*<sup>177</sup>, là thắng nghĩa thật Không, cho nên ai có thể duyên với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì các pháp cũng thành *rộng lớn*, đó là *Khổ pháp trí*.

(3) Hiện chứng Khổ đế, ở mặt thắng nghĩa, không có cái lượng có thể suy lường, [vì các pháp là vô sở đắc,] đó là *Khổ loại nhãn*.

(4) Hiện chứng *Khổ đế thắng nghĩa* là *vô lượng*<sup>178</sup>, đó là *Khổ loại trí*.

Đây là 4 tướng sát-na của Khổ đế. Trong đó, sát-na thứ nhất là chân trí năng trị<sup>179</sup> trừ bỏ *chủng tử sở trị*<sup>180</sup> ở Vô gián đạo. Ba sát-na sau là sự giải thoát khỏi tất cả chủng tử sở trị ở Giải thoát đạo.

---

<sup>177</sup> Kinh Đại Bảo Tích, Pháp hội Pháp giới thể tánh vô phân biệt: “Tất cả pháp giới là pháp giới thể tánh.” Cái thấy ‘pháp giới là pháp giới thể tánh’ là chánh kiến của trí tuệ cắt đứt vòng sinh tử luân hồi: “Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Các chúng sinh ấy thân kiến điên đảo chấp ngã và ngã sở. Hàng phàm phu ấy phát khởi ngã tưởng, chấp trước ngã tưởng và chấp trước tha tưởng mà phát khởi tâm và tâm sở. Những tâm và tâm sở ấy tạo tác các nghiệp thiện hoặc các nghiệp bất thiện. Do hành nghiệp ấy làm non mà các chúng sanh ấy có được quả báo. Nếu đã có sinh thì có nhiễm ô. Chính nhiễm ô ấy là pháp giới thể tánh. Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu biết nhiễm ô là pháp giới thể tánh thì gọi là bạch tịnh vậy. Nhưng nơi đệ nhứt nghĩa không có nhiễm ô, không có hoặc pháp nhiễm hoặc pháp tịnh”. Không đâu và lúc nào có sự nhiễm ô và sự sinh ra nhiễm ô. Tất cả pháp giới đều là pháp giới thể tánh, đều là pháp giới vô lậu.

<sup>178</sup> Pháp giới thể tánh là vô lượng, bản lai bình đẳng, đồng như hư không.

<sup>179</sup> Cái trí vin theo tổng tướng của các pháp.

(5) Hiện chứng *Tập đế thắng nghĩa* là không có nhị biên: thường và đoạn, đó là *Tập pháp nhãn*.

(6) Du-già sư an trú Tập pháp nhãn, ở trên sắc, v.v., xác định ‘sự chấp trước Phật tánh’ chỉ là Không, đó là *Tập pháp trí*.

(7) Hiện tri Tập đế, ở mặt thắng nghĩa, không có thủ xả, v.v.<sup>181</sup>, đó là *Tập loại nhãn*.

(8) Tu tập công đức của bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả, đó là *Tập loại trí*.

Đây là 4 tướng sát-na của Tập đế.

(9) Hiện chứng tánh Không của ‘sắc, v.v. đều là chân thật Không’, đó là *Diệt pháp nhãn*.

(10) Tu tập thiện căn thì có khả năng chứng đắc quả Phật, đó là *Diệt pháp trí*.

(11) Đầy đủ chủng loại công đức của tất cả tịnh pháp được biến nhiếp bởi Diệt loại nhãn, đó là *Diệt loại nhãn*.

(12) Đầy đủ công đức tiêu trừ mọi khổ hại từ ngoại giới và mọi bệnh não của nội thân, đó là *Diệt loại trí*.

Đây là 4 tướng sát-na của Diệt đế.

(13) Dứt trừ những hý luận ‘chấp trước Niết-bàn là thật hữu’, đó là *Đạo pháp nhãn*.

(14) Du-già sư an trú Đạo pháp trí thì có được công đức của chư Phật thủ hộ, đó là *Đạo pháp trí*.

(15) Hiểu lý lẽ rằng, đoạn trừ được mười điều ác: sát sinh, v.v., biến tri mười điều thiện, chính là nhân tố của Nhất thiết tướng trí, và tự mình an trú (: tu 10

---

<sup>180</sup> Chủng tử của 2 chương nơi thức A-lại-da: phiền não và sở tri.

<sup>181</sup> Kinh Duy Ma Cật, chương Pháp môn bất nhị: “Bồ tát Đức Tạng nói: ‘Hữu sở đắc là phân hai. Nếu vô sở đắc thì không thủ cũng không xả. Không thủ, không xả là vào Pháp môn bất nhị.’”

thiện, bỏ 10 ác), cũng như an lập địa (: giáo hóa chúng sinh), trí ấy là *Đạo loại nhân*.

(16) Tu tập 6 độ: bố thí, v.v., hồi hướng quả Đại bồ-đề, đó là *Đạo loại trí* của Đại thừa kiến đạo.

Đây là 4 tướng sát-na của Đạo đế.

Phẩm tánh của Đạo tướng trí là 16 sát-na tâm này, chúng được sinh khởi khi nhập định không có cách hở.

## **c.2 Tu đạo**

### **c.2.1 Tác dụng của Tu đạo**

*Biến tức, kính tất cả*

*Năng thắng các phiền não*

*Oán địch không thể hại*

*Bồ-đề, cúng dường nương.*

[0037a17] Do cái lực tu tập Đại thừa kiến đạo mà có được thắng lợi, đó là sắc thái tác dụng của Đại thừa tu đạo. Giới hạn là từ *sát-na thứ hai*<sup>182</sup> của sự tu tập Đại thừa tu đạo cho đến Phật địa.

Tác dụng của Đại thừa tu đạo là có 6 thắng lợi:

(1) Phát khởi các đạo, tâm được tự tại, gọi là *Biến tức diệt* (: đều dứt mất).

(2) Do bề gãy tâm kiêu mạn mà cung kính tất cả chúng sinh, các bậc thiện tri thức.

(3) Do không bị chuyển bởi tùy phiền não mà có sự thắng phục các phiền não: tham, sân, si.

---

<sup>182</sup> Sát-na thứ nhất khởi tà kiến, sát-na thứ hai khởi chánh kiến; sát-na thứ nhất khởi chánh kiến, sát-na thứ hai nhập chánh tánh ly sinh; sát-na thứ nhất Kiến đạo, sát-na thứ hai bước vào Tu đạo.

(4) Các oán địch hữu lậu không thể tổn hại.

Bốn thắng lợi này là *sĩ dụng quả*<sup>183</sup>.

(5) Tự lực có thể hoàn thành quả Đại bồ-đề.

Thắng lợi này là *đăng lưu quả*<sup>184</sup>.

(6) Ở giai vị Tu đạo, trú xứ của Bồ-tát ở đâu cũng trở thành trú xứ đáng cúng dường.

Thắng lợi này là *tăng thượng quả*<sup>185</sup>.

## **c.2.2 Hữu tác dụng của Tu đạo**

### **c.2.2.1 Hữu lậu tu đạo**

#### **(a) Thắng giải tu đạo**

*Thắng giải là tự lợi*

*Câu lợi và lợi tha*

*Nên biết ba thứ đây*

*Mỗi có hạ trung thượng*

*Riêng biệt làm ba phẩm*

*Lại lấy hạ hạ, v.v.*

*Mỗi phân thêm làm ba*

*Cộng hai mươi bảy thứ.*

---

<sup>183</sup> Theo luận Câu-xá, nhân câu hữu và nhân tương ưng cho kết quả sĩ dụng. Sĩ dụng quả là vì sinh khởi nhờ lực của nhân.

<sup>184</sup> Đăng lưu là quả của đồng loại và biến hành. Đăng lưu quả là vì sinh khởi tương tợ với nhân.

<sup>185</sup> Tăng thượng là quả của nhân đầu tiên. Tăng thượng quả là vì sinh khởi mà không bị nhân chướng ngại

[0038a07] Tín giải Phật mẫu, tức Bát-nhã ba-la-mật-đa, là căn bản cho ba lợi của *Đại thừa tùy hiện quán*<sup>186</sup>, đó là sắc thái của *Đại thừa thắng giải tu đạo*. Giới hạn là từ sơ địa cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

Nên biết, Đại thừa thắng giải tu đạo có 3 thứ, đó là:

- (1) Thắng giải tu đạo tự lợi,
- (2) Thắng giải tu đạo tự tha câu lợi,
- (3) Thắng giải tu đạo lợi tha.

Ba thứ Thắng giải tu đạo này, mỗi thứ còn phân ra 3 phẩm: hạ, trung và thượng. Trong 3 phẩm hạ, trung, thượng, mỗi phẩm lại chia làm 3, đó là hạ hạ phẩm, hạ trung phẩm, hạ thượng phẩm; trung hạ phẩm, trung trung phẩm, trung thượng phẩm; thượng hạ phẩm, thượng trung phẩm và thượng thượng phẩm.

Như vậy, Thắng giải tu đạo có 27 thứ.

***Bát-nhã ba-la-mật***

***Ở các thắng giải vị***

***Do ba thứ chín tự***

***Tán sự và xưng dương.***

[0038a12] Do cái lực của Thắng giải tu đạo mà có được thắng lợi, đó là sắc thái thắng lợi của Thắng giải tu đạo. Giới hạn là từ sự tu tập Thắng giải tu đạo ở sát-na thứ hai cho đến Phật địa.

Đối với ba thứ giáo, đạo, quả của Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi tu tập thắng giải, Đức Phật đem 3 loại, 9 phẩm,<sup>187</sup> theo thứ đệ đó, về sau càng chuyển thắng:

---

<sup>186</sup> Kiến đạo, gọi là Đề hiện quán. Đề, có cái nghĩa ‘chân thật không hư dối’. Đây chính là bậc kiến đạo thân chứng cái trí ở trong thân, sơ chứng vô ngã thô và tế, cũng như sơ chứng đạo lý Tứ Thánh đế là chân thật không hư dối, nên gọi là Đề hiện quán. Từ kiến đạo trở về sau, tức trong giai đoạn tu đạo, được gọi là Tùy hiện quán hay Hậu hiện quán.

<sup>187</sup> Thắng giải Tu đạo chia làm 3 loại: (1) Tự lợi thắng giải; (2) Tự tha câu lợi thắng giải; (3) Tha lợi thắng giải. Tự lợi thắng giải thì hậu đắc sinh khởi ở 7 địa bất thanh tịnh mà. Tự tha câu lợi thắng giải sinh khởi ở địa thứ tám và địa

- (1) Tán mỹ,
- (2) Thừa sự,
- (3) Xung dương, làm cho phát sinh sự hoan hỷ.

**(b) Hồi hướng tu đạo**

*Thù thắng khắp hồi hướng*

*Là tác dụng tối thắng*

*Hành tướng vô sở đắc*

*Thể tánh không điên đảo*

*Viễn ly, phước phẩm Phật*

*Hành cảnh niệm tự tánh*

*Hữu phương tiện, vô tướng*

*Được chư Phật tùy hỷ*

*Không trói buộc tam giới*

*Hạ, trung và thượng phẩm*

*Là ba hồi hướng nữa*

*Sinh đại phước làm tánh.*

[0038a17] Đại thừa tùy hiện quán có khả năng chuyển biến bất cứ thiện căn của mình và người, trở thành chi phần *hữu phân biệt* của Đại bồ-đề, đó là sắc thái *Đại thừa hồi hướng tu đạo*. Giới hạn là từ sơ địa cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

---

thứ chín. Tha lợi thắng giải sinh khởi ở địa thứ mười. Ba loại thắng giải Tu đạo này lại chia thành 3 phẩm hạ, trung, thượng, cộng có 9 phẩm; mỗi phẩm hạ, trung, thượng lại chia làm 3 phẩm, tổng cộng có 27 thứ.

Thành tựu sự hồi hướng thù thắng của Bồ-tát Tu đạo vị thì đầy đủ tác dụng tối thắng mà có khả năng chuyển biến thiện căn của mình và người, làm chi phần cho Đại bồ-đề. Sự hồi hướng này có 12 thứ, đó là:

(1) Sự hồi hướng có tác dụng thù thắng;

(2) Với đối tượng hồi hướng, sự phá trừ chấp thật về ‘vô sở đắc’ là hành tướng của hồi hướng.

(3) Với tâm hồi hướng, sự phá trừ chấp thật về ‘không điên đảo’ là thể tướng của hồi hướng.

(4) Với người hồi hướng, sự hồi hướng phá trừ chấp thật về ‘viễn ly’.

(5) Với thiện pháp của mình và thiện pháp của Phật, sự hồi hướng phá trừ chấp thật về ‘tốt xấu’, gọi là *tự tánh tư lương niệm phước đức của Phật làm hành cảnh*.

(6) Với sáu độ và các thiện pháp, sự hồi hướng phá trừ chấp thật về ‘tốt xấu’, gọi là *hữu phương tiện thiện xảo*.

(7) Sự phá trừ chấp thật về ‘tam luân’ là *sự hồi hướng vô tướng*.

(8) Nơi danh ngôn [của các pháp], biết là duyên khởi như duyên [, không có tự tánh] mà duyên với Phật địa, gọi là *sự hồi hướng mà chư Phật tùy hỷ*.

(9) Nơi danh ngôn [của các pháp], không hồi hướng làm *nhân tố của ba hữu*<sup>188</sup>.

(10), (11), (12) Ba phẩm hạ, trung, thượng đều có sự hồi hướng *xuất sinh phước đức quảng đại* làm tánh.<sup>189</sup>

---

<sup>188</sup> Nhân tố của ba hữu là cửu kết 九結, chín cái trói buộc. Đó là chín thứ phiền não trói buộc chúng sinh trong vòng sống chết. Đó là: ái, khuê, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật, xan. Tức là sáu tùy miên - phiền não căn bản (tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi), cộng thêm thủ, tật, xan.

<sup>189</sup> Hồi hướng tu đạo có 9 thứ: (1) Hồi hướng có tác dụng thù thắng; (2) Hồi hướng hành tướng vô sở đắc; (3) Hồi hướng thể tánh bất điên đảo; (4) Hồi hướng viễn ly; (5) Hồi hướng niệm Phật phước đức tư lương tự tánh làm hành cảnh; (6) Hồi hướng có phương tiện thiện xảo; (7) Hồi hướng vô tướng; (8) Hồi hướng chư Phật tùy hỷ; (9) Hồi hướng bất hệ tam giới. Mỗi thứ hồi hướng đều có 3 phẩm hạ, trung, thượng của sự hồi hướng xuất sinh phước đức quảng đại.

### (c) Tùy hỷ tu đạo

*Do phương tiện, vô đắc*

*Tùy hỷ các thiện căn*

*Là được nói ở đây*

*Tu tác ý tùy hỷ.*

[0039a07] Bất cứ thiện căn nào của mình hay của người mà có thể tu tập *tùy hỷ hữu phân biệt* của Đại thừa tùy hiện quán, đó là sắc thái của *Đại thừa tùy hỷ tu đạo*. Giới hạn là từ sơ địa cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

Sự tùy hỷ của Bồ-tát ở Tu đạo vị:

(1) Do phương tiện ‘hữu sở đắc’ đối với danh ngôn,

(2) Và trí tuệ ‘vô sở đắc’ trên mặt thắng nghĩa;

Cả hai được nhiếp trì [bởi Bồ-tát ở Tu đạo vị], cho nên Bồ-tát tịnh tín đối với thiện căn của mình và người mà tu tập sâu xa sự tùy hỷ tương ứng. Chỗ này được nói là *Đại thừa tác ý tùy hỷ hữu lậu* ở Tu đạo vị.

Ở đây, các Tu đạo vị là hữu lậu, đó là xét mặt *hữu phân biệt hữu lậu* mà thành lập, chẳng phải hữu lậu của sở tri phẩm.

#### c.2.2.2 Vô lậu tu đạo

##### (a) Dẫn phát tu đạo

*Đây tự tánh thù thắng*

*Tất cả không tác hành*

*Lập pháp bất khả đắc*

*Là tánh đại nghĩa lợi.*



[0039a12] Dẫn phát tu đạo có khả năng thành lập *tri đức cứu cánh* của Đại thừa vô lậu tùy hiện kiến, đó là sắc thái Dẫn phát tu đạo. Giới hạn là từ sơ địa cho đến địa thứ mười.

Dẫn phát tu đạo, xét mặt sở tướng, thì bất đồng, sai biệt có 5, đó là:

(1) Tự thể tánh của tu đạo này là cái tuệ ‘vô đảo kiến’ về thật tánh của sắc, v.v.

(2) Nếu 5 độ: bố thí, v.v. không được tuệ ấy nhiếp trì thì không thể thành Phật, vì 5 độ là phương tiện thù thắng.

(3) Hành tướng của tuệ ấy là biết ‘tất cả pháp là thắng nghĩa vô tánh’<sup>190</sup>, tức là không khởi ‘thật hữu tác hành’ đối với tất cả pháp.

(4) Tức là do đạo lý “*tự tánh thù thắng, tất cả không tác hành*” mà thông đạt “*các pháp bất khả đắc*”, trí tuệ an lập nơi tâm tương tục của hành giả.

(5) Khiến được nghĩa lợi cứu cánh của quả Phật quang đại, đó là tánh chất của đại nghĩa lợi.<sup>191</sup>

---

<sup>190</sup> Thắng nghĩa 勝義: nói đủ là Thắng nghĩa đế tướng (勝義諦相, sắc thái của chân lý tuyệt đối). Thắng nghĩa đế cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế (chân lý bậc nhất), chân đế (chân lý chân thật); đối lại là thế tục đế (chân lý phổ thông), cũng gọi là thế đế hay tục đế (chân lý giả thiết). Ở đây, chân lý tuyệt đối chỉ cho pháp tánh (Tâm hay Như).

Kinh Giải thâm mật ghi: “Thắng nghĩa sinh, hãy nhận thức rằng Như lai căn cứ ba vô tánh sau đây mà mật ý nói các pháp toàn không, ấy là tướng vô tánh, sinh vô tánh, thắng nghĩa vô tánh. Tướng vô tánh là thế nào, là chính biến kế chấp tánh của các pháp, tại sao, vì tánh ấy do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiết lập, nên gọi là tướng vô tánh. Sinh vô tánh là thế nào, là chính y tha khởi tánh của các pháp, tại sao, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh. Thắng nghĩa vô tánh là thế nào, là (một mặt), các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà y tha khởi tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Thêm nữa, (mặt khác), viên thành thật tánh của các pháp cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, tại pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa này cũng gọi là vô tánh, vì nó mới là thắng nghĩa của các pháp và do vô tánh hiển lộ, nên (viên thành thật tánh) gọi là thắng nghĩa vô tánh. Tương tự không hoa, tướng vô tánh cũng vậy. Tương tự ảo tượng (của ảo thuật), sinh vô tánh cũng vậy, thắng nghĩa vô tánh mặt thứ nhất cũng vậy. Tương tự hư không do sắc tướng vô tánh hiển lộ và phổ biến tất cả, thắng nghĩa vô tánh mặt thứ hai cũng vậy, vì do pháp vô ngã hiển lộ và phổ biến tất cả. Như lai căn cứ ba vô tánh như vậy mà mật ý nói rằng các pháp toàn không.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>191</sup> Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận, phẩm Giáo Thọ, tr. 626c03: “Kệ tụng: Đức Mâu Ni khó gặp/ Gặp được biết nghĩa lớn/ Nhờ nghe pháp vô đẳng/ Tịnh tín nuôi dưỡng tâm.

Giải thích: Kệ tụng này nói rằng, bỏ tất do sự dạy bảo lớn lao mà thường được hiện tiền gặp Phật, thường được nghe chánh pháp không gì sánh bằng, thường khởi tâm tịnh tín cực kỳ sâu xa khắp đầy nơi tâm. Đây là nói giai đoạn đầu tiên được đại nghĩa lợi.

Kệ tụng: Ở trong sự dạy bảo/ Muốn an trú pháp môn/ Như người vượt hiểm nạn/ Phật khuyến khích cũng vậy.

## (b) Thanh tịnh tu đạo

### (b.1) Nhân sai biệt

*Y theo Phật và bồ thí, v.v.*

*Thiện xảo các phương tiện*

*Đây là nhân thắng giải.*

*Nhân các pháp suy tổn:*

*Mê muội bởi ma quỷ*

*Không tin hiểu pháp sâu*

*Chấp trước năm uẩn, xứ, v.v.*

*Bị bận ác năm giữ.*

[0040a01] Thanh tịnh tu đạo có khả năng thành lập *đoạn đức cứu cánh* của Đại thừa vô lậu tùy hiện kiến, đó là sắc thái Thanh tịnh tu đạo. Giới hạn là từ sơ địa cho đến địa thứ mười.

(1) Ngoại duyên là thân cận chư Phật.

(2) Nội duyên là tu hành bồ thí, v.v.

(3) Và phương tiện thiện xảo là *chỉ quán song vận*<sup>192</sup>.

---

Giải thích: Ở trong sự dạy bảo, Muốn an trú pháp môn: Các bồ tát muốn an trú trong pháp môn thì thường thọ nhận sự dạy bảo của Như lai. Như người vượt hiểm nạn, Phật khuyến khích cũng vậy: Thí như có người rơi vào hầm sâu, được người giúp túm tóc kéo lên bờ cao. Sự khuyến khích của Phật cũng vậy, nếu có bồ tát ưa thích an trú hầm sâu tịch diệt, chư Phật Như lai tận lực đặt vị ấy lên bờ cao là quả vị Phật đà. Đây là nói giai đoạn tiếp theo được đại nghĩa lợi.

Kệ tụng: Thế gian cực tịnh nhân/ Thắng giác vô phân biệt/ Thí như mặt trời mọc/ Trừ tối, sáng thế gian.

Giải thích: Khi các bồ tát thành Phật thì vĩnh viễn trừ sạch tất cả pháp thế gian, được tri kiến cực kỳ thanh tịnh, bấy giờ bồ tát được tuệ giác thù thắng, vô phân biệt. Thí như mặt trời lớn mọc lên, có thể trừ bóng tối, chiếu sáng thế gian. Đây là nói giai đoạn hoàn thành được đại nghĩa lợi.”

<sup>192</sup> Tu Quán là dùng tuệ phân biệt để quán sát; tu Chỉ là dùng tâm chuyên nhất an trụ vô phân biệt. Chỉ là buộc tâm vào nhất niệm một cách tương tục trong an trụ. Còn Quán là tâm ta đối với ảnh tượng của các pháp phải luôn tư trạch quán sát. Chỉ và Quán đều là phương tiện trước lúc tu Định, nhờ Chỉ và Quán mới nhập được Định. Lúc mới khởi tu, thì Chỉ và Quán là hai phương pháp hỗ trợ nhau; lúc đã tu thành, thì Chỉ và Quán thực sự không khác nhau.

Tất cả là nhân thắng giải hay thuận duyên cho Thanh tịnh tu đạo.

Những pháp làm nhân suy tổn hay nghịch duyên cho Thanh tịnh tu đạo là:

- (1) Bị mê muội bởi ma quỷ,
- (2) Và bị nắm giữ bởi bạn ác, đó là ngoại nghịch duyên.
- (3) Chúng tánh thấp kém thì không thể tin hiểu giáo pháp sâu xa,
- (4) Và căn khí thấp kém thì chấp trước năm uẩn, v.v. là thật hữu, đó là nội nghịch duyên.

Những trường hợp này là nhân tố không cho Thanh tịnh tu đạo sinh khởi.

## **(b.2) Cảnh sai biệt**

*Quả pháp tánh thanh tịnh*

*Và các sắc, v.v. thanh tịnh*

*Vì hai loại không khác*

*Không thể phân nên tịnh.*

[0040a06] (1) Quả Sa-môn ở Giải thoát đạo là do tự nhân đoạn cấu mà được thanh tịnh ở Vô gián đạo.<sup>193</sup>

(2) Các cảnh: sắc, v.v. cũng do các cấu uế được đoạn trừ mà thanh tịnh.

Hai thứ thanh tịnh là vì một loại sở trị mà được thành và một loại viễn ly mà được thành; xét mặt tự tánh thì không khác, cũng không thể dùng *dị lý* hay *phân biệt* làm cho khác, cho nên nói là ‘một loại thanh tịnh’.

---

Vì vậy, lúc mới tu nên vận dụng cả Chi và Quán, tu một thời gian sau, khi có kết quả, mới tiến đến Chi Quán song vận, và rồi sẽ đạt đến bình đẳng nhất như.

<sup>193</sup> Trong ba cõi có chín địa: cõi Dục, bốn Thiên, bốn Vô sắc. Cõi Dục có chín phẩm hoặc, ở giai vị Tu đạo, người dứt trừ được sáu phẩm hoặc trước của cõi Dục là bậc Thánh quả thứ hai, người dứt trừ hết cả chín phẩm hoặc cõi Dục là bậc Thánh quả thứ ba, người đoạn trừ 72 phẩm hoặc của cõi Sắc và cõi Vô sắc là bậc Thánh quả thứ tư. Mỗi lần đoạn trừ một phẩm hoặc này đều có: Vô gián đạo và Giải thoát đạo. Vô gián đạo là giai vị đang đoạn trừ phiền não, còn Giải thoát đạo là giai vị giải thoát sau khi đã đoạn trừ hết các phiền não. Tư hoặc ở mỗi địa có chín phẩm, cho nên pháp đối trị cũng có chín, gọi là Cửu vô gián đạo, Cửu giải thoát đạo.

### **(b.3) Quả sai biệt**

*Hoặc, sở tri, ba đạo*

*Đoạn được là đệ tử*

*Lân dụ, Phật tử tịnh*

*Phật nhất thiết tối tịnh.*

[0040a10] (1) Thanh văn: Giải thoát đạo của A-la-hán là do *tự sở tri phẩm* mà thanh tịnh, đó là sự thanh tịnh của Thanh văn đệ tử. Sự thanh tịnh ấy được hiển lộ bởi sự đoạn trừ phiền não chướng: tham, sân, v.v.

(2) Độc giác: Sự thanh tịnh của bậc Lân dụ là do đoạn phiền não và đoạn một phần *sở thủ phân biệt*. Sự thanh tịnh ấy được hiển lộ bởi sự đoạn trừ sở tri chướng.

(3) Thánh vị Bồ-tát: Sự thanh tịnh của Thánh đệ tử là do đoạn phiền não chướng, năng thủ phân biệt và sở thủ phân biệt. Sự thanh tịnh ấy được hiển lộ bởi sự đoạn trừ 3 đạo cấu.

(4) Phật quả diệt đế được xuất sinh từ *pháp giới tối cực thanh tịnh*, đó là sự thanh tịnh của Vô thượng Phật-đà. Sự thanh tịnh ấy được hiển lộ bởi sự đoạn trừ nhất thiết chướng: phiền não chướng, sở tri chướng và tập khí.

### **(b.4) Tự tánh sai biệt**

#### **(b.4.1) Có hay không có sự sai biệt của tối thanh tịnh?**

*Trong chín địa đối trị*

*Thượng thượng, v.v. các cấu*

*Là do hạ hạ, v.v*

## ***Các đạo năng thanh tịnh.***

[0040a16] Có người nghĩ như vậy: Ở đây không nói sự thanh tịnh của nhị thừa, mà ở đây nói sự thanh tịnh khác, vậy có hay không có sự tối thanh tịnh của Phật đối với nhị thừa?

Đáp: Có thể nói về sự sai biệt ở đây. Trong 9 địa nơi tam giới<sup>194</sup>, sự đối trị các cấu (: phiền não) thượng thượng phẩm, v.v. thuộc ‘năng thủ phân biệt và sở thủ phân biệt’ được đoạn trừ ở giai vị Tu đạo<sup>195</sup>, theo thứ tự, toàn là sự đối trị tự tánh [của sự phân biệt], nghĩa là: các đạo hạ hạ phẩm, v.v. của Đại thừa tu đạo có thể thanh tịnh hai chương [phiền não và sở tri], vì nhị thừa không thể đoạn trừ hết hai chương ấy.

### **(b.4.2) Xác định sự thanh tịnh của Phật là tối thanh tịnh**

#### ***Bối cảnh ngõ đoạn tránh***

#### ***Nói năng lượng, sở lượng***

---

<sup>194</sup> Cửu địa 九地: Chín chỗ ở, cũng gọi là Cửu hữu. Thế giới của các loài hữu tình ở có thể chia làm ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Căn cứ vào trình độ tam muội thiên định sâu hay nông mà Sắc giới và Vô sắc giới lại được chia làm bốn thiên Sắc giới và bốn thiên Vô sắc giới, cộng thêm Dục giới nữa mà thành là 9 chỗ ở của 9 loài hữu tình, gọi là Cửu địa hoặc Cửu hữu (chín loại sinh tồn). 1. Dục giới ngũ thú địa; 2. Ly sinh hỷ lạc địa; 3. Định sinh hỷ lạc địa; 4. Ly hỷ diệu lạc địa; 5. Xả niệm thanh tịnh địa; 6. Không vô biên xứ địa; 7. Thức vô biên xứ địa; 8. Vô sở hữu xứ địa; 9. Phi tướng phi tướng xứ địa.

<sup>195</sup> Tu đạo sở đoạn 修道所斷惑 (Skt. bhāvanā-mārga-prahātavya-kleśa) chỉ cho các hoặc được đoạn trừ ở giai vị Tu đạo, tức các phiền não thuộc về mê sự như tham, sân, si. Theo luận Câu-xá, quyển 25, 4 phiền não: tham, sân, mạn và vô minh đối với các cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, sinh khởi các hành tướng chuyển như nhiệm trước, ghét bỏ, cao cử và bất liễu, gọi là Tu hoặc. Vì Tu hoặc khởi khắp trong 3 cõi 9 địa, do đó mà Hoặc khó đoạn, nên mỗi địa đều chia nhỏ thành 9 phẩm: thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung và hạ hạ. Nhị quả Tu-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, Tứ quả A-la-hán đoạn trừ 9 phẩm Hoặc này theo thứ lớp, tất cả có 81 thứ, gọi là Bát thập nhất phẩm tu hoặc. Phiền não căn bản được đoạn trừ ở Tu đạo có 10 thứ, tức ở cõi Dục có 4 thứ tham, sân, si, mạn; ở cõi Sắc và Vô sắc không có sân nhuế, mỗi cõi có 3 thứ tham, si, mạn. Cứ theo luận Câu-xá, quyển 21, muốn dứt trừ phiền não Tu sở đoạn thì phải có 4 loại đạo đối trị mà, theo thứ tự, có thể phối hợp với bốn đạo: Gia hành đạo, Vô gián đạo, Giải thoát đạo và Thắng tiến đạo, đó là: 1. Yếm hoại đối trị, cũng gọi Yếm hoại đối trị: Trước hết, là nhằm chán nổi khổ sinh tử và sự tích tập các phiền não hoặc nghiệp ở cõi Dục; 2. Đoạn đối trị: Kế đến, quán xét lý Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo để đoạn trừ phiền não; 3. Trì đối trị: Tiếp theo, giữ gìn trạch diệt đã đạt được (dùng sức giải trạch của chân trí mà đoạn trừ phiền não), không để cho mất; 4. Viễn phân đối trị: Sau đó, lại quán xét lý Tứ đế để xa lìa các phiền não đã bị đoạn trừ.

***Vì là tánh bình đẳng***

***Khấp đối trị tam giới.***

[0041a03] *Sự thanh tịnh của Phật là tối thanh tịnh*: Do cửa ngõ ‘năng trị sở trị thứ đệ đoạn quá’ mà xác nhận: Đại thừa tu đạo là do năng lượng là trí [Bát-nhã] và sở lượng là tánh bình đẳng chân Không [của các pháp]. Đại thừa tu đạo có khả năng đối trị thực sự, đó là khả năng làm thanh tịnh hết thảy các chướng trong tam giới.

Chữ ‘tránh’ (: tranh cãi) ở đây là: [Hỏi:] Hạ hạ phẩm, v.v. 9 thứ tu đạo có thể đoạn trừ thượng thượng phẩm, v.v. 9 thứ thật chấp, là không đúng đạo lý. Thí như người yếu đuối không thể đánh bại kẻ thù mạnh mẽ, nhưng đối với kẻ thù yếu đuối thì không cần phải là người mạnh mẽ. Như vậy, hạ phẩm tu đạo không thể đoạn trừ thượng phẩm thật chấp, và đoạn trừ hạ phẩm thật chấp thì không cần thượng phẩm tu đạo.

Đáp: Không có lỗi. Thí như việc giặt giũ áo quần, làm sạch vết bẩn thô sơ thì không cần dùng sức, nhưng làm sạch vết bẩn tinh tế thì phải gia công, dùng sức. Như vậy, năng trị và sở trị cũng đúng đạo lý.

# Phẩm Bốn: Nhất Thiết Trí

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, quyển 436 - phẩm Vô Tiêu Xí thứ 41)

## 1. Bản tánh của Nhất thiết trí

Hiện chứng vô ngã được nhiếp trì bởi tuệ giác, cũng là *hiện quán chủng loại* của Tiểu thừa, đó là sắc thái của Nhất thiết trí. Hết thầy bậc Thánh đều có Nhất thiết trí.

Nơi sự quán đãi thế tục mà có thể phá hủy biên tế chư hữu bằng *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa Thánh trí, tức là do Đạo tướng trí mà ***Trí không trú chư hữu***.

Nơi sự quán đãi thế tục mà có thể phá hủy biên tế tịch tĩnh bằng *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa Thánh trí, tức là do Đạo tướng trí mà ***Bi chẳng trệ Niết-bàn***.

Giới hạn là từ Đại thừa kiến đạo cho đến Phật địa.

### a. Viên cận đạo

#### a.1 Lý của viên cận đạo

***Chẳng bờ này, bờ kia***

***Cũng không trú khoảng giữa***

***Biết ba đời bình đẳng***

***Nên gọi Bát-nhã độ.***

[0041a15] (1) *Nhất thiết trí* của Bồ-tát, còn gọi là *Bát-nhã ba-la-mật-đa*, do tuệ mà không trú bờ sinh tử bên này, do bi mà không trú bờ Niết-bàn bên kia. Ở

khoảng giữa hai bờ ấy, Bồ-tát cũng không trú thắng nghĩa. Đó là vì hiện quán của Bồ-tát được nhiếp trì bởi trí đã phá hủy cả hai bên để hiện chứng tánh Không.<sup>196</sup>

(2) Như vậy, Nhất thiết trí thì không trú hai bên: chư hữu và Niết-bàn, tức là Bồ-tát gần kề Phật trí nhờ hiện quán được nhiếp trì bởi trí để hiện chứng các pháp ba đời là bình đẳng, vô thật tự tánh.

(3) Ở đây gồm nói cả Nhất thiết trí của Thanh văn và Độc giác. Trí của Thanh văn và Độc giác còn cách xa *Nhất thiết trí* của Bồ-tát, còn gọi là *Bát-nhã ba-la-mật-đa*, bởi vì họ không biết các pháp ba đời là bình đẳng, chân Không.

## **a.2 Thành lập lý ấy**

*Trí do duyên tướng môn*

*Chẳng phương tiện nên xa*

*Do thiện xảo phương tiện*

*Liên nói là gần kề.*

[0042a02] Nếu người có Nhất thiết trí mà rời xa đại bi, bị thật chấp trói buộc, đó là sắc thái Nhất thiết trí cách xa Bát-nhã ba-la-mật-đa trên mặt quả. Giới hạn là từ Tiểu thừa kiến đạo cho đến Tiểu thừa Vô học đạo.

Nếu người có đại bi và Không tuệ được nhiếp trì bởi Đại thừa Thánh trí, an trú *hiện quán chủng loại* của Tiểu thừa, đó là sắc thái Nhất thiết trí gần kề Bát-nhã ba-la-mật-đa trên mặt quả. Giới hạn là từ Đại thừa kiến đạo cho đến Phật địa.

Có người chất vấn: Nhất thiết trí của Thanh văn và Bồ-tát không nên chia ra xa gần, bởi vì thông đạt tánh chất bình đẳng của các pháp ba đời, tức biết pháp tánh

---

<sup>196</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 545, phẩm Thanh tịnh, tr. 802b19: “Thiện Hiện lại thưa: - Bạch Thế Tôn! Như vậy Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải ở khoảng giữa? Phật dạy: - Đúng vậy! Vì rốt ráo tịnh.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



của vũ trụ, Thanh văn và Bồ-tát đều biết pháp tánh ấy, như Bồ-tát Long Mãnh có nói: “Các pháp từ duyên sinh, Ta nói đó là Không.” Ở đây nói, Không có nghĩa là ‘nhân duyên sinh khởi’, và Nhị thừa cũng thông đạt tánh chất duyên khởi.

Để trả lời câu hỏi này, nên nói:

(1) Nhất thiết trí của Thánh giả Nhị thừa có thể nói rằng cách xa, bởi vì trí ấy duyên tất cả pháp và đạo pháp mà chấp có tướng thật, lại chẳng tu phương tiện cho quả Bát-nhã ba-la-mật-đa. Họ rời xa thiện tri thức Đại thừa và rời xa phương tiện thiện xảo dẫn phát tuệ giác mà thông đạt vô tự tánh [của các pháp].

(2) Nhất thiết trí của Thánh giả Bồ-tát có thể nói rằng gần kề, bởi vì được nhiếp trì bởi phương tiện thiện xảo mà sinh ra quả Bát-nhã ba-la-mật-đa. Họ từ lâu xa đã thân cận thiện tri thức Đại thừa, lắng nghe, nhận lãnh những giáo thọ ‘không điên đảo’, và nhờ tu tập những phương tiện thiện xảo mà dẫn phát Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

### **a.3 Sai biệt của năng trị sở trị**

#### **a.3.1 Sở trị phẩm của Nhất thiết trí**

[0042a11] Nhất thiết trí rời xa phương tiện và tuệ giác thù thắng, đó là *sở trị phẩm* của Nhất thiết trí. Giới hạn là từ Tiểu thừa kiến đạo cho đến Tiểu thừa vô học đạo.

*Sắc uẩn, v.v. tánh Không*

*Ba đời pháp hệ thuộc*

*Thí, v.v., Bồ-đề phân*

*Hành tướng sở trị phẩm.*

Đối với bồ-đặc-già-la gồm sắc uẩn, v.v. là *ngã không*, thuộc về *tánh như sở hữu*; các pháp trong tam giới - thuộc về *tánh tận sở hữu*; và 6 độ: bồ thí, v.v., 37 bồ-đề phần pháp, mà khởi ý tưởng ‘chân thật tu hành’, thì ý tưởng ấy trói buộc đạo pháp; chính nó là sở trị phẩm của Bồ-tát đạo, bởi lẽ đó là chỗ sai lầm của người tu.<sup>197</sup>

### **a.3.2 Năng trị phẩm của Nhất thiết trí**

[0042a16] Đại thừa Thánh trí là an trú *hiện quán chủng loại [tánh tướng]* của Đại thừa mà được nhiếp trì bởi phương tiện và thắng tuệ, đó là *năng trị phẩm* của Nhất thiết trí. Giới hạn là từ Đại thừa kiến đạo cho đến Phật địa.

*Thí, v.v. vô ngã chấp*

*Ở đây khiến người hành*

*Đây diệt tham trước biên.*

Từ nơi sáu độ: bồ thí, v.v. mà trú *vô ngã chấp*, cũng y cứ trên [vô ngã chấp] đây mà an lập các chúng sinh khác, khiến họ tu hành; như vậy là trí tuệ thấu suốt *sở y* và *đạo pháp* đều không thật qua [hiện chứng] ba pháp<sup>198</sup>, tức là trí tuệ có khả năng ở nơi *sở y* và *đạo pháp* mà diệt trừ biên tế của tham trước, bởi vì tham trước ấy chánh thức bị đối trị.

### **a.3.3 Tướng chấp sở trị trên quả**

---

<sup>197</sup> Dù là pháp hữu lậu hay pháp vô lậu, là pháp hữu vi hay pháp vô vi, mà khởi ý tưởng ‘tu hành’, thì cần phải đối trị ‘ý tưởng’ ấy.

<sup>198</sup> Ba pháp = tam luân thể không 三輪體空: Thể của 3 luân là Không, tức là khi thực hành pháp bồ thí, Bồ-tát phải thấu suốt thể của người bồ thí, người nhận sự bồ thí và vật dùng để bồ thí đều là Không, để phá trừ tướng chấp trước.

## **Chấp vi tế về Phật, v.v.**

[0043a03] Đối với cảnh giới của Phật, v.v. mà khởi vi tế thật chấp thì bị trôi buộc. Sự tu lễ sám, v.v. là nhân tố của tư lương phước đức, có năng lực đối trị sự bất tín, v.v., nhưng khởi thật chấp vi tế thì là sở trị phẩm của Bồ-tát đạo, bởi lẽ đó là chỗ sai lầm của người tu.

### **a.3.4 Năng trị trên quả**

#### **(a) Năng trị là lý của sở trị phẩm**

*Đạo pháp rất sâu xa*

*Vì tự tánh viển ly.*

[0043a07] Thật chấp vi tế trên đạo quả cũng là sở trị phẩm của Bồ-tát đạo, bởi vì chân nghĩa cứu cánh của các đạo pháp rất là sâu xa, là pháp tánh của tự tánh viển ly.<sup>199</sup>

#### **(b) Chánh đối trị**

*Biết các pháp tánh nhất*

*Nên năng đoạn tham trước.*

---

<sup>199</sup> Pháp duyên sinh viển ly tự tánh, gọi là vô tự tánh. Thế nên, ‘viển ly’ là từ ngữ chỉ cho ‘nghĩa Không’. Kinh Đại Bát-nhã, quyển 547, phẩm Hiện Thế Gian, tr. 816a18: “Này Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa như thật chứng biết vô lượng, vô số, vô biên hữu tình không có tâm giải thoát, vì tự tánh viển ly, lấy vô tánh làm tự tánh, chẳng có tâm giải thoát, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể hiển bày thật tướng các pháp thế gian.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

[0043a10] Như thật liễu tri ‘các pháp đồng nhất với tự tánh [viễn ly]’, được gọi là *Chân Không*. Do đây Bồ-tát biết có thể đoạn trừ *thật chấp trên quả*, đó là sự đối trị chân thật.

### (c) Nghĩa khác biệt

*Do diệt trừ thấy sắc, v.v.*

*Nên nói khó thấu suốt*

*Sắc, v.v. không thể biết*

*Nên chẳng thể nghĩ bàn.*

[0043a13] (1) ‘*Thắng nghĩa đế thì khó thông đạt*’, vì thắng nghĩa đế là sở chứng của nội trí cứu cánh, là sự diệt trừ những danh ngôn khái niệm mà có thể nhận biết khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, v.v.

(2) ‘*Thắng nghĩa đế thì bất khả tư nghị*’, vì thắng nghĩa đế là danh ngôn khái niệm mà không thể liễu tri. Từ sắc, v.v. cho đến pháp bất cộng của Phật là *pháp tánh thế tục*; thật tánh cứu cánh của nó chỉ là *sở kiến của căn bản trí* của Thánh giả.

### a.3.5 Tiểu kết

*Như vậy Nhất thiết trí*

*Sở trị, năng trị phẩm*

*Không còn các sai biệt*

*Nên biết như Kinh thuyết.*

[0043a17] Như vậy là đã nói về những phẩm tánh của Nhất thiết trí. Sở tri phẩm và năng tri phẩm của Nhất thiết trí không có còn những sai biệt, và nên biết sự ấy được nói trong Kinh điển.

## **b. Gia hành của Nhất thiết trí**

### **b.1 Gia hành sai biệt**

[0044a03] Ở mặt thế tục, chấp trước điên đảo về *tự tánh sai biệt*<sup>200</sup>; ở mặt thắng nghĩa, chấp trước điên đảo về tự tánh sai biệt. Bồ-tát Du-già tu bất cứ sự đối trị các chấp trước ấy. Sắc thái *gia hành* của Bồ-tát Du-già là phẩm tánh của Nhất thiết trí.

Giới hạn là từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

*Sắc, v.v và vô thường, v.v.*  
*Viên mãn, chưa viên mãn*  
*Với tánh tham không thật*  
*Gia hành phá thật [chấp] hành*  
*Bất biến, không người tạo.*  
*Gia hành ba nan hành*  
*Theo căn tánh đắc quả*  
*Nên nhận là hữu quả*  
*Không nương tựa người khác*  
*Chứng tri bầy hiện sự.*

---

<sup>200</sup> Luận Du-già Sư Địa, quyển 81, tr. 753c07: “Tự tánh sai biệt là: tự tánh sắc có 10 sắc xứ sai biệt, tự tánh thọ có 3 thọ sai biệt, tự tánh tưởng có 6 tướng sai biệt, tự tánh hành có 3 hành sai biệt, tự tánh thức có 6 thức sai biệt. Hết thấy loại như vậy là các pháp tự tánh sai biệt.”

Ở đây nói gia hành Nhất thiết trí của Bồ-tát có 10 thứ: về cảnh có 4, về tự tánh có 3, về tác dụng có 2 và về chứng tri thí dụ có 1.

Về *cảnh* có 4 thứ, là:

(1) Gia hành *phá thật chấp hành* về các sự: sắc, v.v.<sup>201</sup>

(2) Gia hành *phá thật chấp hành* về biệt pháp: vô thường, v.v.<sup>202</sup>

(3) Gia hành *phá thật chấp hành* về công đức có được viên mãn và chưa viên mãn.<sup>203</sup>

(4) Gia hành *phá thật chấp hành* về tham tánh thì không thật.

Về *tự tánh* có 3 thứ, là:

(5) Gia hành *bất biến*: phá trừ thật chấp về nghiệp tạo tác.

(6) Gia hành *vô tạo*: phá trừ thật chấp về người tạo tác.

(7) Gia hành *ba thứ nan hành*: phá trừ thật chấp về quả.

Ba thứ nan hành: Là trong 3 trí:

(a) Nhất thiết tướng trí: đối với thắng nghĩa vô sở đắc, đối với thế tục, phải trải qua 3 vô số kiếp, tu hành hai thứ tư lương mới có thể chứng đắc, đó là *nan hành sở vi*.

(b) Đạo tướng trí: đối với thắng nghĩa vô sở đắc, đối với thế tục, phải tu học *ba đạo*<sup>204</sup>, cho đến chưa viên mãn, thành thực nghiêm tịnh mà không chứng quả kia, đó là *nan hành gia hành*.

---

<sup>201</sup> Chỉ 15 loại sắc pháp (11 sắc pháp và 4 đại), hoặc 5 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), hoặc 6 xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Nói rộng là tất cả pháp.

<sup>202</sup> Chỉ 16 hành tướng của Tứ đế: vô thường, khổ, không, vô ngã; nhân, tập, sinh, duyên; diệt, tĩnh, diệu, ly; đạo, như, hành, xuất.

<sup>203</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 290, phẩm Trước bát trước tướng, tr. 474a12: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, nếu chẳng hành sắc viên mãn và chẳng viên mãn là hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa. Vì sao? Đây Thiện Hiện! Vì nếu sắc viên mãn và chẳng viên mãn đều chẳng gọi là sắc; cũng chẳng hành như thế là hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, nếu chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức viên mãn và chẳng viên mãn là hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa. Vì sao? Đây Thiện Hiện! Vì nếu thọ, tưởng, hành, thức viên mãn và chẳng viên mãn đều chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng hành như thế là hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>204</sup> Tam đạo: Chỉ cho 3 giai vị của hàng Thanh văn và Bồ tát là Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo. 1. Kiến đạo (Phạm: darśana-mārga), cũng gọi Kiến địa: Tức giai vị bắt đầu thấy Tứ đế và đoạn trừ Kiến hoặc. 2. Tu đạo (Phạm: bhāvanā-mārga), cũng gọi Tu địa, Phân biệt địa: Tức giai vị thường tu tập để đoạn trừ Tu hoặc. 3. Vô học đạo

(c) Nhất thiết trí: phải tự thân sinh khởi [trí này]; do cánh cửa trí này mà làm lợi ích chung tánh Nhị thừa, nhưng tự mình chẳng chứng quả, chỉ đoạn phiền não, đó là *nan hành sở tác*.

Về *tác dụng* có 2 thứ, là:

(8) Theo căn tánh của ba đối tượng giáo hóa<sup>205</sup> mà khiến đắc quả, cho nên thừa nhận là gia hành *hữu quả*.

(9) Do thắng lợi môn<sup>206</sup>, các sự cứu hộ<sup>207</sup>, là gia hành *không nương tựa người khác*.

Về *chứng tri thí dụ* có 1 thứ, là:

(10) Nơi bảy thứ hiện sự [mà chứng tri], là gia hành *chứng tri vô tự tánh*.

Chứng tri bảy thứ hiện sự và thí dụ là:

Các duyên khởi hữu lậu đều chẳng thật có, bởi vì:

(a) Chỉ do tập khí và chấp trước mà biến hiện, thí như sự chiêm bao.

(b) Chỉ là nhân duyên hòa hợp mà biểu hiện, thí như sự huyễn ảo.

(c) Tuy biểu hiện như vậy, mà sự hiện hữu ấy trở thành tương vi, thí như sóng năng.

(d) Chỉ mượn các duyên mà biểu hiện, thí như tiếng vang.

---

(Phạm: *asaiksa-mārga*), cũng gọi Vô học địa: Tức giai vị đoạn trừ hết sạch các hoặc, cõi bỏ mọi sự trôi buộc. Trong đó, Kiến đạo và Tu đạo cũng gọi là Hữu học đạo; Kiến đạo chỉ có vô lậu, còn Tu đạo thì có cả hữu lậu và vô lậu. Nếu phối hợp cả 3 đạo này với 4 hướng 4 quả thì Kiến đạo là Dự lưu hướng, Tu đạo là 3 hướng sau và 3 quả Dự lưu, Nhất lai và Bất hoàn, còn Vô học đạo là quả A la hán. Nếu phối hợp 3 đạo với 5 vị của Duy thức thì theo thứ tự là Thông đạt vị, Tu tập vị, và Cứu cánh vị. Nếu phối hợp với Thập địa thì theo thứ tự là Sơ địa, Nhị địa cho đến Cửu địa, Thập địa và Phật địa. [X. luận Câu xá Q.21, 25; luận Chương sở tri Q.hạ; Đại thừa nghĩa chương Q.10; Hoa nghiêm ngũ giáo chương Q.3].

<sup>205</sup> Ba đối tượng giáo hóa: Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát.

<sup>206</sup> Thắng lợi môn: ‘Học thắng lợi’ là an trú tăng thượng giới học, thấy công đức thù thắng; là trú tỳ-kheo giới vì là giới tối thắng. Tạp A-hàm, kinh Học (8), số 826: “Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng; tích cực nhiếp thủ Tăng; khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tâm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi.”

<sup>207</sup> Cứu hộ là giáo hóa chúng sinh.

- (e) Chỉ từ tập khí mà các tướng như vậy biểu hiện, thí như ảnh tượng.
- (f) Sở y không thật mà như vậy biểu hiện, thí như thành Càn-thác-bà.
- (g) Tác giả không thật mà như vậy biểu hiện, thí như biến hóa.

## **b.2 Tự tánh của gia hành**

[0044a17] Phá trừ thật chấp nơi cảnh và hữu cảnh<sup>208</sup>, được nhiếp trì bởi tuệ giác của Bồ-tát Du-già. Sắc thái *gia hành bình đẳng tánh* của Bồ-tát Du-già là phẩm tánh của Nhất thiết trí.

Giới hạn là từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

***Không chấp trước sắc, v.v.***

***Bốn thứ bình đẳng tánh.***

Gia hành được nói ở đây có bốn thứ bình đẳng tánh đối với: (1) tự tánh sắc, v.v.,<sup>209</sup> (2) tướng xanh, v.v., (3) sai biệt, (4) hữu cảnh. Gia hành ấy phá trừ bốn thứ thật chấp không thật.<sup>210</sup>

<sup>208</sup> Cảnh 境 (Skt. viṣaya) và hữu cảnh 有境 (Skt. viṣayin): cảnh vực và sở hữu chủ của cảnh vực, tức đối tượng được nhận thức và chỉ có sự nhận thức. Trong luận Câu-xá, Huyền Tráng dịch là: cảnh hữu cảnh tánh 境有境性, Chân Đế gọi là: trần 塵, căn 根.

<sup>209</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 506, phẩm Địa ngục, tr. 481a11: “Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, sao lại sâu xa khó tin hiểu? Phật dạy: - Thiện Hiện! Sắc cho đến thức chẳng buộc chẳng mở. Vì sao? Vì sắc cho đến thức, tánh vô sở hữu, là tự tánh sắc v.v... Như vậy cho đến trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng chẳng buộc chẳng mở. Vì sao? Vì trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng, tánh vô sở hữu, là tự tánh trí nhất thiết v.v...” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>210</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 291, phẩm Trước bắt trước tướng, tr. 481a02-18: “Bấy giờ, Thiên Đế Thích hỏi cụ thọ Thiện Hiện: Thưa Đại đức! Thế nào là đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, tuy biết các pháp như ảo ảnh, như chiêm bao, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng nắng, như bóng sáng, như sự biến hóa, như ảo thành mà đại Bồ-tát ấy chẳng chấp là ảo ảnh, là chiêm bao, là tiếng vang, là ảnh tượng, là bóng nắng, là bóng sáng, là sự biến hóa, là ảo thành, cũng chẳng chấp do ảo ảnh, do chiêm bao, do tiếng vang, do ảnh tượng, do bóng nắng, do bóng sáng, do sự biến hóa, do ảo thành, cũng chẳng chấp thuộc ảo ảnh, thuộc chiêm bao, thuộc tiếng vang, thuộc ảnh tượng, thuộc bóng nắng, thuộc bóng sáng, thuộc sự biến hóa, thuộc ảo thành, cũng chẳng chấp nương ảo ảnh, nương chiêm bao, nương tiếng vang, nương ảnh tượng, nương bóng nắng, nương bóng sáng, nương sự biến hóa, nương ảo thành? Thiện Hiện đáp: Nay Kiều Thi Ca! Nếu đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa thì chẳng chấp là sắc, là thọ, tướng, hành, thức; cũng chẳng chấp do sắc, do thọ, tướng, hành, thức; cũng chẳng chấp thuộc sắc, thuộc thọ, tướng, hành,



## **c. Quả của sự tu gia hành**

### **c.1 Lược nói sát-na**

[0045a03] Đây là phẩm tánh Nhất thiết trí về *hiện chứng là hý luận* của Đại thừa để hiện quán, tức là phẩm tánh Nhất thiết trí của Đại thừa kiến đạo.

Giới hạn chỉ ở Đại thừa kiến đạo.

*Các Thánh đế: khổ, v.v.*

*Pháp trí và loại trí*

*Nhãn trí sát-na tánh*

*Nhất thiết trí kiến đạo.*

Duyên Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra pháp trí, loại trí, pháp trí nhãn, loại trí nhãn, tức là 8 nhãn nhiếp thuộc Vô gián đạo và 8 trí nhiếp thuộc Giải thoát đạo.<sup>211</sup> Đây là 16 thể tánh sát-na, tức là phẩm tánh Nhất thiết trí của Đại thừa kiến đạo.

### **c.2 Rộng thích hành tướng**

---

thức; cũng chẳng chấp nương sắc, nương thọ, tướng, hành, thức. Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, tuy biết các pháp như ảo ảnh cho đến như ảo thành mà chẳng chấp là ảo ảnh cho đến là ảo thành; cũng chẳng chấp do ảo ảnh cho đến do ảo thành; cũng chẳng chấp thuộc ảo ảnh cho đến thuộc ảo thành; cũng chẳng chấp nương ảo ảnh cho đến nương ảo thành.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>211</sup> Bát nhãn bát trí 八忍八智: Nghĩa là ở ngôi Kiến đạo quán xét lý Tứ đế, mà sản sinh nhãn, trí vô lậu, đều có tám thứ. Đây cũng là mười sáu tâm kiến đạo, cũng gọi bát nhãn bát quán. Trong tám nhãn thì bốn nhãn trước là nhĩn chịu và ấn chứng bốn phép nhãn của bốn đế ở cõi Dục, tức là khổ pháp nhãn, tập pháp nhãn, diệt pháp nhãn và đạo pháp nhãn. Còn bốn nhãn sau là nhĩn chịu và ấn chứng bốn loại nhãn của bốn đế ở cõi Sắc và cõi vô Sắc, tức là khổ loại nhãn, tập loại nhãn, diệt loại nhãn và đạo loại nhãn. Vì tám nhãn trên đây chính thức diệt trừ kiến hoặc trong ba cõi, cho nên là Vô gián đạo. Kiến hoặc đã bị dứt hết, sự quán chiếu trở nên rõ ràng, thì là tám trí, tức khổ pháp trí, tập pháp trí, diệt pháp trí, đạo pháp trí, khổ loại trí, tập loại trí, diệt loại trí, đạo loại trí là Giải thoát đạo. Nhãn là nhân của trí, trí là quả của nhãn.

*Sắc chẳng thường, vô thường*  
*Xuất nhị biên, thanh tịnh*  
*Không sinh, không diệt, v.v.*  
*Như hư không, ly tham*  
*Thoát ly các nhiếp trì*  
*Tự tánh bất khả thuyết*  
*Do tuyên thuyết nghĩa này*  
*Không thể thí cho người*  
*Hết thấy bất khả đắc*  
*Cứu cánh tịnh, không bệnh*  
*Đoạn trừ các nẻo ác*  
*Chứng quả vô phân biệt*  
*Không hệ thuộc các tướng*  
*Nơi hai thứ: nghĩa - danh*  
*Biết chúng không có sinh*  
*Nhất thiết trí sát-na.*

[0045a10] (1) Vô thường: Ở mặt thắng nghĩa, sắc, v.v. là thường, là vô thường, nên ‘*chẳng thường chẳng vô thường*’.

(2) Khổ: Ở mặt thắng nghĩa, sắc, v.v. là khổ, là phi khổ, nên ‘*xuất nhị biên thường đoạn*’.

(3) Không: Ở mặt thắng nghĩa, sắc, v.v. là Không, là bất Không, nên gọi là ‘*thanh tịnh*’.

(4) Vô ngã: Ở mặt thắng nghĩa, sắc, v.v. chẳng tánh ngã, chẳng tánh vô ngã, nên ‘*không sinh, không diệt*’, ‘*chẳng thủ chẳng xả, chẳng nhiễm chẳng tịnh*’.

Đây là các tướng Khổ đế.

(5) Nhân: Nghiệp hữu lậu và ái thủ là khổ nhân. Ở mặt thắng nghĩa, chúng là phi nhân, phi hữu, nên *‘như hư không’*.

(6) Tập: Ở mặt thắng nghĩa, chúng là chẳng tập, chẳng vô tập, nên *‘ly tham, v.v. tất cả phiền não’*.

(7) Sinh: Ở mặt thắng nghĩa, sinh khổ và không sinh khổ đều không hệ thuộc, nên *‘thoát ly các nhiếp trì’*.

(8) Duyên: Sự thoát ly ấy là khổ duyên, chẳng khổ duyên, nên *‘tự tánh bất khả thuyết’*.

Đây là các tướng Tập đế.

(9) Diệt: Diệt đế có nghĩa *‘ly phiền não’*. Ở mặt thắng nghĩa, diệt và không diệt đều không hệ thuộc, nên *‘tuyên thuyết các nghĩa của diệt này’, ‘không thể huệ thí cho người’*.

(10) Tĩnh: Ở mặt thắng nghĩa, không khổ tĩnh, không [khổ] bất tĩnh, nên *‘đều bất khả đắc’*.

(11) Diệu: Ở mặt thắng nghĩa, ly diệu, ly phi diệu, nên *‘viễn ly nhị biên thường đoạn, cứu cánh thanh tịnh’*.

(12) Ly: Ở mặt thắng nghĩa, không ly, không bất ly, nên *‘đầy đủ thắng lợi, không sinh tất cả bệnh’*.

Đây là các tướng Diệt đế.

(13) Đạo: Đạo đế là trí hiện chứng chân Không. Ở mặt thắng nghĩa, ly đạo, ly phi đạo, nên *‘đoạn trừ các nẻo ác: địa ngục, v.v.’*.

(14) Như: Ở mặt thắng nghĩa, đúng lý và phi lý không tạp loạn nhau, nên *‘đôi với phương tiện chứng quả Dự lưu, v.v., không có các phân biệt’*.

(15) Hành: Ở mặt thắng nghĩa, sau khi thoát ly, không có hành đúng và hành sai, nên *‘các pháp thật hữu cùng và không cùng hệ thuộc với nhau’*.

(16) Xuất: Ở mặt thẳng nghĩa, không xuất, không bắt xuất mà sinh Niết-bàn, nên ‘*nghĩa sở thuyên sở tri và thanh năng thuyên*<sup>212</sup>, đều không sinh nhận thức có hai tướng: năng thủ và sở thủ’.

Đây là các tướng Đạo đế.

Như vậy là các hành tướng sát-na của Nhất thiết trí, đó là Kiến đạo của Bồ-tát.

## 2. Tổng kết ba trí

*Như vậy đây và đây*

*Lại ba đoạn văn này*

*Nên biết tức hiển thị*

*Ba phẩm đây viên mãn.*

[0046a03] Như vậy đã nói rộng về ba trí.

(1) Kinh có nói: “*Này Thiện Hiện! [Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế] đối với tất cả pháp chẳng có tự tại, v.v.*”<sup>213</sup> Đoạn kinh văn này tổng kết Nhất thiết trí.

(2) Lại nói: “*Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế chẳng bỏ ba cõi, v.v.*”<sup>214</sup> Đoạn kinh văn này tổng kết Đạo tướng trí.

---

<sup>212</sup> Thuyết pháp cần có danh, cú, văn. Danh và cú là năng thuyên thanh 能詮聲. Âm thanh mà người nghe có thể hiểu được ý nghĩa những gì pháp sư nói, gọi là năng thuyên thanh.

<sup>213</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 437, phẩm Vô Tiêu Xí, tr. 201a29: “*Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với tất cả pháp chẳng có tự tại cũng chẳng phải không có tự tại, không lấy, không bỏ, không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh, không thêm, không bớt.*” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>214</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 437, phẩm Vô Tiêu Xí, tr. 201b02: “*Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai, không đến cõi Dục, không bỏ cõi Dục, không trụ cõi Dục; không đến cõi Sắc, không bỏ cõi Sắc, không trụ cõi Sắc; không đến cõi Vô sắc, không bỏ cõi Vô sắc, không trụ cõi Vô sắc.*” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

(3) Lại nói: “*Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, từ Phật pháp cho đến Độc giác pháp không lấy không bỏ, v.v.*”<sup>215</sup> Đoạn kinh văn này tổng kết Nhất thiết tướng trí.

Nên biết, ba đoạn văn này là ba trí hiển thị trong kinh Đại Bát-nhã, làm văn tổng kết viên mãn cho ba trí phẩm được luận bàn.

---

<sup>215</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 437, phẩm Vô Tiêu Xí, tr. 201b06-22: “*Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không cho cũng không bỏ. Đối với pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không cũng không cho, không bỏ. Đối với bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo không cho, cũng không bỏ. Đối với mười lục Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không cho, cũng không bỏ. Đối với quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề không cho, cũng không bỏ. Đối với Chánh tánh ly sanh của các Bồ-tát cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không cho, cũng không bỏ. Đối với trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng không cho, cũng không bỏ. Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp Dị sanh không cho, cũng không bỏ. Đối với pháp Dự lưu cho đến pháp A-la-hán không cho, cũng không bỏ. Đối với pháp Độc giác không cho, cũng không bỏ. Đối pháp Bồ-tát không cho, cũng không bỏ. Đối với pháp chư Phật không cho, cũng không bỏ. Này Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không cho pháp Thanh văn, không bỏ pháp Dị sanh; không cho pháp Độc giác, không bỏ pháp Thanh văn; không cho pháp chư Phật, không bỏ pháp Độc giác; không cho pháp vô vi, không bỏ pháp hữu vi. Vì sao? Vì Như Lai xuất thế hay không xuất thế, các pháp ấy thường không biến đổi, pháp tánh, pháp giới, pháp định, pháp trụ cũng không khác.*” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

## Phẩm Năm: Viên Mãn Nhất Thiết Tướng Hiện Quán

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, từ quyển 437 - phẩm Bất Khả Đắc thứ 42, đến quyển 452 - phẩm Tập Cận thứ 59) (Phần 1)

Tổng tu hành tướng ba trí được nhiếp trì bởi tuệ giác của Bồ-tát Du-già, đó là sắc thái gia hành của Nhất thiết tướng.

Giới hạn là từ Đại thừa tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

### V. Giải rộng Bốn gia hành

#### 1. Tự tại nhân quả

##### 1.1 Tự tại nhân: Nhất thiết tướng gia hành

##### 1.1.1 Tổng kiến lập Nhất thiết tướng gia hành

##### a. Tự tánh Nhất thiết tướng gia hành

##### a.1 Trí tướng sai biệt

##### a.1.1 Lược nêu

[0046a11] Tu bất cứ hành tướng nào của ba trí được nhiếp trì bởi tuệ giác của Bồ-tát Du-già, đó là sắc thái Năng trị phẩm trí tướng của Bồ-tát.

Giới hạn là từ Đại thừa tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

*Nhất thiết trí sai biệt*

*Hành tướng làm năng tướng*

*Do vì ba thứ trí*

*Nhận có ba hành tướng.*

Liễu tri 16 hành tướng của Tứ đế: vô thường, v.v., làm các [pháp tướng] sai biệt của Nhất thiết trí. Do khéo hiện khởi *hành tướng năng trị* để đối trị *sở trị phạm* là sự chấp trước năm uẩn là thường, v.v., mà phá hủy được những chấp trước của Bồ-tát Du-già. Những hành tướng ấy là *năng tướng* của sự năng tu đối trị.

Thừa nhận có 3 thứ hành tướng của năng đối trị, bởi vì 3 trí quyết định.

### a.1.2 Rộng thích

#### (a) Tướng Nhất thiết trí

*Khởi từ tướng vô biên*

*Cho đến tướng vô động*

*Ba đế mỗi có bốn*

*Đạo để nói mười lăm.*

[0046a17] Kinh Đại Bát-nhã, từ câu “*Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là ba-la-mật-đa vô biên*”, là nói hành tướng *vô thường* của Khổ đế, đến câu “*Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là ba-la-mật-đa vô động*”, là nói hành tướng *vô động* của Đạo đế.<sup>216</sup>

<sup>216</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 296, phẩm Ba-la-mật-đa, tr. 506c25-507b15: “Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa: - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô biên. Đức Phật nói: - Đúng vậy! Thí như hư không, không ngăn mé. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa bình đẳng. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp tánh bình đẳng. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa viễn ly. - Đúng vậy! Vì rốt ráo không. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa khó khuất phục. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp tánh bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô bi ngạn. - Đúng vậy! Vì không danh thể. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa hư không. - Đúng vậy! Vì hít vào thở ra bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa bất khả thuyết. - Đúng vậy! Vì tâm, tứ trong đó bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô danh. - Đúng vậy! Vì thọ, tưởng, tư, xúc và tác ý đều bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô hành. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp không đến đi. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa bất khả đoạt. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp bất khả phục. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô tận. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp rốt ráo tận, bất khả tận. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không sanh diệt. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp không sanh diệt. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô tác. - Đúng vậy! Vì các tác giả bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô tri. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp tánh đều vô tri. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không di chuyển. - Đúng vậy! Vì sanh tử bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-

Các câu kinh văn này, ba đế trước, mỗi đế có 4 hành tướng; ở Đạo đế có 15 hành tướng, tổng cộng nói 27 hành tướng của Nhất thiết trí.

Ba đế trước, mỗi đế có 4 hành tướng:

- (1) Khổ thì vô thường
- (2) Thắng nghĩa thì vô sinh
- (3) Viễn ly ngã dị thể
- (4) Tự ngã phân biệt không thể *khuất phục*.

Thứ tự như vậy là 4 hành tướng của Khổ đế: vô thường, khổ, không, vô ngã.

- (1) Ái là nhân sinh khổ, thắng nghĩa vô trú.
- (2) Tập, thắng nghĩa như hư không.
- (3) Tầm tứ, thắng nghĩa bất khả thuyết.
- (4) Thọ duyên ái để cảm hậu hữu, thắng nghĩa vô danh.

Thứ tự như vậy là 4 hành tướng của Tập đế: nhân, tập, sinh, duyên.

- (1) Diệt là thắng nghĩa vô hành.
- (2) Tĩnh là duyên bất khả đoạt.
- (3) Diệu là giải thoát ý vô tận.
- (4) Ly là câu diệt vô sinh.

Thứ tự như vậy là 4 hành tướng của Diệt đế: diệt, tĩnh, diệu, ly.

Đạo đế có 15 hành tướng, chia làm 3:

---

la-mật-đa không mất hoại. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp không mất hoại. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như mộng. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp như thấy trong mộng, bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như âm vang. - Đúng vậy! Vì sự nghe nói ấy bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như ảnh tượng. - Đúng vậy! Các pháp đều như bóng gương sáng hiện ra bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như ánh lửa già. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp như tướng chuyển biến bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như việc biến hóa. - Đúng vậy! Vì tất cả pháp như sự biến hóa bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như thành Tầm hương (ảnh ảo). - Đúng vậy! Vì tất cả pháp như thành Tầm hương bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không nhiễm tịnh. - Đúng vậy! Vì nhiễm tịnh bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô sở đắc, không ô nhiễm. - Đúng vậy! Các pháp sở y bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không hý luận. - Đúng vậy! Phá hoại tất cả việc hý luận. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không khinh miệt chấp trước. - Đúng vậy! Phá hoại tất cả việc khinh miệt chấp trước. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không động chuyển. - Đúng vậy! Vì trụ pháp giới.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



- Có 4 hành tướng thuộc phiền não chướng, vô lậu đối trị:

(1) Hiện chứng *vô tác* giả là bổ-đặc-già-la ngã của Bồ-tát kiến đạo, là sắc thái của Đạo đế.

(2) Cũng vậy, hiện chứng *vô tri* giả là bổ-đặc-già-la ngã,

(3) *Vô di chuyển* giả là bổ-đặc-già-la ngã,

(4) *Vô điều phục* phiền não là bổ-đặc-già-la ngã của Bồ-tát kiến đạo.

Thứ tự như vậy là 4 hành tướng của Đạo đế: đạo, lý, hành, xuất.

- Có 5 hành tướng thuộc sở thủ phân biệt, sở tri chướng, hữu lậu đối trị:

(5) Ngoại cảnh là vô tự tánh, như *chiêm bao*.

(6) Ngoại cảnh là thắng nghĩa vô sinh, như *tiếng vang*.

(7) Ngoại cảnh thì vô diệt, như *ảnh tượng*.

(8) Ngoại cảnh xưa nay tịch tĩnh, như *sóng nắng*.

(9) Ngoại cảnh là tự tánh Niết-bàn, như *huyền sự*.

Đây là 5 *hậu đắc trí* của Đại thừa kiến đạo.

- Có 6 hành tướng thuộc sở thủ phân biệt, sở tri chướng, vô lậu đối trị:

(10) Hiện chứng sự chấp trước ngoại cảnh *vô nhiễm* (: tịnh),

(11) Ngoại cảnh *vô tịnh* (: nhiễm).

(12) *Không tập khí huân nhiễm* [tịnh].

(13) Không sai biệt *hý luận*.

(14) *Không kiêu mạn mê đắm* trí đức.

(15) Đã được bất thối, tâm *không động chuyển*.

Đây là 6 *căn bản trí* hiện chứng vô sở thủ của Bồ-tát kiến đạo.

## **(b) Đạo tướng trí tướng**

### ***Nơi nhân Đạo và Khổ***

***Trong Diệt như thứ đệ***

***Nói kia có tám, bảy***

***Năm và mười sáu tướng.***

[0047a11] Đạo tướng trí có 36 hành tướng. Theo thứ đệ, Đạo tướng trí duyên với nhân Tập đế có 8 tướng; duyên Đạo đế có 7 tướng; duyên Khổ đế có 5 tướng; duyên Diệt đế có 16; trong Kinh có nói như thế.<sup>217</sup>

<sup>217</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 296, phẩm Ba-la-mật-đa, tr. 507b15-508b02: “- Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa xa lìa nhiễm ô. - Đúng vậy! Vì hiểu biết tất cả pháp không hư vọng. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không đặng khởi. - Đúng vậy! Tất cả pháp không phân biệt. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa tịch tịnh. - Đúng vậy! Tướng của các pháp vô sở đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không tham dục. - Đúng vậy! Các việc tham dục bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không sân giận. - Đúng vậy! Phá hoại tất cả việc sân giận. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không ngu si. - Đúng vậy! Diệt các việc vô tri đên tối. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không phiền não. - Đúng vậy! Xa lìa phân biệt. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa xa lìa hữu tình. - Đúng vậy! Đạt được loài hữu tình vô sở hữu. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không đoạn hoại. - Đúng vậy! Vì đây năng đặng khởi tất cả pháp. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không có hai bên. - Đúng vậy! Xa lìa hai bên. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không tạp hoại. - Đúng vậy! Biết tất cả pháp không thuộc nhau. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không chấp trước. - Đúng vậy! Vượt khỏi bậc Thanh văn, Độc giác. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không phân biệt. - Đúng vậy! Tất cả phân biệt bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không hạn lượng. - Đúng vậy! Sự phân đều của các pháp bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa như hư không. - Đúng vậy! Đạt đến sự không ngăn ngại của tất cả pháp. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa là vô thường. - Đúng vậy! Vì hoại diệt hẳn tất cả pháp. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa khô. - Đúng vậy! Thường xua đuổi hẳn tất cả pháp. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô ngã. - Đúng vậy! Không chấp trước tất cả pháp. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa Không. - Đúng vậy! Tất cả pháp vô sở đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa không sát-na. - Đúng vậy! Tất cả pháp không chuyển động. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa nội Không. - Đúng vậy! Thấu rõ nội pháp bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa ngoại Không. - Đúng vậy! Thấu rõ ngoại pháp bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa nội ngoại Không. - Đúng vậy! Biết pháp nội ngoại bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa Không Không. - Đúng vậy! Rõ biết pháp Không Không bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa đại Không. - Đúng vậy! Rõ biết tất cả pháp bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa thắng nghĩa Không. - Đúng vậy! Tịch diệt Niết-bàn bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa hữu vi Không. - Đúng vậy! Các pháp hữu vi bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô vi Không. - Đúng vậy! Các pháp vô vi bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa tất cảnh Không. - Đúng vậy! Pháp rốt ráo Không bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô tế Không. - Đúng vậy! Pháp vô tế Không bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa tán vô tán Không. - Đúng vậy! Pháp tán vô tán Không bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa bản tính Không. - Đúng vậy! Pháp hữu vi, vô vi bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa tự cộng tướng Không. - Đúng vậy! Thấu đạt pháp xa lìa tự cộng tướng. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa nhất thiết pháp Không. - Đúng vậy! Biết pháp trong ngoài bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa bất khả đắc Không. - Đúng vậy! Tánh tất cả pháp bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô tính Không. - Đúng

- Đạo tướng trí duyên Tập đế có 8 tướng:

(1) Tự thân của Đại thừa kiến đạo, trí hiện chứng vô ngã, viễn ly tham muốn  
nhiễm trước dục trần.

(2) Với dục trần, không nhiễm trước mà trú.

(3) Ưa *tịch diệt* và ái *hậu hữu*.

Theo thứ tự, trên tướng *nhân* của Tập đế, trí đối trị *ái cảnh Dục giới, ái tham [sân si] không rời* và *ái ưa thích hậu hữu*.

(4) Lại nữa, trí như thế hiện chứng cảnh vô tham trước,

(5) Cảnh vô sân nhuế,

(6) Cảnh vô ngu si.

Đó là trên tướng *tập*, trí đối trị tham, sân, si.

(7) Lại nữa, trí như thế hiện chứng cảnh phiền não mà không có *phi lý tác ý*<sup>218</sup>.

Đó là trên tướng *sinh*, trí đối trị chấp trước thường, lạc, ngã, tịnh, v.v.

(8) Lại nữa, trí như thế hiện chứng không có tướng *hữu tình tự tại*<sup>219</sup>.

Đó là trên tướng *duyên*, trí đối trị chấp trước hữu tình tự tại.

- Đạo tướng trí duyên Đạo đế có 7 tướng:

(1) Đối với vô lượng hữu tình, Đạo tướng trí mở ra con đường Giải thoát  
đạo.

(2) Lý của sự mở rộng con đường là Đạo tướng trí không trói buộc *hai bên sinh tử và Niết-bàn*.

Đây là 2 tướng *đạo*.

---

vậy! Pháp vô tính Không bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa tự tính Không.  
- Đúng vậy! Pháp tự tính Không bất khả đắc. - Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là Ba-la-mật-đa vô tính  
tự tính Không. - Đúng vậy! Pháp vô tính tự tính Không bất khả đắc.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>218</sup> Phi lý tác ý (ayoniso manasikāra): Là tác ý nhiễm ô, là là tác ý đến đối tượng qua bốn ‘điên đảo tướng’  
(vipallāsa) – tác ý vô thường là thường, khổ là lạc, vô ngã là ngã và bất tịnh là tịnh.

<sup>219</sup> Nếu hiểu hữu tình là sát-na khởi diệt, thì diệt trừ được ý tưởng ‘hữu tình tự tại thường hằng nhất thể’, và cũng  
hiểu không có ‘hữu tình dị thể ly uẩn’.

(3) Đạo tướng trí liễu tri pháp giới *không ly hoại* (: tạp hoại).

(4) Lý của sự liễu tri là Đạo tướng trí phải hiện chứng *không thủ trước Thanh văn đạo và Độc giác đạo*, và viên ly hý luận.

Đây là 2 tướng lý.

(5) Đạo tướng trí *không phân biệt thật hữu*.

(6) Đạo tướng trí phải hiện chứng *pháp tánh vô hạn lượng*.

Đây là 2 tướng hành.

(7) Đạo tướng trí *không trệ ngại*.

Đây là tướng xuất.

Đạo tướng trí duyên Khổ đế có 5 tướng:

(1) Năm thủ uẩn hoại diệt trong từng sát-na, gọi là tướng *vô thường*.

(2) Tánh chất của *hành khổ*, gọi là tướng *khổ*.

(3) Tác giả viên ly dị thể, gọi là tướng *không*.

(4) Không có ngã tánh của *bổ-đặc-già-la*, gọi là tướng *vô ngã*.

(5) Thật thể Không, gọi là tướng *vô tướng*.

Đạo tướng trí duyên Diệt đế có 16:

(1) – (3) Là tướng *diệt* của phiền não, có 3 tướng: *nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không*.

(4) – (11) Trong tướng *tĩnh*, có 8 tướng: *không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, vô tán Không*.

(12) Tướng *diệu* là tướng của *bản tánh Không*.

(13) – (15) Trong tướng *xuất ly*, có 3 tướng: *nhất thiết pháp Không, tự tướng Không, bất khả đắc Không*.

(16) Tướng *duy xuất ly* là tướng của *vô tánh tự tánh Không*.

Đây là xét 16 thứ *hữu pháp*<sup>220</sup>, để nói 16 thứ *pháp tánh ly cấu* của Diệt đế.

Như vậy Đạo tướng trí có 36 thứ tướng:

- a. Tướng Tập đế là xét mặt *năng trị sở trị* mà nói.
- b. Tướng Đạo đế là xét mặt *sở lập năng lập* mà nói.
- c. Tướng Khổ đế là xét mặt *tự tướng cộng tướng* mà nói.
- d. Tướng Diệt đế là xét mặt *thắng lợi* mà nói.

### (c) Nhất thiết tướng trí tướng

*Khởi từ bốn niệm trú*

*Tướng chư Phật cứu cánh*

*Đạo đế trong tùy thuận*

*Do ba trí phân biệt*

*Đệ tử và Bồ-tát*

*Chư Phật như thứ đệ*

*Nhận có ba mươi bảy*

*Ba mươi bốn, ba chín.*

[0048a09] Từ tướng *niệm trú* cho đến tướng *chư Phật*, chia làm 3 nhóm: tùy thuận Thanh văn đệ tử sở hữu, có 37; tùy thuận Bồ-tát sở hữu, có 34; và duy Phật sở hữu, có 39.

---

<sup>220</sup> Hữu pháp 有法: Nhìn hiện hữu từ hai quan điểm hữu và vô, luận Đại trí độ luận, Giải thích Mười tám Không, gom chung ba Không: vô pháp Không (Không thứ 16), hữu pháp Không (Không thứ 17) và vô pháp hữu pháp Không (Không thứ 18) như sau: "Vô pháp không là, có người nói: Vô pháp tức là pháp đã diệt. Pháp diệt ấy không, nên gọi là vô pháp Không. Hữu pháp Không là các pháp nhân duyên hòa hợp sanh, cho nên có pháp. Hữu pháp ấy không có, nên gọi là hữu pháp Không. Vô pháp hữu pháp Không là tìm tướng vô pháp hữu pháp không thể có được; ấy là vô pháp hữu pháp Không."

Như vậy, lý của sự chia làm 3 trí là tùy thuận tự thân 3 loại bổ-đặc-già-la thuộc Đạo đế.

Khi tuyên thuyết tướng của Nhất thiết trí, vì sao lại tuyên thuyết cùng với tướng của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát? Do Nhất thiết tướng trí nhiếp hết *chủng loại trí đức* của tất cả Thánh nhân, cho nên không có lầm lỗi.

Ở đây chia làm 3: Nhất thiết trí tướng tùy thuận Thanh văn đệ tử sở hữu, Đạo tướng trí tướng tùy thuận Bồ-tát sở hữu, và Nhất thiết tướng trí bất cộng tướng.

### **Sắc thái Nhất thiết trí tùy thuận Thanh văn đệ tử sở hữu**

[0048a12] (1) Bốn niệm xứ: Dùng tuệ quán sát các biệt tướng: thân hữu lậu là bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã; và quán sát các cộng tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã đều là chân thật Không; an trú chánh niệm. Tự tánh của Bốn niệm trú là duyên với bốn sự: thân, thọ, tâm, pháp; tu tập mỗi sự qua hai biệt tướng và cộng tướng. Hành giả theo *niệm* hay *tuệ* mà *nhập đạo hiện quán*, tức là đi vào sự tu tập thủ xả qua Tứ đế.

(2) Bốn chánh đoạn: bất thiện đã sinh khiến đoạn, bất thiện chưa sinh khiến không sinh, thiện đã sinh khiến tăng trưởng, thiện chưa sinh khiến sinh. Tự tánh của Bốn chánh đoạn là tinh tiến thủ xả mạnh mẽ đối với năng trị và sở trị mà nhập đạo hiện quán, là tu tập sự đoạn trừ những bất thiện đã sinh, v.v.

(3) Bốn thần túc: y chỉ *dục tam-ma-địa*, y chỉ *tinh tiến tam-ma-địa*, y chỉ *tâm tam-ma-địa* và y chỉ *quán tam-ma-địa* mà gián trạch các pháp, riêng chứng *tâm nhất cảnh tánh*<sup>221</sup>. Tự tánh của Bốn thần túc là đối trị 5 lầm lỗi, tu 8 đoạn hành<sup>222</sup>, có được tam-ma-địa mà nhập đạo hiện quán, là tu tập sự biến hóa đủ loại tướng.

<sup>221</sup> Nhất cảnh tánh 一境性: cũng gọi đấng nhất (tập trung vào một cảnh), nhất tâm, tâm nhất cảnh tánh (tâm và cảnh là một). Tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm là 5 chi của sơ thiên.

<sup>222</sup> Nhờ tu bốn chánh đoạn mà được tam-ma-địa, nên gọi là “dục tăng thượng nên được tam-ma-địa”. Và nhờ tu thêm 8 thứ đoạn hành mà được 3 thần túc còn lại.

Năm lầm lỗi: giải đãi, quên giáo thọ, hôn trầm trạo cử, không tác hành, tác hành.<sup>223</sup>

Tám đoạn hành: *tín*, *dục*, *chánh cần* và *khinh an* để đối trị giải đãi; *chánh niệm* để đối trị quên giáo thọ; *chánh tri* để đối trị hôn trầm, trạo cử; *tác hành* để đối trị không tác hành; *không tác hành* để đối trị tác hành.<sup>224</sup>

(4) Năm căn: *Tín căn* là xác nhận sâu xa đế lý; *tin tiến căn* là mạnh mẽ thủ xả; *niệm căn* là không quên hành tướng của sở duyên; *tam-ma-địa căn* là tâm nhất cảnh tánh; *tuệ căn* là giản trạch thật tánh. Tự tánh của Năm căn là đối với Thánh đạo dẫn sinh tự quả có khả năng tự tại chuyển. Từ Noãn vị của Gia hành đạo trở về sau, tu tập năm pháp: tín, v.v. làm cho mau chứng đắc Thánh đế và mau viên mãn Gia hành đạo.

(5) Năm lực: *Tín lực* là tin sâu Tứ đế; *tin tiến lực* là thú chứng Tứ đế; *niệm lực* là không quên hành tướng của sở duyên; *tam-ma-địa lực* là tâm nhất cảnh tánh; *tuệ lực* là giản trạch các hành tướng của Tứ đế. Tự tánh của Năm lực từ Nhẫn vị của Gia hành đạo trở về sau, tu tập năm pháp: tín, v.v. làm cho mau chứng đắc Thánh đế và mau viên mãn Gia hành đạo.

(6) Bảy bồ-đề phần: *niệm chi* là tâm không tán loạn, chuyên chú duyên với Tứ đế<sup>225</sup>; *trạch pháp chi* là tự thể [của tuệ giác], *tin tiến chi* là xuất ly [của tuệ giác], *hỷ chi* là lợi ích thân tâm, thắng lợi [của tuệ giác], *khinh an chi* là không có

---

<sup>223</sup> Luận Biện Trung Biên, phẩm Biện Chân Thật, tr. 471c08: “Nếu vì trừ diệt hôn trầm, trạo cử mà không tác gia hành, hay nếu đã diệt trừ hôn trầm, trạo cử mà còn tác gia hành, thì đều là lầm lỗi. Vì đoạn trừ năm lầm lỗi mà phải tu tám đoạn hành.”

<sup>224</sup> Luận Đại thừa trang nghiêm kinh (大乘莊嚴經論, No.1604), phẩm Giác phần, thứ 21: “Tám đoạn hành: 1. Tín; 2. Dục; 3. Cần; 4. Khinh an; 5. Chánh niệm; 6. Chánh tri; 7. Tự; 8. Xả. Ở đây, theo thứ tự là: (một) lấy ba hành tín, dục và cần để thành lập phương tiện khởi tác: do tín khởi dục, do dục khởi cần, theo thứ tự như vậy; (hai) lấy một hành khinh an để thành lập phương tiện tùy nhiếp: do khinh an mà tâm được định; (ba) lấy hai hành chánh niệm và chánh tri để thành lập phương tiện trói buộc: do chánh niệm nên trú tâm ở trong định, không cho rời cảnh sở duyên, và do chánh tri nên khi tâm rời cảnh sở duyên, biết rõ tâm mà tùy nhiếp; (bốn) lấy hai hành tự và xả để thành lập phương tiện đối trị: nhờ có tự mà đối trị được chướng ngại của hôn trầm, và nhờ có xả mà đối trị được chướng ngại của trạo cử; hai hành tự và xả có tác dụng đối trị phiền não.”

<sup>225</sup> Niệm là sở y của tuệ giác.

nhiễm ô<sup>226</sup>, *định chi* là an trú [vô nhiễm]<sup>227</sup>, *xả chi* là tự tánh [của vô nhiễm]. Tự tánh của Bảy bồ-đề phần là bảy pháp: niệm, v.v. có được ở giai đoạn Kiến đạo, được tu tập để đoạn trừ *kiến sở đoạn*<sup>228</sup>, mau chóng viên mãn Diệt đế và Đạo đế.

(7) Tám Thánh đạo chi: *chánh kiến* là trí kiến căn bản trong giai đoạn Kiến đạo, là thể của trí hậu đắc, dùng *tuệ quán sát* để giải trạch các pháp; *chánh tư duy* là muốn thuyết giảng cho người mà tìm ngôn ngữ phát biểu; *chánh ngữ* là ngữ nghiệp thanh tịnh; *chánh nghiệp* là thân nghiệp thanh tịnh; *chánh mạng* là hai nghiệp thân ngữ đều thanh tịnh; *chánh tinh tiến* là tinh tiến mạnh mẽ đoạn trừ *tu sở đoạn*; *chánh niệm* là nhậm trì và không quên cảnh sở duyên của xa-ma-tha; *chánh định* là an trú tam-ma-địa thì tâm chuyên chú cảnh sở thủ của niệm. Tự tánh của Tám Thánh đạo chi là nhân tố phát sinh tự quả Thánh đạo, là tu tập để trí nơi tự thân Thánh giả kiến đạo, chưa sinh khiến sinh, đã sinh làm cho viên mãn.

Như vậy là 7 tụ, 37 pháp, chư Thanh văn đệ tử cũng có, Bồ-tát cũng tu, do Nhất thiết trí tướng mà nói.<sup>229</sup>

---

<sup>226</sup> Khinh an là nhân duyên của vô nhiễm.

<sup>227</sup> Định là sở y của vô nhiễm.

<sup>228</sup> Kiến sở đoạn (見所斷, Skt. Darzana-prahātavya) là những thứ được đoạn trừ nhờ kiến đạo; còn Tu sở đoạn (修所斷 *Bhāvanā-prahātavya*) là những thứ được đoạn trừ ở giai đoạn tu đạo. Theo *Câu-xá luận*, quyển 2, Kiến sở đoạn là khi ở giai vị kiến đạo đoạn trừ 88 tùy miên và các pháp câu hữu, tùy hành với nó. Tu sở đoạn là khi ở giai vị tu đạo đoạn trừ 81 phẩm tư hoặc và các pháp câu hữu, tùy hành với nó (còn *Phi sở đoạn* là người đã chứng quả *A-la-hán*, không còn lậu hoặc nào để đoạn). Còn theo *Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp luận*, quyển 4: Kiến sở đoạn là đoạn trừ Phân biệt hoặc và các phiền não hoặc nghiệp do Kiến hoặc phát khởi; Tu sở đoạn là đoạn trừ các pháp hữu lậu còn lại, (còn *Phi sở đoạn* là các pháp vô lậu, vô vi, tự tánh thanh tịnh).

<sup>229</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 296, phẩm Ba-la-mật-đa, tr. 508b24-c08: “Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa bốn Thánh đế. Phật dạy: Như vậy là vì liễu đạt bốn Thánh đế chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa bốn niệm trụ. Phật dạy: Như vậy là vì thân, thọ, tâm, pháp chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa bốn chánh đạo. Phật dạy: Như vậy là vì pháp thiện và bất thiện chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa bốn thần túc. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của bốn thần túc chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa năm căn. Phật dạy: Như vậy là vì tự tánh của năm căn chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa năm lực. Phật dạy: Như vậy là vì tự tánh của năm lực chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa bảy chi đẳng giác. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của bảy chi đẳng giác chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa tám chi thánh đạo. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của tám chi thánh đạo chẳng thể nắm bắt được.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



Giới hạn của 7 tụ pháp này, theo luận Câu-xá, tụ thứ nhất lập ở Tư lương đạo, 4 tụ tiếp theo lập ở 4 Gia hành vị: Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế đệ nhất pháp; Thánh đạo chi lập làm Kiến đạo, Bồ-đề phần lập làm Tu đạo.<sup>230</sup> Còn y cứ A-tỳ-đạt-ma Tập Luận, 3 tụ đầu, theo thứ tự, là 3 phẩm hạ, trung, thượng của Tư lương đạo; 2 tụ giữa là ở Gia hành đạo; 2 tụ sau, theo thứ tự, là ở Kiến đạo và Tu đạo.<sup>231</sup>

### **Sắc thái Đạo tướng trí tùy thuận Bồ-tát sở hữu**

[0049a12] (1) Đạo loại về *Đối trị*: đối trị ngã kiến bằng *Không giải thoát môn*, đối trị phi lý tác ý về sự tương tục của các pháp bằng *Vô tướng giải thoát môn*, đối trị sự nguyện cầu ‘tam giới là thắng nghĩa’ nên đắc bằng *Vô nguyện giải thoát môn*.

(2) Đạo loại về *Biến hóa*: Hành giả tu Du-già, do nội thân trú hữu sắc tướng, quán ngoại sắc mà giải thoát, tức *hữu sắc quán sắc giải thoát*. Lại nữa, hành giả Du-già do nội thân trú vô sắc tướng, quán ngoại sắc mà giải thoát, tức *vô sắc quán sắc giải thoát*. Thắng giải tất cả sắc tướng đồng nhất tịnh vị giải thoát, tức *tịnh giải thoát*.

(3) Đạo loại về *Hiện pháp lạc trú*: Bốn định Vô sắc<sup>232</sup>, mỗi định từ *tự định chương*<sup>233</sup> mà giải thoát, tức *Tứ vô sắc định giải thoát*. Lại nữa, diệt thọ và tưởng thô trọng mà giải thoát, tức *Diệt giải thoát*.

Ba giải thoát trước (: Ba giải thoát môn) gọi là bậc *Biến hóa đạo*, bởi vì thành tựu tác dụng các thứ biến hóa. Năm giải thoát sau (: hữu sắc quán sắc giải thoát, vô sắc quán sắc giải thoát, tịnh giải thoát, tứ vô sắc định giải thoát, diệt giải

<sup>230</sup> Xem Luận Câu-xá, No. 1558, phẩm Phân Biệt Hiền Thánh, tr. 132c18-133a20.

<sup>231</sup> Xem A-tỳ-đạt-ma Tập Luận, No. 1605, quyển 5, Đề phẩm trong Quyết trạch phần.

<sup>232</sup> Bốn Vô sắc định: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ.

<sup>233</sup> Tự định chương = sở tri chương. Định chương có 2: nhân chấp và pháp chấp.

thoát)<sup>234</sup> gọi là bậc *Hiện pháp lạc trú đạo*<sup>235</sup>, bởi vì đối với hiện pháp<sup>236</sup>, thành tựu tam-ma-địa và thành tựu tác dụng *trú an lạc*.

(4) Đạo loại về *Xuất thế gian*: Đạo tánh của xuất thế gian, sai biệt có 9: 4 Tĩnh lực, 4 Vô sắc đẳng chí và Diệt tận đẳng chí. Chín định này, do những định ở trước mà lần lượt có những định ở sau, cho nên gọi là *Cửu thứ đệ định*<sup>237</sup>.

(5) Đạo loại về *Năng đoạn*: Là Khổ pháp nhẫn, Tập pháp nhẫn, Diệt pháp nhẫn, Đạo pháp nhẫn. Bốn nhẫn này được nhiếp vào Kiến đạo và Vô gián đạo.<sup>238</sup>

(6) Đạo loại về *Thành Phật*: Là 10 độ, từ bố thí ba-la-mật-đa cho đến bát-nhã ba-la-mật-đa là 6 độ; còn thêm phương tiện ba-la-mật-đa, nguyện ba-la-mật-đa, lực ba-la-mật-đa, trí ba-la-mật-đa là 10 độ.

Đây là 34 sắc thái của Đạo tương trí tùy thuận Bồ-tát sở hữu.<sup>239</sup>

---

<sup>234</sup> Năm giải thoát này chính là tám giải thoát. Tám giải thoát có khả năng sinh tự thể của xuất thế gian đạo.

<sup>235</sup> Bậc hiện pháp lạc trú đạo là bậc tùy thuận giải thoát mà an trú tự tánh của Đạo.

<sup>236</sup> Hiện pháp: hiện kiến pháp 現見法, Pāli: sandiṭṭhiko.

<sup>237</sup> Cửu thứ đệ định 九次第定: Chín định thứ đệ. Skt. navānupūrva-samāpattayah. Nghĩa là chín loại Thiền định phải tu theo thứ lớp không xen lẫn. Cũng gọi Vô gián thiền hoặc Luyện thiền. Chỉ cho chín loại thiền định gồm: bốn thiền cõi Sắc, bốn xứ cõi Vô sắc và định Diệt thọ tưởng. Vì tâm không xen lẫn, cứ y theo thứ lớp từ định này vào định khác, cho nên gọi là Thứ đệ định. Phân biệt như sau: 1. Sơ thiền thứ đệ định. 2. Nhị thiền thứ đệ định. 3. Tam thiền thứ đệ định. 4. Tứ thiền thứ đệ định. 5. Không xứ thứ đệ định. 6. Thức xứ thứ đệ định. 7. Vô sở hữu xứ thứ đệ định. 8. Phi tướng phi phi tướng xứ thứ đệ định. 9. Diệt thọ tưởng thứ đệ định. Hành giả chuyên tâm nhất ý, trí tuệ sắc bén, tự xét nghiệm tâm mình, từ tâm sơ thiền vào nhị thiền, cho đến vào định Diệt thọ tưởng, dứt bật hết tâm thức: đó là đạt đến chỗ cùng tột của Thiền định. Vì thiền này không xen lẫn niệm khác nên cũng gọi là Vô gián thiền - lại vì thiền này tinh luyện các vị thiền làm cho tâm trong sạch, cũng như luyện vàng, nên gọi là Luyện thiền. [X. luận Đại trí độ Q.21, Q.81 - Đại thừa nghĩa chương Q.13 - Đại minh tam tạng pháp số Q.34].

<sup>238</sup> Pháp nhẫn là đối với các pháp nghĩa sâu xa, màu nhiệm được nói trong các kinh, chẳng những không sợ hãi mà còn siêng năng học tập, đọc tụng. Đại thừa nghĩa chương quyển 11 (Đại 44, 685 trung) nói: An trú trong thật tướng các pháp gọi là Nhẫn.

## Sắc thái Nhất thiết tướng trí duy Phật sở hữu, có 39:

[0050a01] (1) Mười lực: [*Xứ phi xứ trí lực*:] Trí lực biết từ bố thí mà cảm của cái lớn, đó là xứ, nhưng cảm nghèo thiếu là phi xứ. [*Nghiệp dị thực trí lực*:] Trí lực biết nghiệp dị thực vi tế. [*Chủng chủng thắng giải trí lực*:] Trí lực biết các loại thắng giải, như thắng giải thích nẻo thiện, ưa ba thừa. [*Chủng chủng giới trí lực*:] trí lực biết nơi thế gian giới, chủng tánh *tự tánh trú* và chủng tánh *tu sở thành* chẳng phải một. [*Căn thượng hạ trí lực*:] trí lực biết căn tánh ba bậc thượng, trung, hạ, như tín, v.v. là thắng hay phi thắng. [*Biến thú hạnh trí lực*:] biết sự thọ sinh là *tăng thượng sinh đạo* hay *quyết định thắng đạo*<sup>240</sup>, và biết chúng [có thể hiện hành] trái ngược, nhưng không chấp ngại. [*Tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực*:] trí lực biết nhiếp tịnh. [*Túc trú tùy niệm trí lực*:] trí lực biết tất cả sự sinh tùy niệm đời trước của mình và người. [*Tử sinh trí lực*:] trí lực biết sự sinh tử của tất cả

---

<sup>239</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 296, phẩm Ba-la-mật-đa, tr. 508c09-509a11: “Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa không giải thoát môn. Phật dạy: Như vậy là vì cái không lìa hành tướng chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa vô tướng giải thoát môn. Phật dạy: Như vậy là vì hành tướng tinh lặng chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa vô nguyện giải thoát môn. Phật dạy: Như vậy là vì hành tướng vô nguyện chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa tám giải thoát. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của tám giải thoát chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa tám thắng xứ. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của tám thắng xứ chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa chín định thứ đệ. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của chín định thứ đệ chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa mười biến xứ. Phật dạy: Như vậy là vì tánh của mười biến xứ chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa bố thí. Phật dạy: Như vậy là vì bố thí và keo kiệt chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa tịnh giới. Phật dạy: Như vậy là vì trì giới và phạm giới chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa an nhẫn. Phật dạy: Như vậy là vì nhẫn nhục và sân nhuế chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa tinh tấn. Phật dạy: Như vậy là vì tinh tấn và giải đãi chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa tịnh lự. Phật dạy: Như vậy là vì tịnh lự và tán loạn chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa Bát-nhã. Phật dạy: Như vậy là vì thiện tuệ và ác tuệ chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo. Phật dạy: Như vậy là vì phương tiện thiện xảo và không phương tiện thiện xảo chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa nguyện. Phật dạy: Như vậy là vì pháp nguyện và không nguyện chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa lực. Phật dạy: Như vậy là vì lực và vô lực chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa như vậy là Ba-la-mật-đa trí. Phật dạy: Như vậy là vì pháp trí và vô trí chẳng thể nắm bắt được.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>240</sup> Bồ-tát đạo chỉ có hai thắng hạnh: tăng thượng sinh đạo (abhyudamārga, con đường thịnh vượng, phồn vinh) là tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục để chiêu cảm tốt trong con đường thọ sinh về mặt tiền của, sinh nơi tôn quý và quyền thuộc lớn; và quyết định thắng đạo (nihsreyasamārga, con đường dẫn đến thù thắng) là tu tập tinh tiến, thiền định, trí tuệ để điều phục phiền não, thành thực hữu tình và các pháp của Phật. Du-già 43 tr. 95a12: thiện thế gian, dẫn tăng thượng sinh đạo; thiện xuất thế gian, dẫn quyết định thắng đạo. Cf. Câu-xá 12 tr. 65a16, Thuận chính lý 47 tr. 606a19: tăng thượng sinh đạo, con đường dẫn sinh thiên; quyết định thắng đạo, đương dẫn đến giải thoát.

chúng sinh. [*Lậu tận trí lực*:] trí lực biết Thanh văn, Độc giác tận phiền não chướng, chư Phật tận tất cả cấu, lậu tận [không còn sinh khởi].

(2) Bốn vô úy: *Chánh đấng giác vô úy*: Phật tuyên bố, “*Ta là bậc Chánh giác*”, không ai có thể như pháp công kích, chất vấn. *Tự đoạn đức viên mãn vô úy*: Phật tuyên bố, “*Ta đã hết tất cả lậu*”, không ai có thể như pháp công kích, chất vấn. *Xuất ly đạo vô úy*: Tuyên thuyết con đường của Nhất thiết trí, v.v. chắc chắn xuất sinh ba loại Bò-đề, không ai có thể như pháp công kích, chất vấn. *Chướng ngại pháp vô úy*: Vì lợi ích chúng sinh mà tuyên thuyết về phiền não chướng, sở tri chướng, về sự giải thoát chướng ngại và Nhất thiết trí, không ai có thể như pháp công kích, chất vấn.<sup>241</sup>

(3) Bốn vô ngại giải: *Pháp vô ngại giải*: Không có chướng ngại để liễu tri dị danh của các pháp<sup>242</sup>. *Nghĩa vô ngại giải*: Không có chướng ngại để liễu tri tự tướng và cộng tướng của các pháp. *Từ vô ngại giải*: Không có chướng ngại để liễu tri ngôn ngữ của các hữu tình. *Biện vô ngại giải*: Không có chướng ngại để liễu tri tự tánh và hành tướng sai biệt của các pháp.

(4) Mười tám pháp bất cộng của Phật:

Sáu bất cộng hành: (a) [*Thân vô thất*:] Như Lai thân hành không có lỗi, không bị làm hại bởi voi say, v.v.; (b) [*Khẩu vô thất*:] Ngữ hành không có lỗi, không phát lời vô nghĩa, điên rồ; (c) [*Niệm vô thất*:] Ý nghĩ không có lỗi, không quên việc đã làm và lúc chậm trễ, v.v.; (d) [*Vô bất định tâm*:] Không lúc nào không trú trong Không định; (e) [*Vô dị tướng*:] Ở mặt thẳng nghĩa, không có ý tưởng sai khác, không có thủ xả Niết-bàn và sinh tử; (f) [*Ý hành vô thất*:] Với đối tượng giáo

---

<sup>241</sup> Khi thuyết pháp, Phật có bốn sự tự tin, không sợ hãi, dũng mãnh: 1. Phật nói rõ, Ta là bậc Nhất thiết trí, đó là nhất thiết trí vô úy; 2. Phật nói rõ, Ta đã đoạn tận tất cả phiền não, đó là lậu tận vô úy; 3. Phật nói chánh đạo đưa đến sự diệt tận khổ đau như giới, định, tuệ v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết tận khổ đạo vô úy; 4. Phật nói các pháp chướng ngại như hoặc, nghiệp v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết chướng đạo vô úy. Hai vô úy trước là trí đức và đoạn đức thuộc công đức lợi mình. Hai vô úy sau là tu tập trí đức và tu tập đoạn đức thuộc công đức lợi người.

<sup>242</sup> Dị danh ‘thật tướng các pháp’ là như, pháp tánh, thật tế, chân như, nhất như, v.v.

hóa và khi thời điểm giáo hóa đến hay chưa đến, không bao giờ buông bỏ mà không quán sát.

Sáu bất cộng chứng: (a) [*Dục vô giảm:*] Luôn muốn làm lợi hữu tình; (b) [*Tinh tiến vô giảm:*] Tinh tiến đi đến xứ sở cần giáo hóa, lợi lạc; (c) [*Niệm vô giảm:*] Luôn nghĩ nhớ hữu tình, không quên phương tiện điều phục; (d) [*Định vô giảm:*] Tâm luôn chuyên nhất trong định; (e) [*Tuệ vô giảm:*] Trí tuệ giản trạch các pháp; (f) [*Giải thoát vô giảm:*] Giải thoát vì vĩnh đoạn các chướng. Tất cả đều không thoái mất.

Ba bất cộng sự nghiệp: (a) [*Thân nghiệp tùy trí hành:*] Thân nghiệp nơi bốn uy nghi để điều phục hữu tình; (b) [*Ngữ nghiệp tùy trí hành:*] Ngữ nghiệp tuyên thuyết đủ pháp, đủ nghĩa; (c) [*Ý nghiệp tùy trí hành:*] Ý lạc đại từ, đại bi, v.v. Tất cả đều lấy trí dẫn đạo, cùng trí câu hành, do trí tùy hành chuyển.

Ba bất cộng trí: (a) [*Trí tuệ tri quá khứ vô ngại:*] Trí không chướng ngại chuyển đối với quá khứ; (b) [*Trí tuệ tri vị lai vô ngại:*] Trí không chướng ngại chuyển đối với vị lai; (c) [*Trí tuệ tri hiện tại vô ngại:*] Trí không chướng ngại chuyển đối với hiện tại.

(5) Như Lai tướng: Thân Phật là *trí như sở hữu*, đối với *chân như lý nhất thiết câu* thường không rời khỏi định.

(6) Tự nhiên tướng: Thân Phật là *trí tận sở hữu*, đối với tất cả pháp *tận sở hữu* tâm tự tại chuyển.

(7) Chánh đẳng giác tướng: Đầy đủ hai phần trên, đối với tất cả pháp *như sở hữu* và *tận sở hữu*, hiện tướng bậc Chánh đẳng giác.

Như vậy trong 3 trí: (a) 37 tướng của Nhất thiết trí là hàng Thanh văn lấy sự đoạn phiền não chướng làm chính yếu, gọi là *vô phiền não lậu*. (b) 34 tướng của Đạo tướng trí là hàng Bồ-tát không lấy sự đoạn phiền não chướng làm chính yếu, [mà lấy sự đoạn trừ sở tri chướng làm chính yếu], gọi là *giả danh hữu lậu*. (c) 39

tướng của Nhất thiết tướng trí là chư Phật đoạn tận hai chương phiền não và sở tri, nên chỉ gọi là *vô lậu*.

(Hết Quyển 2)

## **a.2 Thắng gia hành**

### **a.2.1 Tích chứa thiện căn**

Đến đây là chánh thuyết về chỉ quán song vận duyên tánh Không được nhiếp trì bởi trí tuệ của Bồ-tát Du-già, tức là đã nói về sắc thái Gia hành của Nhất thiết tướng.

Giới hạn là từ Đại thừa gia hành đạo: noãn vị, v.v. cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

*Xưa thừa sự chư Phật  
Phật gieo trồng thiện căn  
Thiện tri thức nhiếp thọ  
Là pháp khí lắng nghe  
Thân cận Phật hỏi đáp  
Và hành thí, giới, v.v.  
Các thắng giả nhận họ  
Là pháp khí: thọ trì, v.v.*

[0051a06] (1) Nếu thưở xưa thừa sự chư Phật, đối trước Phật hiển cúng ẩm thực, v.v. trồng các thiện căn, thì đầy đủ thiện tri thức Đại thừa của Bồ-tát tư lương đạo, chính là lắng nghe giáo pháp, làm pháp khí bát-nhã cho đạo và quả [Bồ-đề].

(2) Lại nữa, ở Tư lương đạo, Bồ-tát thân cận vô số chư Phật, thừa hỏi văn nghĩa còn hoài nghi. Nơi văn nghĩa đã thừa hỏi, như lý tu bố thí, trì giới, v.v. Chư Phật - những bậc Thắng giả - thừa nhận họ là pháp khí thọ trì văn nghĩa, v.v.

### **a.2.2 Tụ thể Gia hành**

*Vì không trú nơi sắc, v.v.*

*Vì phá kia gia hành*

*Vì chân như kia sâu*

*Vì các đạo khó lường*

*Vì các hành vô lượng*

*Vì lao nhọc lâu chúng*

*Thọ ký, không thối chuyển*

*Xuất ly và vô gián*

*Gần Bồ-đề mau chóng*

*Lợi tha, không tăng giảm*

*Không thấy pháp phi pháp*

*Sắc, v.v. bất tư nghị*

*Sắc, v.v. các hành tướng*

*Vô phân biệt tự tánh*

*Cho được quả quý báu*

*Thanh tịnh và kết giới.*

[0051a15] (1) Căn bản trí của Đại thừa gia hành đạo, phá trừ thật chấp đối với cảnh sở duyên, gọi là ‘*không trú sắc, v.v. ở mặt thắng nghĩa*’.

(2) Phá trừ thật chấp đối với tâm năng duyên, gọi là ‘*không gia hành với thắng nghĩa của sắc, v.v., nhưng gia hành với chân thật nghĩa*’.

(3) Chân Không của sắc, v.v. là chân như sâu xa.

(4) Các đạo là pháp tánh khó đo lường.

(5) Các hành là pháp tánh vô lượng.

Thông đạt 5 gia hành này là xét mặt *tự thể gia hành* mà phân chia.

(6) Lại nữa, Tư lương đạo, trí Bồ-tát độn căn, đối với tánh Chân Không khởi nhiều kinh sợ, do là gia hành của Bồ-tát trong giai đoạn sơ nghiệp<sup>243</sup>, phải nhiều lao nhọc và trải qua thời gian lâu xa mới có thể thành Phật, gọi là ‘*gia hành lao nhọc dài lâu*’.

(7) Đại thừa gia hành đạo ở Noãn vị, do thành tựu vô úy đối với tánh Không mà gọi là ‘*gia hành được thọ ký*’.

(8) Đại thừa gia hành đạo ở Đảnh vị, do thắng xuất nơi Noãn, lắng nghe và thọ trì Bát-nhã mà gọi là ‘*gia hành bất thối chuyển*’.

(9) Đại thừa gia hành đạo ở Nhẫn vị, do viễn ly tác ý Nhị thừa, v.v. những pháp chướng ngại mà gọi là ‘*gia hành xuất ly*’.

(10) Đại thừa gia hành đạo ở Thế đệ nhất pháp, vì là chánh nhân kiến đạo, tức những pháp thường xuyên tu tập, mà gọi là ‘*gia hành vô gián*’.

(11) Đại thừa kiến đạo là sở y của pháp vô lậu của Đại thừa đạo mà gọi là ‘*gia hành gần Đại bồ-đề*’.

---

<sup>243</sup> Sơ nghiệp, trong thuận giải thoát phần, giai đoạn chuẩn bị xuất phát, tức đã chuẩn bị đủ hành trang phước và trí hữu lậu. Do đầy đủ phước, nên không thiếu thốn những nhu cầu sinh hoạt để có thể chuyên tâm tu tập. Do đầy đủ trí, nên có khả năng tư duy quán chiếu. Căn bản cho mọi thực hành trong giai đoạn này là bốn niệm xứ; vì đối tượng chính để tập trung quán sát là thân và tâm, chiêm nghiệm và kinh nghiệm tính chất vận hành sinh diệt của chúng trong từng sát na do đó mà giác ngộ được bản chất của tồn tại.



(12) Trí từ địa thứ hai đến địa thứ bảy có khả năng thành tựu mau chóng quả pháp thân, gọi là ‘*gia hành mau chóng chứng Đại bồ-đề*’.

(13) Trí của địa thứ tám là *trí tịnh địa* trùm khắp ba loại chủng tánh, chuyên pháp luân vi diệu, gọi là ‘*gia hành lợi tha*’.

Tám gia hành này là xét mặt *bồ-đặc-già-la* mà phân chia.

(14) Trí của địa thứ tám là *trí tịnh địa* không thấy có tăng, có giảm đối với thắng nghĩa, gọi là ‘*gia hành không tăng giảm*’.

(15) Trí của địa thứ tám là ‘*gia hành không thấy pháp phi pháp*’ đối với thắng nghĩa.

(16) Trí của địa thứ tám là ‘*gia hành bất tư nghị tướng phá sắc, v.v.*’.

(17) Trí của địa thứ tám là ‘*gia hành vô phân biệt tự tánh của sở tướng*’, tức là vô phân biệt đối với *sự sở tướng* là sắc, v.v. có các hành tướng biến ngại, v.v.<sup>244</sup>

Bốn hành tướng này là xét mặt *viên mãn phương tiện gia hành* mà phân chia.

(18) Trí của địa thứ chín là *trí tịnh địa* có khả năng an lập người khác đối với các quả Dự lưu, v.v., gọi là ‘*gia hành cho được quả quý báu*’.

(19) Trí của địa thứ mười là *trí tịnh địa* có khả năng tu tập sự thanh tịnh từ sắc pháp cho đến Nhất thiết tướng trí, gọi là ‘*gia hành thanh tịnh*’.

(20) Mau tu Bát-nhã của Bồ-tát Du-già, là phân chia năm tháng, ngày giờ, cần tu Bát-nhã, tinh tiến không xả Bồ-tát Du-già, gọi là ‘*gia hành kết giới*’.

Ba gia hành này là xét mặt quả và thời gian mà phân chia.

Tổng cộng có 20 thứ gia hành của Đại thừa.

## **b. Công đức và lỗi lầm của sự tu gia hành**

---

<sup>244</sup> Sắc uẩn có biến ngại, chất ngại. Thọ uẩn có tác dụng lãnh nạp. Tưởng uẩn có tác dụng nắm giữ ấn tượng. Hành uẩn có tác dụng tạo tác, ý chí. Thức uẩn có tác dụng liễu biệt.

## **b.1 Công đức gia hành**

[0052a11] Do cái lực tu Đại thừa gia hành mà có được thắng lợi, là sắc thái của công đức gia hành.

Giới hạn là từ Đại thừa tư lương đạo cho đến Phật địa.

*Hàng phục ma lực, v.v.*

*Mười bốn thứ công đức.*

Tu tập Nhất thiết tướng gia hành có 14 thứ công đức, đó là:

- (1) Tu gia hành không điên đảo<sup>245</sup> thì hoạch đắc sự hỷ duyệt của Bồ-tát, ở đời vị lai có được công đức hàng phục ma lực.
- (2) Công đức chư Phật hộ niệm.
- (3) Do y chỉ chư Phật mà được công đức gia hành thắng tiến.
- (4) Công đức tiếp cận Bồ-đề.
- (5) Công đức chuyển hướng lợi tha được quả đại dị thực.
- (6) Công đức sinh quốc độ có Bát-nhã sâu xa, thừa hỏi, trì tụng, v.v.
- (7) Công đức viên mãn tất cả công đức vô lậu.
- (8) Công đức làm bậc trượng phu có khả năng tuyên thuyết Bát-nhã sâu xa ở trong mọi đời sống.
- (9) Công đức ma oán, v.v. không thể phá hoại Bồ-đề.
- (10) Công đức dẫn sinh bất cộng thiện căn Nhị thừa.
- (11) Công đức thế hành lợi tha, như thật mà hành.
- (12) Công đức nhiếp thọ quả thiện rộng lớn.

---

<sup>245</sup> Du-già sư địa luận, quyển 31, tr. 456a05: “Sao gọi là gia hành không điên đảo? Như được sự dạy dẫn chỉ bảo của các vị thầy Du-già đã khéo thông đạt hạnh tu Du-già, tức ở nơi pháp ấy, ở nơi nghĩa ấy mà thuận theo tập học như vậy, không chấp thủ điên đảo, không tâm ngã mạn, cũng không trụ kiến thủ của mình, không tà chấp hẹp hòi. Đól với những lời giáo huấn tôn quý, trọn không khinh suất hủy hoại. Như vậy gọi là gia hạnh không điên đảo.”

(13) Công đức *dẫn phát nghĩa lợi cho hữu tình*.

(14) Công đức *khi chuyển sinh cũng nhất định có được Bát-nhã sâu xa*.

## **b.2 Lỗi làm gia hành**

[0052a18] Khi gia hành mà *ma sự* phát sinh và an trú đầy đủ theo một lưu nạn, thì đó là sắc thái lỗi làm của gia hành.

Giới hạn là từ chưa nhập đạo cho đến địa thứ bảy.

### *Nên biết các lỗi làm*

### *Có bốn mươi sáu thứ.*

Lỗi làm của sự tu gia hành có 46 thứ ma sự:<sup>246</sup>

- Dựa vào **ngịch duyên của mình**, có 20 thứ ma sự:

(1) Khi tu gia hành, trường thời siêng nhọc mới có thể đắc tri, do đây *chán ngán*.

(2) Lại khi tu gia hành, mau được biện tài, do đây *kiêu ngạo, phóng dật*.

Hai ma sự này là dựa vào *biện tài* mà sinh.<sup>247</sup>

(3) Lại khi tu gia hành, vượn vai ngáp dài<sup>248</sup>, ngả ngón cười giỡn, v.v., do thân thô trọng khiến tâm *tán loạn*.

---

<sup>246</sup> Kinh Đại Bát-nhã, phẩm Ma Sự, từ quyển 303 đến hết quyển 304, hay từ quyển 440 đến hết quyển 443.

<sup>247</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 303, phẩm Ma Sự, tr. 541b06: “Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ-tát ấy ưa nói pháp yếu mà biện tài chẳng sanh (chậm phát sanh) thì gọi đó là ma sự? Nay Thiện Hiện! Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa việc tu Bát-nhã-ba-la-mật-đa khó được viên mãn; việc tu tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba-la-mật-đa khó được viên mãn, do nhân duyên này, đại Bồ-tát ấy ưa nói pháp yếu mà biện tài chẳng sanh (chậm phát sanh) thì nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.” (H.T Thích Trí Nghiêm)

<sup>248</sup> Tàn thân khiếm khur 頻申欠呿: Tàn thân là tứ chi duỗi thẳng ra, ngáp dài, duỗi lưng, ngả lưng vì buồn ngủ, mệt mỏi. Luận Du-già sư địa, quyển 89, tr. 803a07: “Thô nặng cứng chắc, tâm không điều nhu, toàn thân cong duỗi, gọi là tàn thân.” Luận Câu-xá, phẩm Phân Biệt Tùy Miên: “(Hỏi) Thức ăn của hôn trầm và miên là gì? (Đáp) Đó là năm pháp đặng môn (tandri), bất lạc (arati), tàn thân (vijrmbhikā), thực bất bình (bhakte śamatā), tâm muội liệt (cetaso līnatva).” (Đạo Sinh dịch) Khiếm khur (vijrmbhikā) là há miệng cho hơi ra, tức là ngáp, buồn ngủ. Kinh Đại Bát-nhã, quyển 523, tr. 683b04: “Thế nào gọi là Sư tử tàn thân (: vượn mình) Tam-ma-địa của Đại Bồ-tát? Nghĩa là Đại Bồ-

- (4) Lại khi tu gia hành, do tâm thô trọng khiến tâm *tán loạn*.
- (5) Lại khi tu gia hành, phi lý phát khởi trì tụng, v.v. các sự.  
Ba ma sự này là do *thô trọng* mà sinh.
- (6) Lại khi tu gia hành, chấp thủ là nhân tố *đẩy xa Bát-nhã*.
- (7) Lại khi tu gia hành, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập Bát-nhã sâu xa làm nhân tố có được Nhất thiết tướng trí mà *lui mất tín tâm*.
- (8) Lại khi tu gia hành, từ bỏ Bát-nhã sâu xa, hướng đến đạo Tiểu thừa, *lui mất diệu vị*.
- (9) Lại khi tu gia hành, nơi pháp Tiểu thừa mà tìm cầu Nhất thiết tướng trí, thì *lui mất sự nhiếp trì Đại thừa*.
- (10) Lại khi tu gia hành, từ bỏ sở đắc Bát-nhã, nơi pháp Tiểu thừa mà tìm cầu Nhất thiết tướng trí, thì *lui mất sở vị*.
- (11) Lại khi tu gia hành, chỉ tu pháp Tiểu thừa mà còn muốn được Nhất thiết tướng trí, thì *lui mất sự tùy thuận nhân quả*.
- (12) Lại khi tu gia hành, chấp trước pháp Đại thừa tương đồng pháp Tiểu thừa, thì *lui mất nhân tố của ba thân vô thượng*.  
Bảy ma sự này là nhân tố lui mất Đại thừa.
- (13) Lại khi tu gia hành, đối với sắc, thanh, v.v. mà có nhiều ham muốn trần tục, *khởi biện tài cho tâm tư thấp kém*.
- (14) Lại khi tu gia hành, từ bỏ nghĩa lý, chỉ *chấp trước sao chép là Bát-nhã ba-la-mật-đa*.
- (15) Lại khi tu gia hành, *chấp trước [sao chép] vô tánh là chân thật nghĩa*.
- (16) Lại khi tu gia hành, *chấp trước văn tự là Bát-nhã ba-la-mật-đa*.

---

tát lia pháp dục, ác, bất thiện, có tâm, có tứ, ly sanh hi lạc nhập vào sơ tịnh lự, tuần tự cho đến vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào định Diệt tướng thọ. Lại ra khỏi định Diệt tướng thọ vào lại định Phi tướng phi phi tướng xứ, tuần tự cho đến nhập vào sơ tịnh lự. Đó là Sư tử tần thân Tam-ma-địa của Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát ấy đối với Sư tử tần thân Tam-ma-địa đã thành thực hoàn hảo rồi, lại nhập vào Tập tán Tam-ma-địa của Đại Bồ-tát.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

(17) Lại khi tu gia hành, *chấp trước vô văn tự là Bát-nhã ba-la-mật-đa*.

(18) Lại khi tu gia hành, tham trước cảnh giới, có *tác ý quốc độ*, v.v.<sup>249</sup>

(19) Lại khi tu gia hành, *tham đắm lợi dưỡng, cung kính, xưng tán*.

(20) Lại khi tu gia hành, từ bỏ tuệ giác Phật, *ở trong pháp ma mà tìm cầu phương tiện thiện xảo*.

Tám ma sự này là nhân tố đánh mất Đại thừa.

- Dựa vào **sự thiếu sót thuận duyên của mình và người**, có 23 thứ ma sự:

(21) Khi tu gia hành, người nghe pháp có sự ham vui thêm lên, người thuyết pháp có sự lười biếng thêm lên, nên không thể hòa hợp, *lui mất pháp hành*.

(22) Lại nữa, người nghe pháp muốn lắng nghe ở phương này, người thuyết pháp muốn trú ở phương khác thuyết giảng.

(23) Lại nữa, người nghe pháp muốn nói ít, người thuyết pháp muốn nói nhiều.

(24) Lại nữa, người nghe pháp đầy đủ [12] công đức đồ-đa<sup>250</sup>, người thuyết pháp không đủ công đức đồ-đa.

(25) Lại nữa, người nghe pháp siêng tu thiện nghiệp, người thuyết pháp siêng tạo bất thiện nghiệp.

(26) Lại nữa, người nghe pháp ưa bố thí rộng lớn, người thuyết pháp keo kiệt bậc nhất.

---

<sup>249</sup> Kinh Đại Bát-nhã, quyển 440, phẩm Ma Sự, tr. 218a04: “Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ-tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu có ý nghĩ đến cõi nước, hoặc có ý nghĩ đến thành ấp, hoặc có ý nghĩ đến kinh đô, hoặc có ý nghĩ đến nơi chôn, hoặc có ý nghĩ đến thân giáo sư, hoặc có ý nghĩ đến bạn đồng học, hoặc có ý nghĩ đến cha mẹ vợ con, hoặc có ý nghĩ đến anh chị em, hoặc có ý nghĩ đến dòng họ bạn bè, hoặc có ý nghĩ đến quốc vương, đại thần, hoặc có ý nghĩ đến đạo tặc ác nhân, hoặc có ý nghĩ đến thú dữ ác quỷ, hoặc có ý nghĩ đến sự nhóm họp chơi giỡn, hoặc có ý nghĩ đến dâm nữ khoái lạc, hoặc có ý nghĩ đến trả ơn báo oán, hoặc có ý nghĩ đến những việc khác, hoặc có ý nghĩ về ý nghĩ ấy, thì đều là sự dẫn phát của ác ma, làm trở ngại vô biên thiện pháp thù thắng do Bát-nhã ba-la-mật-đa phát sanh, nên biết đây là ma sự của Bồ-tát.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>250</sup> Đồ-đa 杜多: (Skt. Dhūta) Xưa dịch là đầu-đa 頭陀, hoặc gọi là đầu-tâu 斗藪. Nghĩa là tu hạnh ít muốn biết vừa đủ. Có mười hai hạnh: 1. Thường đi khát thực; 2. Khất thực theo thứ lớp; 3. Ngồi một chỗ mà ăn; 4. Theo thứ lớp mà ăn; 5. Khi ăn xong không uống nước trái cây ép; 6. Thường ở chỗ vắng vẻ; 7. Thường ngồi không nằm; 8. Hễ được tọa cụ nào thì sử dụng tọa cụ ấy; 9. Ngồi ngoài trời; 10. Ngồi dưới gốc cây; 11. Chỉ chứa ba y; 12. Mặc y phân tảo.

(27) Lại nữa, người nghe pháp muốn hiến cúng, người thuyết pháp không nhận.

(28) Lại nữa, người nghe pháp lãnh hội ngay khi nói lược, người thuyết pháp không biết cứ giảng rộng.

(29) Lại nữa, người nghe pháp muốn biết 12 phần giáo của Tam tạng, người thuyết pháp không biết.

(30) Lại nữa, người nghe pháp thành tựu 6 độ, người thuyết pháp không đủ 6 độ.

(31) Lại nữa, người nghe pháp đối với pháp Đại thừa có phương tiện thiện xảo, người thuyết pháp không có phương tiện thiện xảo.

(32) Lại nữa, người nghe pháp đã được đà-la-ni, người thuyết pháp chưa được đà-la-ni.

(33) Lại nữa, người nghe pháp muốn được sao chép, người thuyết pháp không muốn sao chép.

(34) Lại nữa, người nghe pháp viễn ly 5 ám, người thuyết pháp chưa viễn ly 5 ám, nên không thể hòa hợp, lui mất pháp hành.

Mười bốn ma sự này dựa vào lỗi lầm của người thuyết pháp.

(35) Lại nữa, nghe lời chê về địa ngục, v.v. các khổ, sinh tâm kinh hãi, từ bỏ sự lợi tha, không sinh về nẻo ác.

(36) Lại nữa, nghe lời khen về cõi trời, v.v. an vui, tham ái nẻo thiện, lui mất Đại thừa.

Hai ma sự này dựa vào lỗi lầm của mình.

(37) Lại khi tu gia hành, người thuyết pháp muốn độc xứ viễn ly, người nghe pháp ưa thu nạp đồ chúng, không thể hòa hợp, lui mất pháp hành.

(38) Lại nữa, người nghe pháp muốn đi theo tu hành, người thuyết pháp không hứa nhận.

(39) Lại nữa, người thuyết pháp vì danh lợi mà thuyết pháp, người nghe pháp không hiến cúng.

(40) Lại nữa, người thuyết pháp muốn đến nạn xứ có sinh sống, người nghe pháp không muốn đi theo.

(41) Lại nữa, người thuyết pháp muốn đến nạn xứ đói kém, người nghe pháp không muốn đi theo.

(42) Lại nữa, người thuyết pháp muốn đến chỗ có nhiều trộm cướp, chiến loạn, v.v., người nghe pháp không muốn đi theo.

(43) Lại nữa, người thuyết pháp chăm hãm đến nhà thí chủ, rồi hoan hỷ hay tán loạn, người nghe pháp không thích, cả hai không hòa hợp, lui mất pháp hành.

Bảy ma sự này dựa vào lỗi lầm của mình và người.

- Dựa vào nghịch duyên khác, có 3 thứ ma sự:

(44) Khi tu gia hành, có các ác ma giả hiện làm thầy tỳ-kheo, dùng đủ phương tiện phá hoại, ly gián giữa người và pháp.

(45) Lại nữa, ác ma nói pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa giả dối.

(46) Lại nữa, các ác ma giả hiện hình tượng Đức Phật để nhiễu loạn tâm Bồ-tát, khiến cho phát sinh ái lạc đối với những gì không thật.

Tổng cộng có 46 thứ ma sự.

Lại nữa, trong 23 thứ ma sự thiếu sót thuận duyên, có 21 thứ thuộc về *sự tương quan đối đãi của vị Thầy* mà thành lỗi lầm; hoặc ngược lại những gì nói ở trên, như đệ tử có sự lười biếng thêm lên, còn vị Thầy có sự ham vui thêm lên, v.v. cũng thành lỗi lầm.

### **c. Tánh tướng của gia hành**

#### **c.1 Lược nêu**

[0054a06] Chỉ quán song vận của Bồ-tát Du-già là phương tiện để đắc quả Bát-nhã ba-la-mật-đa; đó là sắc thái của đạo Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Giới hạn là từ Đại thừa tư lương đạo cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

***Do tướng gì nên biết  
Tức tánh tướng chia ba  
Là trí, thắng, tác dụng  
Tự tánh cùng sở tướng.***

Do năng tướng gì làm tướng cho tự tánh của gia hành, nên biết đó là tánh tướng của gia hành.

Ở đây nói tánh tướng có 3 thứ, đó là:

- (1) Trí tướng: Là năng tướng gia hành của ba trí.
- (2) Thắng tướng: Là năng tướng gia hành thắng xuất Thanh văn, Độc giác.
- (3) Tác dụng tướng: Là năng tướng gia hành đầy đủ tác dụng thù thắng cho sự lợi tha.

Tánh tướng bao gồm 16 thứ *tự tánh gia hành*<sup>251</sup>, cũng là *năng tướng gia hành*, cũng gọi *tự tánh tướng*<sup>252</sup>.

Lại nữa, *tánh tướng*, tiếng Phạn là ‘lư-trát’ 廬札, thông với *năng tác* và *tác nghiệp*.

Ba thứ tánh tướng ở trên là xét mặt *năng tác* mà lập, bởi vì gia hành có thể biểu thị sắc thái ba trí của Bồ-tát.

Một tánh tướng sau cùng (: tác dụng tướng) là xét mặt *tác nghiệp* mà lập, bởi vì 16 tự tánh gia hành là sự *sở tướng*.

---

<sup>251</sup> Sẽ nói ở sau đây, [0057a18].

<sup>252</sup> Tự tánh tướng 自性相: Phạn ngữ là svalakṣaṇa , svabhāva-lakṣaṇa.



## **c.2 Rộng giải**

### **c.2.1 Trí tướng**

#### **c.2.1.1 Gia hành tướng của Nhất thiết trí**

*Biết Như Lai xuất hiện  
Thế giới vô hoại tánh  
Hữu tình các tâm hành  
Tâm nhiếp lược, ngoại tán  
Biết hành tướng vô tận  
Có tham, v.v., và không tham, v.v.  
Tâm rộng lớn, vô lượng  
Thức vô kiến vô đối  
Và tâm không thể thấy  
Biết rõ tâm xuất, một, v.v.  
Ngoài tâm đây vẫn còn  
Biết hành tướng chân như  
Năng Nhân chứng chân như  
Lại vì người khai thị  
Là nhiếp các trí tướng  
Trong phẩm Nhất thiết trí.*

[0054a17] Nhất thiết trí gia hành có 16 tướng, đó là:

- (1) Do tu Nhất thiết trí gia hành là sở y, biết Như Lai xuất hiện trên thế gian.
- (2) Bằng tuệ được nhiếp bởi [Nhất thiết] trí, thấu suốt thắng nghĩa của thế gian là tánh vô hoại.
- (3) Biết rõ chúng sinh có vô lượng tâm hành.

- (4) Đối với bồ-đặc-già-la vô ngã, biết tâm tập trung thu hẹp (: nhiếp lược).
- (5) Đối với bồ-đặc-già-la vô ngã, biết tâm phân tán ra ngoài (: ngoại tán).
- (6) Giống như hư không, biết tâm có hành tướng vô tận.
- (7) Lại biết tâm có tham, các chấp thủ có sân, có si.<sup>253</sup>
- (8) Lại biết tâm không tham, không sân, không si, v.v..
- (9) Lại biết tâm hành thì rộng lớn.
- (10) Lại biết tâm rộng lớn đối với danh ngôn [của các pháp].
- (11) Lại biết tâm vô lượng đối với thắng nghĩa [của các pháp].
- (12) Biết tâm thức: nhãn thức, v.v. thì vô kiến vô đối.<sup>254</sup>
- (13) Biết năm căn không thể thấy tâm.
- (14) Lại biết tâm [và tâm sở pháp] nổi, chìm, cong, thẳng [của các loại hữu tình] đều nương năm uẩn mà sinh khởi, đều là bồ-đặc-già-la vô ngã.<sup>255</sup>
- (15) Lại biết ngoài ‘nhân vô ngã tướng’ đây, còn biết về tâm [và tâm sở pháp] hiện, ẩn, co, duỗi [của các loại hữu tình] cũng là chân Không, là tướng của chân như.
- (16) Lại biết Đức Phật Năng Nhân tự chứng chân như ấy, lại vì các loại hữu tình mà khai thị và kiến lập [chân như ấy, cho nên gọi là Bạch thuyết chân thật].<sup>256</sup>
- Như vậy là 16 thứ Bồ-tát trí, nên biết được nhiếp vào ‘trí tướng’ trong *phẩm Nhất thiết tướng trí*.

<sup>253</sup> Xem Trung bộ kinh, kinh Niệm Xứ, số 10; Trung A-hàm, Kinh Niệm Xứ, số 98; Tăng Nhất A-hàm, Một pháp, phẩm 12: Nhập Đạo, kinh số 1.

<sup>254</sup> Tâm không biểu hiện ra ngoài nên không thể thấy (vô kiến), và tâm không có tánh chất ngại như sắc pháp nên vô đối.

<sup>255</sup> Chánh văn là xuất, một, khuất, thân 出沒屈申. Hòa thượng Thích Trí Nghiêm dịch là hiện, ẩn, co, duỗi. Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch là xuất, một, co, giãn. Kinh Đại Bát-nhã, quyển 305, tr. 557a20: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết tâm, tâm sở pháp của các loại hữu tình khác hoặc hiện, hoặc ẩn, hoặc co, hoặc duỗi? Nay Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết tâm, tâm sở pháp hiện, ẩn, co, duỗi của các loại hữu tình khác đều nương sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh khởi.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>256</sup> Mười sáu tâm hành này, xin xem Kinh Đại Bát-nhã, quyển 305 và 306, phẩm Phật Mẫu.

Lại nữa, 4 tâm: nổi, chìm, cong, thẳng, tức là 14 thứ kiến giải không ký thuyết<sup>257</sup>, là 14 thứ kiến:

(a) Dựa vào tiền tế có 4: chấp trước ngã và thế gian là thường, là vô thường, là vừa thường vừa vô thường, là chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

(b) Dựa vào hậu tế có 4: chấp trước ngã và thế gian là hữu biên, là vô biên, là vừa hữu biên vừa vô biên, là chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.

(c) Dựa vào Niết-bàn có 4: chấp trước Như Lai sau khi chết là hữu, là phi hữu, là vừa hữu vừa phi hữu, là chẳng phải hữu chẳng phải phi hữu.

(d) Dựa vào thân mạng có 2: chấp trước thọ mạng tức là thân thể, thọ mạng khác với thân thể.

Trong đó:

(1) ‘Chấp trước ngã và thế gian là thường, là vô biên’, ‘Như Lai sau khi chết là hữu’, gọi là tâm ‘nổi lên’ (: xuất tâm 出心). Lấy những chấp trước này làm sắc thái ‘chuyển hướng’ đối với cảnh, như kiến chấp của ngoại đạo Số luận.

(2) ‘Chấp trước ngã và thế gian là vô thường, là hữu biên’, ‘Như Lai sau khi chết là phi hữu’, gọi là tâm ‘chìm xuống’ (: một tâm 沒心). Lấy những chấp trước này làm sắc thái ‘chặn đứng’ đối với cảnh, như kiến chấp của ngoại đạo Đoạn kiến.

(3) ‘Chấp trước ngã và thế gian là vừa thường vừa vô thường, là vừa hữu biên vừa vô biên’, ‘Như Lai sau khi chết là vừa hữu vừa phi hữu’, gọi là tâm ‘cong vồng’ (: khuất tâm 屈心). Lấy những chấp trước này làm sắc thái ‘bình đẳng chuyển’ đối với cảnh ‘tối lui’, như kiến chấp của ngoại đạo Vô tà.

(4) ‘Chấp trước ngã và thế gian là chẳng phải thường chẳng phải vô thường, là chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên’, ‘Như Lai sau khi chết là chẳng phải hữu chẳng phải phi hữu’, gọi là tâm ‘đuỗi thẳng’ (: thân tâm 申心). Lấy những

---

<sup>257</sup> Xin xem Tập A-hàm, kinh Kiến, số 962.

chấp trước này làm sắc thái ‘chặn đứng cả hai’ đối với cảnh ‘tới lui’, như kiến chấp của Độc tử bộ.

(5) ‘Chấp trước thọ mạng tức là thân thể’, như các sư Thắng luận; ‘chấp trước thọ mạng khác với thân thể’, như các sư Số luận. Lấy những chấp trước này làm sắc thái ‘tiến tới’ đối với cảnh.

Lại nữa, 14 kiến ấy có thể được xếp gọn thành 2 tâm:

- (1) Tâm thức ‘chuyển hướng’ đối với cảnh, là tâm ‘nổi lên’.
- (2) Tâm thức ‘lùi lại’ đối với cảnh, là tâm ‘chìm xuống’.

### **c.2.1.2 Gia hành tướng của Đạo tướng trí**

**Tánh Không và vô tướng**

**Cùng xả bỏ các nguyện**

**Vô sinh, vô diệt, v.v.**

**Pháp tánh không phá hoại**

**Vô tác, vô phân biệt**

**Sai biệt không tánh tướng**

**Trong phẩm Đạo tướng trí**

**Nhận làm các trí tướng.**

[0055a14] Ở đây gia hành tướng có 16 thứ, đó là:

(1) Dựa vào Đạo tướng trí gia hành nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, liễu tri [các pháp là] tánh Không.

(2) Liễu tri [các pháp là] vô tướng.

(3) Liễu tri [các pháp là] vô nguyện.

(4) Liễu tri thắng nghĩa là vô sinh.

- (5) Liễu tri thắng nghĩa là vô diệt.
- (6) Liễu tri thắng nghĩa là vô nhiễm.
- (7) Liễu tri thắng nghĩa là vô tịnh.
- (8) Liễu tri thắng nghĩa là tánh vô sở thủ.
- (9) Liễu tri thắng nghĩa là tánh vô tự thể.
- (10) Liễu tri thắng nghĩa là vô sở y.
- (11) Liễu tri thắng nghĩa như tánh hư không.
- (12) Lại dựa vào những gia hành trên, liễu tri pháp tánh là thắng nghĩa không có tướng phá hoại.
- (13) Liễu tri ở mặt thắng nghĩa, lấy tuệ giác làm đầu, [các pháp] không có tánh tạo tác.
- (14) Liễu tri thắng nghĩa là vô phân biệt.
- (15) Liễu tri năng tướng, sở tướng, v.v. sai biệt là thắng nghĩa phi hữu.
- (16) Lại dựa Đạo tướng trí gia hành nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, liễu tri ở mặt thắng nghĩa, [các pháp] là vô tánh tướng.
- Thừa nhận 16 hành tướng ở đây chính là các tướng trí trong phẩm Đạo tướng trí.

### **c.2.1.3 Gia hành tướng của Nhất thiết tướng trí**

*Y chân như pháp trụ*

*Cung kính thiện tri thức*

*Tôn trọng và phụng sự*

*Cúng dường, vô tác dụng*

*Và liễu tri biến hành*

*Năng thị hiện vô kiến*

*Tướng chân Không thể gian*

*Thuyết, tri và hiện kiến*  
*Bất tư nghị, tịch tĩnh*  
*Thế gian diệt, tướng diệt*  
*Trong Nhất thiết tướng trí*  
*Là nói các tướng trí.*

[0056a03] Gia hành tướng ở đây cũng có 16 thứ, đó là:

- (1) Do y chỉ sự gia hành Nhất thiết tướng trí mà liễu tri rằng Như Lai y theo pháp chân như<sup>258</sup>, hiện pháp lạc trú.
- (2) Liễu tri sự cung kính thiện tri thức.
- (3) Liễu tri sự tôn trọng thiện tri thức thì không trái lời dạy của các bậc Thầy.
- (4) Liễu tri sự phụng sự thiện tri thức làm cho các bậc Thầy hoan hỷ.
- (5) Liễu tri sự cúng dường thiện tri thức bằng hương, hoa, v.v.
- (6) Liễu tri rằng thắng nghĩa thì vô tác dụng.
- (7) Liễu tri sự biến hành của tất cả sở tri.
- (8) Liễu tri ở mặt thắng nghĩa, thị hiện ‘chân thật nghĩa toàn là vô sở kiến’.
- (9) Liễu tri tướng Không của thế gian.<sup>259</sup>

---

<sup>258</sup> Tạp A-hàm, kinh Ni-kiền, số 563: “Tôn giả A-nan bảo đồng tử Vô-úy người Ly-xa: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lia sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất, bằng nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lia ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp chân như. Những gì là ba? Như vậy, Thánh đệ tử sống an trụ trong tịnh giới, thọ trì Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi đầy đủ, tín nơi các tội lỗi mà sanh ý tưởng sợ hãi. Giữ gìn tịnh giới đầy đủ như vậy; nghiệp cũ dần dần trút sạch, ngay trong hiện tại được lia nhiệt não, không đợi thời tiết, chứng đắc Chánh pháp, quán sát thông đạt bằng sự hiện thấy, tự giác ngộ bằng trí tuệ. Nay trưởng giả Ly-xa, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lia sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất, bằng nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lia ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp chân như.” (Thích Đức Thắng dịch)

<sup>259</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 307, phẩm Phật mẫu, tr. 564c09-565a27: “Lại nữa Thiện Hiện! Bát-nhã-ba-la-mật-đa sâu xa có khả năng chỉ rõ tướng không của thế gian cho chư Phật nên gọi là mẹ của chư Phật, có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã-ba-la-mật-đa sâu xa có khả năng chỉ rõ tướng không của thế gian cho chư Phật là gì? Nay Thiện Hiện! Bát-nhã-ba-la-mật-đa sâu xa có khả năng chỉ rõ sắc là tướng không của thế gian, thọ, tưởng, hành, thức là tướng không của thế gian cho chư Phật; có khả năng chỉ rõ nhãn xứ là tướng không của thế gian, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tướng không của thế gian cho chư Phật; có khả năng

(10) Liễu tri sự tuyên thuyết ‘tướng Không của thế gian’.

(11) Liễu tri sự chứng tri ‘tướng Không của thế gian’.

(12) Liễu tri sự hiện kiến ‘tướng Không của thế gian’.

(13) Liễu tri sự hiển thị pháp tánh vô phân biệt của các pháp, sự bất khả tư nghị của Tâm.

(14) Liễu tri sự hiển thị ‘tuyệt các hý luận, tịch tĩnh an lạc’ ở mặt thẳng nghĩa.

(15) Liễu tri sự diệt của thế gian thì chân thật hữu.<sup>260</sup>

(16) Lại y theo các gia hành này mà liễu tri sự diệt trừ những dị tướng thủ xả về thế gian này hay thế gian khác.<sup>261</sup>

Nên biết các gia hành ở đây là các trí tướng trong phẩm Nhất thiết tướng trí.

## **c.2.2 Thẳng tướng**

### **c.2.2.1 Lược nêu**

*Do khó nghĩ có khác*

*Thẳng tiến để hành cảnh*

*Mười sáu sát-na tâm*

*Gọi tên thù thẳng tướng.*

---

chỉ rõ sắc xứ là tướng không của thế gian, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tướng không của thế gian cho chư Phật. v.v.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>260</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 561, phẩm Thâm thâm tướng, tr. 895b14: “Lại nữa, Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có thể chỉ cho Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ‘thế gian là Không, viễn ly, thanh tịnh, tịch diệt’, cho nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể chỉ ra thật tướng thế gian, bởi vì tất cả thế gian đều lấy Không, viễn ly, thanh tịnh, tịch diệt làm thật tướng vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>261</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 308, phẩm Phật mẫu, tr. 571a18: “Lại nữa, Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian ấy cho chư Phật, khiến không sanh khởi ý tưởng thế gian này, ý tưởng thế gian khác. Vì sao? Vì thật không có pháp có thể khởi ý tưởng thế gian này hay thế gian khác.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

[0056a10] Từ pháp tánh bất khả tư nghị mà có những sai biệt về tứ đế, thắng xuất những gia hành của Thanh văn, Độc giác. Dem sự thắng tiến tứ đế mà làm hành và cảnh của sự kiến đạo. Mười sáu sát-na của trí nhãn thì tối siêu thắng, nên gọi là *thù thắng tướng*.

Đây chỉ là nói trường hợp của bậc kiến đạo, nếu luận bàn về 16 thứ thắng pháp của sự thông đạt bất tư nghị, v.v. thì từ tư lương đạo xuyên suốt tới hậu tâm.

### c.2.2.2 Rộng giải

*Bất tư nghị, vô đẳng*

*Siêu việt chư lượng, số*

*Nhiếp Thánh, trí giả biết*

*Chứng tri các bất cộng.*

*Thông mau, không tăng giảm*

*Tu hành và chánh hành*

*Sở duyên và sở y*

*Nhất thiết và nhiếp thọ*

*Không chấp trước, nên biết*

*Mười sáu thù thắng tánh*

*Do đây hơn đạo khác*

*Nên gọi thù thắng đạo.*

[0056a16] (1) Ngoài tăng thượng duyên là được chư Phật, Bồ-tát nhiếp thọ, do năng lực của trí tuệ mà liễu tri *pháp tánh bất khả tư nghị* nơi khổ, tập, diệt, đạo.

(2) Không sự gì có thể thí dụ, gọi là *vô đẳng* (: không sánh bằng).

(3) Vượt qua danh ngôn lượng của chủ thể và đối tượng, gọi là *lượng*.



- (4) Biết pháp tánh ấy siêu xuất *số lượng*.
- (5) Nó tổng nhiếp công đức của tất cả Thánh giả.
- (6) Liễn tri sự giác biết của bậc trí, gọi là *như sở hữu tánh* và *tận sở hữu tánh*.
- (7) Liễn tri các pháp bất cộng sâu xa và quảng đại, chẳng phải cảnh giới sở hành của hàng Thanh văn, Độc giác.
- (8) Thần thông của Đại thừa thì cực kỳ mau lẹ.
- (9) Thông đạt nhị đế: thế tục và thắng nghĩa; ở mặt thắng nghĩa, tánh chất của tất cả các pháp thì không có tăng giảm.
- (10) Ở mặt thắng nghĩa, ba luân thanh tịnh: người cho, người nhận và của cho, theo đó tu hành sáu ba-la-mật-đa: bố thí, v.v.
- (11) Do thiết tha chí thành, gia hành không cách hờ, trải qua vô lượng kiếp tu tập phước đức và trí tuệ.
- (12) Sử dụng phương tiện [thiện xảo] được nhiếp trì bởi trí vô phân biệt mà duyên với tất cả pháp.
- (13) Pháp giới thể tánh<sup>262</sup> làm chỗ y chỉ của Bồ-tát đạo.
- (14) Thành tựu đại nguyện, diệu nguyện, thắng nguyện<sup>263</sup> và 10 ba-la-mật-đa, viên mãn tất cả tư lương.

<sup>262</sup> Kinh Đại Bảo Tích, quyển 26, Pháp hội Pháp giới thể tánh vô phân biệt, tr. 143a18-b09: “Biết tâm niệm của Bửu Thượng thiên tử, đức Thế Tôn bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát rằng: ‘Văn Thù Sư Lợi ! Ở trong đại chúng này, ông nên tuyên nói một ít pháp. Nay trong đại chúng này muốn được nghe pháp nơi ông.’ Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát bạch rằng: ‘Bạch Đức Thế Tôn! Tôi nên nói pháp gì?’ Đức Phật phán: ‘Ông nên nói về pháp giới thể tánh như duyên.’ Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát bạch rằng: ‘Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả pháp giới là pháp giới thể tánh. Ra ngoài pháp giới không có được nghe. Sao Đức Thế Tôn bảo như nơi pháp giới mà nói pháp?’ Đức Phật phán: ‘Này Văn Thù Sư Lợi! Chúng sanh kiêu mạn nếu nghe pháp ấy tất sanh lòng kinh quái.’ Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát bạch rằng: ‘Bạch Đức Thế Tôn! Pháp giới thể tánh không có kinh quái. Sự kinh quái ấy tức là pháp giới thể tánh.’ Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: ‘Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Nếu tất cả pháp đều là pháp giới thể tánh, thì chúng sanh chỗ nào có nhiễm tịnh?’ Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát nói: ‘Thưa Đại đức Xá Lợi Phất! Các chúng sanh ấy thân kiến điên đảo chấp ngã và ngã sở. Hàng phàm phu ấy phát khởi ngã tưởng, chấp trước ngã tưởng và chấp trước tha tướng mà phát khởi tâm và tâm sở. Những tâm và tâm sở ấy tạo tác các nghiệp thiện hoặc các nghiệp bất thiện. Do hành nghiệp ấy làm nhưn mà các chúng sanh ấy có được quả báo. Nếu đã có sanh thì có nhiễm ô. Chính nhiễm ô ấy là pháp giới thể tánh. Thưa Đại đức Xá Lợi Phất! Nếu biết nhiễm ô là pháp giới thể tánh thì gọi là bạch tịnh vậy. Nhưng nơi đệ nhứt nghĩa không có nhiễm ô, không có hoặc pháp nhiễm hoặc pháp tịnh.’ Lúc Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát nói pháp ấy, có năm trăm Tỳ Kheo đứt hết phiền não được tâm vô lậu.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

(15) Để tuyên thuyết viên mãn *đạo pháp* được nhiếp thọ bởi các thiện tri thức Đại thừa.<sup>264</sup>

(16) Đối với sinh tử, Niết-bàn và tất cả pháp đều không chấp trước.

Nên biết, đây là 16 thù thắng tướng. Gia hành của Bồ-tát đạo hơn hẳn gia hành của Thanh văn, Độc giác và các đạo khác, nên gọi là *thắng đạo*.

### c.2.3 Tác dụng tướng

*Làm lợi, lạc, cứu vớt*

*Nơi nương tựa mọi người*

*Nhà cửa, dạy cứu cánh*

*Cù lao và đạo sư*

*Nhậm vận làm lợi tha*

*Không chứng quả ba thừa*

*Cuối cùng làm sở y*

*Đây là tác dụng tướng.*

[0057a07] Tác dụng tướng có 11 thứ:

(1) An lập sự an vui giải thoát cho đối tượng mình giáo hóa là làm lợi ích cho vị lai.<sup>265</sup>

---

<sup>263</sup> Chánh văn là ‘đại nguyện đẳng’ (大願等), chỉ cho quảng đại nguyện, diệu nguyện, thắng nguyện (cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt). Kinh Giải Thâm Mật, phẩm Địa Ba-la-mật-đa: “Đại bồ tát Quan tự tại thừa Phật: Bạch đức Thế tôn, do lý do nào mà nói các vị Bồ tát làm theo cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt? Đức Thế tôn dạy đại bồ tát Quan tự tại: Thiện nam tử, do bốn lý do, (một), Bồ tát biết rõ và biết khéo cái vui của niết bàn và mình đủ sức chứng lấy một cách mau chóng, (hai) nhưng vẫn bỏ sự mau chóng chứng lấy cái vui ấy, (ba) mà không cần mồi mọc, không đợi biết ơn, vẫn phát ra tâm nguyện vĩ đại, (bốn) nguyện vì lợi ích chúng sinh mà ở trong cái khổ lớn lao vừa đa dạng vừa lâu dài. Vì vậy Như lai nói Bồ tát làm theo cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>264</sup> Nhiếp có nghĩa bao hàm, tu tập thiện pháp của pháp giới. Thọ tức lãnh nạp, tu niệm các thiện pháp. Các thiện tri thức Đại thừa nhiếp thọ và hộ trì chánh pháp bằng sự tu học và chứng ngộ ngang qua 10 pháp ba-la-mật-đa.

(2) Làm cho các đối tượng mình giáo hóa diệt trừ ưu, khổ, v.v. là an lập sự an vui hiện pháp (: đời này).

(3) Đối với cái khổ sinh tử, cứu giúp hữu tình, thành tựu *pháp tánh vô khổ*.<sup>266</sup>

Ba tướng này biểu thị trong thân Bồ-tát thành tựu được tác dụng thù thắng của *Nhất thiết trí gia hành*.

(4) Mọi người, là các đối tượng được giáo hóa. An lập sự an lạc rốt ráo của Niết-bàn, gọi là *làm nơi nương tựa*.

(5) An lập đối tượng giáo hóa, khiến họ diệt trừ khổ nhân, gọi là *làm nhà cửa*.

(6) An lập đối tượng giáo hóa, khiến họ biết sinh tử Niết-bàn bình đẳng, gọi là *chỉ dạy cứu cánh*.

(7) Làm cho các đối tượng giáo hóa lìa xa dòng nước tham ái<sup>267</sup>, an lập giải thoát, thiết lập chỗ y chỉ cho mình người được lợi ích, gọi là *làm cù lao*.

(8) Thành tựu đối tượng giáo hóa ở hiện tại mà cứu cánh là hai thứ nghĩa lợi<sup>268</sup>, gọi là *làm đạo sư*.<sup>269</sup>

---

<sup>265</sup> Tạp A-hàm, Học, kinh số 826: “Thế nào là giải thoát kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.” (Thích Đức Thắng dịch)

<sup>266</sup> Pháp tánh vô khổ là cái vui Niết-bàn, là cái vui cứu cánh bình đẳng Không tánh, là cái vui cứu cánh giải thoát, hoàn toàn không phải hạnh phúc thế gian.

<sup>267</sup> Trường Lão Kê, Nhóm Lớn, kệ ngôn của trường lão Vaṅgīsa, số 1287: “Vị ấy đã cắt đứt tham ái ở danh và sắc này, dòng nước tham ái đã được tiêm ân bấy lâu. Vị ấy đã vượt qua sự sanh và sự chết.’ Đức Thế Tôn, bậc đứng đầu về năm pháp, đã nói như thế.” (Tỳ khuru Indacanda dịch)

<sup>268</sup> Hai thứ nghĩa lợi là tăng thượng sinh đạo và quyết định thắng đạo. Du-già sự địa luận, quyển 43, tr. 95a12: “Thiện thế gian, dẫn tăng thượng sinh đạo; thiện xuất thế gian, dẫn quyết định thắng đạo.” Tăng thượng sinh đạo (abhyudamārga), con đường thịnh vượng, phồn vinh; trong đó, thí ba-la-mật dẫn đến kết quả tài sản lớn; giới ba-la-mật, tự thể lớn, vì do giới mà tái sinh vào nơi tôn quý; nhân ba-la-mật dẫn quả quyền thuộc lớn, vì có nhân thì nhiều người về theo. Quyết định thắng đạo (niḥsreyasamārga), con đường dẫn đến thù thắng. vì tiến ba-la-mật thì trần áp phiền não; định ba-la-mật thì thành thực hữu tình và tuệ ba-la-mật thì thành thực Phật pháp.

<sup>269</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 411, phẩm Thí Dụ, tr. 60c12: “Cụ thọ Thiện Hiện thưa: - Bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm chơn thật, lợi lạc của Bồ-tát? Phật bảo Thiện Hiện: - Các Đại Bồ-tát phát tâm như vậy: Tôi quyết định đến tận cùng đời vị lai sẽ làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, làm chỗ nương tựa, cù lao, nhà cửa, thường không lìa bỏ. Này Thiện Hiện! Đó là tâm chơn thật, lợi lạc của Bồ-tát. Đại Bồ-tát nào đem vô sở đắc làm phương tiện an trụ tâm này, quyết định có thể làm bậc thượng thủ trong chúng hữu tình lớn.” Quyển 413, phẩm Chân Thiện

(9) Khiến các đối tượng giáo hóa đối với việc lợi tha mà vận chuyển một cách tự nhiên.

(10) Dẫn vì các đối tượng giáo hóa mà thuyết về quả vị ba thừa, cũng không muốn phi thời hiện chứng thật tế.<sup>270</sup>

Bảy tướng này biểu thị trong thân Bồ-tát thành tựu được tác dụng thù thắng của *Đạo tướng trí gia hành*.

(11) Do tu Nhất thiết tướng trí gia hành mà làm chỗ nương tựa cho thế gian.

Một tướng này biểu thị trong thân Bồ-tát thành tựu được tác dụng thù thắng của *Nhất thiết tướng trí gia hành*.

Như vậy, 11 tác dụng tướng nhiếp hết ba trí gia hành của Bồ-tát. Đầy đủ tác dụng lợi tha, nên gọi là *tác dụng tướng*.

### c.2.4 Tự tánh tướng

*Ly phiền não, trạng, mạo*

*Chướng phẩm và đối trị*

*Nan tánh và quyết định*

---

Hữu, tr. 600a18: “Này Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát tuy biết tất cả pháp như huyền, như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như sự biến hóa, như ảo thành, tự tánh đều không, nhưng vì nghĩa lợi cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì khiến cho thế gian được lợi ích mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì khiến thế gian được an lạc mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì muốn cứu vớt thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm nơi nương tựa cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm nhà cửa cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm con đường rút ráo cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm cù lao cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm ánh sáng cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm ngọn đuốc cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm đạo sự cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm tướng soái cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột; vì làm chỗ hướng đến cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị giác ngộ cao tột.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>270</sup> Thật tế: dị danh là Niết-bàn, thắng nghĩa, pháp giới, chân như, vô ngã tánh, Không tánh. Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 550, phẩm Biết Việc Ma, tr. 835a15-23: “Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát thật vô cùng hi hữu, có thể làm những việc khó làm. Nghĩa là tuy hành Không nhưng không trụ Không, tuy hiện nhập Không định nhưng không chứng thật tế. Phật dạy: - Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì các Bồ-tát này thề chẳng rời bỏ các loài hữu tình. Nghĩa là họ đã phát nguyện thù thắng vì diêu như vậy: Nếu các hữu tình chưa được giải thoát, ta không bao giờ xả bỏ sự gia hạnh căn lành.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

*Sở vi vô sở đắc*  
*Phá tất cả chấp trước*  
*Và gọi hữu sở duyên*  
*Chẳng thuận, không chướng ngại*  
*Không vết, không đi, sinh*  
*Chân như bất khả đắc*  
*Mười sáu tự tánh này*  
*Như vậy sở tướng sự*  
*Nhận làm tướng thứ tư.*

[0057a18] Ở đây, tự tánh tướng có 16 thứ, đó là:

- (1) Tự tánh gia hành viễn ly phiền não: tham, v.v.
- (2) Tự tánh gia hành viễn ly phiền não trạng thái: thân thô trọng, ngữ thô trọng và ý thô trọng.
- (3) Tự tánh gia hành viễn ly phiền não phẩm mạo: phi lý tác ý, v.v.
- (4) Liễn tri sở trị phẩm: tham, v.v. và năng trị phẩm: vô tham, v.v., thủ xả chân thật đều Không.

Đây là 4 thứ gia hành của Bồ-tát, được nhiếp trì bởi tuệ, tức tự tánh gia hành Nhất thiết trí của Bồ-tát.

(5) Ở mặt thắng nghĩa thì không có hữu tình, như ở mặt danh ngôn (: thế tục) phải mặc áo giáp tinh tiến để đạt Niết-bàn, đó là tự tánh gia hành nan hành.

(6) Không rơi vào thừa khác, là tự tánh gia hành quyết định thú hướng nhất Phật thừa.

(7) Tự tánh gia hành trường thời tu tập ba thứ sở vi: tâm đại, đoạn đại, chứng đại.

(8) Tự tánh gia hành thông đạt pháp năng tu và pháp sở tu đều là thắng nghĩa vô sở đắc.

(9) Tự tánh gia hành phá trừ tất cả chấp trước các pháp đều thật hữu.

Đây là 5 thứ tự tánh gia hành Đạo tướng trí của Bồ-tát.

(10) Trong sở duyên cảnh của Nhất thiết trí và Đạo tướng trí có ‘sự sở nhiếp’<sup>271</sup> và ‘đạo pháp’, tự tánh gia hành duyên cả hai.

(11) Phá trừ chấp trước ‘hữu tánh thế gian thật hữu’ và ‘vô tánh xuất thế gian thật hữu’, v.v., thấu suốt sinh tử và Niết-bàn là bình đẳng tánh, nên gọi là tự tánh gia hành không tùy thuận phàm phu.

(12) Tự tánh gia hành liễu tri sắc, v.v. không có chướng ngại.

(13) Ở mặt thắng nghĩa, năng tri và sở tri đều không thể thủ đắc, đó là tự tánh gia hành không vết.

(14) Ở mặt thắng nghĩa, thấu suốt Không tánh, chân như toàn không đến đi, đó là tự tánh gia hành không có chỗ đi.

(15) Thấu suốt sắc, v.v. không có sinh, bởi vì là thắng nghĩa vô tánh<sup>272</sup>, đó là tự tánh gia hành không sinh.

(16) Ở mặt thắng nghĩa, thấu suốt hữu tánh và vô tánh, cả hai đều là bản tánh chân như, đó là tự tánh gia hành vô sở đắc.

Đây là 7 thứ tự tánh gia hành Nhất thiết tướng trí của Bồ-tát.

Như vậy là 16 tự tánh gia hành của ba trí, do khả năng hiển lộ ‘sở tướng sự’, cho nên nhận làm *tướng thứ tư*.

[0058a09] Tổng nghĩa của các tướng gia hành nói trên là:

---

<sup>271</sup> Sự sở nhiếp, chỉ cho đối tượng thu nhiếp.

<sup>272</sup> Kinh Giải Thâm Mật, phẩm Vô Tự Tánh Tướng: “Sinh vô tánh là thế nào, là chính y tha khởi tánh của các pháp, tại sao, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh. Thắng nghĩa vô tánh là thế nào, là (một mặt), các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà y tha khởi tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Thêm nữa, (mặt khác), viên thành thật tánh của các pháp cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, tại pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa này cũng gọi là vô tánh, vì nó mới là thắng nghĩa của các pháp và do vô tánh hiển lộ, nên (viên thành thật tánh) gọi là thắng nghĩa vô tánh.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

(a) Bốn thứ tự tánh tướng: viễn ly phiền não, trạng thái, phẩm mạo, v.v., biểu thị Nhất thiết trí gia hành của Đại thừa, lấy 16 trí làm thể, liễu tri sự xuất hiện của Như Lai, v.v., thấu suốt tánh chất vô ngã của bồ-đặc-già-la, là gia hành đầy đủ ba tác dụng: làm lợi ích, an lạc và cứu vớt.

(b) Năm thứ tự tánh tướng: nan hành và quyết định, v.v., biểu thị Đạo tướng trí gia hành của Đại thừa, lấy 16 trí làm thể, liễu tri đạo chân thật là Không tánh và vô tướng, v.v., là gia hành đầy đủ bảy tác dụng: làm nương tựa, nhà cửa, cứu cánh, cù lao, v.v.

(c) Bảy thứ tự tánh tướng: không tùy thuận, không chương ngại, v.v., biểu thị Nhất thiết tướng trí gia hành, lấy 16 trí chân thật làm thể, liễu tri Như Lai y theo chân như mà hiện pháp lạc trú, đạt được quả vị trí tướng, là gia hành đầy đủ một tác dụng: làm y chỉ xứ cho thế gian.

(d) Gia hành của Đạo tướng trí và Nhất thiết tướng trí, biểu thị gia hành thắng xuất Nhị thừa, là gia hành pháp vô ngã được hiển lộ bằng sự thấu suốt bất khả tư nghị, v.v.

## **1.1.2 Từ Thuận giải thoát phần giải thích sinh khởi thứ đệ**

### **a. Căn cơ sở vi**

#### **a.1 Tổng tướng**

[0058a17] Khéo léo tu Nhất thiết tướng trí qua pháp hiện quán trong thân Bồ-tát, tức ở đây nói về tướng của Đại thừa thuận giải thoát phần. Giới hạn là chỉ ở Đại thừa tư lương đạo.

*Vô tướng khéo bố thí, v.v.*

*Chánh hành mà thiện xảo*

***Trong nhất thiết tướng phẩm***

***Gọi thuận giải thoát phần.***

[0058a17] Bò-tát ở tư lương đạo thì thông đạt tánh Không, thiện xảo chánh hành, thấu suốt thắng nghĩa, tu tập bố thí, v.v. được nhiếp trì bởi vô tướng tuệ, cho đến Nhất thiết tướng trí. Bò-tát ấy hoàn toàn hiện chứng thuận giải thoát phần trong Nhất thiết tướng gia hành phẩm.

## **a.2 Căn cơ giáo hóa**

***Duyên Phật, v.v. tịnh tín***

***Tinh tiến hành bố thí, v.v.***

***Ý lạc viên mãn niệm***

***Vô phân biệt đẳng trì***

***Biết tất cả các pháp***

***Trí tuệ chung làm năm***

***Lợi dễ chứng Bồ-đề***

***Còn độn căn khó chứng.***

[0059a05] Ở đây lược nhiếp ‘đạo’ [của thuận giải thoát phần] thành 5 pháp để nói sự thông duệ của căn cơ giáo hóa, đó là:

(1) Duyên với Phật, Pháp, Tăng, Thánh đạo quả và các pháp mà phát khởi tịnh tín.

(2) Đối với hành cảnh của bố thí, v.v. mà tinh tiến dũng mãnh.

(3) Chánh niệm được nhiếp trì bởi sự phát tâm Đại thừa và ý lạc viên mãn.

(4) Tam-ma-địa vô phân biệt như hư không tạng, v.v.

(5) Thắng tuệ Nhất thiết chủng liễu tri tất cả các pháp nhiếp trong Nhị đế.



Căn cơ ‘sở vi’ trong Luận Hiện Quán Trang Nghiêm là Bồ-tát Tư lương vị, tức Bồ-tát thiện xảo 5 cảnh ở trên. Nhưng chẳng phải tất cả căn cơ có khả năng để chứng Vô thượng Bồ-đề, bởi vì bậc lợi căn với 5 căn bén nhạy: tín, tiến, niệm, định, tuệ thì dễ chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, còn bậc độn căn thì khó chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

### **b. Thứ đệ của sự sinh khởi đạo thành thực**

Chính vì lấy phương tiện làm chủ mà nói ‘hiện quán nghĩa’<sup>273</sup> của Đại thừa, tức ở đây nói về Nhất thiết tướng gia hành phẩm mà nói sắc thái của Đại thừa thuận quyết trạch phần. Giới hạn là chỉ ở Đại thừa gia hành đạo.

*Sở duyên đây là Noãn, v.v.*

*Khen tất cả tình này*

*Duyên tâm kia bình đẳng*

*Nói có mười thứ tướng*

*Tự diệt trừ các ác*

*An trú bố thí, v.v.*

*Cũng khiến người trú đó*

*Khen đồng pháp là Đảnh*

*Như vậy nên biết Nhân*

*Mình người trú Thánh đế*

*Như vậy Đệ nhất pháp*

*Thành thực các hữu tình, v.v.*

---

<sup>273</sup> Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tập, No. 1605, quyển 7, tr. 690b12: “Thế nào là hiện quán nghĩa? Là trong pháp tăng thượng của các đế, đã đắc thượng phẩm để sát pháp nhân. Nhân này thuộc về thuận quyết trạch phần vị. Đây là do ba thứ như lý tác ý mà hiển phát, lại thành ba phẩm: thượng duyên, thượng trung và thượng thượng.”

[0059a11] Sở duyên của Đại thừa gia hành đạo là Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất pháp. Chỗ này, trong Kinh khen rằng, “Vì tất cả hữu tình ấy”. Về gia hành đạo này, Kinh nói khi duyên với hữu tình kia, tâm quán 10 thứ tướng: bình đẳng, v.v.<sup>274</sup> Mười thứ tướng là:

(1) Đối với hữu tình, vì phá chấp tham sân mà tu tập xả, đó là tâm bình đẳng.

(2) Tu ý vui thích của tâm đại từ.

(3) Tu lợi ích cứu cánh của tâm đại bi.

(4) Tâm không sân hận.

(5) Tâm không não hại.

(6) Đối với người già thì khởi tâm xem như cha mẹ.

(7) Với người ngang lứa thì khởi tâm xem như anh chị em.

(8) Với trẻ nhỏ thì khởi tâm xem như con cái.

(9) (10) Với người có phẩm đức thì khởi tâm bằng hữu và tâm thân tộc.

Đây là 10 tướng của Gia hành đạo Noãn vị.

(1) Tự diệt trừ các điều ác, an trú các điều thiện: bố thí, v.v., cũng an lập người khác đình chỉ điều ác, tu tập điều thiện.

(2) Nếu hữu tình khác chưa muốn siêng năng gắng sức, tức là tự mình thực hành, thì phải nên khen ngợi [khuyến khích].

(3) Khi thấy người đồng pháp thực hành như vậy, thì nên ca ngợi “Lành thay!”

Đây là 3 tướng của Gia hành đạo Đảnh vị.

---

<sup>274</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 562, tr. 900c06: “Thiện Hiện bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát muốn chứng Bồ-đề, nên trụ như thế nào? Nên học như thế nào? Phật bảo Thiện Hiện: - Nếu các Bồ-tát muốn chứng Bồ-đề thì đối với các hữu tình nên trụ bình đẳng, nghĩa là đối với loài kia nên phát sanh tâm bình đẳng, tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, tâm không sai khác, tâm khiêm tốn, tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm không sân hận, não hại, tâm như cha mẹ, cũng dùng tâm này nói với họ. Thiện Hiện nên biết! Nếu các Bồ-tát muốn chứng Bồ-đề thì nên trụ như thế, nên học như thế.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

Như vậy, tự mình an trú và liễu tri Tứ đế, cũng an lập người khác [an trú và liễu tri Tứ đế.] Đây là tướng của Gia hành đạo Nhẫn vị.

Như vậy, làm cho các hữu tình thành thực sự giải thoát, v.v. Nên biết, đây là tướng của Gia hành đạo Thế đệ nhất pháp.

### **c. Thứ đệ của sự sinh khởi hiện quán thù thắng**

#### **c.1 Tướng bất thối Vô thượng Bồ-đề**

##### **c.1.1 Lược nêu**

[0060a02] Bồ-tát ở trên sắc, v.v. mà có hiện hành *thối chuyển thật chấp*, gồm 44 tướng, có thối chuyển một tướng thật chấp nào, là Bồ-tát Tăng có được tướng bất thối chuyển.<sup>275</sup> Giới hạn là từ Đại thừa gia hành đạo Noãn vị cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

#### ***Từ Thuận quyết trạch phân***

#### ***Trong các đạo Kiến, Tu***

#### ***Sở trú các Bồ tát***

---

<sup>275</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 325, phẩm Bất thối chuyển, tr. 662b10-c21: "Phật dạy: - Nay Thiện Hiện! Nếu đại Bồ-tát có khả năng biết như thật các bậc phạm phu, các bậc Thanh-văn, các bậc Độc-giác, các bậc Bồ-tát, các bậc Như Lai, trong chơn như của các pháp, các bậc như thế không đôi khác, không phân biệt, đều không hai, không hai phần. Đại Bồ-tát ấy tuy như thật ngộ nhập chơn như của các pháp nhưng đối với chơn như của các pháp không có sự phân biệt. Vì dùng vô sở đắc làm phương tiện nên đại Bồ-tát ấy đã như thật ngộ nhập chơn như của các pháp rồi, tuy nghe chơn như cùng với tất cả pháp không hai, không khác nhưng không nghi ngờ vương mắc. Vì sao? Vì chơn như cùng tất cả pháp, chẳng thể nói một hoặc khác, cùng hay chẳng cùng. Đại Bồ-tát ấy phát ra lời nói không bao giờ khinh suất, những lời nói ra đều mang ý nghĩa lợi ích; nếu không có ý nghĩa lợi ích thì chẳng bao giờ nói. Đại Bồ-tát ấy chẳng quán xem sự tốt xấu trường đoản của người khác, mà bình đẳng thương yêu vì họ nói pháp. Nay Thiện Hiện! Đại Bồ-tát bất thối chuyển có các hành, trạng, tướng như thế, nên theo các hành, trạng, tướng như thế, biết là đại Bồ-tát Bất thối chuyển. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Lại căn cứ vào hành nào, trạng nào, tướng nào, để biết là đại Bồ-tát Bất thối chuyển? Phật dạy: - Nay Thiện Hiện! Nếu đại Bồ-tát có khả năng quán tất cả pháp là không hành, không trạng, không tướng, thì nên biết đó là đại Bồ-tát Bất thối chuyển. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là không hành, không trạng, không tướng thì đại Bồ-tát ấy đối với pháp nào thối chuyển mà gọi là Bất thối chuyển? Phật dạy: - Nay Thiện Hiện! Đại Bồ-tát ấy vì đối với sắc thối chuyển nên gọi là Bất thối chuyển; vì đối với thọ, tưởng, hành, thức thối chuyển nên gọi là Bất thối chuyển. Vì sao? Nay Thiện Hiện! Vì tự tánh của sắc không sở hữu, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng không sở hữu. Đại Bồ-tát nào chẳng an trú trong đó thì gọi là thối chuyển." (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

## ***Là chúng Bất thối đây.***

Từ Bồ-tát lợi căn an trú Thuận giải thoát phần, cho đến bao nhiêu Bồ-tát lợi căn trong các đạo Kiến và Tu, tức ở đây nói về Bồ-tát Tăng bất thối chuyển đối với Vô thượng Bồ-đề, bởi vì Bồ-tát ấy ở trên sắc, v.v. viễn ly hiện hành *thật chấp phân biệt*<sup>276</sup>, viễn ly bất cứ một tướng thật chấp nào.

### **c.1.2 Rộng thích**

#### **c.1.2.1 Gia hành đạo bất thối chuyển tướng**

##### **(a) Lược nêu**

*Do nói ở trên sắc, v.v.*

*Chuyển hai mươi thứ tướng*

*Tức trú Quyết trạch phân*

*Có được tướng bất thối.*

[0060a09]Trong Kinh [Đại Bát-nhã] có nói về sự ngăn chặn 20 tướng hiện hành *thật chấp phân biệt* chuyển khởi ở trên sắc, v.v., nên biết, đó là sắc thái Bồ-tát lợi căn an trú Thuận quyết trạch phân, không còn thối chuyển Đại Bồ-đề.

##### **(b) Rộng thích**

*Do nơi sắc, v.v. chuyển khởi*

*Hết nghi hoặc không rảnh*

*Tự an trú thiện pháp*

---

<sup>276</sup> Năng thủ phân biệt: 1. Thật chấp phân biệt; 2. Giả chấp phân biệt.

*Cũng khiến người an trú  
Với người mà hành thí, v.v.  
Thâm nghĩa không do dự  
Thân, v.v. tu hạnh từ  
Không trú cùng ngũ cái  
Điều phục các thù miên  
Đủ chánh niệm, chánh tri  
Nương định thường trong sạch  
Thân không sinh các trùng  
Tâm không cong, đầu-dà  
Và không có xan lận, v.v.  
Thành tựu pháp tánh hành  
Lợi tha cầu địa ngục  
Không ai lôi kéo được  
Ma bày đặt tội đạo  
Biết rõ đó là ma  
Chư Phật hoan hỷ hành  
Do hai mươi tướng đây  
Các trú Noãn, Đảnh, Nhãn  
Thế đệ nhất pháp chúng  
Bất thời Đại Bồ-đề.*

[0060a15] (1) Ngăn chặn hiện hành thật chấp phân biệt nơi sắc, v.v. chuyển  
khởi.

(2) Đối với chỗ nương tựa chân thật, diệt sạch nghi hoặc “là đúng hay là sai”.<sup>277</sup>

(3) Đoạn tận 8 vô hạ xứ.<sup>278</sup>

(4) Tự an trú thiện hành, cũng an lập người khác [an trú thiện hành].<sup>279</sup>

(5) Do tu tập ‘tự tha tương hoán’ để phát Bồ-đề tâm<sup>280</sup>, mà đối với người thực hành bố thí, v.v.

---

<sup>277</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 825c18: “Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: - Chúng con nên dùng tướng trạng nào để biết Đại Bồ-tát Bất thối chuyển? Phật dạy: - Nay Thiện Hiện! Nếu Đại Bồ-tát có thể như thật biết hoặc địa vị phạm phu, hoặc địa vị Thanh văn, hoặc địa vị Độc giác, hoặc địa vị Bồ-tát, hoặc địa vị Như Lai. Các địa vị như vậy tuy nói có khác nhưng trong tánh chơn như của các pháp không đổi khác, không phân biệt, đều không có hai, không hai phần. Đại Bồ-tát đó tuy thật ngộ nhập chơn như của các pháp, cũng thật an trụ chơn như của các pháp nhưng không có sự phân biệt, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đại Bồ-tát này đã thật ngộ nhập chơn như của các pháp, mặc dù nghe chơn như cùng tất cả pháp không hai, không khác nhưng không nghi ngờ, vướng mắc. Đại Bồ-tát đó đã thật an trụ vào chơn như của các pháp; ra khỏi chơn như rồi, tuy nghe các pháp có nhiều tướng loại khác nhau nhưng ở trong ấy không có sự chấp trước, cũng không nghi ngờ, vướng mắc và không nghĩ như vậy: Việc này như thật, việc này không như thật. Mặc dù không nghĩ như vậy nhưng đối với các pháp có thể biết như thật.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>278</sup> Bát vô hạ xứ 八無暇處 = Bát nạn xứ 八難處: tám trường hợp không may mắn, chương nạn cho sự thấy Phật nghe pháp: 1. Địa ngục; 2. Nga quý; 3. Súc sanh (1, 2, 3 là ba đường dữ); 4. Bắc cầu lô châu (sống quá sướng); 5. Trời Trường thọ (sống quá lâu); 6. Làm người mà đui, điếc, câm, ngọng; 7. Làm người mà thể trí biện thông; 8. Làm người mà sanh trước hay sau Phật xuất thế và nhằm chỗ hay lúc không có Phật pháp. Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826a14: “Nay Thiện Hiện! Tất cả Đại Bồ-tát Bất thối chuyển không rơi vào các nẻo ác, không làm thân người nữ, cũng không sanh nơi dòng họ thấp hèn; ngoại trừ vì muốn độ thoát những loại hữu tình đó nên hiện sanh cùng loài để dùng phương tiện hóa độ.”

<sup>279</sup> Trường A-hàm, Kinh Chúng Tập: “Lại có ba pháp, tức là ba thiện hành: thiện hành của thân, thiện hành của khẩu và thiện hành của ý.” (Tuệ Sỹ dịch) Tăng chi bộ, phẩm Song Đồi, 10.61. Vô Minh: “Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng Bốn niệm xứ có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho Bốn niệm xứ? Ba thiện hành, cần phải trả lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói như rằng ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? Các căn được chế ngự, cần phải trả lời như vậy.” (H.T Thích Minh Châu dịch) Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826a17: “Đại Bồ-tát này thường ưa thọ mười thiện nghiệp đạo. Tự thân xa lìa sự sát hại chúng sanh cho đến tà kiến, khuyên người khác xa lìa sự sát hại chúng sanh cho đến tà kiến. Tự thọ và hành mười thiện nghiệp đạo, khuyên người khác thọ và hành mười thiện nghiệp đạo, chỉ bày, thể hiện, khuyến khích, khen ngợi, vui mừng, giáo hóa hữu tình làm cho họ được vững bền. Đại Bồ-tát ấy cho đến trong mộng cũng chẳng thấy làm mười ác nghiệp đạo, cũng chẳng hiện khởi tâm ác bất thiện; cho đến trong mộng cũng thường thọ học mười thiện nghiệp đạo. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển. Nay Thiện Hiện! Các thứ kinh điển mà tất cả Đại Bồ-tát Bất thối chuyển thọ trì, tư duy, đọc tụng được thông suốt đều vì lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Các vị ấy thường suy nghĩ: Ta đem pháp này vì các hữu tình giảng nói, chỉ bày, sẽ làm cho tất cả phát nguyện được viên mãn. Và đem căn lành pháp thí này ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển.”

<sup>280</sup> Một trong những hạnh để phát huy tâm Bồ-đề là hạnh tu Tự tha tương hoán 自他相換, tức đặt mình vào hoàn cảnh tâm trạng người khác để có thể hiểu được sự khổ đau của họ nhằm cứu mang trách nhiệm cứu độ. Tự tha tương hoán không có nghĩa là bản thân ta thay đổi thành người khác, mà đó là cách thức đối đãi đặt địa vị hoàn cảnh của mình vào hoàn cảnh và tâm trạng của người khác, để có thể cảm thông với họ một cách tự nhiên, trong nỗ lực mang lại niềm hạnh phúc an vui cho tha nhân thay vì chính bản thân mình.

- (6) Đối với nghĩa lý sâu xa, không còn do dự hoài nghi.
- (7) Các hành của ba nghiệp, tu hạnh từ mẫn.
- (8) Không cộng trú với 5 triền cái: tham dục, sân khuể, hôn trầm thụy miên, điệu cử ác tác và nghi.
- (9) Hàng phục tất cả tùy miên: vô minh, ác kiến, v.v.
- (10) Thường xuyên đầy đủ chánh niệm, chánh tri.
- (11) Thọ dụng đồ ăn, đồ mặc, đồ nằm, được phẩm một cách trong sạch, không bị bậc Thánh quở trách.
- Mười một tướng này là tướng bất thối chuyển của Noãn vị.
- (12) Thân không sinh các loại trùng.<sup>281</sup>
- (13) Tâm không có tác ý tự lợi, dối trá quanh co.<sup>282</sup>
- (14) Tu hành 12 công đức đĩ-đa.
- (15) Không có xan lạn, tội lỗi hủy phạm giới cấm.
- (16) Thành tựu Du-già Bát-nhã Ba-la-mật-đa<sup>283</sup>, không trái ngược chân Không, pháp tánh hành<sup>284</sup>.

<sup>281</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826b02: “Này Thiện Hiện! Tất cả Đại Bồ-tát Bất thối chuyển đối với pháp môn thâm sâu đức Phật đã dạy, không bao giờ sanh tâm nghi ngờ, do dự, cũng không mê muội mà hoan hỉ tín thọ. Những điều nói ra đều vì lợi ích, biết lượng mà nói những ngôn từ hòa nhã, thức ngữ đều được nhẹ nhàng, không phát sanh phiền não, ra vào đến đi tâm luôn tỉnh thức, luôn luôn an trụ nơi chánh niệm, chánh tri. Đi đứng nằm ngồi với hành động có oai nghi, dõ chân bước chân cũng như vậy. Chân bước đến đâu đều nhìn dưới đất, an nhiên chánh niệm nhìn thẳng mà đi. Cử động nói năng thường không thô bạo. Những sự thọ dụng như y phục, giường nằm đều luôn thơm sạch, thích sạch sẽ, thường không bệnh tật, không có những hôi hám dơ bẩn, rận rệp, các thứ trùng. Trong thân không có tám vạn hộ trùng. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát này căn lành tăng thượng, vượt khỏi thế gian. Căn lành như như dần dần tăng trưởng, như vậy, thân tâm thanh tịnh. Do nhân duyên này, thân tâm của các Bồ-tát này kiên cố giống như kim cương, không bị nghịch duyên làm thương tổn. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy, chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển.”

<sup>282</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826b16: “Khi ấy, Thiện Hiện bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Thế nào là các Đại Bồ-tát nên biết tâm thường thanh tịnh? Phật dạy: - Này Thiện Hiện! Đại Bồ-tát ấy căn lành như như dần dần tăng trưởng. Trong tâm như vậy, như vậy, tất cả những quanh co, dối trá đều không bao giờ hiện hành. Do nhân duyên này, bao nhiêu phiền não và pháp bất thiện đều vĩnh viễn dập tắt, cũng vượt khỏi Thanh văn, Độc giác địa, nhanh chóng tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên phải biết tâm thường thanh tịnh.”

<sup>283</sup> Thành tựu Du-già Bát-nhã Ba-la-mật-đa là thành tựu Du-già về Không tánh, Vô tướng và Vô nguyên.

<sup>284</sup> Hành pháp có 2 nghĩa, đó là: Tín hành và Pháp tánh hành. Tín hành là quán về tánh vô thường, khổ, không, vô ngã. Pháp tánh hành là quán về các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc chỉ quán vô thường, chỉ quán khổ, chỉ quán không, chỉ quán vô ngã, mà thấu rõ được thật tướng các pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát vì muốn độ hết thầy chúng

(17) Vì lợi tha mà Bồ-tát muốn đi vào địa ngục.<sup>285</sup>

Sáu tướng này là tướng bất thối chuyển của Đảnh vị.

(18) Khi tu được thuyết đạo, Bồ-tát chẳng bị người khác dẫn dắt.<sup>286</sup>

(19) Khi ma giảng nói đạo tương tự, biết rõ đó là ma thuyết.<sup>287</sup>

---

sanh, nên phải tu học hết thầy các pháp môn. Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826b21: “Này Thiện Hiện! Tất cả Đại Bồ-tát Bất thối chuyển chẳng trọng lợi dưỡng, chẳng màng tiếng khen, tâm xa lìa ganh ghét, tham lam, thân không làm lỗi. Đối với các thức ăn, nước uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang, tài sản, của cải v.v... không tham đắm. Nghe pháp thâm sâu tâm chẳng mê lầm, trí tuệ sâu bền, cung kính tín thọ. Tùy sự nghe nhận, đều hội nhập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Những sự nghiệp tạo tác ở thế gian cũng nương vào phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa hội nhập pháp tánh, không thấy một sự kiện nào ra khỏi pháp tánh. Giả sử có pháp nào không tương ưng với pháp tánh thì cũng dùng phương tiện hội nhập nghĩa lý thâm sâu của Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do đó không thấy pháp nào ngoài pháp tánh. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy, chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển. Này Thiện Hiện! Tất cả Đại Bồ-tát Bất thối chuyển chẳng trọng lợi dưỡng, chẳng màng tiếng khen, tâm xa lìa ganh ghét, tham lam, thân không làm lỗi. Đối với các thức ăn, nước uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang, tài sản, của cải v.v... không tham đắm. Nghe pháp thâm sâu tâm chẳng mê lầm, trí tuệ sâu bền, cung kính tín thọ. Tùy sự nghe nhận, đều hội nhập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Những sự nghiệp tạo tác ở thế gian cũng nương vào phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa hội nhập pháp tánh, không thấy một sự kiện nào ra khỏi pháp tánh. Giả sử có pháp nào không tương ưng với pháp tánh thì cũng dùng phương tiện hội nhập nghĩa lý thâm sâu của Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do đó không thấy pháp nào ngoài pháp tánh. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy, chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển.”

<sup>285</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826c02: “Này Thiện Hiện! Giả sử có ác ma hóa hiện trước mặt tất cả các Đại Bồ-tát Bất thối chuyển tám địa ngục lớn; ở trong mỗi một địa ngục lớn đó hóa ra vô lượng trăm ngàn Bồ-tát đều bị lừa dối xen nhau đốt cháy, chịu nhiều đau khổ chua xót, độc hại khổ sở vô cùng. Ác ma hóa ra như vậy, bảo các Bồ-tát Bất thối chuyển: ‘Các Bồ-tát này đều được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề Bất thối chuyển, nên bị đọa trong địa ngục lớn như vậy, thường chịu những đau khổ dữ dội như vậy. Bồ-tát các ông đã nhận thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề Bất thối chuyển cũng sẽ đọa trong địa ngục lớn này, và chịu những đau khổ dữ dội. Phật thọ ký cho các ông chịu khổ cùng cực trong địa ngục lớn, chứ chẳng phải thọ ký các ông quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề Bất thối chuyển. Thế nên, các ông hãy mau rút bỏ tâm đại Bồ-đề, may ra được thoát khỏi nỗi khổ địa ngục đây. Tương lai sanh lên cõi trời hoặc sanh trong loài người, hưởng thụ những vui sướng tuyệt vời.’ Khi ấy, các Đại Bồ-tát Bất thối chuyển nghe thấy những điều như vậy, tâm họ vẫn không lay động, không nghi ngờ, sợ hãi, mà chỉ suy nghĩ: Đại Bồ-tát được thọ ký Bất thối chuyển, nếu đọa vào cảnh giới ác, chịu các khổ não không thể thoát ra, nhất định việc này không thể có. Những điều nghe thấy hôm nay chắc là ác ma làm ra. Những điều ác ma nói hoàn toàn không thật có. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy, chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển.”

<sup>286</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 826c19: “Này Thiện Hiện! Giả sử có ác ma hóa làm hình tướng Sa-môn đi đến chỗ các Đại Bồ-tát Bất thối chuyển, nói như vậy: ‘Trước kia ông đã nghe, thọ trì, đọc tụng kinh điển tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đều là tà thuyết, hãy mau rút bỏ, chớ nghĩ đó là chơn thật. Nếu các ông có thể rút bỏ nhanh chóng, ta sẽ dạy cho các ông pháp Phật chơn tịnh, để cho ông mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Những gì ông đã nghe trước đây không đúng là của Phật, đó là văn tụng dối trá do người soạn tập. Những lời ta nói mới đúng là lời Phật.’ Thiện Hiện nên biết: Đại Bồ-tát nào nghe nói như vậy mà tâm dao động, nghi ngờ, sợ hãi, nên biết đó là Bồ-tát chưa được thọ ký Bất thối chuyển. Đại Bồ-tát nào nghe nói như vậy mà tâm chẳng dao động, nghi ngờ, sợ hãi, chỉ an trụ theo pháp tánh vô tác, vô tướng, vô sanh. Đại Bồ-tát này có làm việc gì cũng không tin lời người khác, chẳng theo lời dạy của người khác mà bị lay chuyển. Như A-la-hán có làm việc gì chẳng tin lời người khác, hiện chứng pháp tánh, không mê hoặc, không nghi ngờ, tất cả ác ma không thể khuynh đảo được. Đại Bồ-tát Bất thối chuyển này không bị tất cả Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo, các ác ma v.v... có thể phá hoại, làm cho lui sụt tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát nào thành tựu các tướng trạng như vậy, chắc chắn đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng còn thối chuyển.”



Hai tướng này là tướng bất thối chuyển của Nhẫn vị.

(20) Tất cả hành của ba nghiệp đều là các hành mà chư Phật hoan hỷ.

Đây là một tướng bất thối chuyển của Thế đệ nhất pháp.

Hai mươi thứ tướng như vậy là tướng bất thối chuyển Đại Bồ-đề của Bồ-tát lợi căn trải qua các giai vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp.

### **c.1.2.2 Kiến đạo bất thối chuyển tướng**

#### **(a) Lược nêu**

*Kiến đạo có nhẫn trí*

*Mười sáu sát-na tâm*

*Nên biết đây tức là*

*Bồ-tát bất thối tướng.*

[0061a06] Trong Kiến đạo vị, do nhẫn trí 16 sát-na tâm dẫn ra danh ngôn của thân ngữ thù thắng ở đời sau, nên biết đó là tướng bất thối chuyển Đại Bồ-đề của Bồ-tát an trú Kiến đạo.

#### **(b) Rộng thích**

*Diệt trừ sắc tướng, v.v.*

*Tâm kiên, thối Tiểu thừa*

*Vĩnh tận tận lực, v.v.*

---

<sup>287</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 549, phẩm Bất Thối Tướng, tr. 827a06: "Này Thiện Hiện! Giả sử có ác ma giả hiện bạn thân đi đến chỗ các Đại Bồ-tát Bất thối chuyển, nói như vậy: 'Những gì các ông thực hành là pháp sanh tử, chẳng phải hạnh Bồ-tát. Nay các ông nên tu đạo hết khổ, mau hết các khổ, đặc Bất Niết-bàn.' Lúc đó, ác ma liền nói đạo pháp tương tự đạo sanh tử cho các Bồ-tát và bảo: 'Đây là chơn đạo, ông tu đạo này sớm chấm dứt tất cả sanh, lão, bệnh, tử, được vào Niết-bàn. Thân khổ hiện tại còn nên chán bỏ, hưởng lại cầu thọ thân khổ nơi đời sau. Hãy tự suy nghĩ cẩn thận để bỏ những gì đã tin từ trước.' Khi Đại Bồ-tát nghe người đó nói, tâm không dao động, không nghi ngờ, sợ hãi, mà chỉ suy nghĩ: Người nói lời như vậy chính là ác ma."

*Bao nhiêu các chi phần*  
*Thân tâm khinh lợi tánh*  
*Xảo tiện hành các dục*  
*Thường tu tịnh phạm hạnh*  
*Khéo thanh tịnh chánh mạng*  
*Uẩn, v.v., các lưu nạn*  
*Tư lương và căn, v.v.*  
*Chiến sự, xan lận, v.v.*  
*Gia hành và tùy hành*  
*Phá sở y xứ kia*  
*Mây trần pháp chẳng đắc*  
*An trú trong ba địa*  
*Ở tự địa quyết định*  
*Vì pháp xả thân mạng*  
*Mười sáu sát-na đây*  
*Là trú Kiến đạo vị*  
*Twóng bất thời bậc trí.*

[0061a13] Dựa vào Khổ đế có 4 tướng:

(1) Trú Kiến đạo vị, *Bồ-tát trung căn* trừ bỏ thật chấp phân biệt đối với các pháp thuộc sắc, v.v. [bằng Khổ pháp nhãn].

(2) Tâm Bồ-đề kiên cố tối cực ở hai mặt thế tục và thắng nghĩa [bằng Khổ pháp trí].

(3) Làm cho tâm từ bỏ con đường Tiểu thừa [bằng Khổ loại nhãn].

(4) Tuy đắc [bốn] tĩnh lự và [bốn] đẳng chí Vô sắc nhưng đoạn tận chúng; do cái lực ấy mà Bồ-tát có công năng [tùy ý] thọ sinh [mười phương Tịnh độ] [bằng Khổ loại trí].

Dựa vào Tập đế có 4 tướng:

(5) Thân tâm nhẹ nhàng, đầy đủ hỷ lạc của sự khinh an [bằng Tập pháp nhãn].

(6) Thiện xảo phương tiện, thọ dụng các dục mà không nhiễm trước [bằng Tập pháp trí].

(7) Thường tu Phạm hạnh [bằng Tập loại nhãn].

(8) Đoạn trừ tà mạng, khéo thanh tịnh chánh mạng [bằng Tập loại trí].

Dựa vào Diệt đế có 4 tướng:

(9) Gia hành và tùy gia hành xứ để phá trừ thật chấp về uẩn, xứ và giới [bằng Diệt pháp nhãn].

(10) Gia hành và tùy gia hành xứ để phá trừ thật chấp về các lưu nạn sự<sup>288</sup> [bằng Diệt pháp trí].

(11) Gia hành và tùy gia hành xứ để phá trừ thật chấp về tư lương Bò-đề: bố thí, v.v. [bằng Diệt loại nhãn].

(12) Gia hành và tùy gia hành xứ để phá trừ thật chấp về xóm làng, thành ấp, quốc độ, con người và chiến sự. Xóm làng chỉ cho các căn. Thành ấp chỉ cho y xứ của các căn. Quốc độ chỉ cho các cảnh. Con người chỉ cho các thức. *Thật chấp* là chấp căn, cảnh và thức đều thật hữu. Và [Diệt loại trí] thông đạt thật chấp ấy là Vô ngã trí. Chiến sự là năng trị (: trí) và sở trị (: cảnh).

Dựa vào Đạo đế có 4 tướng:

(13) Gia hành và tùy gia hành xứ để phá trừ thật chấp về xan lận, hủy giới, v.v. [bằng Đạo pháp nhãn].

(14) Ở mặt thắng nghĩa, đạo mà Bò-tát chứng đắc và pháp của quả Bò-đề đều không có mấy vi trần nào có thể thủ đắc [bằng Đạo pháp trí].

---

<sup>288</sup> Các lưu nạn sự: là các ma sự.

(15) Bồ-tát ba địa<sup>289</sup> tự an trú Nhất thiết trí, v.v. dù bị ma phá hoại, nhưng ở địa mình đang an trú thì Bồ-tát quyết định không nghi ngờ [bằng Đạo loại nhãn].

(16) Vì cầu chánh pháp cho Nhất thiết tướng trí, v.v. mà Bồ-tát có thể xả bỏ thân mạng [bằng Đạo loại trí].

Như vậy, 16 sát-na tâm của nhãn và trí nhiếp hết các tướng, tức là an trú bất thối tướng ở Kiến đạo.

### **c.1.2.3 Tu đạo bất thối chuyển tướng**

#### **(a) Rộng thích Đại thừa tu đạo**

*Tu đạo gọi sâu xa*

*Sâu xa vì Không tánh, v.v.*

*Sâu xa là tăng ích*

*Và biên tế tổn giảm.*

*Ở Thuận quyết trạch phần*

*Kiến đạo và Tu đạo*

*Nhiều tư duy, khảo lượng*

*Và quán sát Tu đạo.*

*Vì đây thường tương tục*

*Các phẩm hạ, trung, thượng*

*Do hạ hạ, v.v sai khác*

*Nên có chín thứ tướng.*

*Kinh thuyết vô số sự*

*Thẳng nghĩa chẳng phải vậy*

*Phật gọi là thể tục*

---

<sup>289</sup> Bồ-tát ba địa là Bồ-tát ở Hoan hỷ địa, Ly cấu địa và Phát quang địa.

*Đại bi đấng lưu quả.  
Trong bất khả thuyết tánh  
Không thể có tăng giảm  
Thì được gọi Tu đạo  
Đoạn gì và đắc gì?  
Như nói về Bồ-đề  
Đây biện sự mong muốn  
Tướng Bồ-đề chân như  
Đây và kia làm tướng  
Sơ tâm chứng Bồ-đề  
Phi lý, cũng phi hậu  
Do đạo lý đấng dụ  
Nói nhập pháp tánh sâu.*

[0062a08] (1) Đại thừa Tu đạo thì sâu xa, là vì tuệ giác chứng đắc Không tánh, v.v. Không tánh thì sâu xa, là vì pháp giới thì rời xa hai biên tăng ích và tồn giảm.

(2) Trong Đại thừa Thuận quyết trạch phần, Kiến đạo và Tu đạo, hành tướng của ba trí ở nghĩa ‘sở kiến’ là sự tư duy thường xuyên, lấy lượng<sup>290</sup> đo lường, quán sát tỉ mỉ.

(3) Cho nên Đại thừa Tu đạo đây thường tương tục chuyển. Đại thừa Tu đạo như vậy có 9 phẩm. Ở mặt thắng nghĩa, do là thể tánh của Không tánh cho nên không thể phân biệt. Nhưng ở mặt danh ngôn, có năng thủ sở thủ phân biệt. Sở đoạn là sở tri chướng, có ba phẩm thượng trung hạ, mà mỗi phẩm phân làm ba

---

<sup>290</sup> Lượng là sự hiểu biết rõ ràng, không bị đánh lừa [bởi đối tượng], ở sát-na thứ nhất [mà không có phân biệt]. Đây chỉ cho hiện lượng.

thành 9 phẩm. Cũng vậy, năng đối trị của Tu đạo cũng có 9 phẩm sai biệt: hạ hạ, hạ trung, v.v. Hành tướng của 9 phẩm tương tục mà phát sinh.

(4) Người khác vặn hỏi: “*Vì sao xác quyết Đại thừa Tu đạo có 9 phẩm? Tôi cho là không đúng đạo lý. Đức Phật thuyết trong Kinh Bát-nhã, cả 3 bộ quảng trung lược, rằng là 9 phẩm Tu đạo, mỗi phẩm đều có khả năng dẫn sinh vô số, vô lượng, vô biên quả phước đức.*”

Đáp: “*Kinh nói ‘dẫn sinh vô số, vô lượng, vô biên quả phước đức’, là chẳng dựa vào mặt thắng nghĩa mà nói. Ở mặt danh ngôn, điều ấy không có lỗi ‘không hợp lý’, bởi vì ở mặt thế tục, 9 phẩm Đại thừa Tu đạo chắc chắn dẫn sinh vô số, vô lượng, vô biên quả phước đức, mà không tương vi. Đức Như Lai thừa nhận đó là đấng lưu quả của vô duyên đại bi thông đạt pháp giới.*”

(5) Người khác lại vặn hỏi: “*Tu đạo đã nói có gì để đoạn và có gì để đắc? Tôi cho là ‘vô sở đắc’, vì thắng nghĩa thì chẳng phải hữu tánh. Thắng nghĩa thì không thể nói về tánh chất tu đạo: sở trị đoạn trừ, năng trị tăng trưởng, vì không hợp lý.*”

Đáp: “*Đại thừa Tu đạo, tuy thắng nghĩa không có tăng giảm, nhưng sở trị đoạn trừ, năng trị tăng trưởng, chẳng phải không hợp lý. Thí dụ, trí tuệ Bồ-đề và pháp thân ở mặt thắng nghĩa chẳng phải hữu tánh, nhưng ở mặt danh ngôn có thể thi thiết lợi lạc các sự hữu tình. Như vậy, Đại thừa Tu đạo tuy không có ở mặt thắng nghĩa, nhưng có sở trị đoạn trừ, năng trị tăng trưởng, có thành tựu nghĩa lợi ở mặt danh ngôn. Cả hai sự đoạn và sự đắc không có lỗi ‘pháp dụ bất hợp’, vì ở trong danh ngôn hai sự ấy và sự lợi ích hữu tình cũng tương đồng. Trí tuệ Bồ-đề và pháp thân lấy chân như làm tánh, Tu đạo cũng lấy chân như làm tánh.*”

(6) Người khác lại vặn hỏi: “*Đại thừa Tu đạo nhiếp lấy hai thứ phát tâm*<sup>291</sup>, phải không thể phát sinh quả Đại Bồ-đề, bởi vì các sát-na trước trước (quá khứ tương tục) đều không thể sinh, các sát-na trước sau (hiện tại tương tục) đồng thời cũng không thể sinh, các sát-na sau sau (vị lai tương tục) cũng không thể sinh.”

Đáp: “*Y theo tiệm thứ của Đại thừa phát tâm mà khởi sát-na trước sau, không có lỗi ‘không thể sinh Đại Bồ-đề’.* Thí dụ như đèn, nến y theo tiệm thứ khởi sát-na trước sau để cho tim bốc bụi tàn hết. Cũng vậy, Đại thừa phát tâm trước sau tiệm khởi vô lượng sát-na để có thể dẫn sinh quả Đại Bồ-đề, và có thể hiểu rõ 8 thứ pháp tánh sâu xa.”

## **(b) Bất thối chuyển tướng**

*Sinh diệt và chân như*

*Sở tri và năng tri*

*Chánh hành và không hai*

*Thiện xảo đều sâu xa.*

[0063a06] Bồ-tát ở địa thứ tám thông đạt 8 thứ sâu xa, đó là:

(1) Đối tượng phát tâm chẳng phải chỉ lấy sát-na trước sau mà sinh Bồ-đề, cũng chẳng phải tự thể của hai sát-na theo một sát-na mà có thể sinh. Nhưng biết ở mặt danh ngôn, do tu tập và sở chứng thù thắng, hỗ tương quán đãi mà sinh, gọi là *thông đạt sinh sâu xa*.

(2) Lại nữa, các pháp đã sinh đều là thắng nghĩa vô tự tánh, vô diệt, nhưng ở mặt danh ngôn có diệt cũng không tương vi, gọi là *thông đạt diệt sâu xa*.

---

<sup>291</sup> Bồ tát sơ phát tâm kiên cố lược có hai thứ phát tâm thắng lợi: 1. Sơ phát tâm bồ-đề rồi, Bồ-tát là phước điền mà tất cả chúng sinh đều tôn trọng, tất cả chúng sinh đều nên cúng dường, cũng làm cha mẹ của tất cả chúng sinh. 2. Sơ phát tâm bồ-đề rồi, Bồ-tát có thể nhiếp thọ cái phước không nào hại.

(3) Lại nữa, ở Hữu học vị, đầu hằng tu chân như, nhưng phi thời không nên tác chứng, gọi là *thông đạt chân như sâu xa*.

(4) Lại nữa, ở mặt tự tánh chân như, tuy thắng nghĩa vô tự tánh, nhưng nơi tất cả pháp có thể tùy tu bố thí, v.v., gọi là *thông đạt sở tri sâu xa*.

(5) Lại nữa, chân như nơi tất cả pháp làm tánh, tuy ở thắng nghĩa hoàn toàn không thấy thì làm sao thấy chân thật, gọi là *thông đạt năng tri sâu xa*.

(6) Lại nữa, chân Không pháp tánh ở tất cả pháp hoàn toàn không thể hành, mà là hành *chân thật nghĩa*, gọi là *hành sâu xa*.

(7) Lại nữa, ở mặt thắng nghĩa không có hai tánh mà tu tất cả đạo, gọi là *không hai sâu xa*.

(8) Lại nữa, ở mặt thắng nghĩa, viên mãn tất cả tư lương mà không đắc quả Phật, gọi là *thông đạt phương tiện thiện xảo sâu xa*.

## **c.2 Dẫn phát thù thắng đạo của ba thân**

### **c.2.1 Nhân tố của Pháp thân : Sinh tử Niết-bàn bình đẳng gia hành**

[0063a15] Do hiện chứng sinh tử Niết-bàn được nhiếp trì bởi tuệ giác chân Không, cho nên ở giai đoạn hậu đắc, đoạn tận hết hiện hành thật chấp của tịnh địa Du-già, tức là tướng *sinh tử Niết-bàn bình đẳng gia hành*. Giới hạn chỉ ở ba thanh tịnh địa<sup>292</sup>.

*Chư pháp đồng chiêm bao*

*Không phân biệt hữu tịch*

*Vô nghiệp, v.v. vẫn nạn*

---

<sup>292</sup> Ba thanh tịnh địa là 3 địa Bồ-tát: địa thứ tám, địa thứ chín và địa thứ mười.



### ***Như Kinh đã đáp hết.***

(1) Căn bản trí của địa thứ tám, (i) là sinh tử (: hữu) Niết-bàn (: tịch) bình đẳng gia hành, do ở mặt thắng nghĩa, không phân biệt sinh tử và Niết-bàn là dị tánh; (ii) là *tịnh địa trí* hiện chứng sinh tử và Niết-bàn là chân Không, bởi vì thông đạt sở trị sinh tử và năng trị tịnh pháp đều là thắng nghĩa vô tự tánh; danh ngôn và huyền ảnh thấy đồng chiêm bao.

(2) Người khác chất vấn: “*Nếu vậy nên thiết lập ‘không nghiệp quả’, vì tất cả pháp đều là thắng nghĩa vô tự tánh.*”

Đáp: “*Câu hỏi không xác định. Những đáp nạn này trong Kinh đã nói hết, để chấm dứt tranh cãi.*”<sup>293</sup>

### **c.2.2 Nhân tố của Thọ dụng thân : Nghiêm tịnh Phật độ gia hành**

Khiến tương lai thành Phật, thành tựu quốc độ thù thắng bằng các thiện căn: đại nguyện, v.v., mạnh mẽ hữu lực của tịnh địa Du-già, tức gia hành nghiêm tịnh Phật độ. Giới hạn chỉ ở ba thanh tịnh địa.

### ***Như hữu tình thế gian***

### ***Khí thể chưa thanh tịnh***

---

<sup>293</sup> Câu hỏi không xác định, cần trả lời bằng phân biệt đáp. Đức Phật dùng 4 thứ ký luận hay 4 thứ vấn ký vì chúng sanh thuyết pháp: Nhất hướng là đáp thẳng, phân biệt là đáp rành rẽ, cật vấn là đáp bằng cách vấn nạn lại và chỉ luận là đáp bằng cách gác lại. Tạp A tỳ đàm tâm luận, quyển 1: “1. Nhất hướng ký luận: Có người hỏi, có phải tất cả chúng sanh, ai rồi cũng phải chết? Nên trả lời một hướng, tất cả chúng sanh, ai rồi cũng phải chết; 2. Phân biệt ký luận: có người hỏi, tất cả đều sẽ chết, chết rồi sanh lại không? Nên trả lời bằng sự phân biệt, nếu người có phiền não thì chết rồi lại sanh, người không còn phiền não thì chết rồi không sanh nữa; 3. Cật vấn ký luận: có người hỏi, con người là thù thắng chăng? Trả lời bằng cách hỏi lại, ông từ cõi nào đến đây, nếu người ấy nói, từ cõi trời đến, thì trả lời con người là xấu kém, nếu người ấy nói, từ nẻo ác đến đây, thì trả lời con người là thù thắng; 4. Chỉ ký luận: có người hỏi, âm và chúng sanh là dị hay đồng, nên gác lại câu trả lời, vì câu hỏi không thích ứng; giống như câu hỏi, đứa con của thạch nữ có khéo cung kính chăng? Thạch nữ không có con nên không thể trả lời là khéo cung kính hay không khéo cung kính được. Như vậy, có âm thì có chúng sanh sanh, làm sao có đồng hay dị, vì không thích ứng nên không trả lời.”

***Tu trị khiến thanh tịnh***  
***Tức nghiêm tịnh Phật độ.***

Bồ-tát địa thứ tám thành tựu gia hành nghiêm tịnh Phật độ bằng cách nương cái lực thiện căn thành thực. Do hữu tình thể gia và khí thể gian sai khác được nghiêm tịnh, Phật độ cũng phân hai thứ:

Như hữu tình thể gian có họa đói khát, v.v., sự nghiêm tịnh có khả năng tu trị: cõi trời thọ dụng [đủ thứ thượng diệu lạc cụ], v.v.

Như khí thể gian có họa đất đá, gai góc, v.v., sự nghiêm tịnh có khả năng tu trị: vàng ròng làm đất, v.v.

Chứng đắc như vậy gia hành nghiêm tịnh Phật độ.

**c.2.2 Nhân tố của Hóa thân : Thiện xảo phương tiện gia hành**

Tịch tĩnh là nói về công dụng và sự nghiệp nhậm vận chuyển của tịnh địa Du-già, tức là tướng của phương tiện thiện xảo. Giới hạn là chỉ ở ba thanh tịnh địa.

***Cảnh và gia hành này***  
***Vượt qua các ma oán***  
***Vô trú, như nguyện lực***  
***Và bất cộng hành tướng***  
***Vô trước, vô sở đắc***  
***Vô tướng, tận chư nguyện***  
***Tướng trạng và vô lượng***  
***Mười phương tiện thiện xảo.***

Tâm cảnh hòa hợp, có 10 thứ phương tiện thiện xảo gia hành, đó là:

- (1) Phương tiện thiện xảo gia hành vượt qua bốn ma.
- (2) Phương tiện thiện xảo gia hành vô trú, là tuy tu Không tánh mà không chứng thật tế.
- (3) Phương tiện thiện xảo gia hành nguyện lực xa xưa dẫn phát lợi tha.
- (4) Phương tiện thiện xảo gia hành bất cộng Nhị thừa.
- (5) Phương tiện thiện xảo gia hành không có chấp trước tất cả pháp là thật hữu.
- (6) Phương tiện thiện xảo gia hành trải qua vô lượng kiếp tu Không giải thoát môn.
- (7) Phương tiện thiện xảo gia hành trải qua vô lượng kiếp tu Vô tướng giải thoát môn.
- (8) Phương tiện thiện xảo gia hành trải qua vô lượng kiếp tu Vô nguyện giải thoát môn.
- (9) Phương tiện thiện xảo gia hành khéo thị hiện tướng trạng bất thối chuyển.
- (10) Vô lượng gia hành thiện xảo năm minh xứ, trải qua vô lượng kiếp tu chân thật nghĩa.

Ở đây, thể tánh của bốn ma là:

- (a) Ngũ ấm ma: ngũ thủ uẩn.
- (b) Phiền não ma: tất cả phiền não trong Tam giới.
- (c) Tử ma: không tự tại mà mạng sống chấm dứt.
- (d) Thiên ma: chướng ngại tu thiện bởi thiên chúng Tha hóa tự tại.

Hàng Tiêu thừa chứng đắc Kiến đạo vị:

(a) Đã hoạch đắc và chứng tín đối với Tam bảo, tức hàng phục thô phân *thiên ma*.

(b) Khi chứng đắc hữu dư y Niết-bàn, vĩnh đoạn tất cả phiền não, tức hàng phục *phiền não ma*.

(c) Nếu bậc A-la-hán chứng Câu giải thoát<sup>294</sup>, đắc tâm tự tại, thì có khả năng kéo dài thọ hành (: năng lực sinh tồn), tức hàng phục tử ma.

(d) Khi chứng đắc Vô dư y Niết-bàn, tận diệt hoặc nghiệp mà chiêu cảm thủ uẩn hữu lậu, tức hàng phục thô phần *ngũ ám ma*.

Hàng Đại thừa chứng đắc bất thối chuyển tương:

(a) Đã hoạch đắc và chứng tín đối với Tam bảo, tức hàng phục thô phần *thiên ma*. (b)(c)(d) Đã đắc địa thứ tám, được tự tại đối với Vô phân biệt trí, tức hàng phục thô phần ba loại ma còn lại.

Bốn ma vi tế là:

(a) Ý sinh thân sinh khởi nhờ vô minh tập khí địa và vô lậu nghiệp, tức ám ma vi tế.

(b) Vô minh tập khí địa, tức phiền não ma vi tế.

(c) Sinh tử biến hóa bất khả tư nghị, tức tử ma vi tế.

(d) Khi muốn vượt thoát ba loại ma trên thì có pháp làm chướng ngại, tức thiên ma vi tế.

Hàng phục bốn ma vi tế chính là công đức của pháp thân. Hàng phục bốn ma vi tế đồng thời với sự thành Phật.

---

<sup>294</sup> Nhị giải thoát: Tuệ giải thoát và Câu giải thoát. 1. Tuệ giải thoát: Người có khả năng dùng trí tuệ để xa lìa tất cả phiền não chướng, nhưng chưa được định Diệt tận, tức dùng sức trí tuệ diệt trừ phiền não mà được giải thoát. 2. Câu giải thoát: Dùng trí tuệ kết hợp với năng lực của định Diệt tận mà được giải thoát. [X. luận Câu xá Q.25]

## Phẩm Sáu: Đánh Hiện Quán

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, từ quyển 452 - phẩm Tăng Thượng Mạn thứ 61, đến quyển 465 - phẩm Biến Học thứ 72)

[0065a07] Tổng tu ba trí, là viên mãn cái tuệ được nhiếp bởi Đại thừa Tu lương đạo của Bồ-tát Du-già, tức Đánh gia hành tướng. Giới hạn từ Đại thừa Gia hành đạo Noãn vị, cho đến tối hậu tâm của địa thứ mười.

### 1.2 Tự tại quả: Đánh gia hành

#### 1.2.1 Gia hành đạo Đánh gia hành

##### 1.2.1.1 Noãn Đánh gia hành

Mười hai thứ Đánh gia hành tướng, tùy đặc một tướng của Đại thừa Thuận quyết trạch phần thứ nhất, tức Noãn Đánh gia hành tướng. Giới hạn chỉ ở Đại thừa Gia hành đạo Noãn vị.

*Mộng cũng ở các pháp*

*Quán biết như cảnh mộng, v.v.*

*Là gia hành Chí đảnh*

*Hết thấy mười hai tướng.*

[0065a09] Kinh Đại Bát-nhã nói, bậc đặc Noãn vị Đánh gia hành tuy ở trong giấc mộng cũng có thể quán tất cả các pháp đều như cảnh trong mộng, v.v., có 12 thứ tướng, đó là:

(1) Bồ-tát lợi căn trú Gia hành đạo Noãn vị, khi thức dậy, do duyên với tánh chân Không mà huân tu tỳ-bát-xá-na, nên ở trong giấc mộng cũng có khả năng quán tất cả pháp đều như cảnh mộng.<sup>295</sup>

(2) Lại nữa, khi thức dậy, do tu nhiều cái lực của Bồ-đề tâm<sup>296</sup>, nên ở trong giấc mộng cũng có khả năng không sinh tâm ưa thích Tiểu thừa đạo.

(3) Lại nữa, khi thức dậy, không rời cái thấy về cái lực thành thực thiện căn của Phật, nên ở trong giấc mộng cũng có khả năng thấy Đức Như Lai thuyết pháp cho trăm ngàn thiên chúng vây quanh.<sup>297</sup>

(4) Lại nữa, ở trong giấc mộng cũng thấy Đức Phật ngự trên hư không, thị hiện thần thông thuyết pháp.<sup>298</sup>

(5) Lại nữa, ở trong giấc mộng cũng có thể vì vô biên chúng sinh mà phát tâm thuyết pháp rằng, “*Khi tỉnh dậy tôi sẽ thuyết, ‘tất cả pháp đều như cảnh mộng’.*”<sup>299</sup>

---

<sup>295</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836a20: “Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát cho đến trong giấc mộng cũng chẳng ưa thích các pháp trong ba cõi, cũng chẳng khen ngợi tất cả pháp của địa vị Thanh văn, Độc giác. Tuy quán các pháp như những gì thấy trong giấc mộng nhưng đối với Niết-bàn không thủ, không chứng, thì nên biết đây là tướng các Bồ-tát ở địa vị Bất thối chuyển.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>296</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 571, phẩm Vô sở đắc, tr. 950b24: “Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sẽ được cái lực của Bồ-đề tâm nên đoạn trừ được ngã kiến.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>297</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836a24: “Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát trong giấc mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ngồi tòa Sư tử và thuyết pháp cho vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức chúng Bí-sô đang cung kính vây quanh, hoặc thấy tự thân có việc như vậy thì nên biết đây là tướng các Bồ-tát ở địa vị Bất thối chuyển.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>298</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836a27: “Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát trong giấc mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác với đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, có hào quang chiếu sáng rực rỡ bao chung quanh xa một tầm, cùng vô lượng chúng phóng lên giữa hư không, thị hiện các đại thần thông để giảng thuyết chánh pháp và hóa ra các vị hóa sĩ, bảo đi đến vô biên cõi Phật ở phương khác để thị hành các Phật sự, hoặc thấy tự thân có việc như vậy thì nên biết đây là tướng các Bồ-tát ở địa vị Bất thối chuyển.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>299</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836b03: “Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc các Bồ-tát trong giấc mộng thấy kẻ giặc dữ phá hoại thành ấp, hoặc thấy lửa cháy bùng lên thiêu đốt xóm làng, hoặc thấy sư tử, cọp, sói, thú dữ, rắn độc, bò cạp... muốn đến hại thân, hoặc thấy oan gia muốn chém đầu mình, hoặc thấy cha mẹ, vợ con, thân tộc sắp chết, hoặc thấy chính mình có các việc khổ sắp ép ngặt. Tuy thấy nhiều việc khủng bố đáng sợ như vậy, nhưng không kinh hãi, cũng không lo buồn. Từ giấc mộng thức dậy liền tư duy ba cõi chẳng chon thật, tất cả đều như chiêm bao. Khi ta đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề sẽ thuyết pháp cho các hữu tình biết: ba cõi đều hư vọng, như chiêm bao, thì nên biết đây là tướng các Bồ-tát ở địa vị Bất thối chuyển.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

(6) Lại nữa, dù tỉnh hay mộng, nếu thấy các hữu tình ở cảnh giới địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều có thể phát nguyện rằng, “*Nguyện khi tôi thành Phật, quốc độ của tôi hoàn toàn không có cái tên ba nẻo đường dữ [huống là có ba nẻo đường dữ], tùy niệm mà rời xa đường dữ.*”<sup>300</sup>

(7) Lại nữa, dù tỉnh hay mộng, nếu thấy thiêu đốt xóm làng, thành ấp, liền phát lời chắc thật và gia trì khiến ngưng dứt.<sup>301</sup>

(8) Nếu thấy người khác bị được xoa hay phi nhân mê hoặc, liền phát lời chắc thật khiến không còn chướng hại.<sup>302</sup>

---

<sup>300</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836b12: “Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc các Bồ-tát cho đến trong giấc mộng thấy có các loại hữu tình ở cảnh giới địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, liền nghĩ: Ta phải siêng năng tu tập các hạnh của Đại Bồ-tát để mau thăng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ở trong quốc độ của ta không có tên của những cảnh giới như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Từ giấc mộng thức dậy cũng nghĩ như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>301</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836b18: “Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát trong giấc mộng thấy lửa thiêu đốt các loài hữu tình trong địa ngục v.v... hoặc lại thấy thiêu đốt xóm làng, thành ấp, liền phát thệ nguyện: Nếu ta đã được thọ ký Bất thối chuyển, sẽ chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì nguyện lửa dữ này lập tức tắt ngay và biến thành mát mẻ. Nếu Bồ-tát này phát nguyện như vậy xong, trong giấc mộng thấy lửa ấy liền tắt, thì nên biết đây là Bồ-tát đã được thọ ký thành Bất thối chuyển. Nếu Bồ-tát này phát nguyện như vậy xong, mà trong giấc mộng thấy lửa không tắt ngay thì nên biết đây là Bồ-tát chưa được thọ ký thành Bất thối chuyển. Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát khi thức dậy, ngay khi đó thấy lửa dữ cháy bùng lên thiêu đốt các thành ấp, hoặc thiêu đốt xóm làng, liền nghĩ: Ta trong giấc mộng và ngay khi thức dậy, từng thấy tự thân có tướng các hành trạng của địa vị Bất thối chuyển nhưng chưa rõ thật hư, nếu điều ta thấy là thật có, thì nguyện lửa dữ này lập tức tắt ngay và biến thành mát mẻ.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>302</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 551, phẩm Giác ma sự, tr. 836c19: “Phật bảo Thiện Hiện: - Nếu các Bồ-tát thấy có nam tử, nữ nhơn, hoặc có đồng nam đồng nữ đang bị phi nhơn làm mê hoặc, chịu các khổ não chẳng thể xa lìa, liền nghĩ: Nếu các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết ta đã được ý muốn thanh tịnh, thì thọ ký cho ta không thối lui nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu ta từ lâu phát ý muốn thanh tịnh cầu chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì xa lìa ý nghĩ thành Thanh văn, Độc giác, chẳng đem ý nghĩ Thanh văn, Độc giác cầu chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu ta đời sau chắc chắn đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì luôn làm lợi ích an vui cho tất cả loài hữu tình cùng tận đời vị lai. Nếu các cõi trong mười phương hiện tại thật có vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác thuyết giáo pháp chơn chánh lợi ích hữu tình, các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác kia thấy biết tất cả, hiểu rõ và chứng đắc tất cả, với tri kiến hiện có, các Ngài biết ý muốn sai biệt của tất cả hữu tình thì nguyện xin các Ngài dù lòng từ bi chiếu soi những điều con đã nghĩ và chân thật chí thành thưa: 'Nếu con chính thật có thể tu hạnh Bồ-tát, chắc chắn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cứu giúp dứt trừ hẳn khổ sanh tử cho hữu tình thì nguyện nam tử, nữ nhơn này, hoặc đồng nam, đồng nữ này, không bị phi nhơn làm rối loạn, và phi nhơn vâng theo lời con nói, lập tức bỏ đi.' Các Bồ-tát này khi nói lời như vậy, nếu phi nhơn kia không đi thì nên biết đó là Bồ-tát chưa được thọ ký thành Bất thối chuyển. Nếu phi nhơn ngay khi đó bỏ đi thì nên biết đó là Bồ-tát đã được thọ ký Bất thối chuyển.” “Phật bảo Thiện Hiện: - Nếu các Bồ-tát thấy có nam tử, nữ nhơn, hoặc có đồng nam đồng nữ đang bị phi nhơn làm mê hoặc, chịu các khổ não chẳng thể xa lìa, liền nghĩ: Nếu các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết ta đã được ý muốn thanh tịnh, thì thọ ký cho ta không thối lui nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu ta từ lâu phát ý muốn thanh tịnh cầu chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì xa lìa ý nghĩ thành Thanh văn, Độc giác, chẳng đem ý nghĩ Thanh văn, Độc giác cầu chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu ta đời sau chắc chắn đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì luôn làm lợi ích an vui cho tất cả loài hữu tình cùng tận đời vị lai. Nếu các cõi trong mười phương hiện tại thật có vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác thuyết giáo pháp chơn chánh lợi ích hữu tình, các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác kia thấy biết tất cả, hiểu

(9) Lại nữa, do Bồ-tát đủ thần thông lực nên có khả năng thân cận và che lấp ma nghiệp cho bậc thiện tri thức.

(10) Lại nữa, Nhất thiết chủng [trí] là vì lợi tha, nên Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

(11) Lại nữa, Bồ-tát không còn chấp trước ‘tất cả pháp là thật hữu’.

(12) Lại nữa, Bồ-tát đến gần Bồ-đề của Phật.

### 1.2.1.2 Đảnh Đảnh gia hành

[0065a18] So phước đức của hữu tình trong ba ngàn thế giới, thì phước đức của 16 tăng trưởng: cúng dường chư Phật, v.v. còn nhiều hơn. Chứng đắc những tăng trưởng này là Đại thừa Thuận quyết trách phần thứ hai, và đó là hành tướng của Đảnh vị Đảnh gia hành. Giới hạn chỉ ở Đại thừa Gia hành đạo Đảnh vị.

*Hết hữu tình Thiệm bộ*

*Thiện căn cúng dường Phật*

*Nhiều điều thiện làm dụ*

*Nói mười sáu tăng trưởng.*

An trú Đảnh vị Đảnh gia hành của Bồ-tát trí. Ở đây lấy chúng sinh trong Thiệm bộ châu cho đến hữu tình trong ba ngàn đại thiên thế giới làm thí dụ, và lấy sự cúng dường chư Phật có được thiện căn, v.v. rất nhiều [thiện pháp] làm thí dụ

---

rõ và chứng đắc tất cả, với tri kiến hiện có, các Ngài biết ý muốn sai biệt của tất cả hữu tình thì nguyện xin các Ngài dù lòng từ bi chiếu soi những điều con đã nghĩ và chân thật chí thành thưa: 'Nếu con chính thật có thể tu hạnh Bồ-tát, chắc chắn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cứu giúp dứt trừ hẳn khổ sanh tử cho hữu tình thì nguyện nam tử, nữ nơn này, hoặc đồng nam, đồng nữ này, không bị phi nơn làm rối loạn, và phi nơn vâng theo lời con nói, lập tức bỏ đi.' Các Bồ-tát này khi nói lời như vậy, nếu phi nơn kia không đi thì nên biết đó là Bồ-tát chưa được thọ ký thành Bất thối chuyển. Nếu phi nơn ngay khi đó bỏ đi thì nên biết đó là Bồ-tát đã được thọ ký Bất thối chuyển." (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



để so sánh. Phước này so với phước kia thì hơn rất nhiều, vì lấy 16 tăng trưởng làm tự thể.

Phước đức 16 tăng trưởng là:

(1) Phước đức của các hữu tình loại trong Thiệm bộ châu, cho đến trong ba ngàn đại thiên thế giới, so sánh với phước đức đem hương hoa, v.v. cúng dường chư Như Lai, thì phước đức sau rất là tăng trưởng.

(2) Thành tựu tư duy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, so với phước đức trước rất là siêu thắng.

(3) Chứng đắc *vô sinh pháp nhẫn*, so phước đức trước rất là siêu thắng.

(4) Do sức Đánh gia hành mà hiểu rõ ‘các pháp năng chứng và sở chứng đều vô sở đắc ở mặt thắng nghĩa’, so phước đức trước rất là siêu thắng.

(5) So sánh tất cả chúng sinh trong Thiệm bộ châu đều thực hành mười điều thiện, thì việc đắc bốn tĩnh lực, bốn Vô sắc định rất là siêu thắng.

(6) Lại nữa, do cái lực của sự chứng đắc Đánh gia hành mà chư thiên chúng đều đi đến trú xứ của mình.

(7) Lại nữa, do cái lực của Đánh gia hành, hiểu rõ tất cả các ma.

(8) Cung kính các Bồ-tát khác, xem đồng Đại sư.<sup>303</sup>

(9) Đối với Nhất thiết chủng, hai thứ tư lương: tuệ học thanh tịnh và phương tiện thiện xảo.

(10) Lại nữa, do cái lực của Đánh gia hành, đắc chủng tánh Phật.

(11) Hoạch đắc sự phát tâm thù thắng, v.v., có được nhân tố của Phật quả.

(12) Lại nữa, do cái lực của Đánh gia hành, không sinh tâm về sở trị phẩm của sáu độ.<sup>304</sup>

---

<sup>303</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 564, phẩm Tu học, tr. 913b19: “Nếu các Bồ-tát cùng thiện nam tử v.v... trụ Bồ-tát thừa cùng ở chung thì nên xem nhau như bậc Đại sư, cung kính, tôn trọng, vâng lời. Lại nghĩ: Chúng Bồ-tát kia là bạn lành chơn tịnh của chúng ta, đồng ngồi một thuyền, đồng đi một đường, đồng đến một chỗ, đồng một sự nghiệp, cùng học một thời gian, cùng học một nơi chốn và học một giáo pháp. Nếu học như thế thì không khác nhau.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

- (13) Chẳng ở nơi sắc, v.v. khởi tâm chấp trước thật hữu.
- (14) Liều tri ‘Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa’ nhiếp hết các ba-la-mật-đa.<sup>305</sup>
- (15) Hoạch đắc viên mãn trí đức của ba thừa.
- (16) Do cái lực của Đảnh gia hành, Bồ-tát đến gần Đại Bồ-đề.<sup>306</sup>

### 1.2.1.3 Nhẫn Đảnh gia hành

[0066a12] Hoạch đắc ba trí tùy thuận tuệ và tâm bất hoại kiên ổn đối với việc lợi tha, là Đại thừa Thuận quyết trạch phần thứ ba, và đó là hành tướng của Nhẫn vị Đảnh gia hành. Giới hạn ở Đại thừa Gia hành đạo Nhẫn vị.

*Do ba trí các pháp*

*Viên mãn tối vô thượng*

*Không bỏ lợi hữu tình*

*Gọi đó là kiên ổn.*

<sup>304</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 564, phẩm Trùng thiện căn, tr. 913c15: “Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát tu học phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế thì không phát sanh tâm tương ưng với nhu nhược, không phát sanh tâm tương ưng với keo kiệt, phạm giới, sân giận, lười biếng, tán loạn, ác tuệ, do dự.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>305</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 564, phẩm Trùng thiện căn, tr. 913c18: “Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát tu học phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì có thể bao gồm tất cả Ba-la-mật-đa. Ví như thân kiến có thể bao gồm đầy đủ sáu mươi hai kiến. Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế bao gồm tất cả Ba-la-mật-đa. Giống như mạng căn có thể bao gồm khắp tất cả các căn khác, khi mạng căn diệt thì các căn cũng diệt theo. Cũng như thế, Bát-nhã ba-la-mật-đa bao gồm tất cả Ba-la-mật-đa, nếu mất Bát-nhã ba-la-mật-đa thì mất tất cả Ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có thể giữ gìn tất cả pháp lành thù thắng, có thể diệt trừ tất cả pháp ác bất thiện. Thế nên, này Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát muốn giữ gìn tất cả Ba-la-mật-đa thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát có thể tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì thành tối tôn tối thắng đối với các hữu tình.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>306</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 564, phẩm Trùng thiện căn, tr. 914a28: “Thiện Hiện nên biết: Nếu các Bồ-tát nghĩ như vậy: Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ta nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nên có thể phát sanh trí nhất thiết trí, thì các Bồ-tát này chẳng phải hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng thấy, chẳng biết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát chẳng nghĩ: Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ta nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nên mới có thể phát sanh trí nhất thiết trí, thì các Bồ-tát này chính là người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có thể biết, có thể thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng thấy, nghe, hiểu biết các pháp và cũng chẳng phân biệt đề tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.”

Đại thừa Gia hành đạo Nhẫn vị chính là thành tựu *trí đức tự lợi* bao gồm sự phát tâm viên mãn, v.v., là biểu thị diệu tuệ vô thượng (: Bát-nhã) bằng *ba trí, chủng loại trí đức*, và thành tựu *trí đức lợi tha* ngang qua *phương tiện kiên ổn*: ‘không bỏ lợi ích hữu tình’. Trong Kinh gọi đó là Gia hành đạo kiên ổn.

#### 1.2.1.4 Thế đệ nhất pháp Đảnh gia hành

[0066a17] Thế đệ nhất pháp có công năng thành thực, trực tiếp sinh khởi Đại thừa Kiến đạo. Bò-tát tu tập vô biên tam-ma-địa, chứng đắc *tâm biến trú* của Đại thừa Thuận quyết trạch phân thứ tư, và đó là hành tướng của Thế đệ nhất pháp Đảnh gia hành. Giới hạn ở Đại thừa Gia hành đạo Thế đệ nhất pháp.

*Bốn châu và tiểu thiên*

*Trung, đại thiên làm dụ*

*Đem vô lượng phước đức*

*Tuyên thuyết tam-ma-địa.*

Trí của Đại thừa Thế đệ nhất pháp lấy số lượng vi trần có trong bốn châu, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới và đại thiên thế giới, và dùng các thủy trần<sup>307</sup> đếm biết số lượng nhỏ giọt có thể biết được mà làm thí dụ. Nếu tùy hỷ thiện căn của bốn giai vị Bò-tát thì phước tùy hỷ ấy rất nhiều. Trong Kinh lấy đây để biểu thị, tuyên thuyết tam-ma-địa của Thế đệ nhất pháp Đảnh gia hành.

<sup>307</sup> Luận Câu-xá, quyển 12, tr. 62b01: “Bắt đầu từ cực vi cứ lần lượt tăng gấp bảy lần cho đến đốt tay (chỉ tiết) là cuối cùng. Như vậy, ta có 7 cực vi bằng 1 vi trần (añu-*raja*), 7 vi trần bằng 1 kim trần (*loharajas*), 7 kim trần bằng 1 thủy trần (*abrajas*), 7 thủy trần bằng 1 thổ mao trần (*śāsarajas akarajas*), 7 thổ mao trần bằng 1 dương mao trần (*avirajas*), 7 dương mao trần bằng 1 ngưu mao trần (*gorajas*), 7 ngưu mao trần bằng 1 khích du trần (*chidrarajas*), 7 khích du trần bằng 1 cái trứng rận (*likā*), 7 cái trứng rận bằng 1 con chấy (*yūka*), 7 con chấy bằng 1 hạt lúa (*yava*), 7 hạt lúa bằng một đốt tay (*anguliparvans*).”

Bốn giai vị Bò-tát là: (a) Sơ địa, (b) địa thứ hai đến địa thứ bảy, (c) địa thứ tám [, thứ chín] (d) địa thứ mười. Bò-tát tùy hỷ thiện căn của bốn giai vị Bò-tát để an trú Gia hành đạo Thế đệ nhất pháp.

Như vậy, viên mãn sáu độ thì nhiếp hết tất cả hiện quán chủng loại, các tam-ma-địa thù thắng của Thế đệ nhất pháp Đảnh gia hành, và đó là Tâm biến trú Đảnh gia hành.

## **1.2.2 Kiến đạo Đảnh gia hành**

Trú năng trị chủng loại đối với Kiến sở đoạn phân biệt chủng tử, đó là Đại thừa tùy hiện quán. Giới hạn chỉ ở Đại thừa Kiến đạo.

### **1.2.2.1 Sở trị phân biệt**

#### **(a) Lược nêu**

##### **i. Sở thủ phân biệt**

*Chuyển thú và thối hoàn*

*Sở thủ phân biệt ấy*

*Nên biết mỗi có chín*

*Chẳng cảnh tánh như nó.*

Đại thừa Kiến sở đoạn, đối với sự chuyển thú và sự thối hoàn mà chấp là thật hữu, đó là sở thủ phân biệt. Mỗi sở thủ phân biệt có 9 thứ. Nên biết, 9 sở thủ phân biệt kia chẳng phải bản chất đối cảnh như nó đang là, mà chỉ là những vọng khởi chấp trước. Đó là ý thức thác loạn đối với cảnh sở trước.

##### **ii. Năng thủ phân biệt**

*Dị sinh và Thánh khác*

*Phân hữu tình: thật giả*

*Là năng thủ phân biệt*

*Mỗi bên có chín tánh.*

*Nếu sở thủ chân như*

*Sở chấp là tánh gì?*

*Như vậy chấp trước ấy*

*Tự tánh Không làm tướng.*

[0067a08] Đại thừa Kiến sở đoạn, năng thủ phân biệt cũng có 2 thứ: do phân biệt dị sinh<sup>308</sup> mà chấp là *hữu tình thật hữu*, và do phân biệt các bậc Thánh khác nhau<sup>309</sup> mà chấp là *sĩ phu giả hữu*. Cả hai chấp này đều có điểm chung là chấp thật sự có người thọ dụng. Nên biết, mỗi chấp trước có 9 thứ, vì có 9 thứ cảnh.

Các phân biệt này đều là thác loạn, vì không nắm bắt được thật tánh của cảnh. Ở mặt chân như, những sở thủ phân biệt ấy là không thật có. Với những chấp trước ấy, cái gì là bản chất của cảnh? Tất cả phân biệt thác loạn đều không phải bản chất của cảnh. Như vậy, những chấp trước ấy đều lấy Không tánh làm tướng.

## **(b) Rộng thích**

### **i. Sở thủ phân biệt**

---

<sup>308</sup> Dị sinh 異生: Phạm: prthag-jana. Âm Hán: Tát lật thác khát na 必栗託佗那. Gọi đủ: Bà la tát lật thác khát na (婆羅必栗託佗那, Phạm: bālaprthagjana) Hán dịch: Ngu dị sinh. Các nhà dịch cũ dịch là phạm phu, các nhà dịch mới dịch là dị sinh. Phạm phu sống chết vòng quanh trong sáu đường, chịu các quả báo khác nhau. Lại nữa, phạm phu khởi biến dị mà sinh tà kiến tạo ác, cho nên gọi là Dị sinh. Cứ theo luận Đại tỷ bà sa, quyển 45 nói, thì dị sinh nghĩa là khởi lên cái thấy khác loại, phiền não khác loại, tạo các nghiệp khác loại, chịu quả báo khác loại, sinh vào các loài khác nhau. Thành duy thức luận thuật ký, quyển 2, phần đầu thì cho rằng dị có hai nghĩa: 1. Biệt dị, nghĩa là bậc Thánh chỉ sinh trong cõi người, cõi trời, còn dị sinh thì sinh khắp cả năm đường. 2. Biến dị, nghĩa là dị sinh biến chuyển sinh ra tà kiến v.v... Sinh là sinh loại, vì sinh loại khác với bậc Thánh nên gọi Dị sinh. [X. Đại nhật kinh số Q.1; Huyền ứng âm nghĩa Q.24, Q.25].

<sup>309</sup> Các bậc Thánh khác nhau là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và Như Lai.

## i.1 Chuyển thú sở thú phân biệt

*Tự tánh và chủng tánh*

*Chánh tu hành, các đạo*

*Trí sở duyên không loạn*

*Sở tri phẩm năng tri.*

*Tự nội chứng, tác dụng*

*Nghiệp ấy, tạo tác quả*

*Đó là chuyển thú phẩm*

*Sở hữu chín phân biệt.*

[0068a02] Như vậy, đối với Đại thừa đạo quả, chấp có sự thọ dụng thật sự.

*Chuyển thú sở thú phân biệt* có 9 thứ sai biệt:

(1) Bò-tát luôn có sự ý thú<sup>310</sup>. Nhân tố sáu độ là ‘thắng nghĩa chẳng có’<sup>311</sup>. Đối với ‘thắng nghĩa chẳng có’, quả vị Vô thượng Bồ-đề cũng là ‘thắng nghĩa vô đắc’. Nhưng ở mặt danh ngôn, quả vị Vô thượng Bồ-đề là ‘hữu khả đắc’. Bò-tát vin vào đây chấp có sự thọ dụng thật sự.

(2) Lại nữa, do thú nhập Bất động địa, Bò-tát duyên với *chủng tánh Phật*, quyết định [không còn do dự].

---

<sup>310</sup> Chánh văn là sở thú sự 所趣事.

<sup>311</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 564, phẩm Pháp tánh, tr. 937b12: "Thiên vương nên biết! Các Đại Bò-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có thể quán sát pháp tánh chơn tịnh như thế, tất cả Thánh giả như thật ngộ nhập. Không có người tu và pháp để tu, không có người thực hành và pháp để hành, không tâm, tâm sở, không nghiệp, không quả dị thực, không khổ, không vui. Quán sát như thế gọi là bình đẳng, không phân chia, xa lìa tùy thuận quang đại, không ngã, không ngã sở, không cao, không thấp, chơn thật vô tận, thường trụ sáng suốt. Vì sao? Vì tất cả Thánh pháp do đây mà thành thực, nhờ tánh này nên các bậc Thánh hiển hiện vô biên công đức và pháp bất cộng của chư Phật Như Lai đều từ tánh này sanh ra. Giới, định, tuệ của tất cả Thánh giả đều từ tánh này sanh ra. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Bò-tát, Phật đều từ tánh này sanh ra. Tánh này vắng lặng vượt các danh tướng. Tánh này chơn thật, xa lìa điên đảo. Tánh này chẳng biến đổi nên gọi là chơn như, là cảnh thắng trí, là thắng nghĩa: Chẳng có, chẳng không, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải sanh tử, chẳng phải Niết-bàn, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, lìa một, lìa khác, vô tướng, vô danh." (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

(3) Lại nữa, duyên với *tự tánh của đạo*<sup>312</sup>, chân chánh tu hành Kiến đạo, v.v.

(4) Lại nữa, duyên với *sở duyên của đạo*, không có trí và cảnh thác loạn.

(5) Lại nữa, duyên với công năng thù thắng ‘đoạn trừ sở tri’, do trước đã thấy công đức mà thủ và trước đã thấy lầm lỗi mà xả, nên phát sinh công năng ‘đổi tri sở tri chương’ và công năng ‘vĩnh viễn tiêu mất sở tri phẩm’<sup>313</sup>.

(6) Lại nữa, dựa vào *đạo quả tự lợi*, duyên với Đại thừa tự nội chứng.

(7) Lại nữa, dựa vào *đạo quả công năng lợi tha*, duyên với *chủng tánh quyết định với Đại thừa*, nghĩa là tác dụng viển ly Thanh văn địa, Độc giác địa.

(8) Lại nữa, dựa vào *ngiệp lợi tha*, duyên với *ý lạc thích hợp giáo hóa*, thị hiện biến hóa thân mà lợi lạc hữu tình.

(9) Do cái lực của phương tiện thiện xảo, an lập tất cả chúng sinh nơi quả Niết-bàn.

Duyên những chấp trên là sở thủ phân biệt ‘chỗ nên thú nhập thật sự’. Do những chấp này đều là ‘sự nên thực hành’, cho nên gọi là *chuyển thú*. Duyên với những chấp thật này, chính là *phân biệt*.

## **i.2 Thối hoàn sở thủ phân biệt**

***Đọa tam hữu, tịch diệt***

***Nên trí đức thấp kém***

***Không có người nhiếp thọ***

***Đạo tướng chẳng viên mãn***

***Do tha duyên mà hành***

***Nghĩa sở vi diên đảo***

---

<sup>312</sup> Đạo, chỉ cho tuệ giác thanh tịnh hay vô lậu trí.

<sup>313</sup> Sở tri phẩm, là phân biệt phiền não 分別煩惱, những phiền não phát sinh do [trí] phân biệt trong đời này, có thể được đoạn trừ sớm hơn trong giai vị Kiến đạo.

*Ít phần và chủng chủng*  
*Với trú hành ngu tối*  
*Cùng với tùy hành tướng*  
*Chín thể tánh phân biệt*  
*Là thói và hoàn phẩm*  
*Lắng nghe, v.v. tâm khởi.*

[0068a11] Sở thủ phân biệt thứ hai là *thối hoàn phân biệt*. Ở đây cũng có 9, đó là:

(1) Hàng Nhị thừa đạo, do rơi vào tam hữu (: sinh tử biên) và tịch diệt biên, nên *trí đức* thấp kém.<sup>314</sup>

(2) Do không có phương tiện và diệu tuệ nhiếp trì, nên *tăng thượng duyên* thấp kém.

(3) Tu hạnh lợi tha, mà Đạo tướng [trí] chẳng viên mãn.

(4) Tu hạnh tự lợi, mà phương tiện thấp kém, cho nên theo *tha duyên* mà đưa đến giải thoát, nghĩa là tối hậu hữu<sup>315</sup> cũng phải đợi Như Lai, Bồ-tát giáo thọ.

(5) Tu hạnh tự lợi và lợi tha một cách thấp kém, sở vi (: lý do) điên đảo, nên không đi tới ba đại<sup>316</sup>.

(6) Do đoạn đức thấp kém, nên chỉ đoạn trừ ít phần.

(7) Do trí đức thấp kém, nên đắc sơ quả, v.v. chủng loại trí đức.

(8) Tuy đắc quả Nhị thừa A-la-hán cũng chưa thể đoạn trừ *vô minh tùy miên*<sup>317</sup>, nên không thể thật tri đối với trú định của tự lợi và chánh hành của lợi tha.

---

<sup>314</sup> Luận Hiện Quán Trang Nghiêm, kệ tụng về Nhất thiết trí: “Trí không trú chur hữu, Bi chẳng trệ Niết-bàn, Phi phương tiện thì xa, Phương tiện thì chẳng xa.”

<sup>315</sup> Tối hậu thân 最後身: Phạm, Pàli: Antima-deha. Cũng gọi: Tối hậu sinh, Tối hậu hữu, Tối hậu mạng thân. Chỉ cho thân cuối cùng trong các thân sanh tử. Theo Tiểu thừa thì Tối hậu thân là chỉ cho bậc A-la-hán đã dứt tất cả phiền não Kiến, Tư, chứng Niết-bàn vô dư y; còn theo Đại thừa thì Tối hậu thân là chỉ cho hàng bồ-tát Đẳng giác sắp chứng quả Phật.

<sup>316</sup> Ba sự vĩ đại: Tâm đại, Đoạn đại và Chứng đại (Ân đức, Đoạn đức và Trí đức).



(9) Do Đại thừa thống nhiếp tất cả công đức của ba thừa, mà [nói] Nhất thiết tướng trí phải theo tất cả hành Niết-bàn của Tiểu thừa<sup>318</sup>, thế nên Niết-bàn của Nhị thừa có lầm lỗi.

Chín cảnh như vậy sinh khởi trong tâm hàng Nhị thừa, chẳng phải *sự ý thú* của Bồ-tát định tánh<sup>319</sup>.

## **ii. Năng thủ phân biệt**

### **ii.1 Thật chấp phân biệt**

*Sở thủ và sở xả*

*Tác ý và hệ thuộc*

*Chỗ tác ý ba cõi*

*An trú và chấp trước*

*Pháp nghĩa chỉ giả lập*

*Tham dục và đối trị*

*Hư mất như muốn đi*

*Biết năng thủ đầu tiên.*

---

<sup>317</sup> Trung bộ kinh, kinh Sáu sáu, số 148: "Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước, tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do hông nhờ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra."

<sup>318</sup> Kinh Đại Tập Hư Không Tạng Bồ Tát Sở Vấn, No. 404, tr. 636b22: "Hỏi: Thiện nam tử! Thế nào là hạnh Bát-niết-bàn của Bồ-tát? Đáp: - Bát-niết-bàn gọi là 'không có hành quán', hồi hướng đến Nhất thiết trí. Đối với Nhất thiết trí, không có cầu sắc, không có cầu thọ, tướng, hành, thức. Do tâm không cầu nên trú nơi giới thanh tịnh, viên mãn bản nguyện, ở nơi tất cả pháp không thấy tăng giảm, đạt được bình đẳng trú nơi pháp giới. Nhờ trú pháp giới, hành Bồ-tát hạnh, cũng không có hành pháp để làm sở hành. Thiện nam tử! Đó là hạnh Bát-niết-bàn của Bồ-tát."

<sup>319</sup> Bồ-tát định tánh: Bậc Bồ-tát có chủng tử vô lậu, có khả năng chứng quả Phật. Do pháp nhĩ vốn có chủng tử vô lậu về sinh pháp nhị Không, nên Bồ-tát tu hạnh tự lợi lợi tha, dứt phiền não chướng và sở tri chướng, chứng Nhị Không chân như, được diệu quả hai chuyển y là Bồ-đề và Niết-bàn, tức là vào Vô trú xứ Niết-bàn mà thành cực quả Đại giác viên mãn. Thuộc căn cơ Đại thừa.

[0069a01] Ở giai đoạn Kiến đạo Đảnh gia hành, những gì phải đoạn trừ là chấp bổ-đặc-già-la là thật hữu, lại chấp bổ-đặc-già-la là người năng thọ dụng thắng nghĩa. Kiến sở đoạn này là *năng thủ phân biệt* đầu tiên, có 9 thứ, đó là:

- (1) Duyên bổ-đặc-già-la chấp thủ công đức và xả ly làm lỗi.<sup>320</sup>
  - (2) Duyên bổ-đặc-già-la tác ý thật hữu.
  - (3) Duyên bổ-đặc-già-la hệ thuộc đối tượng tác ý là tam giới thật hữu.
  - (4) Duyên bổ-đặc-già-la chấp ‘tất cả pháp thật hữu’ mà an trú.
  - (5) Duyên bổ-đặc-già-la chấp trước ‘tất cả pháp đều vô ngã’.
  - (6) Duyên bổ-đặc-già-la liễu tri ‘pháp nghĩa đều chỉ giả lập’.
  - (7) Duyên bổ-đặc-già-la có sở trị phẩm là tham dục.
  - (8) Duyên bổ-đặc-già-la chấp vào tướng ‘năng đối trị’.
  - (9) Duyên bổ-đặc-già-la hư mất, giống như mong muốn đi đến Nhất thiết tướng trí mà trì hoãn rất lâu, phân biệt là thật hữu.
- Chín thứ này là năng thủ phân biệt đầu tiên.

## ii.2. Giả chấp phân biệt

*Không như sở vi sinh*

*Chấp đạo là phi đạo*

*Là sinh câu hữu diệt*

<sup>320</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 342, phẩm Khen tánh chắc thật, tr. 758a28: "Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện: - Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa là hành pháp chắc thật hay là hành pháp không chắc thật? Thiện Hiện đáp: - Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, là hành pháp không chắc thật (: sở thủ), chẳng phải hành pháp chắc thật (: sở xả). Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Vì Bát-nhã Ba-la-mật-đa không chắc thật; tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba-la-mật-đa cũng không chắc thật." Vì nội Không, ngoại Không cho đến vô tánh tự tánh Không, bất tư nghị giới, 4 thánh đế, 4 tinh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ, 37 bồ đề phân pháp, 3 giải thoát môn, 10 địa Bồ-tát, 10 lực của Phật, 4 vô sở úy cho đến 18 Phật bất cộng pháp, 4 quả, Độc giác bồ-đề, nhất thiết trí, đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí, vô thượng chánh đẳng bồ-đề của chư Phật, nhất thiết trí trí, hết thảy đều là hành pháp không chắc thật. Đây là năng thủ phân biệt về thật chấp.

***Đủ, không đủ đạo tánh***  
***An trú, hoại chủng tánh***  
***Không mong cầu, không nhân***  
***Và duyên các kẻ địch***  
***Là thủ phân biệt khác.***

[0069a08] Giả chấp năng thủ phân biệt có 9:

(1) Duyên giả sĩ phu chỉ tu Tiểu thừa đạo, không thể biết *sự sở vi* là xuất sinh ba đại.

(2) Duyên giả sĩ phu lìa xa Tiểu thừa đạo, chấp sáu độ là chẳng phải đạo.

(3) Duyên sĩ phu [cho rằng] ‘quả sinh’ phải đồng thời với ‘nhân diệt’, lìa tánh thế tục, chấp còn có tánh thắng nghĩa.

(4) Duyên sĩ phu chấp có đủ hay không có đủ *tất cả đạo tánh* mà thật hữu và tương tục.

(5) Duyên sĩ phu chấp sắc, v.v. là thật hữu mà an trú.

(6) Duyên sĩ phu do phát tâm, v.v. mà hư mất chủng tánh Thanh văn, Độc giác.

(7) Duyên sĩ phu chỉ lấy Không tánh liền chấp là đủ, lại không mong cầu quả Phật.

(8) Duyên sĩ phu không tu nhân là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

(9) Duyên các kẻ địch như ma sự, v.v. chướng ngại Bồ-đề.<sup>321</sup>

---

<sup>321</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 565, phẩm Trùng căn lành, tr. 916a25: “Thiện Hiện nên biết: Nếu các Bồ-tát thành tựu hai pháp thì tất cả ác ma chẳng thể làm trở ngại. Hai pháp đó là: 1. Quán sát tất cả pháp đều Không; 2. Không xả bỏ tất cả hữu tình. Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các Bồ-tát thành tựu hai pháp thì tất cả ác ma chẳng thể làm chướng ngại. Hai pháp đó là: 1. Đúng như lời nói, có thể thực hành tất cả; 2. Thường được chư Phật hộ niệm. Thiện Hiện nên biết: Nếu các Bồ-tát thành tựu hai pháp thù thắng như thế thì các thiên thân v.v. thường đến lễ kính, phát khởi sự siêng năng, tinh tấn, gần gũi, cúng dường, thưa hỏi, nói thế này: ‘Lành thay Đại sĩ! Ngài có thể dùng phương tiện thiện xảo như thật hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, mau có thể an trụ địa vị trí tuệ của chư Phật, có thể làm chỗ nương tựa cho tất cả hữu tình không có nơi nương tựa, có thể cứu hộ kẻ không có người cứu hộ, có thể làm nhà cửa cho kẻ không có nhà cửa, có thể làm nơi hướng đến cho người không có nơi hướng đến, có thể làm hòn đảo cho người không có hòn đảo, có thể làm chỗ quay về nương tựa cho người không có nơi quay về nương tựa, có thể làm ánh sáng cho người tối tăm, có thể làm tai mắt cho người đui, điếc. Vì sao? Đây thiện nam tử! Nếu ai có thể dùng

Đây là chín thứ phân biệt, duyên đủ loại cảnh rồi phân biệt chấp có người thọ dụng thật sự. Ngoài những thật chấp năng thủ phân biệt, còn lại là những giả chấp năng thủ phân biệt.

### **1.2.2.2 Đối trị sự phân biệt**

#### **(a) Nhân của Kiến đạo Đánh gia hành**

*Vì người dạy Bồ-đề*

*Nhân ấy gọi phó chúc*

*Chứng nhân vô gián kia*

*Đủ tướng nhiều phước đức.*

[0069a15] (1) Khai thị cho người phương tiện chứng đắc Bồ-đề, và an lập người đi vào Đại Bồ-đề. Nhân tố của Đại Bồ-đề là phó chúc văn nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

(2) Khả năng chứng *nhân tố vô gián* của Đánh gia hành, là an trú trong định, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đầy đủ vô lượng phước đức, đó là tướng của Đại thừa gia hành Thế đệ nhất pháp, tức là nhân tố của Kiến đạo Đánh gia hành.

#### **(b) Quả Kiến đạo Đánh gia hành đối với quả Đại Bồ-đề**

##### **i. Quan điểm của tự tông về Đại Bồ-đề**

*Câu tận, vô sinh trí*

*Nói là Đại Bồ-đề*

*Vì vô tận, vô sinh*

---

phương tiện thiện xảo an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tất cả ác ma chẳng thể làm trở ngại.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

***Đó như sau nên biết.***

Kinh nói rằng cầu tận trí và vô sinh trí chính là Đại Bồ-đề. Nhưng chẳng phải trước có ‘cầu thật hữu’, sau có ‘cầu vĩnh tận’, cũng chẳng phải trước không có rồi sau mới sinh, cho nên phải biết, cứu cánh trí thấu suốt ‘các pháp bản lai vĩnh tận và vô sinh’. Theo thứ đệ là *tận trí* và *vô sinh trí*.<sup>322</sup>

**ii. Thừa nhận tánh thật hữu là không hợp đạo lý**

***Trong tự tánh vô diệt***

***Là nên lấy Kiến đạo***

***Sao tận phân biệt chủng?***

***Sao đắc tướng vô sinh?***

***Nếu có thật pháp khác***

***Mà ở trên sở tri***

***Nói diệt tận các chương***

***Ta cho đó lạ lùng.***

[0070a07] Các sư Thật sự<sup>323</sup> cho rằng: Trước có pháp cầu uế chân thật, sau quán tướng hoại diệt đối với tướng diệt tận của pháp cầu uế, liễu tri là diệt tận, gọi

---

<sup>322</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 53, phẩm Áo giáp Đại thừa, tr. 300c13: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là tận trí? Thiện Hiện! Nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tham, sân, si hết, thì đó là tận trí. Bạch Thế Tôn! Thế nào là vô sanh trí? Thiện Hiện! Nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết cội đến của chúng sanh chẳng sanh lại, thì đó là vô sanh trí.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>323</sup> Quan điểm của phái Ứng thành là, ‘Tất cả các pháp đều không có tự tánh, chỉ là duyên khởi phân biệt mà an lập’. Tất cả các pháp, nói đơn giản, là pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Cụ thể, từ vật chất rất thô thiển, tạp nhiễm đến Niết bàn rất vi tế, thanh tịnh, Nhất thiết chủng trí, tất cả những cái này đều không có tự tánh thực sự, đều dựa trên các duyên mà giả lập. Quan điểm này không những khác với quan điểm của các sư Tiểu thừa, mà còn đối lập với quan điểm Duy thức của Đại thừa. Ngay cả trong nội bộ Trung Quán, quan điểm của các luận sư như Thanh Biện (清辨, sa. Bhavaviveka, 490-570) và Tịch Hộ (寂護, sa. Śāntarakṣita, 750-802) cũng có khác biệt. Tóm lại, những người cho rằng, ‘các pháp là thắng nghĩa hữu’, được gọi là ‘các sư Thật sự’ (tức luận giả Thật hữu). Các sư Tiểu thừa và

là *tận trí*. Lại nữa, sự chấm dứt ‘tương tục sinh’ của thật pháp, quán tưởng vô sinh đối với tướng bất sinh của các pháp, liễu tri là bất sinh, gọi là *vô sinh trí*.

Ở đây phá quan điểm của họ là: Đại thừa Kiến đạo, làm sao diệt tận sở tri chướng, chủng loại năng thủ và sở thủ phân biệt về ‘các pháp thật hữu’? Chắc chắn không nên diệt tận. Làm sao có được tướng vô sinh của ‘sự chấm dứt tương tục sinh của thật pháp’? Chắc chắn không thể được, vì ông đã thừa nhận trước có chướng pháp chân thật (nay vừa mới diệt). Không có diệt tánh này, vì chướng pháp ấy trước chưa có, cho nên đồng quan điểm với tông Trung quán vậy.

Thêm nữa, tông Thật sự cho rằng, ‘Các pháp năng trị và sở trị là thật hữu’, lại nói, ‘Cấu chướng của sở tri ngu tối có thể diệt tận’. Ta, Từ Thị, hiểu biết thật sự rằng, quan điểm ấy rất là hiếm có lạ lùng, bởi lẽ chướng mà thật hữu, thì đối trị không thể đoạn trừ.

### **iii. Muốn chứng cứu cánh Đại Bồ-đề phải thừa nhận các pháp đều là Không**

*Trong đây không trừ bỏ*

*Cũng không chút thiết lập*

*Với chánh tánh, chánh quán*

*Chánh kiến mà giải thoát.*

[0070a13] Ngay trong tự tánh các pháp: các pháp thế tục do tổn giảm môn mà không thể trừ bỏ, các pháp thắng nghĩa do tăng ích môn mà không có một chút pháp để thiết lập. Thế nên, ở thế tục là chánh hữu tánh, nhưng chánh quán về thắng

---

các sư Duy thức đều thuộc nhóm này. Quan điểm không đồng ý ‘các pháp là thắng nghĩa hữu’, chỉ thừa nhận ‘trong danh ngôn có tự tánh’, thì gọi là phái Trung quán Tự chứng, như các luận sư Thanh Biện, Tịch Hộ. Ngay cả trong danh ngôn, khái niệm, không thừa nhận các pháp có mây may tự tánh, thì đó là quan điểm của phái Trung quán Ứng thành, như Phật Hộ (佛護, sa. Buddhapālita, 470-550), Nguyệt Xứng (月稱, sa. Candrakīrti, 600-650).

nghĩa thì pháp tánh là vô tự tánh. Như vậy, sự rời xa hai bên tăng giảm được quyết trạch bởi chánh kiến. Nếu có thể tinh cần tu tập, thì có thể hiện kiến chân thật nghĩa, giải thoát hai chướng mà thành Chánh giác.

(Hết Quyển 3)

### **(c) Tự tánh của Kiến đạo Đánh gia hành**

#### **i. Chánh thuyết**

*Thí, v.v. trong mỗi một  
Sáu độ nhiếp nhập nhau  
Một sát-na nhãn nhiếp  
Là trong đây kiến đạo.*

[0071a05] Bồ thí, v.v., trong mỗi một độ đều có khả năng nhiếp nhập lẫn nhau sáu độ, lấy sát-na thứ nhất của *Khổ pháp trí nhãn* [của Kiến đạo] làm Vô gián đạo (: Vô lậu đạo). Đánh gia hành ấy chính là ‘trong đây Kiến đạo’. *Trong đây Kiến đạo*, biểu thị phẩm tánh của Đánh gia hành, bởi vì mỗi độ nhiếp nhập sáu độ mà nói là Kiến đạo. Các phẩm tánh khác thì lấy các tướng khác mà nói Kiến đạo.

#### **ii. Đoạn dứt tự tại**

*Lại do nhập Sư tử  
Phân tâm tam-ma-địa  
Quán sát các duyên khởi  
Tùy thuận và hồi nghịch.*

[0071a09] Sau khi nói sự đoạn *chương tướng* của Kiến đạo Đảnh gia hành, lại nói sự tu tập gia hành của Du-già sư ở Kiến đạo Đảnh gia hành: Khi nhập *căn bản định*<sup>324</sup> thì an trú Sư tử phần tán tam-ma-địa<sup>325</sup>; ở hậu đắc vị, quán sát duyên khởi thuận nghịch.

Mười hai duyên khởi là: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Trong đó, từ vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, là *tạp nhiễm phẩm tùy thuận duyên khởi*. Lão tử do sinh khởi, cho đến hành do vô minh khởi, là *tạp nhiễm phẩm hồi nghịch duyên khởi*. Từ vô minh diệt nên hành diệt, cho đến sinh diệt nên lão tử diệt, là *thanh tịnh phẩm tùy thuận duyên khởi*.

Tu tập *tạp nhiễm phẩm tùy thuận duyên khởi* thì có năng lực thông đạt tự tánh của Tập đế, bởi vì liễu tri chủ nhân của hoặc và nghiệp chính là vô minh và hành. Tu tập *tạp nhiễm phẩm hồi nghịch duyên khởi* thì có năng lực thông đạt tự tánh của Khổ đế, bởi vì liễu tri sinh và lão tử là cái quả mang tánh chất hoàn toàn thành thực của hoặc và nghiệp. Tu tập *thanh tịnh phẩm tùy thuận duyên khởi* thì có năng lực thông đạt tự tánh của Đạo đế, bởi vì biết sự đối trị vô minh, chứng cái tuệ vô ngã mà có khả năng đoạn trừ phiền não căn bản là vô minh. Tu tập *thanh tịnh*

<sup>324</sup> Căn bản định 根本定: Phạm: Dhyāna-maula. Cũng gọi Căn bản thiền, Căn bản đẳng chí, Bát định căn bản, Bát căn bản định. Gọi tắt: Căn bản. Bốn Tĩnh lự (bốn thiền) và bốn định cõi Vô sắc mỗi định đều có Căn bản định và Cận phần định. Khi thân vẫn còn ở cõi Dục, chưa sinh lên cõi Sắc hay cõi Vô sắc, nhưng nhờ tu hành đã hoàn toàn đoạn trừ các Tu hoặc ở cõi dưới mà được định ở cõi trên, thì gọi là Căn bản định. Tuy nhiên, muốn dứt hết các Tu hoặc để được định này không phải là dễ, nên trước hết phải chuẩn bị hành vi (gia hành), nghĩa là tuy chưa dứt hết được Tu hoặc nhưng nhờ áp phục chúng mà được định, tức là giai đoạn tẩy trừ sạch Tu hoặc để đạt đến định Căn bản. Giai đoạn này gọi là Cận phần định (định gần đến định căn bản). Nó là cửa tiến vào định Căn bản. Đây cũng có tám thứ, trong đó, cận phần của Sơ thiền đặc biệt được gọi là Vị chí định (Định chưa đến định Căn bản). [X. luận Đại tì bà sa Q.80; luận Tạp a tì đàm tâm Q.7; Câu xá luận quang kí Q.28]. Du-già sư địa luận, quyển 11, tr. 333b04: “Tác ý chuyển vận tự nhiên: là tác ý quyết định ở 4 thời: 1. Thời đắc tác ý; 2. Thời chánh nhập, đã nhập căn bản định; 3. Thời tu hiện quán; 4. Thời chánh đắc, đã đắc A-la-hán.” Du-già luận ký, quyển 4, giải thích: “Tác ý vận chuyển tự nhiên: là ở 4 thời: 1. Thời đắc tác ý: là trong sự nhiếp nhau ở dưới, khi đắc tác ý thứ 7 (: tác ý thắng giải), thứ 8 (: tác ý chân thật), thì tách rời nhiễm phẩm thứ 9 ở Vô gián đạo và Giải thoát đạo. 2. Thời chánh nhập, đã nhập căn bản định: Do đắc 2 tác ý này mà chánh nhập căn bản tĩnh lự. Hai thời nói trên là tiền phương tiện (: gia hành) của Kiến đạo. 3. Thời tu hiện quán: nhờ tiền phương tiện mà đắc nhập Kiến đạo và Tu đạo, tu nơi hiện quán. 4. Thời chánh đắc, đã đắc A-la-hán: là Vô gián đạo; ‘đã đắc’, là Giải thoát đạo.”

<sup>325</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 408, phẩm Nhập ly sanh, tr. 43c05: “Nếu Đại Bồ-tát muốn đối với tất cả Sư tử du hí Tam-ma-địa, cho đến Sư tử phần tán Tam-ma-địa nhập, xuất tự tại thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.” Quyển 52, phẩm Biện Đại thừa, tr. 294a04: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Tam-ma-địa Sư tử phần tán? - Thiện Hiện! Nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các cầu uế, dù tùy ý xả bỏ, như sư tử chúa hùng dũng tiến tới, thì như vậy gọi là Tam-ma-địa Sư tử phần tán.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)



*phẩm hồi nghịch duyên khởi* thì có năng lực thông đạt tự tánh của Diệt đế, bởi vì biết đoạn hẳn nhiễm ô và vô minh, được kết quả cứu cánh là diệt trừ sinh và lão tử.

Như vậy, tu tập thuận nghịch duyên khởi chính là thông đạt phương tiện tối thắng của Tứ đế.

### **1.2.3 Tu đạo Đảnh gia hành**

#### **1.2.3.1 Sở y Tu đạo**

Đối trị *chứng tử tu sở đoạn* bằng năng trị chủng loại *Đại thừa Tùy hiện quán*, tức là hành tướng của Tu đạo Đảnh gia hành. Giới hạn chỉ ở Đại thừa Tu đạo.

*Chín định: Diệt tận, v.v.*

*Tu qua lại hai tướng*

*Sau lấy Dục giới nhiếp*

*Bất định tâm làm giới.*

*Siêu việt nhập các định*

*Vượt một, hai, ba, bốn*

*Và năm, sáu, bảy, tám*

*Đến Diệt định khác nhau.*

[0072a01] Đây nói về Tu đạo của Bồ-tát. Do hai môn gia hành và căn bản mà nhập *siêu việt đẳng trì* [mà chứng được tướng bình đẳng của tất cả các pháp], nghĩa là nơi thứ đệ định đi cùng Diệt tận định<sup>326</sup>, trước hết tu hai tướng đi lên thuận

---

<sup>326</sup> Cửu thứ đệ định 九次第定: Chín định thứ đệ. Phạm:navànupùrvasamàpattaya#. Hàm ý là chín loại Thiền định phải tu theo thứ lớp không xen lẫn. Cũng gọi Vô gián thiền hoặc Luyện thiền. Chỉ cho chín loại thiền định gồm: bốn thiền cõi Sắc, bốn xứ cõi Vô sắc và định Diệt thọ tướng. Vì tâm không xen lẫn, cứ y theo thứ lớp từ định này vào định khác, cho nên gọi là Thứ đệ định. Phân biệt như sau: 1. Sơ thiền thứ đệ định. 2. Nhị thiền thứ đệ định. 3. Tam

hành và trở xuống nghịch hành [của 8 giải thoát] mà làm *gia hành*; kể đến tinh tiến tu tập *siêu việt đấng trì làm căn bản* để nhập Sur tử phần tấn tam-ma-địa<sup>327</sup>.

---

thiền thứ đệ định. 4. Tứ thiền thứ đệ định. 5. Không xứ thứ đệ định. 6. Thức xứ thứ đệ định. 7. Vô sở hữu xứ thứ đệ định. 8. Phi tướng phi phi tướng xứ thứ đệ định. 9. Diệt thọ tướng thứ đệ định (cũng gọi Diệt tận định). Hành giả chuyên tâm nhất ý, trí tuệ sắc bén, tự xét nghiệm tâm mình, từ tâm sơ thiền vào nhị thiền, cho đến vào định Diệt thọ tướng, dứt hết tâm thức: đó là đạt đến chỗ cùng tột của thiền định. Vì thiền này không xen lẫn niệm khác nên cũng gọi là Vô gián thiền, lại vì thiền này tinh luyện các vị thiền làm cho tâm trong sạch, cũng như luyện vàng, nên gọi là Luyện thiền. [X. luận Đại trí độ Q.21, Q.81 - Đại thừa nghĩa chương Q.13 - Đại minh tam tạng pháp số Q.34].

<sup>327</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 459, phẩm Trương nhiếp, tr. 321c03: “Thiện Hiện! Đại Bồ-tát nào an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, trừ đấng trì (định) của Phật, còn tất cả các đấng trì của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát vị ấy đều có thể tùy ý xuất nhập một cách tự tại. Đại Bồ-tát này an trú vào đấng trì tự tại của Bồ-tát có thể tự do nhập xuất thuận nghịch đối với tám giải thoát. Những gì là tám? Một là tự có sắc, quán sát các sắc giải thoát. Hai là bên trong không có sắc, quán tưởng các sắc bên ngoài giải thoát. Ba là hiểu rõ sự thanh tịnh của thân tác chứng giải thoát. Bốn là vượt qua tất cả tướng về sắc, diệt trừ tất cả tướng hữu đối, không tư duy về các loại tướng, nhập vào vô biên không không vô biên xứ giải thoát. Năm là vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập vào vô biên thức vô biên xứ giải thoát. Sáu là vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vào vô thiếu sở hữu vô sở hữu xứ giải thoát. Bảy là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập vào phi hữu tướng phi vô tướng phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát. Tám là vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào diệt tướng thọ định diệt tướng thọ giải thoát.

Đại Bồ-tát này lại có thể tự tại nhập xuất theo chiều thuận nghịch đối với chín định thứ đệ. Những gì là chín. Đó là bốn tịnh lự, bốn định vô sắc và diệt tướng thọ định. Sau khi đã hoàn toàn thành thực trong việc xuất nhập thuận nghịch đối với tám giải thoát và chín định thứ đệ, Đại Bồ-tát này có thể nhập vào định Sur tử phần tấn. Thế nào là định Sur tử phần tấn. Thiện Hiện! Đó là Bồ-tát lia pháp dục, ác, bất thiện, có tâm có tứ, ly sanh hỷ lạc nhập vào sơ thiền lần lượt vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào định diệt tướng thọ, lại từ định diệt tướng thọ nhập trở lại định phi tướng phi phi tướng xứ, lần lượt cho đến nhập vào sơ thiền. Đó là định Sur tử phần tấn. Thiện Hiện! Sau khi đã hoàn toàn thành thực đối với định Sur tử phần tấn này. Đại Bồ-tát lại nhập vào định siêu việt của Bồ-tát. Thế nào là định siêu việt của Bồ-tát? Thiện Hiện! Đó là Đại Bồ-tát lia pháp dâm dục, bất thiện, có tâm có tứ, sanh hỷ lạc, nhờ xả ly nhập vào sơ thiền, từ sơ thiền lần lượt cho đến nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở lại sơ thiền, từ sơ thiền nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở vào nhị thiền, từ nhị thiền nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở vào tam thiền, từ tam thiền nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở vào tứ thiền, từ tứ thiền nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở vào định không vô biên xứ, từ định không vô biên xứ nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở vào định thức vô biên xứ, từ định thức vô biên xứ nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập trở vào định vô sở hữu xứ, từ định vô sở hữu xứ nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập vào định phi tướng phi phi tướng xứ, từ định phi tướng phi phi tướng xứ nhập vào định diệt tướng thọ, từ định diệt tướng thọ nhập vào định phi tướng phi phi tướng xứ, từ định phi tướng phi phi tướng xứ rơi vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập trở lại diệt tướng thọ định, từ định diệt tướng thọ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định phi tướng phi phi tướng xứ, từ định phi tướng phi phi tướng xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định vô sở hữu xứ, từ định vô sở hữu xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định thức vô biên xứ, từ định thức vô biên xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định không vô biên xứ, từ định không vô biên xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào tứ thiền, từ tứ thiền trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào tam thiền, từ tam thiền trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào nhị thiền, từ nhị thiền trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào sơ thiền, từ sơ thiền trụ vào bất định tâm. Đó là định siêu việt của Bồ-tát. Đại Bồ-tát nào an trú vào định siêu việt này thì chúng đắc thật tánh bình đẳng của tất cả các pháp, vị ấy lại đem căn lành tích tụ được dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình, rồi cùng nhau hồi hướng trí nhất thiết trí. Lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả tịnh lự Ba-la-mật-đa.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

Khi tu căn bản, trước hết từ Sơ tĩnh lự thẳng đến Diệt tận định, hoàn toàn không có siêu việt [các định] và ‘nhập trở vào’. Tiếp theo, Diệt tận định xen giữa tám định mà nhập trở vào, nghĩa là từ Diệt tận định khởi nhập Sơ tĩnh lự, từ Sơ tĩnh lự khởi rồi nhập Diệt tận định, kế nhập Nhị tĩnh lự, rồi nhập Diệt tận định, như vậy lần lượt cho đến, từ Diệt tận định nhập Phi phi tướng định, lại nhập Diệt tận định, rồi nhập Phi phi tướng định. Sau đó, khởi bất định tâm nhiếp thuộc Dục giới làm giới, nhập Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi bất định tâm, rồi vượt (tức bỏ qua mà không nhập) Diệt tận định để nhập Phi phi tướng định. Tiếp theo, khởi bất định tâm, rồi vượt qua hai định Diệt tận và Phi phi tướng, nhập Vô sở hữu định, lại khởi bất định tâm, như vậy cho đến vượt qua ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám định mà nhập Sơ tĩnh lự, rồi từ Sơ tĩnh lự khởi bất định tâm.

Quá trình này vì sao gọi siêu việt đẳng tri? – Từ Sơ tĩnh lự cho đến Diệt tận định làm chỗ xen giữa, nhưng xen giữa bằng loại pháp khác nhau và bất định tâm Dục giới trong quá trình tu định.

Trong Kinh Đại Bát-nhã có nói rộng về quá trình này. Hai câu đầu trong luận này nói về gia hành, sáu câu sau nói về Dục giới tâm xen giữa mà tu chín định. Ở đây nói ‘thẳng qua nhập vào’ và lấy ‘tám định xen tu Diệt tận định rồi nhập vào’, ý nghĩa dễ hiểu nên không trình bày.

### **1.2.3.2 Sở đoạn phân biệt**

#### **(a) Sở thủ phân biệt**

##### **i. Chuyển thú sở thủ phân biệt**

*Lược nêu và rộng thích*

*Không được Phật nhiếp thọ*

*Không công đức ba đời*

*Và nơi ba diệu đạo*

## *Sở thủ sơ phân biệt*

### *Gia hành tướng hành cảnh.*

[0072a12] *Chuyển thú sở thủ phân biệt* của Đại thừa tu sở đoạn có 9, đó là:

(1) Vì nhiếp thọ chúng sinh ưa thích nói lược, chấp pháp lược thuyết làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(2) Lại vì nhiếp thọ chúng sinh ưa thích nói rộng, chấp pháp quảng thuyết<sup>328</sup> làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(3) Nếu không đúng theo lời dạy mà tu hành thì Phật không nhiếp thọ; chấp sự đối trị tu Bát-nhã ba-la-mật-đa và Du-già làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(4) Quán đái Kiến đạo<sup>329</sup>, do [khi Kiến đạo] duyên tố đã diệt, cho nên công đức của Gia hành đạo, ở mặt thắng nghĩa là không có, ở mặt danh ngôn là có, chấp làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(5) Do không có tứ cú<sup>330</sup> làm nhân tố sinh khởi, cho nên công đức của Kiến đạo, ở mặt thắng nghĩa là không có, ở mặt danh ngôn là có, chấp làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

---

<sup>328</sup> Tạp A-hàm, kinh A-nan Xá-lợi-phất, số 982: “Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na tại nước Sa-chi. Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: ‘Đối với pháp, Ta có thể nói lược và nói rộng, nhưng người hiểu thì khó.’ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: ‘Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp.’” (Thích Đức Thắng dịch)

<sup>329</sup> Quán đái 觀待 (chờ đợi đối đãi) là duyên khởi, là đạo lý quán đái, như kinh Giải thâm mật ghi: “Đạo lý quán đái là do nhân tố và duyên tố mà phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành.” Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, No. 1733, quyển 3, tr. 148b24: “Quán đái có hai: Một là Tục để duyên khởi, cần phải đối đãi nhau mà sinh khởi, vì vậy gồm chung nhiễm tịnh; hai là Lý của Chân đế, chờ đợi Liễu nhân hiển lộ, loại này chỉ dựa theo tịnh.”

<sup>330</sup> Tứ cú 四句: có – không – cũng có cũng không – không phải có không phải không (hoặc: một – khác – cũng một cũng khác – không phải một không phải khác). Trung luận, phẩm Quán nhân duyên, kệ 3: Chư pháp bất tự sinh, Diệc bất tùng tha sinh, Bất cộng bất vô nhân, Thị cố tri vô sinh. 諸法不自生, 亦不從他生, 不共不無因, 是故知無生. (Các pháp không từ tự nó sinh, cũng không từ cái khác sinh, cũng không từ tự nó và cái khác cùng sinh, cũng không phải tự nhiên sinh không có nhân duyên sinh ra, thế nên biết các pháp vô sinh.)

(6) Do chưa đạt đến ‘vật không thật’<sup>331</sup>, cho nên công đức của Đại thừa Tu đạo, ở giai đoạn Kiến đạo là không có, ở giai đoạn Tu đạo là có, chấp làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(7) Do bốn điên đảo đối với bốn đức Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh, cho nên chấp Gia hành đạo có khả năng chứng đắc Niết-bàn, chấp làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(8) Ở Kiến đạo, khi mới chứng tánh Không, chấp làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

(9) Do tu tập và đã chứng thắng nghĩa vô tự tánh, cho nên chấp làm thật sở thủ của câu sinh phân biệt.

Chín thứ phân biệt như vậy là một loại *chuyển thú phân biệt* ban đầu, là cảnh sở hành của Tu đạo Gia hành tướng.

## ii. Thối hoàn sở thủ phân biệt

*Kể nhận tâm, tâm sở*

*Chuyển thú thời có cảnh*

*Không phát tâm Bồ-đề*

*Không tác ý Bồ-đề*

*Tác ý pháp Tiểu thừa*

*Không nghĩ Đại Bồ-đề*

*Có tu và không tu*

---

<sup>331</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 532, phẩm Thí bình đẳng, tr. 734c14: “Như vậy, nhà ảo thuật và học trò của ông ta vì dối gạt kẻ khác nên ở trước mọi người làm các việc ảo thuật. Trong ấy, có những người nam nữ lớn nhỏ vô trí, thấy việc này rồi đều khen: Người này lạ thay, giỏi học các môn kỹ xảo, có thể làm các việc hi hữu, kỳ lạ. Cho đến có thể hiện được thân Như Lai tướng hảo trang nghiêm, đầy đủ các công đức. Tự mình biến hiện được những kỹ xảo tài giỏi. Nhưng trong ấy có những người có trí, thấy việc này rồi suy nghĩ: Thật là thần thông kỳ lạ, làm thế nào mà người ấy có thể biến hóa và làm việc này. Trong ấy tuy không có pháp thật, nhưng làm cho mọi người mê lầm, ưa thích. Với những vật không thật mà tưởng là thật. Chỉ có người trí mới thấu rõ tất cả đều Không, tuy có thấy nghe nhưng không chấp trước.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

*Và tương phản với chúng*  
*Phi như nghĩa phân biệt*  
*Nên biết thuộc Tu đạo.*

[0073a04] Sở thủ phân biệt thứ hai của Tu đạo sở đoạn: chấp nhận tâm và tâm sở ở Đại thừa Tu đạo [gia hành], và hữu cảnh *năng duyên tâm pháp* ở Vô gián đạo chuyển thú thời. Các tâm và tâm sở ấy, xét mặt cảnh giới, sai biệt có 9, đó là:

(1) Tu lương đạo vị của Nhị thừa: do lìa thiện tri thức Đại thừa, v.v. mà *không phát Đại Bồ-đề tâm*, chấp pháp ngăn trở Đại thừa làm sở thọ dụng thật sự.

(2) Do không có phước đức thù thắng của ‘*sự làm lợi tha mà cầu thành Phật*’, gọi là *không tác ý Bồ-đề tạng*.<sup>332</sup>

(3) Do là chủng tánh Thanh văn mà *tác ý pháp Thanh văn thừa*. Do là chủng tánh Độc giác mà *hiện chứng pháp Độc giác thừa*.

(4) Do không tu Bát-nhã ba-la-mật-đa nên *không tư duy về Chánh đẳng Bồ-đề*.<sup>333</sup>

(5) Do hữu sở đắc nên *có tu Bát-nhã ảnh tượng*.<sup>334</sup>

---

<sup>332</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332a19: “Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát nên trải qua thời gian bao lâu để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Phật bảo Thiện Hiện: - Các Đại Bồ-tát nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát nên trụ ở những tâm vô gián nào để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Phật bảo Thiện Hiện: - Từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, các Đại Bồ-tát không cho các tác ý khác phát sanh mà chỉ an trụ vào tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>333</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332a21: “Phật bảo Thiện Hiện: - Từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, các Đại Bồ-tát không cho các tác ý khác phát sanh mà chỉ an trụ vào tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Thiện Hiện! Đại Bồ-tát này làm thế nào cho tâm và tâm sở pháp không bị lay động đối với cảnh giới được gọi là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>334</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332b05: “- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa sẽ chứng đắc trí nhất thiết trí phải không? - Thiện Hiện! Không.”

(6) Do không thể duyên chân thật nghĩa nên *không tu chân thật nghĩa*.<sup>335</sup>

(7) Do không duyên chân thật nghĩa, cũng *không thể tu Bát-nhã ba-la-mật-đa*.<sup>336</sup>

(8) Do vô thường, v.v. không thể không đắc, nên cũng chẳng không tu vô thường, v.v.<sup>337</sup>

(9) Do chấp điên đảo về chân thật nghĩa, nên đối với *bất như thật nghĩa* có sự phân biệt chấp trước. Sự phân biệt chấp trước ấy trái nghịch với đạo pháp của Bồ-tát, nhưng chấp làm sở thọ dụng thật sự.<sup>338</sup>

Nên biết, chín thứ phân biệt này thuộc về Đại thừa Tu đạo sở đoạn.

## **(b) Năng thủ phân biệt**

### **i. Thật chấp phân biệt**

*Thi thiết hữu tình cảnh*

*Thi thiết pháp chẳng không*

*Tham trước, gián trạch tánh*

*Là tịch sự ba thừa*

---

<sup>335</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332b07: “- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát không hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa sẽ chứng đắc trí nhất thiết trí phải không? - Thiện Hiện! Không.”

<sup>336</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332b10: “- Bạch Thế Tôn! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, các Đại Bồ-tát vừa hành vừa không hành, vừa dẫn vừa không dẫn, vừa tu, vừa không tu, sẽ được trí nhất thiết trí phải không? - Thiện Hiện! Không.”

<sup>337</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332b12: “- Bạch Thế Tôn! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không hành chẳng không hành, không dẫn dắt chẳng không dẫn dắt, không tu chẳng không tu sẽ đạt được trí nhất thiết trí phải không? - Thiện Hiện! Không.”

<sup>338</sup> Hàng Tiểu thừa Vô học đạo không có chứng ngộ ba luân thể Không, đối với các tướng vô thường, khổ, Không, vô ngã lại có chấp trước, cho nên không thể như lý, như thật thông đạt tất cả các pháp. Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332b15: “- Bạch Thế Tôn! Vậy thì các Đại Bồ-tát phải làm thế nào để đạt được trí nhất thiết trí? - Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát phải như chơn như để chứng đắc trí nhất thiết trí. - Bạch Thế Tôn! Thế nào là chơn như? - Thiện Hiện! Như thật tế. - Bạch Thế Tôn! Thế nào là thật tế? - Thiện Hiện! Như pháp giới. - Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp giới? - Thiện Hiện! Cảnh giới của cái ta, cảnh giới hữu tình, cảnh giới người sống, cảnh giới người sanh, cảnh giới người nuôi dưỡng, cảnh giới sĩ phu, cảnh giới chúng sanh.”

***Thọ cúng không thanh tịnh***

***Phá hoại các chánh hành***

***Kinh nói là bậc nhất***

***Năn thủ phải nên biết.***

[0073a13] Đại thừa Tu đạo Gia hành vị, về mặt *cảnh sai biệt*, thật chấp thứ nhất có 9 thứ phân biệt, đó là:

(1) Tự Tại bồ-đặc-già-la chẳng thật có sinh, là nương năm uẩn mà thi thiết làm hữu tình, chấp làm người năng thọ dụng thật của câu sinh phân biệt.<sup>339</sup>

(2) Lại duyên ‘các pháp chỉ do tâm hiện’, nên đối với 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới được thi thiết làm các pháp (: khái niệm, danh ngôn), bồ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(3) Lại duyên ‘quán chiếu tất cả pháp do danh ngôn mà hiện hữu’, nên ‘[các pháp] chẳng trông không’, bồ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

---

<sup>339</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 461, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 332b20: “- Bạch Thế Tôn! Thế nào là cảnh giới của cái ta (: ngã giới) cho đến cảnh giới của người (: bồ-đặc-già-la giới)? - Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Hoặc cái ta, hoặc hữu tình, hoặc người sống (: mạng giả), hoặc người sanh (: sanh giả), hoặc người nuôi dưỡng (: dưỡng giả), hoặc người tạo tác (: sĩ phu), hoặc con người (: bồ-đặc-già-la) là những thứ ta có thể đắc được không? - Bạch Thế Tôn! Không! - Thiện Hiện! Hoặc cái ta cho đến con người đã bất khả đắc thì làm sao ta có thể tạo ra cảnh giới của cái ta cho đến cảnh giới của con người? Thiện Hiện! Đại Bồ-tát nào không tạo ra Bát-nhã ba-la-mật-đa, không tạo ra trí nhất thiết trí, không tạo ra tất cả các pháp thì Đại Bồ-tát đó nhất định sẽ chứng đắc trí nhất thiết trí. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Vì chỉ có Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thể tạo ra hay tịnh lự Ba-la-mật-đa cho đến bồ thí Ba-la-mật-đa cũng không thể tạo ra? Phật bảo Thiện Hiện: - Chẳng những Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể tạo ra mà tịnh lự Ba-la-mật-đa cho đến bồ thí Ba-la-mật-đa cũng không thể tạo ra. Hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ-đề, hoặc pháp Như Lai cũng không thể tạo ra. Thiện Hiện! Tóm lại mà nói: Tất cả các pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều không thể tạo ra. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Nếu tất cả các pháp đều không thể tạo ra, vì sao lại có thể tạo ra địa ngục, bàng sanh, cõi quý, nhơn, thiên, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và tất cả các pháp? Phật bảo Thiện Hiện: - Ý ông nghĩ sao? Sự tạo ra hữu tình và các pháp thật sự có thể đắc được không? Thiện Hiện thưa: - Bạch Thế Tôn! Không! Phật bảo Thiện Hiện: - Nếu sự tạo ra hữu tình và pháp thật sự bất khả đắc thì Ta làm sao có thể tạo ra địa ngục, bàng sanh, cõi quý, nhơn, thiên, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và tất cả các pháp. Thiện Hiện! Lúc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên học tất cả pháp đều không thể tạo ra để hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.” (H.T Thích Trí Nghiêm)



(4) Lại duyên ‘chưa đoạn trừ tất cả chấp trước’, nên đối với các pháp khởi tham trước thật, bỏ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(5) Lại duyên ‘khả năng giản trách thật tánh của các pháp’, bỏ-đặc-già-la chấp làm thật hữu.

(6) Lại duyên ‘không cầu ba sự sở vi (: tâm đại, đoạn đức đại, trí đức đại) mà chỉ cầu các khổ [vọng tưởng] vắng lặng’<sup>340</sup>, bỏ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(7) Lại duyên ‘do sắc, v.v. bất khả đắc nên ba thừa xuất ly’, bỏ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(8) Lại duyên ‘do chưa chánh tri pháp tánh nên sự cúng dường ba luân (: người hiến cúng, người thọ nhận, vật hiến cúng) chưa thể thanh tịnh’, bỏ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(9) Lại duyên ‘do nơi sự bố thí, nhẫn nhục, v.v. chấp thật mà tu, [vì vậy] phá hoại chánh hành ba-la-mật-đa’, bỏ-đặc-già-la chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

Kinh Đại Bát-nhã có nói đến chín phân biệt này, nên biết đó là năng thủ phân biệt thứ nhất của Tu sở đoạn.

## **ii. Giả chấp phân biệt**

### **ii.1 Lược nêu**

#### ***Thiết hữu tình và nhân***

---

<sup>340</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 363, phẩm Thật thuyết, tr. 874b03: “Này Thiện Hiện! Đại Bồ-tát ấy, tuy làm việc lợi ích lớn như thế, nhưng hoàn toàn chẳng thấy hữu tình thật sự đắc Niết-bàn, chỉ thấy các khổ vọng tưởng vắng lặng. Như vậy, này Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng được hữu tình và sự an lập họ. Nhưng vì trừ diệt ngã chấp điên đảo của họ, mà cầu đạt đến quả vị giác ngộ cao tốt. Do nhân duyên này, nên cho là việc rất khó.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

*Do đây bị tổn hại  
Nên là Tu đạo hệ  
Còn có chín vi phẩm.*

[0074a04] Nơi năm uẩn, v.v. mà thi thiết hữu tình, và nơi hữu tình an lập nhân tố ‘duy tâm sở hiện chư pháp’ mà giả lập sĩ phu, chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt. Do giả chấp phân biệt này mà tổn hại sự Tu đạo Đảnh gia hành. Giả chấp phân biệt là *phẩm tánh trái ngược* trong mối quan hệ giữa năng trị và sở trị ở Tu đạo. Ngoài thật chấp nói trên, còn có 9 thứ giả chấp phân biệt.<sup>341</sup>

## **ii.2 Rộng thích**

*Như tự sở duyên tánh*

*Ba trí, chương có ba*

*Tịnh đạo, chân như, v.v.*

*Twang ưng, bất twang ưng*

*Bất đẳng và khổ đẳng*

---

<sup>341</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 462, phẩm Phương tiện thiện xảo, tr. 336c25: “Phật bảo Thiện Hiện: - Ta không tự phá hoại pháp tánh của các pháp, mà chỉ dùng phương tiện danh tướng giả nói, để giúp các hữu tình ngộ nhập pháp tánh bình đẳng của các pháp, ra khỏi sanh tử và chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, này Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuy nói đủ loại danh tướng của các pháp nhưng không hề phá hoại thật tánh của các pháp. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: - Nếu Phật chỉ dùng danh tướng giả nói pháp tánh của các pháp để giúp các hữu tình có phương tiện ngộ nhập pháp tánh bình đẳng, ra khỏi sanh tử, chứng đắc Niết-bàn. Thì vì sao đối với pháp không danh tướng Phật dùng danh tướng để nói mà bảo là không hư hoại? Phật bảo Thiện Hiện: - Ta tùy thuận theo thế tục mà giả lập danh tướng của tất cả các pháp, vì các hữu tình Ta phương tiện giảng nói nhưng không chấp trước nên không có pháp nào bị hoại. Thiện Hiện! Như những người ngu si nghe nói khổ... liền chấp trước vào danh tướng, mà không hiểu đó là giả thuyết. Như Lai và đệ tử Phật nghe nói khổ... chẳng chấp trước danh tướng. Vì biết như thật đó là lời nói tùy thuận theo thế tục chứ không có danh tướng chơn thật của các pháp. Thiện Hiện! Nếu các bậc Thánh chấp trước danh ở nơi danh, chấp trước tướng nơi tướng, thì họ cũng phải chấp trước không nơi không, chấp trước vô tướng nơi vô tướng, chấp trước vô nguyện nơi vô nguyện. Chấp trước chơn như nơi chơn như, chấp trước pháp giới nơi pháp giới, chấp trước thật tế nơi thật tế. Chấp trước vô vi nơi vô vi. Thiện Hiện! Tất cả các pháp này chỉ có giả danh, chỉ có giả tướng, mà không chơn thật. Bậc Thánh không chấp trước các pháp có danh tướng giả như vậy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

***Các phiền não tự tánh  
Và không ba ngu tối  
Là phân biệt sau cùng.***

[0074a09] Tâm và tâm sở của Tu đạo Đảnh gia hành chuyển vận lúc ở Vô gián đạo. Tâm phân biệt về *hữu cảnh* cần phải đoạn trừ, có 9 thứ, đó là: Nhận biết được thể tánh của cảnh tự sở duyên<sup>342</sup>, đó là ba trí. Ba trí này có 3 thứ chương:

(1) Do không liễu tri ‘tất cả tướng đều Không’, mà chương Nhất thiết tướng trí, duyên nơi sự đoạn chương ngu tối này mà giả lập sĩ phu, chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(2) Do không liễu tri ‘tất cả đạo pháp’, mà chương Đạo tướng trí, duyên nơi sự đoạn chương ngu tối này mà giả lập sĩ phu, chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(3) Do không liễu tri ‘tất cả sự’ mà chương Nhất thiết trí, duyên nơi sự đoạn chương ngu tối này mà giả lập sĩ phu, chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(4) Do không liễu tri Bát-nhã ba-la-mật-đa nên đối với tịch tịnh có tất cả ngu tối chương đạo mà giả lập sĩ phu, duyên đó chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(5) Do không liễu tri những sở tri về sắc, v.v. và chân như, nên đối với chân như và sắc, v.v. mà tương ưng là nhất tánh, không tương ưng là dị tánh, ngu tối giả lập sĩ phu, duyên đó chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

---

<sup>342</sup> Tự sở duyên cảnh: Như nhãn thức duyên sắc (tương phần sắc), nhĩ thức duyên âm thanh (tương phần thanh), v.v., đó gọi là tự sở duyên cảnh. Thành duy thức luận: “Nếu tâm, tâm sở không có đặc tính sở duyên, chúng không thể vươn đến cảnh vực sở duyên cá biệt của mình.” (若心, 心所, 無所緣相, 應不能緣自所緣境.) Tâm và tâm sở, khi duyên đối tượng màu xanh mà trên chúng không ghi tướng mạo của đối tượng (sở duyên), tâm và tâm sở ấy không thể duyên đến đối tượng của chính tâm đang hiện khởi (hoạt động).

(6) Do không liễu tri ‘tánh ma sự vốn là Không’, đối với Đại thừa đạo và Tiểu thừa đạo không tương đồng, ngu tối giả lập sĩ phu, duyên đó chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(7) Do nơi Kinh điển tuyên thuyết nghĩa lý về vô thường, v.v., theo lời dạy của Kinh mà chấp làm chân lý cứu cánh, nên đối với pháp tánh về Khổ, Tập, Diệt, Đạo của Tứ đế mà ngu tối giả lập sĩ phu, duyên đó chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(8) Do không liễu tri khách tánh của tham, sân, v.v. và chân như tánh, đối với tánh chất phiền não, ngu tối giả lập sĩ phu, duyên đó chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

(9) Do không liễu tri ‘tánh chất của hai thủ là Không’, đối với ‘không có hai thủ’ mà ngu tối giả lập sĩ phu, duyên đó chấp làm người năng thọ dụng thật hữu của câu sinh phân biệt.

Chín phân biệt này là Tu sở đoạn sau cùng của năng thủ phân biệt.

### **1.2.3.3 Thắng lợi của đoạn trừ sở đoạn**

*Như người bệnh hết bệnh*

*Thường thời được yên ổn*

*Hằng tu chúng sinh lạc*

*Tất cả thắng công đức*

*Nhâm vận mà nương tựa*

*Thắng quả để trang nghiêm*

*Bồ-tát thượng phẩm vị*

*Như mọi sông về biển.*

[0075a03] Bồ-tát ở địa thứ mười an trú thượng thượng phẩm Đại thừa Tu đạo, do trải qua vô số kiếp tu Tu đạo, nên bốn loại phân biệt của năng thủ và sở thủ làm sở tri chương [được đoạn trừ], giống như các bệnh phải chữa dứt hết, đầy đủ thuận duyên, lìa hẳn nghịch duyên, thí như người bệnh hết bệnh khỏe lại, an vui lâu dài.

Lại nữa, Nhất thiết chủng [trí] dùng tâm đại bi để chuyển vận phương tiện thiện xảo, thành biện lợi lạc chúng sinh. Nhờ tất cả thắng diệu công đức như vậy mà tự nhiên nương tựa sự đoạn của ba thừa, trang nghiêm quả trí đức của Bồ-tát.

#### **1.2.4 Vô gián đạo Đánh gia hành**

Chánh thức sinh khởi Nhất thiết tướng trí của Bồ-tát cứu cánh Du-già, tức Vô gián đạo Đánh gia hành tướng. Giới hạn là chỉ ở tối hậu tâm của địa thứ mười.

##### **1.2.4.1 Chánh thuyết**

##### **(a) Đa phước dụ hiển**

*An lập ba phần sinh*

*Thanh văn, Lân dụ đức*

*Và Bồ-tát Ly sinh*

*Các thiện làm thí dụ.*

*Kinh lấy vô lượng phước*

*Hiểu Phật Vô gián đạo*

*Vô gián tam-ma-địa*

*Chứng Nhất thiết tướng trí.*

[0075a09] Vô gián Đánh gia hành: Trong kinh lấy *tự quả đa phước* làm thí dụ mà tuyên thuyết, nghĩa là nếu có người đem hữu tình trong ba ngàn Đại thiên thế giới an lập hết nơi Thanh văn địa, Độc giác địa và Bồ-tát chánh tánh ly sinh địa, hoạch đắc rất nhiều phước đức, lấy đó làm thí dụ, để nói rằng Vô gián đạo Đánh gia hành trực tiếp sinh ra thắng phước của Phật quả. Lấy khối phước đức của Phật quả để nói về Vô gián đạo Đánh gia hành, nghĩa là do khối phước đức của Phật quả rất nhiều, mà nói phước đức của nhân Vô gián đạo Đánh gia hành cũng rất nhiều.

Tối hậu tâm của tam-ma-địa ở Vô gián đạo cũng gọi là *Vô gián tam-ma-địa*. Tam-ma-địa này lấy sự chứng đắc Nhất thiết tướng trí làm tự tánh của Phật quả, lại không bị cách hờ bởi đạo khác. Đây chính là cứu cánh của *thân nhân* (: nguyên nhân trực tiếp).

### **(b) Thích hành tướng sở duyên**

*Vô tánh làm sở duyên*

*Chánh niệm làm tăng thượng*

*Tịch tĩnh làm hành tướng*

*Người ưa nói thường nạn.*

[0075a15] Sở duyên duyên của Vô gián đạo Đánh gia hành: Các pháp không có thật tánh, tất cả như huyễn ảo, vì ở đây đoạn trừ tất cả chỗ *tăng ích*.

Tăng thượng duyên của Vô gián đạo Đánh gia hành: Chánh niệm được nhiếp bởi tối hậu tâm của Gia hành đạo, tức là Đại thừa phát tâm, vì ở đây làm *duyên tự tại* cho sự sinh khởi đạo ấy.

Hành tướng của Vô gián đạo Đánh gia hành: Trí tịch tĩnh tất cả hý luận, vì ở đây tịch tĩnh chính là sắc thái của trí ấy.

Người hơi có *bất thiện xảo phương tiện* thì ưa nói ‘hai đế trái nhau’, đối với sở và hành tướng của Vô gián đạo Đảnh gia hành thường phát sinh *vấn nạn*, vì ở đây sở duyên và hành tướng rất là khó lường.

#### **1.2.4.2 Đoạn trừ tà chấp**

[0076a03] Nếu chấp hai đế không thể *đồng nhất tánh nhiếp*, hoặc chủng tử, hoặc hiện hành tùy loại sở nhiếp; chỗ này là sắc thái đoạn trừ tà chấp. Giới hạn là từ chưa nhập đạo cho đến địa thứ bảy.

*Nơi sở duyên chứng thành*

*Và nói tánh sở duyên*

*Trí Nhất thiết tướng trí*

*Thắng nghĩa, thế tục đế*

*Gia hành và Tam bảo*

*Xảo tiện Phật hiện quán*

*Điên đảo và đạo tánh*

*Năng trị, sở trị phẩm*

*Tánh tướng và tu tập*

*Thuyết giả tà phân biệt*

*Theo Nhất thiết tướng trí*

*Nói là mười sáu thứ.*

Tà chấp đây, xét mặt sở duyên chia ra 16 thứ, đó là:

(1) Do hữu vi giới và vô vi giới đều tách rời thật thể, nên sở duyên của Vô gián đạo Đảnh gia hành và Nhất thiết tướng trí là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt nơi sở duyên chứng thành.

(2) Do tất cả pháp hoàn toàn là vô tự tánh, nên nói ‘tự tánh sở duyên là hý luận’ là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt nơi hành tướng.

(3) Do hữu tánh và vô tánh đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên trí của Nhất thiết tướng trí là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt ở trên quả.

(4) Thật Không là tánh chân như, nên hai đế thắng nghĩa và tục đế là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt nơi hai đế.

(5) Các ba-la-mật-đa: bố thí, v.v. là thắng nghĩa vô sở đắc, nên gia hành ‘chỉ quán song vận’ là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt nơi tự tánh gia hành.

(6) Tuệ sở chứng viên mãn và tất cả sở tri đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên Phật bảo là không hợp đạo lý.

(7) Tất cả pháp chỉ là giả danh, nên Pháp bảo là không hợp đạo lý.

(8) Sở y sắc uẩn, v.v. đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên Tăng bảo là không hợp đạo lý.

Đây là khởi tà phân biệt nơi sự quy y và quy cảnh Tam bảo làm chánh hành sở y.

(9) Bồ thí, v.v. đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên phương tiện thiện xảo là không hợp đạo lý.

(10) Sở chứng về tự tánh hữu tánh và tự tánh vô tánh đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên Như Lai hiện quán là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt về Phật hiện quán.

(11) Hý luận kiến lập về vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên duyên các uẩn qua bốn diên đảo (: thường, lạc, ngã, tịnh) là không đúng đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt về sở tri diên đảo.

(12) Quả của Tu đạo là không có Bồ-đề khả chứng ở mặt thắng nghĩa, nên đạo tự tánh của Tu đạo là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt về đạo tự tánh.



(13) (14) Ở mặt thắng nghĩa, không có đối tượng để xả bỏ, đối tượng để thủ đắc, nên sự sai biệt của năng trị phẩm và sở trị phẩm là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt về sai biệt của năng trị và sở trị.

(15) Thắng nghĩa của các pháp thì không có các tướng làm đối tượng, nên tướng của các pháp là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt về tánh tướng.

(16) Sự tu tập tự tướng và cộng tướng<sup>343</sup> của đều là thắng nghĩa vô sở đắc, nên sự tu tập tự tướng và cộng tướng là không hợp đạo lý. Đây là khởi tà phân biệt về tu tập.

Ở đây, Nhị đế và Tam bảo mở ra 5 chủng. Người nói Nhị đế tương vi nhau là dựa vào sở duyên và hành tướng của Nhất thiết tướng trí và Vô gián đạo Đảnh gia hành mà khởi lên 16 thứ tà phân biệt. Các sư Trung Quán lấy sự thừa nhận thắng nghĩa làm nhân để phá nạn vấn về thế tục, nên dựa sự thừa nhận thế tục mà đáp, gọi là lỗi phạm bất định. Các sư Trung Quán lấy sự thừa nhận thế tục làm nhân để phá nạn vấn về thắng nghĩa, nên dựa sự thừa nhận thắng nghĩa mà đáp, gọi là lỗi phạm bất định. Tóm lại, bất cứ sự công kích hay nạn vấn về Nhị đế tương vi, đều phải lấy Nhị đế không tương vi mà đáp vậy.

---

<sup>343</sup> Kinh Giải Thâm Mật dạy sự tu tập chỉ quán dựa vào pháp, trong đó có pháp riêng biệt (tự tướng / biệt tướng, svalakṣaṇa), pháp tổng quát (tổng tướng / cộng tướng, sāmānyalakṣaṇa); trong pháp tổng quát còn có nhỏ, có lớn và có vô lượng. Ngoài ra, sự biết về nghĩa lý của các pháp được trình bày qua 10 sự, 5 sự, 4 sự, 3 sự. Mười sự là: biết tánh tận hữu, biết tánh như hữu, biết nghĩa năng thủ, biết nghĩa sở thủ, biết nghĩa dựng nên, biết nghĩa hưởng dụng, biết nghĩa đảo ngược, biết nghĩa không ngược, biết nghĩa tạp nhiễm và biết nghĩa thanh tịnh. Năm sự là: sự biến tri, nghĩa biến tri, nhân biến tri, quả biến tri và biết sự ấy. Bốn sự là: chấp thọ, lãnh nạp, liễu biệt và nhiễm tịnh. Ba sự là: văn, nghĩa và giới. Hiểu rộng thì xin xem kinh Giải thâm mật.

## Phẩm Bảy: Tiệm Thứ Hiện Quán

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, quyển 465, phẩm Tiệm Thứ thứ 73)

### 2. Kiên cố nhân quả

#### 2.1 Vì đặc kiên cố mà tu Tiệm thứ gia hành

*Bồ thí đến Bát-nhã*

*Tùy niệm nơi Phật, v.v.*

*Pháp vô tánh tự tánh*

*Đó là tiệm thứ hành.*

[0077a02] Vì đặc kiên cố đối với hành tướng của ba trí, mà tiệm thứ tu tập hành tướng ba trí, được nhiếp trì bởi tuệ giác của Bồ-tát Du-già, đó là sắc thái của Tiệm thứ gia hành. Giới hạn là từ Đại thừa Tư lương đạo cho đến một sát-na trước của tối hậu tâm ở địa thứ mười.

(1) – (6) Từ bồ thí cho đến bát-nhã là sáu Tiệm thứ gia hành: bồ thí tiệm thứ gia hành, tịnh giới tiệm thứ gia hành, an nhẫn tiệm thứ gia hành, tinh tiến tiệm thứ gia hành, tịnh lực tiệm thứ gia hành và bát-nhã tiệm thứ gia hành.

(7) – (12) Sáu thứ Tiệm thứ gia hành của sáu niệm: niệm Phật tiệm thứ gia hành, niệm Pháp tiệm thứ gia hành, niệm Tăng tiệm thứ gia hành, niệm giới tiệm thứ gia hành, niệm xả tiệm thứ gia hành và niệm thiên tiệm thứ gia hành.

(13) Thông đạt tất cả pháp ở thắng nghĩa là vô tánh tự tánh tiệm thứ gia hành.

Thừa nhận 13 thứ tiệm thứ gia hành này, là vì 13 pháp: bồ thí, v.v. được nhiếp trì bởi tất cả hành tướng của ba trí, thứ đệ quyết định để tu tập Bồ-tát Du-già.

Mười ba pháp này gồm cả các giai vị kia và gia hành của hành tướng ba trí, lấy vô tánh tự tánh làm *tướng sở duyên*, sáu niệm làm *ý lạc viên mãn*, sáu độ làm *gia hành viên mãn*. Dễ hiểu là vô tánh và sáu độ thì bao gồm tất cả giai vị.

Về sáu niệm, khi ở Gia hành đạo gọi là niệm trú, v.v., ở Kiến đạo vị gọi là Bồ-đề phần, ở Tu đạo vị gọi là Chánh đạo chi.

Do 13 pháp này nhiếp trì 173 thứ hành tướng<sup>344</sup> của sự tiệm tu ba trí, nên gọi là Tiệm thứ gia hành.

---

<sup>344</sup> Nhất thiết trí có 27 hành tướng, Đạo tướng trí có 36 hành tướng và Nhất thiết tướng trí có 110 hành tướng.

## Phẩm Tám: Sát-na Chứng Đại Bồ-đề

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, quyển 466 - phẩm Vô Tướng thứ 74, đến quyển 468 – phẩm Vô Tọa thứ 75)

### 2.2 Đã đắc kiên cố Sát-na gia hành

[0077a15] Nếu một sát-na hiện chứng *phi dị thực* của một pháp vô lậu, và các pháp đồng loại với đây đều có thể hiện chứng, thì cứu cánh Du-già của Bồ-tát, được nhiếp trì bởi tuệ này, có thể đối trị được sở tri chướng, đó là hành tướng của Phi dị thực sát-na gia hành.

Nếu một sát-na hiện chứng *dị thực* của một pháp vô lậu, và các pháp đồng loại với đây đều có thể hiện chứng, thì cứu cánh Du-già của Bồ-tát, được nhiếp trì bởi tuệ này, có thể đối trị được sở tri chướng, đó là hành tướng của Dị thực sát-na gia hành.

Hiện chứng *Không tánh*, thì cứu cánh Du-già của Bồ-tát, được nhiếp trì bởi tuệ này, có thể đối trị được sở tri chướng, đó là hành tướng của Vô tướng sát-na gia hành.

Hiện chứng ‘*nhị thủ hý luận tất cánh bất động bất khởi Không định*’, thì cứu cánh Du-già của Bồ-tát, được nhiếp trì bởi tuệ này, có thể đối trị được sở tri chướng, đó là hành tướng của Vô nhị sát-na gia hành.

Bốn gia hành này đồng là một sự. Giới hạn là chỉ ở tối hậu tâm của địa thứ mười.

***Trong mỗi pháp: thí, v.v.***

***Nhiếp các pháp vô lậu***

***Nên biết chính Năng Nhân***

*Một sát-na trí đức*  
*Giống như các sĩ phu*  
*Thủy luân động một chỗ*  
*Tất cả liền chuyển động*  
*Sát-na trí cũng vậy*  
*Bấy giờ khởi dị thực*  
*Tất cả tánh bạch pháp*  
*Bát-nhã ba-la-mật*  
*Tức một sát-na trí*  
*Do các hạnh bố thí, v.v.*  
*Các pháp như giác mộng*  
*Một sát-na năng chứng*  
*Các pháp tánh vô tướng*  
*Như mộng và năng kiến*  
*Không thấy có hai tướng*  
*Một sát-na năng kiến*  
*Các pháp không hai tánh.*

(1) *Phi dị thực sát-na gia hành*: Một sát-na trí trong thân Năng Nhân của Bồ-tát ở Tối hậu Vô gián đạo<sup>345</sup>, vì là hiện chứng nhất thời ‘phi dị thực vô lậu pháp’, tức hiện chứng cứu cánh trí về tất cả pháp vô lậu ở Hữu học vị. Như vậy, hiện chứng một trí vô lậu thì cũng hiện chứng các trí khác, bởi vì mỗi pháp như bố

---

<sup>345</sup> Tối hậu Vô gián đạo, tức là Bồ-tát khởi Kim cang dụ định hiện tiền, trong một sát-na, nhất loạt đoạn trừ tất cả chùng tử tu sở đoạn.

thí, v.v. đều nhiếp tất cả pháp ở Vô lậu đạo<sup>346</sup>. Thí như một sĩ phu quay bánh xe nước, chỉ chuyển động một chỗ mà tất cả chỗ khác đều chuyển động.

(2) *Dị thực sát-na gia hành*: Bảy giờ sinh khởi tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa của tất cả bạch pháp, giống như ánh trăng trong sáng rời chướng, thời điểm mà trí Tối hậu tâm của Bồ-tát hiện chứng *pháp dị thực vô lậu*<sup>347</sup>. Đây là một sát-na năng chứng Bồ-đề ở Tối hậu Vô gián đạo, vì là cứu cánh trí của Bồ-tát Hữu học đạo.

(3) *Vô tướng sát-na gia hành*: Là trí Tối hậu tâm, tức một sát-na chứng Bồ-đề của Vô tướng sát-na gia hành, vì là khéo tu hành sáu độ: bố thí, v.v., biết tất cả pháp cũng như sự việc trong mộng, là tăng thượng lực, là một khoảnh sát-na nhận biết tất cả các pháp nhiệm tịnh đều là thắng nghĩa vô tướng, ngang qua Hữu học cứu cánh Du-già.

(4) *Vô nhị sát-na gia hành*: Là trí Tối hậu tâm chính là Vô nhị sát-na gia hành, vì là trong một khoảnh sát-na năng hiện kiến tất cả các pháp năng thủ và sở thủ đều là thật thể vô nhị, ngang qua Hữu học cứu cánh Du-già. Thí như trong giấc mộng, sở kiến là nhà cửa, v.v. và năng kiến là tâm thì không có hai thể.

---

<sup>346</sup> Xuất thế đạo, cũng gọi là Vô lậu đạo. Luận Tỳ-bà-sa, quyển 66, tr.340c18: Sơ quả và A-la-hán quả đạt được bằng Vô lậu đạo. Hai quả trung gian đạt được bằng cả Hữu lậu đạo và Vô lậu đạo. Do quán 16 hành tướng của bốn Thánh đế mà đạt được, gọi là vô lậu đạo.

<sup>347</sup> Pháp dị thực vô lậu chia làm 3 thứ: (1) Dị thực xuất thế gian ở Sơ địa; (2) Dị thực vô tướng ở địa thứ tám; (3) Dị thực bất khả tự nghị và nhậm vận thành thực ở Phật địa.

## Phẩm Chín: Pháp Thân

(Kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ 2, quyển 468 - phẩm Chúng Đức thứ 76, đến quyển 478 – phẩm Không Tánh thứ 85)

### VI. Giải rộng Pháp thân

#### 5. Thân kiến lập

Nhờ cái lực của sự tu 4 gia hành mà được quả cứu cánh, tức là sắc thái của quả pháp thân. Giới hạn là chỉ ở Phật địa.

#### 5.1 Tự tánh thân

Pháp giới cứu cánh có đủ hai thanh tịnh, đó là sắc thái của Tự tánh thân. Giới hạn chỉ ở Phật địa.

*Năng Nhân tự tánh thân*

*Được các pháp vô lậu*

*Tất cả chủng thanh tịnh*

*Tự tánh ấy làm tướng.*

[0078a14] Tự tánh thân của Phật có đủ 3 pháp sai biệt:

- (1) Đã được 21 tụ pháp vô lậu: niệm trú, v.v., gọi là *cụ túc sai biệt*.
- (2) Hai chướng và tập khí hoàn toàn thanh tịnh, gọi là *ly hệ sai biệt*.
- (3) Tự tánh của trí vô lậu lấy chân Không làm tướng, gọi là *tự tánh sai biệt*.

Hai sai biệt sau chính là tự tánh thân *ly cấu thanh tịnh* và tự tánh thân *tự tánh thanh tịnh*.

## 5.2 Trí pháp thân

### 5.2.1 Chánh nghĩa

[0079a04] Cứu cánh trí hiện chứng 10 pháp hành: phát tâm, v.v.<sup>348</sup>, đó là sắc thái của trí pháp thân. Lại nữa, cứu cánh trí hiện kiến *tánh như sở hữu* và *tánh tận sở hữu*, cũng là sắc thái của trí pháp thân. Giới hạn chỉ ở Phật địa.

*Thuận Bồ-đề phần pháp*

*Vô lượng và giải thoát*

*Chín thứ đệ đẳng chí*

*Mười biến xứ tự thể*

*Thù thắng xứ bậc nhất*

*Sai biệt có tám thứ*

*Vô tránh và nguyện trí*

*Thần thông, vô ngại giải*

*Bốn nhất thiết thanh tịnh*

*Mười tự tại, mười lực*

*Bốn thứ vô sở úy*

*Và ba thứ bất hộ*

*Cùng ba thứ niệm trú*

*Không quên mất pháp tánh*

*Vĩnh hại các tùy miên*

*Đại bi các chúng sinh*

*Duy Phật bất cộng pháp*

*Nói có mười tám thứ*

---

<sup>348</sup> Mười pháp hành: (1) Phát tâm; (2) Giáo thọ; (3) Bốn thuận quyết trạch phần; (4) Pháp giới tự tánh trú chủng tánh; (5) Sở duyên; (6) Sở vi; (7) Áo giáp chánh hành; (8) Thú nhập chánh hành; (9) Tư lương chánh hành; (10) Xuất sinh chánh hành.



**Và Nhất thiết tướng trí  
Gọi đó là Pháp thân.**

Trí pháp thân chia ra 21 tụ:

- (1) Ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần.
- (2) Bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.
- (3) Tám giải thoát: hữu sắc quán sắc giải thoát, v.v.
- (4) Chín thứ đệ đẳng chí (đã nói ở trên).

(5) Mười biến xứ: Tăng thượng duyên là *y chỉ tịnh lực*<sup>349</sup>. Sở duyên duyên là bốn đại chủng: đất, nước, lửa, gió, bốn đại chủng sở tạo: xanh, vàng, đỏ, trắng, và hai cảnh: hư không, thức; theo ý mình muốn, chúng biến khắp tất cả xứ ở thế gian, định tuệ tương ưng, thành tựu 10 thứ đẳng chí. Các xứ khác không thiết lập làm *biến xứ*<sup>350</sup>, là vì các căn không thể mở rộng bên ngoài, [âm] thanh xứ không thể tương tục, hương xứ và vị xứ không có ở Sắc giới. *Biến*, là tương tục, phổ biến và khai triển.

---

<sup>349</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 350, tr. 797a07: “Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Tịnh lực ba-la-mật-đa mà dẫn nhiếp An nhẫn ba-la-mật-đa? Phật dạy: - Này Thiện Hiện! Nếu Đại Bồ-tát an trụ Tịnh lực ba-la-mật-đa mà tu học an nhẫn, quán sắc như bọt nước, quán thọ như bọt nổi, quán tướng như bóng nắng, quán hành như cây chuối, quán thức như trò huyền; khi quán như thế, đối với năm thủ uẩn luôn luôn duy trì tướng không bền chắc. Lại nghĩ thế này: Các pháp đều không, không có ngã, ngã sở, sắc là sắc của ai, thọ là thọ của ai, tưởng là tưởng của ai, hành là hành của ai, thức là thức của ai? Khi quán như thế, lại nghĩ thế này: Các pháp đều không, lia ngã, ngã sở, ai cắt đứt, ai bị cắt đứt, ai мэng nhiếp, ai bị мэng nhiếp, lại đối với việc ấy, ai khởi sân giận; Bồ-tát nương vào tịnh lực mà quán sát, xét kỹ như thế, thường đầy đủ an nhẫn; lại đem thiện căn an nhẫn như thế cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng quả vị giác ngộ cao tốt, dùng vô sở đắc làm phương tiện; khi hồi hướng quả vị đại Bồ-đề như thế, xa lia ba tâm, đó là ai hồi hướng, hồi hướng để làm gì, hồi hướng về đâu; ba tâm như thế đều vĩnh viễn không khởi, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trụ Tịnh lực ba-la-mật-đa mà dẫn nhiếp An nhẫn ba-la-mật-đa.”

<sup>350</sup> Biến xứ 變處, Skt. kṛtsnā; P. kasiṇa: Tên gọi một vật dùng để phát sinh và phát triển sự tập trung để đạt đến bốn định an chỉ (Tứ thiền). Người tu hành tập trung toàn triệt vào một đối tượng thấy được trước mắt (sắc pháp, ở đây là một biến xứ) gọi là chuẩn bị tướng, như một điểm màu hay một cái đĩa có màu, một miếng đất, v.v. cho đến lúc dù nhắm mắt người ấy vẫn thấy hình ảnh nó trong tâm gọi là thô tướng (hay học tướng; P. uggaha). Trong khi tiếp tục định tâm vào hình ảnh ấy, hành giả có thể thấy một hình ảnh bất động vô nhiễm khởi lên gọi là quang tướng (P. patibhāga-nimitta) và khi đó sẽ đắc cận hành định (P. upacāra-samādhī). Tiếp tục định tâm trên đối tượng ấy, người tu hành sẽ đạt đến một trạng thái tâm lý, ở đó mọi hoạt động giác quan đều ngưng, không còn thấy, nghe, cảm giác, đó là sơ thiền. Mười biến xứ được kể là: đất, nước, lửa, gió, sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng, hư không (P. ākāsa) và Thức (P. viññāṇa).

(6) Tám thắng xứ: trong có sắc tướng, ngoài quán sắc nhiều thắng xứ hay ít thắng xứ; trong không có sắc tướng, ngoài quán sắc nhiều thắng xứ hay ít thắng xứ. Đây là bốn *hình sắc thắng xứ*. Sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ và sắc trắng, bốn thắng xứ này là *hiển sắc thắng xứ*. Do hình sắc thắng xứ và hiển sắc thắng xứ mà phát sinh *thắng tri* bởi xa-ma-tha và *thắng kiến* bởi tỳ-bát-xá-na<sup>351</sup> với định tuệ tương ưng. Bốn thắng xứ trước từ hai giải thoát đầu tiên<sup>352</sup> làm nhân mà phát sinh; bốn thắng xứ sau từ tịnh giải thoát<sup>353</sup> làm nhân mà phát sinh.

(7) Vô tránh: Do cái lực tam-ma-địa vô tránh của Phật mà khiến cho chúng sinh có công năng bạt trừ phiền não.

(8) Nguyên trí: Cho đến khi sinh tử chưa trống không, tùy nguyện thành biện nghĩa lợi của chúng sinh.

(9) Sáu thần thông.

(10) Bốn vô ngại giải (đã nói ở trên).

(11) Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh: sở y thanh tịnh, sở duyên thọ dụng thanh tịnh, tâm tam-ma-địa thanh tịnh và trí thanh tịnh, đó là bốn thanh tịnh *rốt ráo*.<sup>354</sup>

---

<sup>351</sup> Luận Hiển Dương Thánh Giáo, quyển 4: “Trong có sắc tướng, ngoài quán các sắc ít, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ đầu tiên.”

<sup>352</sup> Là giải thoát đầu tiên: Hữu sắc chư sắc quán giải thoát, và giải thoát thứ 2: Nội vô sắc tướng, ngoại chư sắc quán giải thoát. Hai giải thoát này dựa vào hai tịnh lự đầu tiên, vị chí định và trung gian định mà có được.

<sup>353</sup> Là giải thoát thứ 3: Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trú giải thoát. Tịnh giải thoát dựa vào tịnh lự thứ 4 mà có được. Các giải thoát còn lại thì dựa vào bốn Vô sắc định và diệt tận định mà có được.

<sup>354</sup> Du-già Sư Địa Luận, quyển 49, tr. 568c19: “Thế nào là bốn Nhất thiết chủng thanh tịnh của Như lai? Đó là: 1. Nhất thiết chủng sở y thanh tịnh; 2. Nhất thiết chủng sở duyên thanh tịnh; 3. Nhất thiết chủng tâm thanh tịnh; 4. Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Thế nào là Nhất thiết chủng sở y thanh tịnh? Nghĩa là tất cả phẩm tánh thô trọng của phiền não, cùng các thứ tập khí, nơi sở y của mình, đều vĩnh viễn diệt trừ không sót. Lại nữa, đối với tự thể, theo ý muốn của mình, trong thù, trú và xả, luôn tự tại chuyển vận. Đó là Nhất thiết chủng sở y thanh tịnh. Thế nào là Nhất thiết chủng sở duyên thanh tịnh? Nghĩa là đối với tất cả sở duyên, bằng các thứ giáo hóa, hoặc thần biến, hoặc được hiển hiện, đều tự tại chuyển vận. Đó là Nhất thiết chủng sở duyên thanh tịnh. Thế nào là Nhất thiết chủng tâm thanh tịnh? Nghĩa là như trước đã nói, tất cả tâm thô trọng đều vĩnh viễn rời xa, đoạn diệt. Lại nữa, ở trong tâm, tất cả chúng tử thiện căn đều được tích tập. Đó là Nhất thiết chủng tâm thanh tịnh. Thế nào là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh? Nghĩa là, như trước đã nói, tất cả phẩm tánh thô trọng của vô minh đều vĩnh viễn rời xa, đoạn diệt. Lại nữa, biến khắp trong cảnh giới của tất cả sở tri [của chúng sinh], trí không có chướng ngại, trí tự tại mà chuyển vận. Đó là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.”

(12) Mười tự tại: Có thể kéo dài tuổi thọ là *thọ tự tại*. Nơi vô số tam-ma-địa mà có được sự tự tại là *tâm tự tại*. Đã được định Hư không tạng là *tư cụ tự tại*. Chỉ dạy tất cả công xảo nghệ thuật, v.v. các sự nghiệp là *sự nghiệp tự tại*. Theo ý nguyện mà thọ sinh là *sinh tự tại*. Thị hiện thân Phật sung mãn tất cả thế giới là *thắng giải tự tại*. Thành tựu vô số đại nguyện điều phục chúng sinh là *nguyện tự tại*. Nhất thời đốn hiện vô lượng thần biến để điều phục chúng sinh là *thần thông tự tại*. Hoạch đắc bốn vô ngại giải thù thắng là *trí tự tại*. Như ý giảng giải mười hai phần giáo là *pháp tự tại*.

(13) Mười lực.

(14) Bồ vô úy (đã nói ở trên).

(15) Ba bất hộ: Thân hành, ngữ hành và ý hành của Như Lai thì hoàn toàn thanh tịnh, không sợ người khác biết ba nghiệp tà hành mà giữ gìn lầm lỗi.

(16) Ba niệm trú: Khi Phật thuyết pháp, với người khéo lắng nghe, Phật chẳng khởi tâm tham; với người không khéo lắng nghe, Phật chẳng khởi tâm sân; với người xen tạp, Phật chẳng khởi hai tâm tham sân, chỉ niệm trú nơi xả.

(17) Không quên mất pháp: Lợi ích chúng sinh không bỏ lỡ thời gian.

(18) Vĩnh hại tùy miên: Vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử tập khí của hai chướng là phiền não và sở tri.

(19) Đại bi tâm: Ngày đêm sáu thời đem tâm nhiều ích thường quan sát tất cả chúng sinh: ai đã thành thực, ai chưa thành thực, ai thành *tăng thượng sinh khí*, ai thành *quyết định thắng khí*.

(20) Mười tám pháp bất cộng của Phật (đã nói ở trên).

(21) Nhất thiết tướng trí. Chữ ‘Và’ [trong kệ tụng] cũng gồm cả Đạo tướng trí và Nhất thiết trí.

Như vậy 21 tự Vô lậu trí được gọi là *Trí pháp thân*.

### 5.2.2 Sai biệt

*Thanh văn vô tránh định*  
*Lìa người thấy phiền não*  
*Phật vô tránh vĩnh đoạn*  
*Vào xóm làng, v.v. phiền não*  
*Phật sở hữu nguyện trí*  
*Nhậm vận, vô ngại trước*  
*Vô chướng ngại, thường trú*  
*Đáp hết mọi câu hỏi.*

[0080a07] Tam-ma-địa vô tránh của Như Lai thù thắng hơn tam-ma-địa vô tránh của Thanh văn, vì tam-ma-địa vô tránh của Thanh văn chỉ đoạn sở duyên duyên của tự thân nhưng vẫn làm cho chúng sinh tác sinh phiền não. Tam-ma-địa vô tránh của Phật là khi đi vào xóm làng, v.v., Phật có năng lực đoạn trừ hết những phiền não trong tự thân chúng sinh khi họ gặp mặt.

Lại nữa, nguyện trí của Như Lai thù thắng hơn nguyện trí của Thanh văn. Đức Phật có nhiều phương cách công dụng để chuyển vận [tâm nguyện] một cách tự nhiên, không chấp trước nên không tham trước nơi sắc, v.v., vĩnh đoạn hai chướng nên trí không có chướng ngại đối với tất cả sở tri [của chúng sinh]. Cho dù sinh tử chưa trống không, tác dụng an trú của tam-ma-địa vẫn thường hằng [có mặt] để an trú [chúng sinh]. Phật có bốn vô ngại giải nên có thể giải đáp mọi câu hỏi. Nguyện trí của Thanh văn thì không được như Phật.

### **5.2.3 Đoạn tránh**

#### **5.2.3.1 Đoạn tránh đối với pháp thân thường trú**

*Thiện nhân đã thành thực*

*Vì chúng sinh giáo hóa  
Bấy giờ làm lợi ích  
Liền hiện ở này kia  
Như trời đổ cơn mưa  
Hạt thối không nảy mầm  
Chư Phật tuy xuất thế  
Vô căn không hoạch thiện.*

[0080a14] Phật hiện thân làm lợi ích hữu tình, điều quan trọng là hữu tình kia đã tích tập thiện căn. Do đời trước đã gieo trồng thiện căn, được gặp những bậc thiện tri thức mà làm nhân tố, thế lực thành thực cho sự gặp Phật. Đức Phật vì giáo hóa chúng sinh, ở thời gian này, nơi xứ sở kia, hiện thân thuyết pháp để lợi ích hữu tình, cho đến hiện thân Thanh văn thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh.

Đối với hữu tình chưa tích tập tư lương thì Phật không như vậy hiện thân. Do chúng sinh kia bị nghiệp chướng che lấp, không có đủ nhân tố để Phật hiện thân.

Chư Phật Thế Tôn tuy xuất thế gian, cũng có một loại chúng sinh không có thiện căn để nghe pháp, v.v., bởi vì họ không có thiện căn để tự thân thấy Phật, thí như trời đổ cơn mưa, nhưng hạt hư thối không nảy mầm xanh.

### **5.2.3.2 Đoạn tránh đối với biến thường**

*Sự quảng đại như thế  
Nên nói Phật là biến  
Sự ấy là vô tận  
Cũng nói Phật là thường.*

[0081a02] Chư Phật Thế Tôn được nói là ‘phổ biến’, như trên đã giải thích. Nếu có chúng sinh đến lúc được điều phục, thì ở mọi thời gian và xứ sở, Phật hiện thân thuyết pháp, làm sự lợi tha rộng lớn.

Sự nghiệp [lợi tha rộng lớn của Phật] tương tục, cũng được nói là ‘thường hằng’, cho đến sự sinh tử chưa chấm dứt, thời gian an trú lợi tha là vô tận.

### **5.3 Thọ dụng thân**

#### **5.3.1 Lược nêu hành tướng**

[0081a06] Đầy đủ năm thứ quyết định cho sắc thân cứu cánh, là sắc thái của Thọ dụng thân. Giới hạn là chỉ ở Phật địa.

Năm thứ quyết định là:

- (1) Xứ quyết định: Chỉ trú ở thiên cung cõi trời Sắc cứu cánh.
- (2) Thân quyết định: Chỉ là thân trang nghiêm tướng hảo viên minh.
- (3) Chúng quyết định: Chỉ có các bậc Thánh, Bồ-tát bao quanh.
- (4) Pháp quyết định: Chỉ thuyết pháp Đại thừa.
- (5) Thời quyết định: An trú cho đến sự sinh tử chưa trông không.

*Có ba mươi hai tướng*

*Tám mươi tùy hảo tánh*

*Và thọ dụng Đại thừa*

*Gọi Phật thọ dụng thân.*

Ba mươi hai tướng tốt và 80 vẻ đẹp làm tánh chất cho sắc thân của Đức Năng Nhân, đó là viên mãn thọ dụng thân, là cái thân viên mãn thọ dụng pháp Đại thừa, có 5 thứ quyết định sai biệt.

#### **5.3.2 Rộng giải công đức**

### 5.3.2.1 Tướng tốt

*Đủ luân tướng tay chân  
Lòng chân như bụng rùa  
Màng giữa ngón tay chân  
Mềm mại rất mỏng mịn  
Thân bảy chỗ đầy đặn  
Ngón tay chân thon dài  
Gót tròn, thân to thẳng  
Xương đầu gối không nhô  
Các lông đều xoay lên  
Bước như y-nê-da  
Hai cánh tay dài đẹp  
Âm tàng kín bậc nhất  
Da vàng óng mềm mại  
Lỗ chân lông xoay phải  
Lông giữa mày trang nghiêm  
Thân trên như sư tử  
Cổ vai tròn đầy đẹp  
Chẳng ngon hiện vị ngon  
Thân lượng cao rộng bằng  
Như cây nặc-cù-đà  
Đỉnh nhục kế tròn nổi  
Lưỡi rộng dài Phạm thích  
Hai má như sư vương  
Răng trắng sạch đều đặn  
Các răng rất dày khít*

*Số lượng có bốn mươi  
Mắc biếc, mi râu chúa  
Tướng tốt ba mươi hai  
Trong đây mỗi một tướng  
Đều có nhân sinh ra  
Các nhân tố viên mãn  
Mà cảm những tướng này  
Đón rước sư trưởng, v.v.  
Chánh thọ, trú kiên cố  
Tập quen bốn nhiếp sự  
Bổ thí của cải tốt  
Cứu thả những sinh loài  
Tặng trưởng nhận điều lành  
Là nhân sinh các tướng  
Như kinh đã tuyên thuyết.*

[0081a17] (1) Do xưa khi ở Hữu học đạo, khéo léo đón rước sư trưởng, v.v. mà cảm được luân tướng cụ túc ở lòng bàn tay, chân của Đức Năng Nhân.

(2) Do xưa chánh thọ luật nghi, kiên cố an trú, mà cảm được bàn chân bằng phẳng đầy đặn như bụng rùa.

(3) Do xưa tu tập bốn nhiếp sự mà cảm được có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như [chân] ngỗng chúa.

(4) Do xưa bố thí những đồ ăn tốt đẹp mà cảm được chân tay mềm mại [như áo trời].

(5) Do xưa bố thí những đồ uống tốt đẹp mà cảm được bảy chỗ đầy đặn: hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ, như thân Phật.



(6) Do xưa cứu thoát hữu tình bị giết, bị trói và bị đánh đập, mà cảm được các ngón tay, chân đều thon dài, khả ái.

(7) Do xưa làm lợi cho cuộc sống người khác mà cảm được gót chân dày đặn.

(8) Do xưa rời xa việc sát sinh mà cảm được thân Phật to thẳng.

(9) Do xưa chánh thọ những thiện pháp: bố thí, v.v. mà cảm được mắt cá chân và xương đầu gối không nhô cao.

(10) Do xưa tự làm việc thiện nên chuyển hóa và tăng trưởng người khác mà cảm được lông ở thân thể đều mọc hướng lên.

(11) Do xưa đem y phương minh, công xảo minh, v.v. truyền trao cho người mà cảm được cặp đùi thon dài, tròn như đùi [nai chúa] y-nê-da.

(12) Do xưa không bỏ rơi những ai đến xin tiền của mà cảm được đôi cánh tay thon dài.

(13) Do xưa an lập tất cả hữu tình nơi luật nghi, Phạm hạnh, và khéo phòng hộ *bí mật ngữ* mà cảm được tướng âm tàng ẩn kín rất là bậc nhất.

(14) Do xưa thí cho người đồ nằm tốt đẹp mà cảm được da màu hoàng kim, trong sạch, tươi sáng.

(15) Do xưa thí cho người cung điện thù thắng mà cảm được da thịt mịn màng, trơn mượt.

(16) Do xưa rời xa sự huyên não, tán loạn, v.v. mà cảm được mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi, xoáy ốc về phía bên phải.

(17) Do xưa cung kính và phụng sự tất cả chúng sinh và sư trưởng, v.v., cũng làm cho người biết cung kính và phụng sự, mà cảm được tướng lông trắng giữa hai chân mày, to bằng cái lỗ quả ô liu, hình dạng như một cái ống bạc, trắng trong và mềm mại, kéo ra dài một tầm, thả thì xoáy ốc về phía bên phải, hướng lên trên.

(18) Do xưa chưa từng khinh rẻ, chê bai người khác mà cảm được thân phần trên nở nang giống như thân sư tử.

(19) Do xưa tùy thuận sự thiện thuyết của người mà cảm được cánh tay tròn đầy.

(20) Do xưa thí cho người thuốc men, v.v. mà cảm được hai vai tiếp qua cổ rất khéo đầy đặn, bằng phẳng.

(21) Do xưa phụng sự chúng sinh qua những việc chăm sóc người bệnh, v.v. mà cảm được yết hầu thanh sạch, ăn thức gì chẳng phải thượng vị cũng thành thượng vị.

(22) Do xưa kiến tạo khu vườn, v.v. mà cảm được thân hình cân xứng, không cồng, đẹp đẽ giống như cây nặc-cù-đà.

(23) Do xưa hiến cúng người tự viện, v.v. mà cảm được nhục kế (: ô-sát-ni-sa) trên đỉnh đầu tròn đầy, nổi cao.

(24) Do xưa trong ba vô số kiếp nói lời hòa ái, v.v. mà cảm được tướng lưỡi rộng dài, mỏng sạch, màu như sen hồng.

(25) Do xưa tuyên thuyết chánh pháp bằng một âm thanh cho tất cả hữu tình ở thế gian mà cảm được thành tựu 5 tánh chất của Phạm âm<sup>355</sup>.

(26) Do xưa rời xa lời nói thù dết mà cảm được hai má như sư tử vương.

(27) Do xưa phụng sự và xưng tán tất cả chúng sinh mà cảm được tướng răng trắng sạch.

(28) Do xưa rời xa tà mạng, chánh mạng thanh tịnh, mà cảm được tướng răng ngang bằng, đều đặn.

(29) Do xưa tu tập lời nói chắc thật mà cảm được tướng răng khít nhau không hở.

---

<sup>355</sup> Phạm âm 梵音: Cũng gọi Phạm thanh. Chỉ cho âm thanh của Phật và Bồ tát, 1 trong 32 tướng hảo của Phật. Cứ theo luận Đại trí độ, quyển 4, thì Phạm âm vi diệu của Phật có 5 tính chất: 1. Rền vang như sấm; 2. Trong suốt vang xa, người nghe đều vui mừng; 3. Khiến người sinh tâm kính ái; 4. Rõ ràng dễ hiểu; 5. Người muốn nghe mãi, không cảm thấy chán.

(30) Do xưa rời xa lời nói ly gián mà cảm được trọn vẹn bốn mươi cái răng.

(31) Do xưa đối đãi tất cả chúng sinh như đứa con của mình mà cảm được tướng con mắt như ngọc báu xanh biếc.

(32) Do xưa đối đãi tất cả chúng sinh bằng tâm không tham, sân, mà cảm được đôi mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí, không tạp loạn nhau.

Đây là những nhân tố sinh ra 32 tướng.

Báo thân viên mãn của Năng Nhân chắc chắn cảm được 32 tướng này, do có các nhân tố như vậy mà cảm được các tướng viên mãn như vậy. Những nhân tố như đón rước sư trưởng, v.v., theo đó có các tướng, như đã nói rộng. Những điều này được gọi là tướng, là vì ai có đầy đủ những tướng này thì biểu hiện người đó là *bậc đại trượng phu*.

### 5.3.2.2 Vẻ đẹp

*Móng Phật màu đỏ thắm*

*Tươi nhuận, cao, các ngón*

*Tròn, đầy mà thon dài*

*Mạch không hiện, không xoắn*

*Mắt cá ẩn, chân bình ổn*

*Bước đi như sư tử, voi*

*Ngõng, trâu chúa, xoay phải*

*Đẹp, thẳng tiến, chắc kín*

*Sáng sạch, thân tương xứng*

*Sạch sẽ, mềm, thanh tịnh*

*Các tướng đều tròn đầy*

*Thân quảng đại vi diệu*

*Đi khoan thai, đôi mắt*

*Trong sáng, thân mịn mượt  
Không khiếp nhược, đầy đặn  
Thân ấy khéo khích lệ  
Tứ chi khéo cân đối  
Thấy trong sáng, không đục  
Thân viên mãn, cân đối  
Không nghiêng, thân gọn gàng  
Rốn sâu, xoay tròn phải  
Mọi người đều ưa nhìn  
Hạnh tịnh, thân không mụn  
Cũng không nốt ruồi đen  
Tay mềm hoa mộc miên  
Chỉ tay sáng, sâu, dài  
Khuôn mặt không quá dài  
Môi hồng quả tần-bà  
Lưỡi mềm mại, mỏng mảnh  
Đỏ thắm, phát lôi âm  
Tiếng tuyệt diệu, răng tròn  
Sắc bén, trắng, đều đặn  
Thon dài, mũi cao thẳng  
Trong sạch rất bậc nhất  
Mắt rộng, lông mi rậm  
Giống như cánh hoa sen  
Chân mày dài, mềm mại  
Thâm mượt, lông gọn gàng  
Tay dài đầy, tai bằng  
Vành tai không thiếu sót*

*Vàng trán khéo cân đối  
Rộng mở, đỉnh tròn đầy  
Tóc xanh biếc ong chúa  
Dày rậm, mềm, không rối  
Không rít, tỏa diệu hương  
Hay thỏa ý chúng sinh  
Vân đức tướng cát tường  
Đó là vẻ đẹp Phật.*

[0083a07] Thọ dụng thân của Phật có 80 vẻ đẹp:

(1) Do viễn ly hoàn toàn tham ái đối với tất cả hành mà cảm được móng tay có màu đồng đỏ, đỏ tươi, sáng bóng của Đức Năng Nhân.

(2) Do tăng thêm *ý lạc lợi ích* đưa đến cứu cánh đối với tất cả hữu tình mà cảm được màu móng tươi nhuận.

(3) Do sinh vào tộc tánh thượng đẳng mà cảm được móng tay nhô cao [không có chỗ lõm].

(4) Do *hành cảnh*<sup>356</sup> không có tội lỗi mà cảm được các ngón đều dáng tròn.

(5) Do tích tập thiện căn trọn vẹn mà cảm được các ngón đều đầy đặn.

(6) Do tu tiệm thứ *ba thứ trí đức*<sup>357</sup> mà cảm được các ngón đều thon dài.

(7) Do xưa khéo phòng hộ để không phạm mười ác nghiệp và không mưu sinh bằng tà mạng mà cảm được các gân mạch đều ẩn sâu, không hiện.

(8) Do cởi bỏ các phiền não kết [sử/phược] mà cảm được các gân mạch không xoắn.

(9) Do liễu tri được mật nghĩa sâu xa mà cảm được mắt cá chân đều ẩn đi.

---

<sup>356</sup> Các pháp đều là sở duyên của các tâm và tâm sở hữu pháp, gọi là hành cảnh.

<sup>357</sup> Ba thứ trí đức: Nhất thiết trí, Đạo tướng trí và Nhất thiết tướng trí.

(10) Do có thể đi đến những nạn xứ trong sinh tử để độ chúng sinh mà cảm được

(11) Do khéo léo vượt hơn loài người mà cảm được bước đi như sư tử.

(12) Do khéo léo vượt hơn loài rồng mà cảm được bước đi như voi chúa.

(13) Do khéo léo vọt lên hư không mà cảm được bước đi như ngỗng chúa.

(14) Do khéo dẫn dắt hữu tình đến chỗ an lạc mà cảm được bước đi như trâu chúa.

(15) Do đi chiều thuận đường vòng mà cảm được cả thân xoay phải [khi ngó lui].

(16) Do bước đi khéo léo đoan trang mà cảm được bước đi tốt đẹp.

(17) Do tâm luôn không cong vạy, quanh co mà cảm được bước đi thẳng tiến.

(18) Do xung tán công đức của người khác mà cảm được thân thể cứng chắc dày kín.

(19) Do không nhiễm trước các ác pháp mà cảm được thân thể sáng sạch.

(20) Do thuyết pháp thích ứng căn cơ mà cảm được thân thứ đệ tương xứng.

(21) Do thực hành sự thanh tịnh mà cảm được thân rất sạch sẽ.

(22) Do tâm có đủ đại bi mà cảm được thân mềm dịu.

(23) Do ý nghĩ dơ bẩn được thanh tịnh mà cảm được thân khéo thanh tịnh.

(24) Do pháp tỷ-nại-da viên mãn mà cảm được các tướng đều tròn đầy.

(25) Vì người khác nói trọn vẹn về công đức quảng diệu<sup>358</sup> mà cảm được thân quảng đại vi diệu.

(26) Tâm bình đẳng đối với tất cả hữu tình mà cảm được bước đi khoan thai, bằng nhau.

(27) Do thuyết pháp trong sáng mà cảm được đôi mắt trong sáng, không đục.

---

<sup>358</sup> Công đức của diệu lý Phương quảng Đại thừa.

- (28) Do thuyết pháp dễ hiểu mà cảm được thân rất mịn mượt.
- (29) Do tâm không thoái lui trước những xứ sở khó đi mà cảm được thân dáng không hèn nhát, sợ sệt.
- (30) Do tu tập thiện căn vượt thoát tất cả thế gian mà cảm được thân thể rất đầy đặn.
- (31) Do đã chấm dứt hậu hữu mà cảm được thân khéo khích lệ.
- (32) Do khéo phân biệt lý duyên khởi thuận nghịch mà cảm được tứ chi khéo cân đối.
- (33) Do nói về *pháp nghĩa thanh tịnh* mà cảm được thị lực trong sáng, không vẩn đục.
- (34) Do giới luật của hàng đệ tử viên mãn mà cảm được thân tướng viên mãn.
- (35) Do chưa nhiễm trước những lầm lỗi trong sinh tử mà cảm được thân tướng cân đối.
- (36) Do chế phục được ngã mạn mà cảm được thân không nghiêng lệch.
- (37) Thuyết pháp không có cùng tận mà cảm được thân tướng gọn gàng, không các cao thấp.
- (38) Do thấu suốt giáo pháp sâu xa mà cảm được rốn sâu và đẹp.
- (39) Do đệ tử thọ trì và tùy thuận lời giáo huấn của mình mà cảm được vân rốn xoáy bên phải.
- (40) Do các đồ chúng thực hành sự đoan nghiêm mà cảm được uy nghi đoan trang mà mọi người ưa nhìn.
- (41) Do tâm ý tĩnh lặng mà cảm được giới hạnh ba nghiệp thanh tịnh.
- (42) Do không thuyết pháp tỳ-nại-da phi thời mà cảm được thân không mụn cóc và nốt ruồi đen.

(43) Do thuyết pháp về sự an lạc của thân, v.v. mà cảm được hai cánh tay mềm mại như đũa-la-miên<sup>359</sup>.

(44) Do từng là bậc đại sa-môn có ánh sáng mà cảm được chỉ tay có ánh sáng.

(45) Do an trú pháp sâu xa mà cảm được chỉ tay rất sâu đậm.

(46) Do thường xuyên thuyết pháp chân tịnh mà cảm được chỉ tay dài thẳng.

(47) Do tuyên thuyết *chúng đa học xứ*<sup>360</sup> cho chúng sinh mà cảm được khuôn mặt không quá dài.

(48) Do thấu suốt tất cả thế gian giống như ảnh tượng mà cảm được môi hồng như quả tần-bà<sup>361</sup>.

(49) Do dùng lời như hòa để điều phục chúng sinh mà cảm được lưỡi rất mềm mại.

(50) Do nói chánh lý của rất nhiều công đức mà cảm được lưỡi rất mỏng mảnh.

(51) Do pháp tỳ-nại-da được thuyết thì khó suy lường bởi hàng phàm phu chấp trước ngã và ngã sở, mà cảm được lưỡi màu đỏ thắm.

(52) Do không có mọi sợ hãi mà cảm được lời nói như tiếng sấm rền.

---

<sup>359</sup> Đũa-la-miên 兜羅綿. Đũa-la (兜羅, Tula), cũng gọi Đũa-la, Đũa-la, Đũa-la-miên, Đũa-la-trữ. Nghĩa là sợi bông, sợi bông mịn. Gọi chung bông sợi được lấy từ hoa các loại cây. Có rất nhiều loại. Luật Tứ phần quyển 19 nêu ba loại hoa để lấy bông sợi là hoa cây bạch dương, hoa dương liễu và bồ-đài. Luật Ngũ phần quyển 9 liệt kê bốn loại: Hoa liễu, hoa bạch dương, hoa bồ-lê và hoa thiêm-bà. Luật Thập tụng quyển 18 nêu ra 8 loại: Hoa liễu, hoa bạch dương, hoa a-curu-la, hoa ba-curu-la, hoa curu-xá-la, hoa gian-xà, hoa ba-ba-xà và hoa tạp-ma. Nhưng Câu xá luận quang ký quyển 11 và Phiên dịch danh nghĩa tập quyển 7 đều cho Đũa-la là tên của một loại cây và Đũa-la-miên là loại tơ được lấy ra từ cây Đũa-la, giống như tơ liễu. Ngoài ra, trong 80 thứ tướng đẹp của đức Phật thì tướng tay chân của Ngài được gọi là Đũa la miên, vì rất mềm mại mịn màng như tơ cây đũa-la. [X. phẩm Chúng dụ trong kinh Đại bát nhã Q.311; Tát bà đa tì ni tì bà sa Q.9; luận Câu xá Q.11; Ma ha chỉ quán Q.5 phần trên; Tuệ lâm âm nghĩa Q.64]. Mộc miên 木棉 (Bombax ceiba): Cây hoa gạo.

<sup>360</sup> Chúng đa học xứ 眾多學處 = Chúng đa học pháp 眾多學法 (P. sikkhākaraṇīya, S. Śikṣākaraṇīya): Thường được dịch là chúng học pháp 眾學法 hay ứng học pháp 應學法, gồm 100 điều nên học, liên hệ đến oai nghi của Tăng sĩ, như mặc pháp phục, ăn uống, vệ sinh cá nhân, tôn kính tháp, xá-lợi và cách thuyết pháp cho người tại gia.

<sup>361</sup> Tần bà 蘋婆 (Sterculia nobililis), còn viết là 頻婆, cũng có tên khác là phượng nhãn quả 鳳眼果. Một loại cây sản sinh ở Ấn độ cổ đại, quả có màu đỏ tươi. Điều 'Tần bà quả' trong Tịch chiếu đường cốc hương tập, quyển 1, nói: Cây Tần bà thuộc loại cây cao, quả có màu đỏ, to bằng hạt đậu đỏ. Du già luận ký, quyển 2, thì cho rằng, quả Tần bà chính là quả Tần loa 頻螺果.



- (53) Do nói lời hòa ái mà cảm được âm vận tuyệt diệu.
- (54) Do phòng hộ những kết sử trong ba cõi mà cảm được bốn răng [cửa] tròn trĩnh.
- (55) Do điều phục được cái khó điều phục mà cảm được bốn răng sắc bén.
- (56) Do hàng phục phiền não bằng pháp tỳ-nại-da rất trong sạch mà cảm được bốn răng trắng sạch.
- (57) Do an trú sự thông đạt tánh chất bình đẳng của sinh tử và niết-bàn mà cảm được bốn răng đều đặn.
- (58) Do tuần tự thuyết giảng hiện quán của ba thừa mà cảm được bốn răng thon dài.
- (59) Do an trú phương tiện được nắm giữ bởi thắng tuệ mà cảm được tướng mũi cao thẳng.
- (60) Do đầy đủ tịnh hạnh khiến chúng sinh tin tưởng và ngưỡng mộ mà cảm được mũi trong sạch.
- (61) Do thuyết pháp quảng đại mà cảm được con mắt rộng dài.
- (62) Do độ chúng sinh thoát sinh tử mà cảm được lông mi dày rậm.
- (63) Do làm cho chúng sinh hoan hỷ, xưng tán mà cảm được con mắt trắng xanh, sáng tỏ, hoàn hảo, như cánh hoa sen [trắng và xanh].
- (64) Do lúc nào cũng đoái hoài các hữu tình mà cảm được chân mày dài thẳng.
- (65) Do khéo léo hòa hoãn và điều phục, chẳng lấy năm nóng đốt thân<sup>362</sup>, v.v. mà cảm được lông mày mềm mại.
- (66) Do ý nghĩ hành thiện mà cảm được chân mày thấm ướt.

---

<sup>362</sup> Ngũ nhiệt chích thân 五熱炙身: Là phương pháp tu khổ hạnh bằng cách phơi mình dưới ánh nắng và đốt lửa ở 4 phía của ngoại đạo Ấn độ thời xưa. Ngoại đạo tu hạnh khổ này được gọi là Ngũ nhiệt chích thân ngoại đạo. [X. Duy ma kinh nghĩa số Q.trung].

(67) Do thấy hết những tai họa của tham, v.v. mà cảm được lông mày gọn gàng.

(68) Do ngăn trừ hữu tình làm những tổn hại<sup>363</sup> mà cảm được cánh tay dài đầy đặn.

(69) Do chiến thắng tham, v.v. mà cảm được hai tai bằng nhau.

(70) Do khiến [thiện căn của] các hữu tình tương tục bất hoại mà cảm được nhĩ căn bất hoại.

(71) Do không có những biên chấp kiến, v.v. làm nhiễu động tâm mà cảm được vàng trán và chân tóc khéo cân đối.

(72) Do phá hủy tất cả tà thuyết mà cảm được vàng trán nở nang, cao rộng.

(73) Do viên mãn thắng nguyện mà cảm được đỉnh đầu tròn đầy như cái lọng báu.

(74) Do đối với sắc, v.v. đoạn trừ tham ái mà cảm được tóc màu xanh biếc như ong chúa.

(75) Do đoạn tận các tùy miên của Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn mà cảm được tóc nhiều và dày.

(76) Do thuyết Thánh giáo bằng diệu tuệ biến tri mà cảm được tóc mềm mịn.

(77) Do tâm ý không bị tham, v.v. làm xao động mà cảm được tóc không rối.

(78) Do lúc nào cũng không nói lời thô ác mà cảm được tóc không thô rít.

(79) Do đối trước Tam bảo tung rải hoa mầu mà cảm được tóc tỏa diệu hương làm thỏa ý chúng sinh.

(80) Ngón cái của bàn tay và bàn chân có hoa văn phức đức như kim cương, bốn phía của lòng bàn tay và bàn chân có hoa văn cát tường. Ngón út, v.v. có bảy dấu văn xoáy phải để khéo trang nghiêm.

---

<sup>363</sup> Tổn hại mình người, thân tâm, hiện tại và vị lai, như ngũ nghịch, thập ác.

Tám mươi tướng này gọi là vẻ đẹp của Phật. Các tướng công đức thể hiện ngoài thân để biểu thị công đức của nội tâm.

#### 5.4 Thắng ứng thân

[0084a16] Không đầy đủ *năm thứ quyết định* được hiển lộ bởi sắc thân cứu cánh, là sắc thái của Hóa thân. Giới hạn chỉ ở Phật địa.

*Hoặc đối với ba hữu*

*Với chúng sinh bình đẳng*

*Làm các thứ lợi ích*

*Hóa thân Phật không dứt.*

Ở đây phân làm ba: sinh hóa thân, xảo hóa thân và thắng ứng thân. Ví dụ, Đức Thế Tôn Thích Ca, thân thứ nhất như khi Ngài làm Thiên tử, thân thứ hai như khi Ngài hiện làm Càn-thác-bà vương, và thân thứ ba là Đức Thích Ca Năng Nhân.

Lại nữa, sinh hóa thân cũng hiệm làm cầm thú, cầu bắc qua sông, rừng cây, v.v. Nếu ngay cả ba hữu chư trống không, đối với chúng sinh thanh tịnh và chúng sinh không thanh tịnh<sup>364</sup>, đồng thời mà hiện đủ loại thân nơi *tăng thượng sinh đạo* hay *quyết định thắng đạo* để làm lợi ích. Đây là hóa thân của Đức Phật Năng Nhân Thế Tôn, bởi vì không đầy đủ *năm thứ quyết định* được hiển lộ bởi sắc thân cứu cánh.

---

<sup>364</sup> Tạp A-hàm, kinh Thanh Tịnh, số 630: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Rồi, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan: Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và càng trở nên sáng chói không? Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la: Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và trở nên sáng chói, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm trú quán thân trên thân; niệm trú quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Sau khi hai Tôn giả bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.” (Thích Đức Thắng dịch)

Phật tác sự nghiệp cũng thường không gián đoạn, cho đến sinh tử chưa trống không. Ở tất cả thế giới, sự nghiệp của Phật thì tương tục, không dứt.

## 6. Sự nghiệp

*Như vậy tận sinh tử  
Sự nghiệp ấy không dứt  
Chư thú, tịch diệt nghiệp  
An lập tứ nhiếp sự  
Khiến biết các tạp nhiễm  
Và biết các thanh tịnh  
Hữu tình như chúng nghĩa  
Sáu ba-la-mật-đa  
Phật đạo, tự tánh Không  
Diệt hết hai hý luận  
Giả danh, vô sở đắc  
Thành thực các hữu tình  
Và lập Bồ-tát đạo  
Trừ diệt các chấp trước  
Đắc Bồ-đề, nghiêm tịnh  
Phật độ và quyết định  
Lợi vô lượng hữu tình  
Thân cận Phật các đức  
Bồ-đề phân, các nghiệp  
Không hoại mất, kiến đế  
Rời xa các điên đảo  
Không lý căn bản kia*

***Thanh tịnh và tư lương***

***Hữu vi và vô vi***

***Ắt biết không có khác***

***An lập đại niết-bàn***

***Đó sự nghiệp pháp thân***

***Có hai mươi bảy loại***

[0085a08] Như trên đã nói, biết pháp thân không có gián đoạn. Cho dầu sinh tử có cùng tận thì sự nghiệp của pháp thân cũng không cùng tận. Tư lương ‘không gián đoạn’ như vậy là nhân tố để đạt cứu cánh. Những sự nghiệp của pháp thân là:

(1) An lập chúng sinh nơi *ý lạc viên mãn*, vì để phát khởi ý lạc cầu các thú an lạc và giải thoát tịch tĩnh.

(2) Lại an lập người nơi *thành thực gia hành*, vì để liễu tri bốn nhiếp sự: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

(3) Lại an lập người khiến biết *chánh kiến về Tứ đế*, vì để liễu tri nhân quả tạp nhiễm là hai đế Khổ Tập cần phải xả bỏ, nhân quả thanh tịnh là hai đế Diệt Đạo cần phải thủ đắc.

Ba sự nghiệp này là an lập nơi Tư lương đạo.

(4) An lập người nơi *ý lạc tự lợi viên mãn*, vì để hữu tình liễu tri *chân thật nghĩa* như sở chứng của mình.

(5) Lại an lập người nơi *tự thành thực gia hành*, vì để viên mãn sự thực hành sáu độ.

(6) Lại an lập người nơi *hạnh tự lợi lợi tha*, vì để sanh về các thú và Phật địa bằng mười thiện đạo.

(7) Lại an lập người nơi *thanh tịnh kiến*<sup>365</sup>, vì lấy *tu sở thành tuệ* thuộc thế gian<sup>366</sup> để thông đạt Thắng nghĩa, tự tánh Không.

Bốn sự nghiệp này là an lập nơi Gia hành đạo.

(8) Lại an lập người nơi *Kiến đạo*, vì để các chúng sinh thân chứng tánh Không, tận diệt hý luận về hai thủ.

(9) Lại an lập Bồ-tát nơi *địa thứ hai và địa thứ ba ở Tu đạo*, vì Bồ-tát ở hai địa ấy có tuệ liễu tri các pháp đều là giả danh, an lập nơi thi-la và an nhẫn.

(10) An lập Bồ-tát nơi *địa thứ tư, địa thứ năm và địa thứ sáu*, vì ở địa thứ tư Bồ-tát có tuệ liễu tri Bồ-đề phần; ở địa thứ năm Bồ-tát có tuệ liễu tri Tứ thánh đế; ở địa thứ sáu Bồ-tát có tuệ liễu tri Duyên khởi, đều biết tất cả các pháp là thắng nghĩa, vô sở đắc.

(11) An lập Bồ-tát nơi *địa thứ bảy*, vì ở địa ấy, Bồ-tát nhiếp các phương tiện thiện xảo ba-la-mật-đa, thành thực các hữu tình.

(12) An lập Bồ-tát nơi *địa thứ tám*: Một là, an lập nơi sự *liễu tri ba đạo của Đạo tướng trí*, vì an lập nơi địa này thì nhiếp hết Bồ-tát đạo, biểu thị qua ba đạo của Đạo tướng trí: Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo.

(13) Hai là, an lập *thật chấp tịch tĩnh*, vì an lập để diệt trừ *hiện hành thật chấp*.

(14) Ba là, an lập nơi *giả danh Phật bảo*, vì an lập để được tên Bồ-đề của Phật bảo.

(15) Bốn là, an lập *nghiêm tịnh Phật độ gia hành*, vì an lập nơi sự nghiêm tịnh Phật độ.

---

<sup>365</sup> Thanh tịnh kiến là cái thấy rời xa hai chấp tăng ích và tổn giảm, tức chánh kiến Trung đạo. Nơi hữu tình, chấp ngã là tăng ích, chấp vô ngã là tổn giảm. Nơi các pháp, chấp tâm có thật là tăng ích, chấp tâm không có thật là tổn giảm. Luận Biện trung biên: “Nơi nhân, quả và dụng, nếu không tăng ích và không tổn giảm, chính là nghĩa của duyên khởi.”

<sup>366</sup> Tu sở thành tuệ: Thánh tuệ vô lậu nương vào sự tu tập mà phát sinh. Sự tu tập thế gian ở đây là: Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất pháp, tu 16 hành tướng của Tứ đế.

(16) An lập BỒ-tát nơi *địa thứ chín*: Một là, an lập nơi *tự định thành Phật*, vì an lập sự quyết định thành Phật, không rơi vào Tiểu thừa.

(17) Hai là, an lập nơi sự *thành thực chúng sinh*, vì an lập để tác thành cho địa ở trên nhiếp hết mọi lợi ích cho vô lượng hữu tình.

(18) An lập BỒ-tát nơi địa thứ mười: Một là, an lập nơi sự *thân cận thiện tri thức*, vì an lập để nhiếp hết công đức như thân cận vô số chư Phật làm thiện tri thức, v.v. khi tu ở địa ấy.

(19) Hai là, an lập nơi *trí đức tăng trưởng*, vì an lập để đắc BỒ-đề phần, tức an lập để viên mãn BỒ-đề phần thiện xảo<sup>367</sup>.

(20) An lập nơi *nghiệp không hoại mất*, vì an lập để biết các nghiệp không hoại mất, không dối gạt.

(21) An lập để *biết Tứ đế*, vì để hiện kiến Tứ đế.

(22) An lập để *rời xa điên đảo*, vì vĩnh viễn lìa bốn điên đảo: thường, lạc, ngã, tịnh.

(23) An lập để *biết căn bản không sở y*, vì an lập nơi căn bản không có thật chấp mà sinh ra các điên đảo.

(24) An lập nơi *viên mãn thanh tịnh*, vì an lập nơi viên mãn thanh tịnh khi chứng đắc tánh bình đẳng.

(25) An lập nơi *tư lương viên mãn*, vì để viên mãn hai tư lương [phước đức và trí tuệ] của Vô thượng bồ-đề.

(26) An lập để *biết sinh tử và niết-bàn bình đẳng*, vì để hiện tri sinh tử hữu vi và niết-bàn vô vi hoàn toàn không khác biệt ở mặt thẳng nghĩa.

(27) Lại an lập nơi *đạo quả*, vì an lập nơi cứu cánh sở đắc vô trú đại niết-bàn.

Như trên vừa nói, đó là 27 thứ sự nghiệp của Pháp thân.

---

<sup>367</sup> Chỉ cho Thất giác chi: Niệm bồ-đề phần, Trạch pháp bồ-đề phần, Tinh tiến bồ-đề phần, Hỷ bồ-đề phần, Khinh an bồ-đề phần, Định bồ-đề phần và Xả bồ-đề phần.

## Phẩm Mười: Nhiếp

### 7. Thích lược nghĩa khác

#### 7.1 Nhiếp làm sáu nghĩa

*Tướng và gia hành kia  
Chúng tối cực, tiệm thứ  
Cứu cánh và dị thực  
Là sáu thứ lược nghĩa.*

[0086a11] Như vậy vì người ưa giải thích rộng thì đã quảng thuyết, đã triển khai 8 môn.

Với người ưa giải thích vừa, ngoài 8 môn trên, nên nói 6 thứ lược nghĩa, đó là:

- (1) Sắc thái của tự tánh ba trí.
- (2) Tu hành tướng của ba trí ấy bằng Viên mãn tướng gia hành.
- (3) Tu hành tướng của ba trí đến tối cực bằng Đánh gia hành.
- (4) Tu hành tướng của ba trí một cách nhất quán khi thứ đệ tu tập bằng Tiệm thứ gia hành
- (5) Tu gia hành của ba trí khi ở cứu cánh bằng Sát-na gia hành.
- (6) Dị thực quả của ba trí là Pháp thân.

#### 7.2 Nhiếp làm ba nghĩa

*Nói cảnh có ba thứ  
Nhân bốn gia hành tánh*



***Pháp thân sự nghiệp quả  
Là ba thứ lược nghĩa.***

[0086a16] Như vậy vì người ưa giải thích vừa thì đã tuyên thuyết, đã triển khai 6 môn.

Với người ưa giải thích lược thì nên gom làm 3 môn mà tuyên thuyết, đó là:

- (1) Ba trí là cảnh của sự tu gia hành.
- (2) Bốn gia hành là nhân đưa đến cứu cánh ba trí.
- (3) Pháp thân và sự nghiệp là quả của gia hành.

Ba môn cảnh, hành, quả, chính là lia hai môn trước, riêng nói môn còn lại.

**8. Luận hậu nghĩa**

[0086a18] Bậc tạo luận này, tức *Luận Bát-nhã Ba-la-mật-đa Giáo Thọ Hiện Quán Trang Nghiêm*, là Bồ-tát Di Lặc, bậc thành tựu cứu cánh đại bi, đại trí, bậc Nhất sinh bổ xứ, hiện trú thiên cung Đô-sử-đa.

Người dịch luận này từ Phạn văn sang Tạng ngữ là Thiên Trúc Luận sư Minh Bản Quang (明本光) và Dịch sư Cát Tường Tích (吉祥積) phiên dịch, giáo đối. Về sau, một lần nữa, Thiên Trúc Đại đức Luận sư Vô Tử (無死) và Dịch sư Cụ Tuệ (具慧) trùng dịch, giáo duyệt; việc này tốt cho sự quyết trạch vậy.

***Kính nương Tiên giác luân  
Trích dịch ít phần nghĩa  
Quy mạng Từ Thị Tôn  
Gia trì thành Phật sự.***

Dân Quốc thứ 26 (1937), ngày 20 tháng 11, bản dịch hoàn thành tại Hán  
Tạng Giáo Lý Viện, tỉnh xá Song Bách.

(Hết Quyển 4)

Phụ lục 1:

## HIỆN QUÁN TRANG NGHIÊM LUẬN TỤNG

《現觀莊嚴論》根本頌 慈尊造

此在梵語為：阿毘三昧耶阿朗迦拉那摩般若波羅蜜多鄔拔提沙夏薩哆囉，華語譯為：般若波羅蜜多教授現觀莊嚴論。

敬禮一切諸佛菩薩。

求寂聲聞由遍智，引導令趣最寂滅；

諸樂饒益眾生者，道智令成世間利；

諸佛由具種相智，宣此種種眾相法；

具為聲聞菩薩佛，四聖眾母我敬禮。

大師於此說，一切相智道，非餘所能領，於十法行性，經義住正念，具慧者能見，為令易解故，是造論所為。般若波羅蜜，以八事正說。遍相智道智，次一切智性，一切相現觀，至頂及漸次，剎那證菩提，及法身為八。發心與教授，四種抉擇分，正行之所依，謂法界自性，諸所緣所為，鎧甲趣入事，資糧及出生，是佛遍相智。令其隱闇等，弟子麟喻道，此及他功德，大勝利見道，作用及勝解，讚事并稱揚，迴向與隨喜，無上作意等，引發最清淨，是名為修道；諸聰智菩薩，如是說道智。智不住諸有，悲不滯涅槃，非方便則遙，方便即非遙，所治能治品，加行平等性，聲聞等見道，一切智如是。行相諸加行，德失及性相，順解脫抉擇，有學不退眾，有寂靜平等，無上清淨剎，滿具一切相，此具善方便。此相及增長，堅穩心遍住，見道修道中，各有四分別，四種能對治，無間三摩地，並諸邪執著，是為頂現觀。漸次現觀中，有十三種法。剎那證菩提，由相分四種。自性圓滿報，如是餘化身，法身并事業，四相正宣說。

### 一、一切種智品

發心為利他，求正等菩提，彼彼如經中，略廣門宣說。如地金月火，藏寶源大海，金剛山藥友，如意寶日歌，王庫及大路，車乘與泉水，雅聲河流雲，分二十二種。修行及諸諦，佛陀等三寶，不耽著不疲，周遍攝持道，五眼六通德，見道並修道，應知此即是，十教授體性。諸鈍根利根，信見至家家，一間中生般，行無行究竟，三超往有頂，壞色貪現法，寂滅及身證，麟喻共二十。所緣及行相，因緣并攝持，菩薩救世者，如煖等體性；依具四分別，分下中上品，勝出諸聲聞，及與諸麟喻。所緣無常等，是四諦等相，行相破著等，是得三乘因。色等離聚散，住假立無說。色等不安住，其體無自性。彼等自性一，不住無常等。彼等彼性空，彼等自性一。不執著諸法，不見彼相故。智慧所觀察，一切無所得。色等無自性，彼無即為性。無生無出離，清淨及無相。由不依彼相，非勝解無想。正定定作用，授記盡執著。三互為一性，正定不分別。是順抉擇分，下中上三品，由所依對治，二所取分別，由愚蘊等別，彼各有九種；由實有假有，能取亦分二，自在我等體，蘊等依亦爾。心不驚怖等，宣說無性等，棄捨所治品，應知為攝持。通達有六法，對治與斷除，彼等皆永盡，具智慧悲愍，不共諸弟子，利他漸次行，智無功用轉，所依名種性。法界無差別，種性不應異。由能依法異，故說彼差別。所緣一切法，此復為善等，若世間所知，及諸出世間，有漏無漏法，諸有為無為，若共弟子法，及佛不共法。勝諸有情心，及斷智為三，當知此三大，自覺所為事。由彼等別別，皆攝施等六，故披甲修行，六六如經說。靜慮無色定，施等道慈等，成就無所得，三輪善清淨，所為及六通，於一切相智，能趣入正行，當知昇大乘。悲及施等六，並修止觀道，及以雙運道，諸善權方便，智福與諸道，陀羅尼十地，能對治當知，資糧行次第。由十種修治，當能得初地，意樂饒益事，有情平等心，能捨近善友，求正法所緣，常發心出家，愛樂見佛身，開闡正法教，諦語為第十，彼性不可得，當知名修治。戒報恩安忍，極喜及大悲，承事敬師聞，第八勤施等。多聞無厭足，無染行法施，嚴淨成佛刹，不厭倦眷屬，及有慚有愧，五種無著性。住林少欲足，杜多正律儀，不捨諸學處，訶厭諸欲樂，寂滅捨眾物，不沒無顧戀。親識及慳家，樂猥雜而住，自讚及毀他，十不善業道，憍慢與顛倒，惡慧忍煩惱，遠離此十事，證得第五地。施戒忍精進，靜慮慧圓滿，於弟子麟喻，捨喜捨怖心，見求無愁感，盡捨無憂悔，雖貧不厭求，證得第六地。執我及有情，命與數取趣，斷常及相因，蘊界并諸處，住三界貪著，其心遍怯退，於三寶尸羅，起彼見執著，爭論於空性，違空性過失，由離此二十，

便得第七地。知三解脫門，三輪皆清淨，大悲無執著，法平等一理，知無生知忍，說諸法一相，滅除諸分別，離想見煩惱，奢摩他定思，善毘鉢舍那，內心善調伏，一切無礙智，非貪地隨欲，等遊諸佛土，一切普現身，共為二十種。知諸有情意，遊戲諸神通，修微妙佛刹，觀故親近佛，知根淨佛土，安住如幻事，故思受三有，說此八種業。無邊諸誓願，了知天等語，辯說如懸河，入胎最第一，種姓族圓滿，眷屬及生身，出家菩提樹，圓滿諸功德。超過九地已，若智住佛地，應知此即是，菩薩第十地。見修諸道中，所能取分別，由滅除彼故，說八種對治。所為及平等，利有情無用，超二邊出生，證得相出生，一切相智性，道有境出生，當知此八種，是出生正行。

## 二、道種智品

調伏諸天故，放光令隱闇，境決定普遍，本性及事業。道相智理中，由諸四聖諦，行相不可得，當知聲聞道。聖聲聞道中，由色等空故，空無別為煖，由彼無所得，許為至頂位，忍位於色等，破住常等理，依於十地等，由廣說無住，即名第一法，由佛以現智，不見諸法故。自覺自證故，亦不依他教，是故當宣說，麟喻智甚深。若誰於何義，欲聞如何說，於彼彼義，無聲如是現。遠所取分別，未離能取故，當知由所依，攝為麟喻道。開闡假法性，無違相為煖，頂由達色等，無滅等所顯，忍由內空等，不執色等故，色等無生等，相為第一法。由諦與諦上，忍智四剎那，說此道相智，見道具功德。真如與諸智，無互能所依，故不許差別，廣大無能量，無量無二邊，住彼於色等，執為佛自性，無取無捨等，慈等及空性，證得佛陀性，遍攝諸淨法，除遣諸苦病，滅除涅槃執，諸佛守護等，不殺害生等，一切相智理，自住立有情，所修布施等，迴向大菩提，是道智剎那。遍息敬一切，能勝諸煩惱，怨敵不能害，菩提供養依。勝解謂自利，俱利及利他，當知此三種，各有下中上，別別為三品，又以下下等，復各分為三，共二十七種。般若波羅蜜，於諸勝解位，由三種九聚，讚事及稱揚。殊勝遍迴向，其作用最勝，無所得行相，不顛倒體性，遠離佛福品，自性念行境，有方便無相，諸佛所隨喜，不繫於三界，下中及上品，是餘三迴向，生大福為性。由方便無得，隨喜諸善根，是此中所說，修隨喜作意。此自性殊勝，一切無作行，立法不可得，是大義利性。依佛及施等，善巧諸方便，此是勝解因，諸法衰損因，謂魔所魅著，不信解深法，執著五蘊等，惡友所攝持。果法清淨性，即色等清淨，以彼二無異，不可分故淨。惑所知三道，斷故為弟子，麟喻佛子淨，

佛一切最淨。對治九地中，上上等諸垢，謂由下下等，諸道能清淨。由斷爭鬥中，道能量所量，由是平等性，遍對治三界。

### 三、一切智品

非此岸彼岸，不住其中間，知三世平等，故名般若度。彼由緣相門，非方便故遠，由善巧方便，即說為鄰近。色蘊等空性，三世所繫法，施等菩提分，行想所治品。施等無我執，於此令他行，此滅貪著邊。執佛等微細。法道最甚深，自性遠離故。知諸法性一，故能斷貪著。由遣除見等，故說難通達，色等不可知，故為不思議。如是一切智，所治能治品，無餘諸差別，當知如經說。色等無常等，未圓滿圓滿，及於無貪性，破實行加行，不變無造者，三難行加行，如根性得果，故許為有果，不依仗於他，證知七現事。不執著色等，四種平等性。苦等諸聖諦，法智及類智，忍智剎那性，一切智見道。色非常無常，出二邊清淨，無生無滅等，如虛空離貪，脫離諸攝持，自性不可說，由宣說此義，不能惠施他，皆悉不可得，畢竟淨無病，斷除諸惡趣，證果無分別，不繫屬諸相，於義名二種，其識無有生，一切智剎那。如是此及此，又此三段文，當知即顯示，此三品圓滿。

### 四、圓滿一切相現觀品

一切智差別，行相為能相，由三種智故，許行相為三。始從無邊相，乃至無動相，三諦各有四，道中說十五。於因道及苦，滅中如次第，說彼有八七，五及十六相。始從四念住，究竟諸佛相，道諦隨順中，由三智分別，弟子及菩薩，諸佛如次第，許為三十七，卅四三十九。昔承事諸佛，佛所種善根，善知識攝受，是聞此法器，親近佛問答，及行施戒等，諸勝者許此，是受持等器。不住色等故，遮彼加行故，彼真如深故，此等難測故，此等無量故，劬勞久證故，授記不退轉，出離及無間，近菩提速疾，利他無增減，不見法非法，色等不思議，色等諸行相，自性無分別，能與珍寶果，清淨及結界。催伏魔力等，十四種功德。當知諸過失，有四十六種。由何相當知，即性相分三，謂智勝作用，自性亦所相。知如來出現，世界無壞性，有情諸心行，心略及外散，知無盡行相，有貪等及無，廣大無量心，識無見無對，及心不可見，了知心出等，除此等無餘，知真如行相，能仁證真如，復為他開示，是攝一切智，品中諸智相。空性及無相，并捨棄諸願，無生無滅等，法性無破壞，無作無分別，差別無性相，道相智品中，

許為諸智相。依真如法住，恭敬善知識，尊重及承事，供養無作用，及了知遍行，能示現無見，世間真空相，說知及現見，不思議寂靜，世間滅想滅，一切相智中，是說諸智相。由難思等別，勝進諦行境，十六剎那心，說名殊勝相。不思議無等，超越諸量數，攝聖智者了，證知諸不共，通疾無增減，修行及正行，所緣與所依，一切并攝受，及無味當知，十六殊勝性，由此勝餘道，故名殊勝道。作利樂濟拔，諸人歸依處，宅舍示究竟，洲渚及導師，并任運所作，不證三乘果，最後作所依，此即作用相。離煩惱狀貌，障品及對治，難性與決定，所為無所得，破一切執著，及名有所緣，不順無障礙，無跡無去生，真如不可得，此十六自性，由如所相事，許為第四相。無相善施等，正行而善巧，一切相品中，謂順解脫分。緣佛等淨信，精進行施等，意樂圓滿念，無分別等持，知一切諸法，智慧共為五，利易證菩提，許鈍根難證。此煖等所緣，讚一切有情，緣彼心平等，說有十種相。自滅除諸惡，安住布施等，亦令他住彼，讚同法為頂。如是當知忍，自他住聖諦，如是第一法，成熟有情等。從順抉擇分，見修諸道中，所住諸菩薩，是此不退眾。由說於色等，轉等二十相，即住抉擇分，所有不退相。由於色等轉，盡疑惑無暇，自安住善法，亦令他安住，於他行施等，深義無猶豫，身等修慈行，不共五蓋住，摧伏諸隨眠，具正念正知，衣等恒潔淨，身不生諸蟲，心無曲杜多，及無慳吝等，成就法性行，利他求地獄，非他能牽引，魔開顯似道，了知彼是魔，諸佛歡喜行，由此二十相，諸住煖頂忍，世第一法眾，不退大菩提。見道中忍智，十六剎那心，當知此即是，菩薩不退相。遣除色等想，心堅退小乘，永盡靜慮等，所有諸支分，身心輕利性，巧便行諸欲，常修淨梵行，善清淨正命，蘊等諸留難，資糧及根等，戰事慳吝等，加行及隨行，破彼所依處，不得塵許法，安住三地中，於自地決定，為法捨身命，此十六剎那，是住見道位，智者不退相。修道謂甚深，甚深空性等，甚深離增益，及損減邊際，於順抉擇分，見道修道中，有數思稱量，及觀察修道。此常相續故，諸下中上品，由下下等別，許為九種相。經說無數等，非勝義可爾，佛許是世俗，大悲等流果。不可說性中，不可有增減，則所說修道，何斷復何得。如所說菩提，此辦所欲事，菩提真如相，此亦彼為相，初心證菩提，非理亦非後，由燈喻道理，顯八深法性。生滅與真如，所知及能知，正行并無二，巧便皆甚深。諸法同夢故，不分別有靜，無業等問難，如經已盡答。如有情世間，器世未清淨，修治令清淨，即嚴淨佛土。境及此加行，

超過諸魔怨，無住如願力，及不共行相，無著無所得，無相盡諸願，相狀與無量，十方便善巧。

## 五、頂現觀品

夢亦於諸法，觀知如夢等，是至頂加行，所有十二相。盡瞻部有情，供佛善根等，眾多善為喻，說十六增長。由三智諸法，圓滿最無上，不捨利有情，說名為堅穩。四洲及小千，中大千為喻，以無量福德，宣說三摩地。轉趣及退還，其所取分別，當知各有九，非如其境性。由異生聖別，分有情實假，是能取分別，彼各有九性，若所取真如，彼執為誰性，如是彼執著，自性空為相。自性及種姓，正修行諸道，智所緣無亂，所治品能治，自內證作用，彼業所造果，是為轉趣品，所有九分別。墮三有寂滅，故智德下劣，無有攝受者，道相不圓滿，由他緣而行，所為義顛倒，少分及種種，於住行愚蒙，反於隨行相，九分別體性，是所退還品，聲聞等心起。所取及所捨，作意與繫屬，所作意三界，安住與執著，法義唯假立，貪欲及對治，失壞如欲行，當知初能取。不如所為生，執道為非道，謂生俱有滅，具不具道性，安住壞種性，無希求無因，及緣諸敵者，是餘取分別。為他示菩提，其因謂付囑，證彼無間因，具多福德相。垢盡無生智，說為大菩提，無盡無生故，彼如次應知。無滅自性中，謂當以見道，盡何分別種，得何無生相，若有餘實法，而於所知上，說能盡諸障，吾以彼為奇。此中無所遣，亦無少可立，於正性正觀，正見而解脫。施等一一中，彼等互攝入，一剎那忍攝，是此中見道。次由入獅子，奮迅三摩地，觀察諸緣起，隨順及迴逆。滅盡等九定，修往還二相，後以欲界攝，非定心為界，超越入諸定，超一二三四，及五六七八，至滅定不同。略標及廣釋，佛所不攝受，無三世功德，及於三妙道，所取初分別，加行相行境。次許心心所，轉趣時有境，不發菩提心，不作意菩提，作意小乘法，不思大菩提，有修與無修，及與彼相反，非如義分別，當知屬修道。施設有情境，施設法不空，貪著簡擇性，為寂事三乘，受供不清淨，破壞諸正行，經說是第一，能取應當知。設有情及因，由此所摧害，故是修道繫，其餘九違品。如自所緣性，三智障有三，靜道真如等，相應不相應，不等及苦等，諸煩惱自性，及無二愚蒙，為最後分別。如諸病痊癒，常時獲安穩，恒修眾生樂，一切勝功德，任運而依附，勝果所莊嚴，上品位菩薩，如眾流歸海。安立三千生，聲聞麟喻德，及離生菩薩，眾善為譬喻，經以無量福，明佛無間道，無間三摩地，證一切相智。無性為所緣，正念為增上，寂靜為行相，



愛說者常難。於所緣證成，及明所緣性，一切相智智，勝義世俗諦，加行與三寶，巧便佛現觀，顛倒及道性，能治所治品，性相並修習，說者邪分別，依一切相智，說為十六種。

## 六、漸次現觀品

布施至般若，隨念於佛等，法無性自性，許為漸次行。

## 七、剎那現證大菩提品

施等一一中，攝諸無漏法，當知即能仁，一剎那智德。猶如諸士夫，動一處水輪，一切頓轉動，剎那智亦爾。若時起異熟，一切白法性，般若波羅蜜，即一剎那智。由布施等行，諸法如夢住，一剎那能證，諸法無相性。如夢與能見，不見有二相，一剎那能見，諸法無二性。

## 八、法身品

能仁自性身，得諸無漏法，一切種清淨，彼自性為相。順菩提分法，無量及解脫，九次第等至，十遍處自體，最為殊勝處，差別有八種，無諍與願智，神通無礙解，四一切清淨，十自在十力，四種無所畏，及三種不護，並三種念住，無忘失法性，永害諸隨眠，大悲諸眾生，唯佛不共法，說有十八種，及一切相智，說名為法身。聲聞無諍定，離見者煩惱，佛無諍永斷，聚落等煩惱。佛所有願智，任運無礙著，無障礙常住，普答一切問。若善因成熟，於彼彼所化，爾時能饒益，即於彼彼現，如天雖降雨，種壞不發芽，諸佛雖出世，無根不獲善。如是事廣大，故說佛為遍，即此無盡故，亦可說為常。許三十二相，八十隨好性，受用大乘故，名佛受用身。手足輪相具，足底如龜腹，手足指網連，柔軟極細嫩，身七處充滿，手足指纖長，跟廣身洪直，足膝骨不突，諸毛皆上靡，膊如豎泥耶，雙臂形長妙，陰藏密第一，皮金色細薄，孔一毛右旋，眉間毫相嚴，上身如獅子，膊圓實項豐，非勝現勝味，身量縱橫等，譬諾瞿陀樹，頂肉髻圓顯，舌廣長梵音，兩頰如獅王，齒潔白平齊，諸齒極細密，數量滿四十，紺目牛王睫，妙相三十二。此中此此相，所有能生因，由彼彼圓滿，能感此諸相。迎送師長等，正受堅固住，習近四攝事，布施妙資財，救放所殺生，增長受善者，是能生因相，如經所宣說。佛爪赤銅色，潤澤高諸指，圓滿而纖長，脈不現無結，踝隱足平穩，行步如獅象，鵝牛王右旋，妙直進堅密，光潔身相稱，潔淨軟清淨，眾相皆圓滿，身廣大微妙，

步序雙目，清淨身細嫩，身無怯充實，其身善策勵，支節善開展，顧視淨無翳，身圓而相稱，無歪身平整，臍深臍右旋，為眾所樂見，行淨身無疣，無諸黑斑點，手軟如木棉，手文明深長，面門不太長，唇紅如頻婆，舌柔軟微薄，赤紅發雷音，語美妙牙圓，鋒利白平齊，漸細鼻高修，清淨最第一，眼廣眼睫密，猶如蓮華葉，眉修長細軟，潤澤毛齊整，手長滿耳齊，耳輪無過失，額部善分展，開廣頂周圓，髮紺青如蜂，稠密軟不亂，不澀出妙音，能奪眾生意，德紋相吉祥，是為佛隨好。若乃至三有，於眾生平等，作種種利益，佛化身無斷。如是盡生死，此事業無斷，諸趣寂滅業，安立四攝事，令知諸雜染，及知諸清淨，有情如證義，六波羅蜜多，佛道自性空，盡滅二戲論，假名無所得，成熟諸有情，及立菩薩道，遣除諸執著，得菩提嚴淨，佛土及決定，無量有情利，親近佛等德，菩提分諸業，不失壞見諦，遠離諸顛倒，無彼根本理，清淨及資糧，有為與無為，悉不知有異，安立大涅槃，許法身事業，有二十七種。

相及彼加行，彼極彼漸次，彼竟彼異熟，餘六種略義。初境有三種，因四加行性，法身事業果，餘三種略義。

此般若波羅蜜多教授現觀莊嚴論，為至尊彌勒怙主所造；由梵譯藏者，謂天竺大德無死論師與具慧譯師共譯校閱善為抉擇。

（釋法音恭錄自法尊法師譯文）

Phụ lục 2:

## **Hiện Quán Trang Nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Giáo Thọ Luận**

**Phẩm Một: Tựa**

*Kính lễ tất cả chư Phật, Bồ-tát.*

*Kính lễ Đại Hùng sư*

*Từ Thị tôn, Vô Trước*

*Trao truyền Giáo thọ này*

*Gia trì lợi hữu tình.*

*Thanh văn cầu tịch nhờ biến trí*

*Dẫn đường thú nhập tối tịch diệt.*

*Các bậc ra lợi ích chúng sinh*

*Đạo trí thành tựu lợi thế gian.*

*Chư Phật có đủ Chủng tướng trí*

*Nói mọi đặc tướng của các pháp.*

*Hết thầy Thanh văn, Bồ-tát, Phật*

*Mẹ của tứ Thánh, con kính lễ.*

*Đại sư ở đây nói*  
*Đạo Nhất thiết tướng trí*  
*Kẻ khác không lãnh hội*  
*Nơi tánh mười pháp hành*  
*Nghĩa Kinh trú chánh niệm (1)*  
*Bậc cụ tuệ thấy được*  
*Làm cho dễ hiểu Kinh*  
*Là mục đích tạo luận. (2)*

*Bát-nhã ba-la-mật*  
*Chánh thuyết bằng tám sự:*  
*Biến tướng trí, Đạo trí*  
*Cùng Nhất thiết trí tánh (3)*  
*Nhất thiết tướng hiện quán*  
*Chí đảnh và tiệm thứ*  
*Sát-na chứng Bồ-đề*  
*Và pháp thân là tám. (4)*  
*Phát tâm và giáo thọ*  
*Bốn thứ quyết trạch phần*  
*Sở y của chánh hành*  
*Gọi pháp giới tự tánh (5)*  
*Các sở duyên, sở vi*  
*Áo giáp, thú nhập sự*  
*Tư lương và xuất sinh*  
*Là Phật Biến tướng trí. (6)*  
*Trí che mọi ánh sáng*

*Đệ tử, lân dụ đạo*  
*Đây và kia công đức*  
*Đại thắng lợi kiến đạo (7)*  
*Tác dụng và thắng giải*  
*Khen, thừa sự, xưng dương*  
*Hồi hướng và tùy hỷ*  
*Các tác ý Vô thượng (8)*  
*Dẫn phát, tối thanh tịnh*  
*Gọi đó là tu đạo*  
*Các Bồ-tát thông trí*  
*Như vậy nói Đạo trí. (9)*  
*Trí không trú chur hữu*  
*Bi chẳng trệ Niết-bàn*  
*Phi phương tiện thì xa*  
*Phương tiện thì chẳng xa. (10)*  
*Sở trị, năng trị phẩm*  
*Gia hành, bình đẳng tánh*  
*Thanh văn đẳng kiến đạo*  
*Nhất thiết trí như vậy. (11)*  
*Hành tướng, các gia hành*  
*Công tội và tánh tướng*  
*Thuận giải thoát quyết trạch*  
*Hữu học chúng bất thôi. (12)*  
*Hữu tịch tĩnh bình đẳng*  
*Vô thượng thanh tịnh sát*  
*Mãn chứng Nhất thiết tướng*  
*Đây đủ thiện phương tiện. (13)*

*Này tướng và tăng trưởng  
Kiên ổn, tâm biến trú  
Trong kiến đạo, tu đạo  
Mỗi có bốn phân biệt. (14)  
Bốn thứ năng đối trị  
Vô gián tam-ma-địa  
Cùng các tà chấp trước  
Đó là Đảnh hiện quán. (15)  
Trong tiệm thứ hiện quán  
Có mười ba thứ pháp.  
Sát-na chứng Bồ-đề  
Phân bốn thứ bởi tướng. (16)  
Tự tánh, viên mãn báo  
Như vậy còn hóa thân  
Pháp thân và sự nghiệp  
Bốn tướng được tuyên thuyết. (17)*

## **Phẩm Hai: Nhất Thiết Tướng Trí**

*Phát tâm vì lợi người  
Cầu Chánh đẳng Bồ-đề  
Kia kia như trong kinh  
Tuyên thuyết môn lược quảng (18)  
Như đất, vàng, trắng, nước  
Tạng, nguồn báu, biển cả*

*Kim cương, núi, thuốc, bạn*  
*Như ý, mặt trời, [tiếng] ca (19)*  
*Vua, kho và đường lớn*  
*Xe cộ và suối nước*  
*Nhã thanh, dòng sông, mây*  
*Chia hai mươi hai thứ. (20)*

*Tu hành và chư đế*  
*Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng*  
*Không dính mắc, không mệt*  
*Khắp cả nhiếp trì đạo. (21)*  
*Ngũ nhân, lục thông đức*  
*Kiến đạo và tu đạo*  
*Nên biết đây chính là*  
*Thế tánh mười giáo thọ. (22)*  
*Các độn căn, lợi căn*  
*Gia gia, tín, kiến chí*  
*Nhất gián, trung, sinh ban*  
*Hành, vô hành, cứu cánh (23)*  
*Ba siêu, trú Hữu đẳng*  
*Hoại Sắc tham, hiện pháp*  
*Tịch diệt và thân chứng*  
*Lân dụ cộng hai mươi. (24)*  
*Sở duyên và hành tướng*

*Nhân duyên và nhiếp trì*  
*Bậc Bồ-tát cứu thế*  
*Thể tánh Noãn, vân vân. (25)*  
*Theo đủ bốn phân biệt*  
*Phân hạ, trung, thượng phẩm*  
*Thắng xuất các Thanh văn*  
*Cùng với các Lâm dụ. (26)*  
*Sở duyên: vô thường, v.v.*  
*Là các tướng Tứ đế*  
*Hành tướng phá chấp trước*  
*Là được nhân Tam thừa (27)*  
*Năm uẩn lia tụ tán*  
*Trú, giả lập, vô thuyết.*  
*Năm uẩn chẳng an trú*  
*Thể chúng vô tự tánh. (28)*  
*Uẩn - tự tánh là một*  
*Vô thường, v.v. chẳng trú.*  
*Các tướng – tánh ấy Không*  
*Uẩn - tự tánh là một. (29)*  
*Chẳng chấp trước các pháp*  
*Vì không thấy tướng kia.*  
*Quán sát bằng trí tuệ*  
*Tất cả vô sở đắc. (30)*



*Năm uẩn vô tự tánh*  
*Vô ấy chính tánh chúng*  
*Không sinh, không xuất ly*  
*Thanh tịnh và vô tướng. (31)*  
*Do không dựa tướng kia*  
*Chẳng thắng giải, vô tướng*  
*Chánh định định tác dụng*  
*Thọ ký hết chấp trước. (32)*  
*Ba cùng là một tánh*  
*Chánh định vô phân biệt.*  
*Là thuận quyết trạch phân*  
*Ba phẩm: hạ, trung, thượng. (33)*  
*Do sở y, đối trị*  
*Hai sở thủ phân biệt*  
*Do ngu, uẩn có khác*  
*Mỗi loại có chín thứ. (34)*  
*Do thật hữu, giả hữu*  
*Năng thủ cũng chia hai*  
*Thể tư tại, ngã, v.v.*  
*Chỗ dựa uẩn, v.v. cũng vậy. (35)*  
*Tâm không khiếp sợ, v.v.*  
*Tuyên thuyết vô tánh, v.v.*  
*Xả bỏ phẩm sở trị*

*Nên biết là nhiếp trì. (36)*  
*Thông đạt có sáu pháp*  
*Đôi trị và đoạn trừ*  
*Những nghịch phẩm dứt sạch*  
*Đủ trí tuệ, bi mãn. (37)*  
*Bất cộng các đệ tử*  
*Lợi tha tiệm thứ hành*  
*Trí vô công dụng chuyển*  
*Sở y gọi chủng tánh. (38)*  
*Pháp giới vô sai biệt*  
*Chủng tánh không nên khác*  
*Do pháp năng y khác*  
*Nên nói tánh sai biệt. (39)*  
*Sở duyên: nhất thiết pháp*  
*Đó là pháp thiện, v.v.*  
*Sở tri của thế gian*  
*Và pháp xuất thế gian. (40)*  
*Pháp hữu lậu, vô lậu*  
*Các hữu vi, vô vi*  
*Pháp chung của đệ tử*  
*Pháp bất cộng của Phật. (41)*  
*Vượt thắng tâm hữu tình*  
*Đoạn và trí là ba*  
*Nên biết ba đại này*  
*Sự sở vi: tự giác. (42)*  
*Do mỗi độ: thí, v.v.*

*Được nhiếp bằng sáu thứ  
Nên bị giúp tu hành  
Sáu sáu như kinh thuyết. (43)*

*Tịnh lự, Vô sắc định  
Thí, v.v., các đạo, từ, v.v.  
Thành tựu vô sở đắc  
Ba luân khéo thanh tịnh. (44)*

*Sở vi và sáu thông  
Nơi Nhất thiết tướng trí  
Năng thú nhập chánh hành  
Nên thăng tiến Đại thừa. (45)*

*Bi và sáu độ: thí, v.v.  
Cùng tu chỉ quán đạo  
Và dùng song vận đạo  
Các thiện hộ phương tiện. (46)*

*Trí phước và các đạo  
Đà-la-ni mười địa  
Năng đối trị nên biết  
Tu lương hành thứ đệ. (47)*

*Do mười thứ tu trị  
Mà chứng đắc sơ địa:  
Ý lạc sự nhiều ích  
Hữu tình tâm bình đẳng. (48)*

*Năng xả, gần thiện hữu  
Cầu chánh pháp sở duyên*

*Thường phát tâm xuất gia  
Ưu thích thấy thân Phật. (49)  
Chỉ dạy chánh pháp giáo  
Thật ngữ là thứ mười  
Tánh ấy bất khả đắc  
Biết đó là tu trị. (50)  
Giới, báo ân, an nhẫn  
Cực hỷ và đại bi  
Thừa sự, kính sư nghe  
Thứ tám: cần tu thí, v.v. (51)  
Nghe nhiều không chán đủ  
Vô nhiễm hành pháp thí  
Nghiêm tịnh thành Phật độ  
Không chán ghét quyến thuộc. (52)  
Và có tâm, có quý  
Năm tánh không chấp trước.  
Trú rừng, ít muốn, đủ  
Đầu-đà chánh luật nghi (53)  
Không bỏ các học xứ  
Nhàm chán các dục lạc  
Vắng lặng, xả mọi vật  
Không chìm, không lưu luyến. (54)  
Thân Ni, keo tại gia  
Ưu hôn tạp mà sống  
Khen mình và chê người  
Mười bất thiện nghiệp đạo. (55)  
Kiêu mạn và điên đảo*

*Ác tuệ, nhận phiền não*  
*Rời xa mười sự này*  
*Chứng đắc địa thứ năm. (56)*  
*Thí, giới, nhẫn, tinh tiến*  
*Tĩnh lự, tuệ viên mãn*  
*Với đệ tử, lân dụ*  
*Xả hỷ, xả sợ hãi. (57)*  
*Tìm cầu không buồn rầu*  
*Xả hết không lo tiếc*  
*Tuy nghèo không chán cầu*  
*Chứng đắc địa thứ sáu. (58)*  
*Chấp ngã và hữu tình*  
*Mạng và số thủ thú*  
*Đoạn, thường và tướng, nhân*  
*Uẩn, giới và các xứ. (59)*  
*Trú tam giới tham trước*  
*Tâm lý đầy khiếp thoái*  
*Đôi Tam bảo, thi-la*  
*Khởi cái thấy chấp trước. (60)*  
*Tranh luận nơi tánh Không*  
*Trái tánh Không làm lỗi*  
*Do rời hai mươi thứ*  
*Liên đắc địa thứ bảy. (61)*  
*Biết ba giải thoát môn*  
*Ba luân đều thanh tịnh*  
*Đại bi, không chấp trước*  
*Pháp bình đẳng, nhất lý. (62)*

*Biết vô sinh, biết nhân  
Nói các pháp nhất tướng  
Diệt trừ các phân biệt  
Lìa tướng, kiến, phiền não. (63)  
Xa-ma-tha định tư  
Thiện tỳ-bát-xá-na  
Nội tâm khéo điều phục  
Trí vô ngại tất cả. (64)  
Chẳng tham địa, tùy dục  
Đẳng du các cõi Phật  
Hết thấy khắp hiện thân  
Cộng thành hai mươi thứ. (65)  
Biết ý các hữu tình  
Du hý các thần thông  
Tạo Phật độ vi diệu  
Quán nên thân cận Phật. (66)  
Biết căn, tịnh Phật độ  
An trú như huyễn sự  
Suy nghĩ thọ ba hữu  
Nói tám thứ tu nghiệp. (67)  
Vô biên các thế nguyện  
Biết ngôn ngữ trời, rồng, v.v.  
Biện thuyết như thác ghềnh  
Sự nhập thai bậc nhất. (68)  
Chứng tánh tộc hoàn hảo  
Quyển thuộc và sinh thân  
Xuất gia cây Bồ-đề*

*Viên mãn các công đức. (70)*

*Vượt qua chín địa rồi*

*Bằng trí trú Phật địa*

*Nên biết đây chính là*

*Bồ-tát địa thứ mười. (71)*

*Kiến, tu trong các đạo*

*Sở, năng thủ phân biệt*

*Do diệt trừ phân biệt*

*Nói tám thứ đối trị. (72)*

*Sở vi và bình đẳng*

*Lợi hữu tình, vô dụng*

*Siêu nhị biên xuất sinh*

*Chứng đắc tướng xuất sinh. (73)*

*Nhất thiết tướng trí tánh*

*Đạo hữu cảnh xuất sinh*

*Nên biết tám thứ này*

*Là xuất sinh chánh hành. (74)*

### **Phẩm Ba: Đạo Tướng Trí**

*Vì điều phục chư thiên*

*Phóng quang khiến ẩn mắt*

*Cảnh quyết định, phổ biến*

*Bản tánh và sự nghiệp. (75)*

*Lý của Đạo tướng trí*

*Do các Tứ Thánh đế  
Hành tướng bất khả đắc  
Nên biết Thanh văn đạo. (76)  
Đạo của Thánh Thanh văn  
Bởi vì sắc, v.v. là Không  
Không chẳng khác, là Noãn  
Các pháp vô sở đắc. (77)  
Đó là đến Đánh vị  
Nhấn vị đối với sắc, v.v.  
Phá lý chấp thường, v.v.  
Dựa vào mười địa. v.v. (78)  
Nên nói rộng vô trú  
Liên gọi Đệ nhất pháp  
Do Phật dùng hiện trí  
Nên không thấy các pháp. (79)  
Do tự giác, tự chứng  
Nên không y người dạy  
Cũng sẽ không tuyên thuyết  
Trí Lâm dụ sâu xa. (80)  
Nếu ai nơi nghĩa gì  
Muốn nghe thuyết như nào  
Đủ loại nghĩa với họ  
Vô thanh như vậy hiện. (81)  
Rời sở thủ phân biệt  
Nhưng chưa rời năng thủ  
Nên biết do sở y  
Nhiếp làm Lâm dụ đạo. (82)*



*Khai giả hữu, pháp tánh*  
*Không trái ngược là Noãn*  
*Đánh là thông đạt sắc, v.v.*  
*Không giảm, v.v. được hiển lộ. (83)*  
*Nhãn là thấy nội Không, v.v.*  
*Vì không chấp các sắc, v.v.*  
*Các sắc, v.v. vốn không sinh, v.v.*  
*Đó là Thế đệ nhất. (84)*  
*Dựa trên đế và đế*  
*Bốn sát-na nhãn trí*  
*Nói đây Đạo tướng trí*  
*Kiến đạo đủ công đức. (85)*  
*Chân như và các trí*  
*Năng, sở y đồng nhất*  
*Nên không có sai biệt,*  
*Rộng lớn, không thể lường, (86)*  
*Không lượng; không nhị biên*  
*Trú đó nơi các sắc, v.v.*  
*Chấp làm tự tánh Phật*  
*Không có thủ, không xả, v.v. (87)*  
*Từ, bi, v.v.; và tánh Không*  
*Chứng đắc tánh Phật đà*  
*Khấp giữ các tịnh pháp*  
*Trừ khử các khổ bệnh; (88)*  
*Diệt trừ chấp Niết-bàn*  
*Được chư Phật thủ hộ, v.v.*  
*Không sát hại chúng sinh*

*Lý Nhất thiết tướng trí (89)*  
*Tự trú lập hữu tình*  
*Tu tập sự bố thí, v.v.*  
*Hồi hướng đại bồ-đề;*  
*Là Đạo trí sát-na. (90)*  
*Biến tức, kính tất cả*  
*Năng thắng các phiền não*  
*Oán địch không thể hại*  
*Bồ-đề, cúng dường nương. (91)*  
*Thắng giải là tự lợi*  
*Câu lợi và lợi tha*  
*Nên biết ba thứ đây*  
*Mỗi có hạ trung thượng (92)*  
*Riêng biệt làm ba phẩm*  
*Lại lấy hạ hạ, v.v.*  
*Mỗi phân thêm làm ba*  
*Cộng hai mươi bảy thứ. (93)*  
*Bát-nhã ba-la-mật*  
*Ở các thắng giải vị*  
*Do ba thứ chín tụ*  
*Tán sự và xưng dương. (94)*  
*Thù thắng khắp hồi hướng*  
*Là tác dụng tối thắng*  
*Hành tướng vô sở đắc*  
*Thể tánh không điên đảo (95)*

*Viễn ly, phước phẩm Phật  
Hành cảnh niệm tự tánh  
Hữu phương tiện, vô tướng  
Được chư Phật tùy hỷ (96)  
Không trói buộc tam giới  
Hạ, trung và thượng phẩm  
Là ba hồi hướng nữa  
Sinh đại phước làm tánh. (97)*

*Do phương tiện vô đắc  
Tùy hỷ các thiện căn  
Là được nói ở đây  
Tu tác ý tùy hỷ. (98)  
Đây tự tánh thù thắng  
Tất cả không tác hành  
Lập pháp bất khả đắc  
Là tánh đại nghĩa lợi. (99)  
Y theo Phật và Bồ thí, v.v.  
Thiện xảo các phương tiện  
Đây là nhân thắng giải.  
Nhân các pháp suy tổn: (100)  
Mê muội bởi ma quỷ  
Không tin hiểu pháp sâu  
Chấp trước năm uẩn, xứ, v.v.  
Bị bạn ác nắm giữ. (101)  
Quả pháp tánh thanh tịnh*

*Và các sắc, v.v. thanh tịnh*  
*Vì hai loại không khác*  
*Không thể phân nên tịnh. (102)*  
*Hoặc, sở tri, ba đạo*  
*Đoạn được là đệ tử*  
*Lân dụ, Phật tử tịnh*  
*Phật nhất thiết tối tịnh. (103)*  
*Trong chín địa đối trị*  
*Thượng thượng, v.v. các cầu*  
*Là do hạ hạ, v.v*  
*Các đạo năng thanh tịnh. (104)*  
*Bởi cửa ngõ đoạn tránh*  
*Nói năng lượng, sở lượng*  
*Vì là tánh bình đẳng*  
*Khắp đối trị tam giới. (105)*

### **Phẩm Bốn: Nhất Thiết Trí**

*Chẳng bờ này, bờ kia*  
*Cũng không trú khoảng giữa*  
*Biết ba đời bình đẳng*  
*Nên gọi Bát-nhũ độ. (106)*  
*Trí do duyên tướng môn*  
*Chẳng phương tiện nên xa*  
*Do thiện xảo phương tiện*  
*Liên nói là gần kê. (107)*  
*Sắc uẩn, v.v. tánh Không*

*Ba đời pháp hệ thuộc*  
*Thí, v.v., Bồ-đề phần*  
*Hành tướng sở trị phẩm. (108)*  
*Thí, v.v. vô ngã chấp*  
*Ở đây khiến người hành*  
*Đây diệt tham trước biên.*  
*Chấp vi tế về Phật, v.v. (109)*  
*Đạo pháp rất sâu xa*  
*Vì tự tánh viễn ly.*  
*Biết các pháp tánh nhất*  
*Nên năng đoạn tham trước. (110)*  
*Do diệt trừ thấy sắc, v.v.*  
*Nên nói khó thấu suốt*  
*Sắc, v.v. không thể biết*  
*Nên chẳng thể nghĩ bàn. (111)*  
*Như vậy Nhất thiết trí*  
*Sở trị, năng trị phẩm*  
*Không còn các sai biệt*  
*Nên biết như Kinh thuyết. (112)*  
*Sắc, v.v. và vô thường, v.v.*  
*Viên mãn, chưa viên mãn*  
*Với tánh tham không thật*  
*Gia hành phá thật [chấp] hành (113)*  
*Bất biến, không người tạo.*  
*Gia hành ba nan hành*  
*Theo căn tánh đắc quả*  
*Nên nhận là hữu quả (114)*

*Không nương tựa người khác  
Chứng tri bảy hiện sự.  
Không chấp trước sắc, v.v.  
Bốn thứ bình đẳng tánh. (115)  
Các Thánh đế: khổ, v.v.  
Pháp trí và loại trí  
Nhãn trí sát-na tánh  
Nhất thiết trí kiến đạo. (116)  
Sắc chẳng thường, vô thường  
Xuất nhị biên, thanh tịnh  
Không sinh, không diệt, v.v.  
N hư không, ly tham (117)  
Thoát ly các nhiếp trì  
Tự tánh bất khả thuyết  
Do tuyên thuyết nghĩa này  
Không thể thí cho người (118)  
Hết thấy bất khả đắc  
Cứu cánh tịnh, không bệnh  
Đoạn trừ các nẻo ác  
Chứng quả vô phân biệt (119)  
Không hệ thuộc các tướng  
Nơi hai thứ: nghĩa - danh  
Biết chúng không có sinh  
Nhất thiết trí sát-na. (120)  
N hư vậy đây và đây  
Lại ba đoạn văn này  
Nên biết tức hiển thị*

*Ba phẩm dây viên mãn. (121)*

**Phẩm Năm: Viên Mãn Nhất Thiết Tướng Hiện Quán**

*Nhất thiết trí sai biệt*

*Hành tướng làm năng tướng*

*Do vì ba thứ trí*

*Nhận có ba hành tướng. (122)*

*Khởi từ tướng vô biên*

*Cho đến tướng vô động*

*Ba đế mỗi có bốn*

*Đạo để nói mười lăm. (123)*

*Nơi nhân Đạo và Khổ*

*Trong Diệt như thứ đệ*

*Nói kia có tám, bảy*

*Năm và mười sáu tướng. (124)*

*Khởi từ bốn niệm trú*

*Tướng chư Phật cứu cánh*

*Đạo để trong tùy thuận*

*Do ba trí phân biệt (125)*

*Đệ tử và Bồ-tát*

*Chư Phật như thứ đệ*

*Nhận có ba mươi bảy*

*Ba mươi bốn, ba chín. (126)*

*Xưa thừa sự chư Phật*

*Phật gieo trồng thiện căn*  
*Thiện tri thức nhiếp thọ*  
*Là pháp khí lắng nghe (127)*  
*Thân cận Phật hỏi đáp*  
*Và hành thí, giới, v.v.*  
*Các thắng giả nhận họ*  
*Là pháp khí: thọ trì, v.v. (128)*  
*Vì không trú nơi sắc, v.v.*  
*Vì phá kia gia hành*  
*Vì chân như kia sâu*  
*Vì các đạo khó lường (129)*  
*Vì các hành vô lượng*  
*Vì lao nhọc lâu chứng*  
*Thọ ký, không thối chuyển*  
*Xuất ly và vô gián (130)*  
*Gần Bồ-đề mau chóng*  
*Lợi tha, không tăng giảm*  
*Không thấy pháp phi pháp*  
*Sắc, v.v. bất tư nghị (131)*  
*Sắc, v.v. các hành tướng*  
*Vô phân biệt tự tánh*  
*Cho được quả quý báu*  
*Thanh tịnh và kết giới. (132)*  
*Vì không trú nơi sắc, v.v.*



*Vì phá kia gia hành*  
*Vì chân như kia sâu*  
*Vì các đạo khó lường (133)*  
*Vì các hành vô lượng*  
*Vì lao nhọc lâu chứng*  
*Thọ ký, không thối chuyển*  
*Xuất ly và vô gián (134)*  
*Gần Bồ-đề mau chóng*  
*Lợi tha, không tăng giảm*  
*Không thấy pháp phi pháp*  
*Sắc, v.v. bất tư nghị (135)*  
*Sắc, v.v. các hành tướng*  
*Vô phân biệt tự tánh*  
*Cho được quả quý báu*  
*Thanh tịnh và kết giới. (136)*  
*Hàng phục ma lực, v.v.*  
*Mười bốn thứ công đức.*  
*Nên biết các lỗi lầm*  
*Có bốn mươi sáu thứ. (137)*  
*Do tướng gì nên biết*  
*Tức tánh tướng chia ba*  
*Là trí, thắng, tác dụng*  
*Tự tánh cùng sở tướng. (138)*  
*Biết Như Lai xuất hiện*  
*Thế giới vô hoại tánh*

*Hữu tình các tâm hành*  
*Tâm nhiếp lược, ngoại tán (139)*  
*Biết hành tướng vô tận*  
*Có tham, v.v., và không tham, v.v.*  
*Tâm rộng lớn, vô lượng*  
*Thức vô kiến vô đối (140)*  
*Và tâm không thể thấy*  
*Biết rõ tâm xuất, một, v.v.*  
*Ngoài tâm đây vẫn còn*  
*Biết hành tướng chân như (141)*  
*Năng Nhân chứng chân như*  
*Lại vì người khai thị*  
*Là nhiếp các trí tướng*  
*Trong phẩm Nhất thiết trí. (142)*  
*Tánh Không và vô tướng*  
*Cùng xả bỏ các nguyện*  
*Vô sinh, vô diệt, v.v.*  
*Pháp tánh không phá hoại (143)*  
*Vô tác, vô phân biệt*  
*Sai biệt không tánh tướng*  
*Trong phẩm Đạo tướng trí*  
*Nhận làm các trí tướng. (144)*  
*Y chân như pháp trụ*  
*Cung kính thiện tri thức*  
*Tôn trọng và phụng sự*  
*Cúng dường, vô tác dụng (145)*  
*Và liễu tri biến hành*

*Năng thị hiện vô kiến*  
*Tướng chân Không thế gian*  
*Thuyết, tri và hiện kiến (146)*  
*Bất tư nghị, tịch tĩnh*  
*Thế gian diệt, tướng diệt*  
*Trong Nhất thiết tướng trí*  
*Là nói các tướng trí. (147)*  
*Do khó nghĩ có khác*  
*Thắng tiến để hành cảnh*  
*Mười sáu sát-na tâm*  
*Gọi tên thù thắng tướng. (148)*  
*Bất tư nghị, vô đẳng*  
*Siêu việt chư lượng, số*  
*Nhiếp Thánh, trí giả biết*  
*Chứng tri các bất cộng. (149)*  
*Thông mau, không tăng giảm*  
*Tu hành và chánh hành*  
*Sở duyên và sở y*  
*Nhất thiết và nhiếp thọ (150)*  
*Không chấp trước, nên biết*  
*Mười sáu thù thắng tánh*  
*Do đây hơn đạo khác*  
*Nên gọi thù thắng đạo. (151)*  
*Làm lợi, lạc, cứu vớt*  
*Nơi nương tựa mọi người*  
*Nhà cửa, dạy cứu cánh*  
*Cù lao và đạo sư (152)*

*Nhậm vận làm lợi tha*  
*Không chứng quả ba thừa*  
*Cuối cùng làm sở y*  
*Đây là tác dụng tướng. (153)*  
*Ly phiền não, trạng, mạo*  
*Chướng phẩm và đối trị*  
*Nan tánh và quyết định*  
*Sở vi vô sở đắc (154)*  
*Phá tất cả chấp trước*  
*Và gọi hữu sở duyên*  
*Chẳng thuận, không chướng ngại*  
*Không vết, không đi, sinh (155)*  
*Chân như bất khả đắc*  
*Mười sáu tự tánh này*  
*Như vậy sở tướng sự*  
*Nhận làm tướng thứ tư. (156)*  
*Vô tướng khéo bố thí, v.v.*  
*Chánh hành mà thiện xảo*  
*Trong nhất thiết tướng phẩm*  
*Gọi thuận giải thoát phần. (157)*  
*Duyên Phật, v.v. tịnh tín*  
*Tịnh tiến hành bố thí, v.v.*  
*Ý lạc viên mãn niệm*  
*Vô phân biệt đẳng trì (158)*  
*Biết tất cả các pháp*  
*Trí tuệ chung làm năm*  
*Lợi dễ chứng Bồ-đề*

*Còn độn căn khó chứng. (159)*  
*Sở duyên đây là Noãn, v.v.*  
*Khen tất cả tình này*  
*Duyên tâm kia bình đẳng*  
*Nói có mười thứ tướng (160)*  
*Tự diệt trừ các ác*  
*An trú bố thí, v.v.*  
*Cũng khiến người trú đó*  
*Khen đồng pháp là Đảnh (161)*  
*Như vậy nên biết Nhãn*  
*Mình người trú Thánh đế*  
*Như vậy Đệ nhất pháp*  
*Thành thực các hữu tình, v.v. (162)*  
*Từ Thuận quyết trạch phần*  
*Trong các đạo Kiến, Tu*  
*Sở trú các Bồ tát*  
*Là chúng Bất thối đây. (163)*  
*Do nói ở trên sắc, v.v.*  
*Chuyển hai mươi thứ tướng*  
*Tức trú Quyết trạch phần*  
*Có được tướng bất thối. (164)*  
*Do nơi sắc, v.v. chuyển khởi*  
*Hết nghi hoặc không rảnh*  
*Tự an trú thiện pháp*  
*Cũng khiến người an trú (165)*  
*Với người mà hành thí, v.v.*  
*Thâm nghĩa không do dự*

*Thân, v.v. tu hạnh từ*  
*Không trú cùng ngũ cái (166)*  
*Điều phục các thù miên*  
*Đủ chánh niệm, chánh tri*  
*Nương định thường trong sạch*  
*Thân không sinh các trùng (167)*  
*Tâm không cong, đầu-đà*  
*Và không có xan lận, v.v.*  
*Thành tựu pháp tánh hành*  
*Lợi tha cầu địa ngục (168)*  
*Không ai lôi kéo được*  
*Ma bày đặt tội đạo*  
*Biết rõ đó là ma*  
*Chư Phật hoan hỷ hành (169)*  
*Do hai mươi tướng đây*  
*Các trú Noãn, Đánh, Nhãn*  
*Thế đệ nhất pháp chúng*  
*Bất thối Đại Bồ-đề. (170)*  
*Kiến đạo có nhãn trí*  
*Mười sáu sát-na tâm*  
*Nên biết đây tức là*  
*Bồ-tát bất thối tướng. (171)*  
*Diệt trừ sắc tướng, v.v.*  
*Tâm kiên, thối Tiểu thừa*  
*Vĩnh tận tận lực, v.v.*  
*Bao nhiêu các chi phần (172)*  
*Thân tâm khinh lợi tánh*

*Xảo tiện hành các dục*  
*Thường tu tịnh phạm hạnh*  
*Khéo thanh tịnh chánh mạng (173)*  
*Uẩn, v.v., các lưu nạn*  
*Tư lương và căn, v.v.*  
*Chiến sự, xan lận, v.v.*  
*Gia hành và tùy hành (174)*  
*Phá sở y xứ kia*  
*Mỹ trần pháp chẳng đắc*  
*An trú trong ba địa*  
*Ở tự địa quyết định (175)*  
*Vì pháp xả thân mạng*  
*Mười sáu sát-na đây*  
*Là trú Kiến đạo vị*  
*Trưởng bất thối bậc trí. (176)*  
*Tu đạo gọi sâu xa*  
*Sâu xa vì Không tánh, v.v.*  
*Sâu xa là tăng ích*  
*Và biên tế tổn giảm. (177)*  
*Ở Thuận quyết trạch phần*  
*Kiến đạo và Tu đạo*  
*Nhiều tư duy, khảo lượng*  
*Và quán sát Tu đạo. (178)*  
*Vì đây thường tương tục*  
*Các phẩm hạ, trung, thượng*  
*Do hạ hạ, v.v sai khác*  
*Nên có chín thứ tướng. (179)*

*Kinh thuyết vô số sự  
Thẳng nghĩa chẳng phải vậy  
Phật gọi là thế tục  
Đại bi đấng lưu quả. (180)  
Trong bất khả thuyết tánh  
Không thể có tăng giảm  
Thì được gọi Tu đạo  
Đoạn gì và đắc gì? (181)  
Như nói về Bồ-đề  
Đây biện sự mong muốn  
Tướng Bồ-đề chân như  
Đây và kia làm tướng (182)  
Sơ tâm chứng Bồ-đề  
Phi lý, cũng phi hậu  
Do đạo lý đấng dụ  
Nói nhập pháp tánh sâu. (183)  
Sinh diệt và chân như  
Sở tri và năng tri  
Chánh hành và không hai  
Thiện xảo đều sâu xa. (184)  
Chư pháp đồng chiêm bao  
Không phân biệt hữu tịch  
Vô nghiệp, v.v. vẫn nạn  
Như Kinh đã đáp hết. (185)  
Như hữu tình thế gian  
Khí thể chưa thanh tịnh  
Tu trị khiến thanh tịnh*



*Tức nghiêm tịnh Phật độ. (186)*  
*Cảnh và gia hành này*  
*Vượt qua các ma oán*  
*Vô trú, như nguyện lực*  
*Và bất cộng hành tướng (187)*  
*Vô trước, vô sở đắc*  
*Vô tướng, tận chư nguyện*  
*Tướng trạng và vô lượng*  
*Mười phương tiện thiện xảo. (188)*

**Phẩm Sáu: Đánh Hiện Quán**

*Mộng cũng ở các pháp*  
*Quán biết như cảnh mộng, v.v.*  
*Là gia hành Chí đánh*  
*Hết thấy mười hai tướng. (189)*  
*Hết hữu tình Thiệt bộ*  
*Thiện căn cúng dường Phật*  
*Nhiều điều thiện làm dụ*  
*Nói mười sáu tầng trưởng. (190)*  
*Do ba trí các pháp*  
*Viên mãn tối vô thượng*  
*Không bỏ lợi hữu tình*  
*Gọi đó là kiên ổn. (191)*  
*Bốn châu và tiểu thiên*  
*Trung, đại thiên làm dụ*  
*Dem vô lượng phước đức*

*Tuyên thuyết tam-ma-địa. (192)*  
*Chuyển thú và thói hoàn*  
*Sở thủ phân biệt ấy*  
*Nên biết mỗi có chín*  
*Chẳng cảnh tánh như nó. (193)*  
*Dị sinh và Thánh khác*  
*Phân hữu tình: thật giả*  
*Là năng thủ phân biệt*  
*Mỗi bên có chín tánh. (194)*  
*Nếu sở thủ chân như*  
*Sở chấp là tánh gì?*  
*Như vậy chấp trước ấy*  
*Tự tánh Không làm tướng. (195)*  
*Tự tánh và chủng tánh*  
*Chánh tu hành, các đạo*  
*Trí sở duyên không loạn*  
*Sở trị phẩm năng trị. (196)*  
*Tự nội chứng, tác dụng*  
*Nghiệp ấy, tạo tác quả*  
*Đó là chuyển thú phẩm*  
*Sở hữu chín phân biệt. (197)*  
*Đọa tam hữu, tịch diệt*  
*Nên trí đức thấp kém*  
*Không có người nhiếp thọ*  
*Đạo tướng chẳng viên mãn (198)*  
*Do tha duyên mà hành*  
*Nghĩa sở vi điên đảo*

*Ít phần và cũng cũng*  
*Với trú hành ngu tối (199)*  
*Cùng với tùy hành tướng*  
*Chín thể tánh phân biệt*  
*Là thói và hoàn phẩm*  
*Lắng nghe, v.v. tâm khởi. (200)*  
*Sở thủ và sở xả*  
*Tác ý và hệ thuộc*  
*Chỗ tác ý ba cõi*  
*An trú và chấp trước (201)*  
*Pháp nghĩa chỉ giả lập*  
*Tham dục và đối trị*  
*Hư mất như muốn đi*  
*Biết năng thủ đầu tiên. (202)*  
*Không như sở vi sinh*  
*Chấp đạo là phi đạo*  
*Là sinh câu hữu diệt*  
*Đủ, không đủ đạo tánh (203)*  
*An trú, hoại chủng tánh*  
*Không mong cầu, không nhân*  
*Và duyên các kẻ địch*  
*Là thủ phân biệt khác. (204)*  
*Vì người dạy Bồ-đề*  
*Nhân ấy gọi phó chúc*  
*Chứng nhân vô gián kia*  
*Đủ tướng nhiều phước đức. (205)*  
*Cầu tận, vô sinh trí*

*Nói là Đại Bồ-đề*  
*Vì vô tận, vô sinh*  
*Đó như sau nên biết. (206)*  
*Trong tự tánh vô diệt*  
*Là nên lấy Kiến đạo*  
*Sao tận phân biệt chúng?*  
*Sao đắc tướng vô sinh? (207)*  
*Nếu có thật pháp khác*  
*Mà ở trên sở tri*  
*Nói diệt tận các chương*  
*Ta cho đó lạ lùng. (208)*  
*Trong đây không trừ bỏ*  
*Cũng không chút thiết lập*  
*Với chánh tánh, chánh quán*  
*Chánh kiến mà giải thoát. (209)*  
*Lại do nhập Sư tử*  
*Phân tấn tam-ma-địa*  
*Quán sát các duyên khởi*  
*Tùy thuận và hồi nghịch. (210)*  
*Chín định: Diệt tận, v.v.*  
*Tu qua lại hai tướng*  
*Sau lấy Dục giới nhiếp*  
*Bất định tâm làm giới. (211)*  
*Siêu việt nhập các định*  
*Vượt một, hai, ba, bốn*  
*Và năm, sáu, bảy, tám*  
*Đến Diệt định khác nhau. (212)*

*Lược nêu và rộng thích  
Không được Phật nhiếp thọ  
Không công đức ba đời  
Và nơi ba diệu đạo (213)  
Sở thủ sơ phân biệt  
Gia hành tướng hành cảnh.  
Kể nhận tâm, tâm sở  
Chuyển thú thời có cảnh (214)  
Không phát tâm Bồ-đề  
Không tác ý Bồ-đề  
Tác ý pháp Tiểu thừa  
Không nghĩ Đại Bồ-đề (215)  
Có tu và không tu  
Và tương phản với chúng  
Phi như nghĩa phân biệt  
Nên biết thuộc Tu đạo. (216)  
Thi thiết hữu tình cảnh  
Thi thiết pháp chẳng không  
Tham trước, giản trạch tánh  
Là tịch sự ba thừa (217)  
Thọ cúng không thanh tịnh  
Phá hoại các chánh hành  
Kinh nói là bậc nhất  
Năm thủ phải nên biết. (218)  
Thiết hữu tình và nhân  
Do đây bị tổn hại  
Nên là Tu đạo hệ*

*Còn có chín vi phẩm. (219)*  
*Như tự sở duyên tánh*  
*Ba trí, chướng có ba*  
*Tịnh đạo, chân như, v.v.*  
*Tương ưng, bất tương ưng (220)*  
*Bất đẳng và khổ đẳng*  
*Các phiền não tự tánh*  
*Và không ba ngu tối*  
*Là phân biệt sau cùng. (221)*

*Như người bệnh hết bệnh*  
*Thường thời được yên ổn*  
*Hằng tu chúng sinh lạc*  
*Tất cả thắng công đức (222)*  
*Nhâm vận mà nương tựa*  
*Thắng quả để trang nghiêm*  
*Bồ-tát thượng phẩm vị*  
*Như mọi sông về biển. (223)*  
*An lập ba phần sinh*  
*Thanh văn, Luân dụ đức*  
*Và Bồ-tát Ly sinh*  
*Các thiện làm thí dụ. (224)*  
*Kinh lấy vô lượng phước*  
*Hiểu Phật Vô gián đạo*  
*Vô gián tam-ma-địa*  
*Chứng Nhất thiết tướng trí. (225)*  
*Vô tánh làm sở duyên*

*Chánh niệm làm tăng thượng  
Tịch tĩnh làm hành tướng  
Người ưa nói thường nạn. (226)  
Nơi sở duyên chứng thành  
Và nói tánh sở duyên  
Trí Nhất thiết tướng trí  
Thắng nghĩa, thế tục đế (227)  
Gia hành và Tam bảo  
Xảo tiện Phật hiện quán  
Điên đảo và đạo tánh  
Năng trị, sở trị phẩm (228)  
Tánh tướng và tu tập  
Thuyết giả tà phân biệt  
Theo Nhất thiết tướng trí  
Nói là mười sáu thứ. (229)*

**Phẩm Bảy: Tiệm Thứ Hiện Quán**

*Bồ thí đến Bát-nhã  
Tùy niệm nơi Phật, v.v.  
Pháp vô tánh tự tánh  
Đó là tiệm thứ hành. (230)*

**Phẩm Tám: Sát-na Chứng Đại Bồ-đề**

*Trong mỗi pháp: thí, v.v.  
Nhiếp các pháp vô lậu*

*Nên biết chính Năng Nhân*  
*Một sát-na trí đức (231)*  
*Giống như các sĩ phu*  
*Thủy luân động một chỗ*  
*Tất cả liền chuyển động*  
*Sát-na trí cũng vậy (232)*  
*Bấy giờ khởi dị thực*  
*Tất cả tánh bạch pháp*  
*Bát-nhã ba-la-mật*  
*Tức một sát-na trí (233)*  
*Do các hạnh bố thí, v.v.*  
*Các pháp như giác mộng*  
*Một sát-na năng chứng*  
*Các pháp tánh vô tướng (234)*  
*Như mộng và năng kiến*  
*Không thấy có hai tướng*  
*Một sát-na năng kiến*  
*Các pháp không hai tánh. (235)*

### **Phẩm Chín: Pháp Thân**

*Năng Nhân tự tánh thân*  
*Được các pháp vô lậu*  
*Tất cả chủng thanh tịnh*  
*Tự tánh ấy làm tướng. (236)*  
*Thuận Bồ-đề phần pháp*  
*Vô lượng và giải thoát*



*Chín thứ đệ đẳng chí*  
*Mười biến xứ tự thể (237)*  
*Thù thắng xứ bậc nhất*  
*Sai biệt có tám thứ*  
*Vô tránh và nguyện trí*  
*Thần thông, vô ngại giải (238)*  
*Bốn nhất thiết thanh tịnh*  
*Mười tự tại, mười lực*  
*Bốn thứ vô sở úy*  
*Và ba thứ bất hộ (239)*  
*Cùng ba thứ niệm trú*  
*Không quên mất pháp tánh*  
*Vĩnh hại các tùy miên*  
*Đại bi các chúng sinh (240)*  
*Duy Phật bất cộng pháp*  
*Nói có mười tám thứ*  
*Và Nhất thiết tướng trí*  
*Gọi đó là Pháp thân. (241)*  
*Thanh văn vô tránh định*  
*Lìa người thấy phiền não*  
*Phật vô tránh vĩnh đoạn*  
*Vào xóm làng, v.v. phiền não (242)*  
*Phật sở hữu nguyện trí*  
*Nhậm vận, vô ngại trước*  
*Vô chướng ngại, thường trú*  
*Đáp hết mọi câu hỏi. (243)*  
*Thiện nhân đã thành thực*

*Vì chúng sinh giáo hóa  
Bấy giờ làm lợi ích  
Liên hiện ở này kia (244)  
Như trời đổ cơn mưa  
Hạt thối không nảy mầm  
Chư Phật tuy xuất thế  
Vô căn không hoạch thiện. (245)  
Sự quảng đại như thế  
Nên nói Phật là biển  
Sự ấy là vô tận  
Cũng nói Phật là thường. (246)  
Có ba mươi hai tướng  
Tám mươi tùy hảo tánh  
Và thọ dụng Đại thừa  
Gọi Phật thọ dụng thân. (247)  
Đủ luân tướng tay chân  
Lòng chân như bụng rùa  
Màng giữa ngón tay chân  
Mềm mại rất mỏng mịn (248)  
Thân bảy chỗ đầy đặn  
Ngón tay chân thon dài  
Gót tròn, thân to thẳng  
Xương đầu gối không nhô (249)  
Các lông đều xoay lên  
Bước như y-nê-da  
Hai cánh tay dài đẹp  
Âm tàng kín bậc nhất (250)*

*Da vàng óng mềm mại  
Lỗ chân lông xoay phải  
Lông giữa mày trang nghiêm  
Thân trên như sư tử (251)  
Cổ vai tròn đầy đẹp  
Chẳng ngon hiện vị ngon  
Thân lượng cao rộng bằng  
Như cây nặc-cù-đà (252)  
Đỉnh nhục kế tròn nổi  
Lưỡi rộng dài Phạm thích  
Hai má như sư vương  
Răng trắng sạch đều đặn (253)  
Các răng rất dày khít  
Số lượng có bốn mươi  
Mắc biếc, mi trâu chúa  
Tướng tốt ba mươi hai (254)  
Trong đây mỗi một tướng  
Đều có nhân sinh ra  
Các nhân tố viên mãn  
Mà cảm những tướng này (255)  
Đón rước sư trưởng, v.v.  
Chánh thọ, trú kiên cố  
Tập quen bốn nhiếp sự  
Bồ thí của cải tốt (256)  
Cứu thả những sinh loài  
Tặng trưởng nhận điều lành  
Là nhân sinh các tướng*

*Như kinh đã tuyên thuyết. (257)*  
*Móng Phật màu đỏ thắm*  
*Tươi nhuận, cao, các ngón*  
*Tròn, đầy mà thon dài*  
*Mạch không hiện, không xoắn (258)*  
*Mắt cá ẩn, chân bình ổn*  
*Bước đi như sư tử, voi*  
*Ngõng, trâu chúa, xoay phải*  
*Đẹp, thẳng tiến, chắc kín (259)*  
*Sáng sạch, thân tương xứng*  
*Sạch sẽ, mềm, thanh tịnh*  
*Các tướng đều tròn đầy*  
*Thân quảng đại vi diệu (260)*  
*Đi khoan thai, đôi mắt*  
*Trong sáng, thân mịn mượt*  
*Không khiếm nhược, đầy đặn*  
*Thân ấy khéo khích lệ (261)*  
*Tứ chi khéo cân đối*  
*Thấy trong sáng, không đục*  
*Thân viên mãn, cân đối*  
*Không nghiêng, thân gọn gàng (262)*  
*Rón sâu, xoay tròn phải*  
*Mọi người đều ưa nhìn*  
*Hạnh tịnh, thân không mụn*  
*Cũng không nốt ruồi đen (263)*  
*Tay mềm hoa mộc miên*  
*Chỉ tay sáng, sâu, dài*

*Khuôn mặt không quá dài  
Môi hồng quả tần-bà (264)  
Lưỡi mềm mại, mỏng mảnh  
Đỏ thắm, phát lời âm  
Tiếng tuyệt diệu, răng tròn  
Sắc bén, trắng, đều đặn (265)  
Thon dài, mũi cao thẳng  
Trong sạch rất bậc nhất  
Mắt rộng, lông mi rậm  
Giống như cánh hoa sen (266)  
Chân mày dài, mềm mại  
Thắm mượt, lông gọn gàng  
Tay dài đầy, tai bằng  
Vành tai không thiếu sót (267)  
Vàng trán khéo cân đối  
Rộng mở, đỉnh tròn đầy  
Tóc xanh biếc ong chúa  
Dày rậm, mềm, không rời (268)  
Không rít, tỏa diệu hương  
Hay thỏa ý chúng sinh  
Văn đức tướng cát tường  
Đó là vẻ đẹp Phật. (269)  
Hoặc đối với ba hữu  
Với chúng sinh bình đẳng  
Làm các thứ lợi ích  
Hóa thân Phật không dứt. (270)  
Nhu vậy tận sinh tử*

*Sự nghiệp ấy không dứt  
Chư thú, tịch diệt nghiệp  
An lập tứ nhiếp sự (271)  
Khiến biết các tạp nhiễm  
Và biết các thanh tịnh  
Hữu tình như chứng nghĩa  
Sáu ba-la-mật-đa (272)  
Phật đạo, tự tánh Không  
Diệt hết hai hý luận  
Giả danh, vô sở đắc  
Thành thực các hữu tình (273)  
Và lập Bồ-tát đạo  
Trừ diệt các chấp trước  
Đắc Bồ-đề, nghiêm tịnh  
Phật độ và quyết định (274)  
Lợi vô lượng hữu tình  
Thân cận Phật các đức  
Bồ-đề phần, các nghiệp  
Không hoại mất, kiến đế (275)  
Rời xa các điên đảo  
Không lý căn bản kia  
Thanh tịnh và tư lương  
Hữu vi và vô vi (276)  
Ắt biết không có khác  
An lập đại niết-bàn  
Đó sự nghiệp pháp thân  
Có hai mươi bảy loại. (277)*

**Phẩm Mười: Nhiếp**

*Tướng và gia hành kia  
Chúng tôi cực, tiệt thứ  
Cứu cánh và dị thực  
Là sáu thứ lược nghĩa. (278)*

*Nói cảnh có ba thứ  
Nhân bốn gia hành tánh  
Pháp thân sự nghiệp quả  
Là ba thứ lược nghĩa. (279)*

Phụ lục 3:

## **Cuộc đời Hành đạo của Pháp sư Pháp Tôn**

Pháp sư Pháp Tôn (1902-1980), họ Ôn, pháp danh Diệu Quý, tự Pháp Tôn, là một cao Tăng Phật giáo nổi tiếng, là một nhà dịch thuật Phật học xuất sắc, là một người Tây hành cầu học phiên dịch, được mệnh danh là Huyền Trang đương thời. Sư sinh ra tại làng Nam Chu, tỉnh Hà Bắc vào ngày 14 tháng 12 năm Quang Tự thứ 28 (1902), triều đại nhà Thanh. Sư viên tịch tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh vào ngày 14 tháng 12 âm lịch năm 1980, thế thọ 79 tuổi, giới lạp 59 năm. Tháp thờ linh cốt Sư được xây dựng ở chùa Quảng Tôn ở Ngũ đài sơn.

Pháp sư Pháp Tôn đã dịch một lượng lớn các kinh điển của Phật giáo Tây Tạng và có không ít luận thư, làm phương tiện cho việc nghiên cứu Tạng học. Mọi người sẽ trân trọng những tác phẩm và ghi nhận công đức lớn lao của Sư, sánh ngang với các hiền triết tiêu biểu của trăm đời.

Pháp sư Pháp Tôn thọ giới tại chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh vào mùa Đông năm 1921, và Sư là bậc phẩm hạnh cao phong trong nhiều thập kỷ, được chia thành bốn giai đoạn:

Giai đoạn đầu từ 1921 đến 1936:

Sư xuất gia ở Ngũ đài sơn, gặp Pháp sư Đại Dũng, tôn thờ làm Thầy, lắng nghe giảng luận. Sau đó, Sư đi đến Bắc Kinh để học giới luật. Từ khi xuất gia cho đến tốt nghiệp Phật học viện Vũ Xương, trải qua 4 năm, Sư đã có một nền tảng tốt về Phật giáo Hán ngữ. Khi Sư 23 tuổi, trở lại Bắc Kinh để học tại Học viện Tạng văn. Một năm sau, tất cả các sinh viên của Học viện Tạng ngữ lên đường đến Tây Tạng dưới sự lãnh đạo của Pháp sư Đại Dũng, bắt đầu cuộc sống 9 năm ở Tây Tạng. Sư y chỉ các bậc Thầy như Đại Dũng, Từ Nguyên, Trát-già, Cách-chư cô-an-đông, v.v. Sư nói, “Trong những năm tu học ở Khương khu (Kham) và Vệ Tạng (Yü-Zang), điều tôi thích thú nhất là các bức tranh.” Năm 1933, Sư nhận lá thư từ Đại sư Thái Hư, thúc giục Sư trở lại Hán Tạng Giáo Lý Viện càng sớm càng tốt. Sau khi trở lại



Viện Hán Tạng hơn một năm, Sư mời Pháp sư An Đông sang Tây Tạng lần thứ 2. Rồi Pháp sư An Đông viên tịch, Sư vô cùng đau buồn. Ở Lhasa, Sư y chỉ Pháp Vương Hàng Tắc, cũng học tập rất nhiều kinh luận. Từ năm 1921 đến năm 1936, tổng cộng 15 năm, Sư vào Tây Tạng hai lần, thăm các bậc Thầy nổi tiếng, nghiên cứu sâu rộng về kinh luận và dịch những gì mình đã học, điều này là cơ sở vững chắc để nhận định rằng, Sư là một nhà phiên dịch kinh Phật khác trong lịch sử Trung Hoa. Các bản dịch chính của thời kỳ này bao gồm: Bồ-tát giới phẩm thích, 2 quyển; Bồ-đề đạo thứ đệ quảng luận, 2 quyển; Mật tông đạo thứ đệ luận, 1 quyển; Biện liễu bất liễu nghĩa thiện thuyết tạng luận, 2 quyển; Biện liễu bất liễu nghĩa luận thích nạn, 2 quyển.

Giai đoạn thứ hai từ 1937 đến 1949:

Sau khi trở lại Tây Tạng lần thứ hai, Sư tiếp tục chủ trì công việc của Hán Tạng Giáo Lý Viện, và đã đào tạo một số lượng lớn nhân tài. Sư đi lại giữa Thành Đô và Trùng Khánh để giảng kinh thuyết pháp. Giai đoạn này là giai đoạn Sư có những đóng góp to lớn trong cuộc đời, và việc dịch thuật đạt đến đỉnh cao. Các dịch phẩm của Sư ở thời kỳ này, gồm có: Địa đạo kiến lập, 1 quyển; Hiện quán trang nghiêm luận lược thích, 1 quyển; Mật tông đạo thứ đệ quảng luận, 2 quyển; Tỳ kheo học xứ, 1 quyển; Cúng dường Thượng sư dữ Đại ấn hợp tu, 1 quyển; Nhập trung luận thiện hiển mật ý số, 3 quyển; Bồ-đề đạo thứ đệ lược luận, 1 quyển; Bồ-đề đạo thứ đệ lược luận chỉ quán chương, 1 quyển; Tu bồ-đề tâm thất nghĩa luận, 1 quyển; Biện pháp pháp tánh luận, Thất thập không tánh luận, Tinh nghiên kinh thích, Duyên khởi tán thích. Những trứ tác nổi tiếng có Tây Tạng hiện đại, Tôi từng đến Tây Tạng, Lịch sử chính trị và tôn giáo của dân tộc Tây Tạng, Tạng văn đọc bản sơ thảo, v.v. Sư cũng đã xuất bản nhiều bản dịch và bài báo trên nhiều tạp chí khác nhau như Hải Triều Âm. Điều đặc biệt đáng nói là Sư thông thạo ngôn ngữ Tây Tạng và không chỉ có thể dịch tiếng Tây Tạng sang tiếng Trung Quốc, mà còn có thể phiên dịch tiếng Trung Quốc sang tiếng Tây Tạng. Với gần 4 năm làm việc, cuối cùng Sư đã chuyển dịch quyển Đại Tỳ-bà-sa luận, 200 quyển, sang tiếng Tây Tạng.

Giai đoạn thứ ba từ năm 1949 đến năm 1966

Sau giải phóng, Sư tham gia nhóm dịch thuật Bắc Kinh Bồ Đề Học Hội, và dịch các tài liệu cho Ủy ban Dân tộc, như "Bàn về chuyên chính dân chủ nhân dân",

"Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới", "Lịch sử phát triển xã hội", v.v. Bản dịch từ tiếng Trung sang tiếng Tây Tạng cho thấy kiến thức uyên thâm về ngôn ngữ Tây Tạng của Su. Năm 1955, Su viết bài cho Bách khoa toàn thư. Năm sáu năm sau, ông trở thành phó viện trưởng Học viện Phật giáo. Trong thời kỳ này, Su đã viết nhiều bài báo đăng trên tạp chí Phật Giáo Hiện Đại. Tuy nhiên, một điều rất đáng tiếc là nhiều bản dịch của Su trong thời kỳ này đã không được xuất bản, và một số đã bị thất lạc. Chúng ta có thể biết những tác phẩm: Ngũ thứ đệ luận, Thất bảo luận, Bốn trăm luận tụng, Nhập Trung luận lược thích, Câu-xá luận lược giải. Trong thời kỳ này, thành tựu lớn nhất của Su là dịch cuốn Từ điển Tạng ngữ Geshe Khúc-cát-trác-ba (格西曲扎藏文辞典).

Giai đoạn thứ tư từ năm 1966 đến năm 1980

Thời kỳ "Cách mạng Văn hóa", Pháp sư bị buộc tội chống chủ nghĩa cộng sản và bị đưa vào trại lao động, bị đập chân và trở thành người tàn tật cho đến khi được trả tự do vào năm 1972. Trong mười năm, công việc dịch thuật của Su hoàn toàn không có gì. Năm 1978, Su đã dịch cuốn Bồ-đề đạo cự luận. Trước khi Pháp sư viên tịch, trong hai năm rưỡi, dù thân mang bệnh, Ngài cũng đã hoàn thành ba bản dịch về Nhân Minh: Thích lượng luận, Thích lượng luận lược giải và Tập lượng luận, chúng lấp đầy khiếm khuyết Nhân minh học bằng Hán văn. Đây là những phiên dịch cuối cùng trong cuộc đời của Pháp sư.

Sự nghiệp phiên dịch

Pháp sư Pháp Tôn bắt đầu bằng việc dịch kinh Phật, và kinh Phật Trung Quốc về cơ bản được dịch từ tiếng Phạn. Ở Ấn Độ tương đương với thời nhà Đường, Phật giáo Mật tông đã phát triển đến thời kỳ hoàng kim và lan sang Tây Tạng ở Trung Quốc. Tây Tạng đã dịch một số lượng lớn kinh Phật, vượt xa số lượng kinh Phật bằng tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, một số kinh Phật đã được truyền sang Hán, nhưng không được truyền vào Tây Tạng. Việc dịch các ký tự Trung Quốc và Tây Tạng bắt đầu vào thời nhà Đường. Trong thời kỳ Thổ Phiên, có một nhà dịch thuật vĩ đại người Tây Tạng là Quản Pháp Thành (管法成, ?-865) ở Đôn Hoàng, ông đã dịch một số kinh điển Tây Tạng và cũng dịch kinh điển Hán ngữ sang tiếng Tây Tạng, đây có thể là nguồn gốc của việc dịch kinh điển Hoa-Tạng. Thời nhà Nguyên có Sa-la-ba (沙羅巴, 1259-1314) dịch cuốn Chương sở tri luận. Đến thời nhà Thanh có Công-bố Tra-bố (工布查布, 1670-1750) dịch Tạng tượng độ lượng

kinh vào năm Càn Long thứ 7 (1742) tại Bắc Kinh. Từ thời Trung Hoa Dân Quốc, Pháp sư Đại Dũng đã dẫn dắt tất cả học viên của Học viện Tạng văn đi về hướng Tây cầu pháp. Đại sư Thái Hư thành lập Hán Tạng giáo lý học viện, Ban Thiền Lạt Ma thứ chín, Thubten Choekyi Nyima, thành lập Bắc Kinh Mật tạng viện ở Bắc Kinh, Bắc Kinh Bồ-đề học hội, v.v., và bản dịch kinh điển Tây Tạng trở nên phổ biến. Những vị thành tựu có rất nhiều, như Pháp sư Đại Dũng, Pháp sư Năng Hải, Pháp sư Quán Không, Pháp sư Siêu Nhất, Pháp sư Nghiêm Định, Pháp sư Bích Tùng, Tôn Cảnh Phong, Thang Hương Minh, Quách Hòa Khanh, Lưu Lập Thiên, Vương Nghi Noãn, Cổ-tây-ly Bàu-khuốc-đa-cát, ..., nhưng cũng có thể thấy rằng người thành tựu nhất phải là Pháp sư Pháp Tôn. Sư có rất nhiều bản dịch, bao gồm hơn 120 bài tiểu luận, luận thích, bản dịch và các bài giảng.

Theo đặc điểm của Phật giáo Tây Tạng, Pháp sư kiêm thông Hiền Mật, hầu như tất cả các khía cạnh của nó đều có liên quan, chẳng hạn như Trung quán, Bồ-đề đạo thứ đệ, Mật tông nhân nhân đạo thứ đệ, Nhân minh. Pháp sư đã dịch nhiều tác phẩm kinh điển quan trọng của Tây Tạng mà Tam tạng Hán văn thiếu sót bản dịch. Pháp sư đã chuyển dịch sang Hán ngữ một cách có hệ thống các lý thuyết Hiền và Mật của Phật giáo Tây Tạng, chẳng hạn như Bồ-đề đạo thứ đệ quảng luận, Mật tông đạo thứ đệ quảng luận, v.v. Mỗi khi Pháp sư có bản dịch, Sư sẽ tích hợp nhiều trường phái khác nhau, rồi giảng giải những điều sâu sắc một cách đơn giản, dễ hiểu. Huyền Trang, một dịch giả trong lịch sử, có thể dịch giữa tiếng Phạn và tiếng Hán. Pháp sư thông thạo ngôn ngữ Tây Tạng, đã đạt đến trình độ rất thành thạo trong việc phiên dịch từ Tạng ngữ sang Hán văn, và ngược lại. Sư hiểu rất rõ về địa lý, tôn giáo và phong tục dân gian của Tây Tạng. Cuốn “Lịch sử chính trị và tôn giáo của dân tộc Tây Tạng” của Pháp sư là một chuyên khảo lịch sử rất có giá trị. Tiểu sử của Đại sư Tông Khách Ba, Tôn giả Atiśa, v.v. do Sư biên soạn. “Tây Tạng Hiện đại” là một cuốn sách rất hay, có ích lợi lớn cho sự hiểu biết của chúng ta về Tây Tạng. Năm 1990, Nghiên cứu Văn hóa Phật giáo Trung Quốc đã xuất bản "Tuyển tập luận văn Phật học của Pháp sư Pháp Tôn", thu thập từ các bài viết trong các tạp chí như Hải Triều Âm, nguyệt san Khương Đạo, Hiện đại Phật học, Pháp Âm, Trung Quốc Phật giáo, v.v. Sư bắt đầu học tập và phiên dịch kinh điển từ năm 1930 và viên tịch vào năm 1980. Để quảng bá Phật giáo Tây Tạng, Sư đã phi nước đại trong nửa thế kỷ, và thành tựu của Ngài là phiên dịch các kinh điển. Tuyển tập luận văn này là kết tinh tư tưởng Phật học của Pháp sư, và là tài sản quý báu cho các nhà nghiên cứu Phật học Tây Tạng và Trung Quốc.

Tiểu sử tóm tắt

Sinh tại làng Nam Chu Bảo, huyện Thâm, tỉnh Hà Bắc vào ngày 14 tháng 12 năm 1902.

Vào cuối mùa Xuân năm 1920, ông xuất gia ở chùa Hiền Thông, đình Ngọc hoàng, Ngũ đài sơn, sớm tối học tập tụng niệm công khóa.

Vào mùa Xuân năm 1921, ông tham học tại Quảng Tế Mao Bồng (chùa Bích Sơn) ở Ngũ đài sơn.

Vào mùa Đông năm 1921, ông thọ giới tại chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh và đến chùa Long Xương Luật trên núi Bảo Hoa, ở Nam Kinh để học tập các giới pháp.

Năm 1922, ông vào Viện Phật Học Vũ Xương, thọ giáo với Đại sư Thái Hư, học yếu diệu lớn nhỏ của Hiền Mật.

Vào mùa Đông năm 1923, được Pháp sư Đại Dũng truyền thọ cho 18 đạo và học pháp tu của Ngài Văn Thù.

Sau khi tốt nghiệp Viện Phật Học Vũ Xương vào mùa Hạ năm 1924, ông trở lại Bắc Kinh để gia nhập Học viện Tạng văn để học tiếng Tây Tạng.

Vào mùa hè năm 1925, Học viện Tạng văn lên đường đến Tây Tạng, đi qua Vũ Hán, Nghi Xương và Trùng Khánh, sau đó đến Lạc Sơn, qua Nhã An, vượt ngọn Đại Tướng, đến được Khương Định. Tuy nhiên, vì quân đồn trú Tây Tạng nghi ngờ rằng phái đoàn có vai trò chính trị (tranh chấp biên giới Khương-Tạng) nên chặn lại ở Tây Khương.

Vào mùa xuân năm 1926, ông thân cận với Đại sư Từ Nguyên và học ngữ pháp Tây ngữ cũng như các kinh điển nguyên thủy của Phật giáo.

Vào mùa xuân năm 1927, ông đi đến huyện Cam Tư ở biên giới Tây Tạng, nhưng lại bị quân phòng thủ chặn lại, và dừng lại ở chùa Trát-ca Cam Tư, thân cận Đại sư Trát-ca, cũng đã nghiên cứu "Nhân minh nhập môn", "Hiện quán trang nghiêm luận", "Biện liễu bất liễu nghĩa luận", v.v., tu trì giáo thọ và tạng mật pháp nghĩa về sự tu học Bồ đề tâm. Pháp sư Pháp Tôn bắt đầu dịch "Duyên khởi tán" của Tông Khách Ba cùng thêm lời chú giải, trích dịch "Tông Khách Ba Đại sư truyện" và "A-đề-hạp Tôn giả truyện" mà từng được đăng trên tạp chí Hải Triều Âm.

Năm 1929, Pháp sư Đại Dũng viên tịch tại chùa Trát-ca Cam Tu. Sau đó, Pháp sư Pháp Tôn dẫn “Luu Tạng học pháp đoàn” tiếp tục hành trình đi về hướng Tây.

Mùa xuân năm 1930, Sư đến Xương Đô để thân cận với An Đông Cách-tây (Jampel Rolpai Lodro, 1888-1936), thọ 40 chủng pháp trong Pháp hội Kim Cang Man luân. Vào mùa Hạ năm ấy, học những tri thức của Thanh minh. Sau Thu, tiến về Tây Tạng, và đến Lasha vào mùa Đông.

Sau năm 1931, Pháp sư y chỉ An Đông Cách-tây, học tập những luận điển trọng yếu của Phật giáo Tây Tạng: "Bồ-đề đạo thứ đệ", "Mật tông đạo thứ đệ", "Nhân minh tổng nghĩa luận", "Hiện quán trang nghiêm luận kim man thích", "Ngũ thứ đệ luận" và "Nhập trung luận", v.v. Đồng thời, Sư đã dịch "Bồ-đề đạo thứ đệ quảng luận", và cùng năm đó, Đại sư Thái Hư sáng lập Hán Tạng Giáo Lý Viện (Sino-Tibetan Buddhist Studies Institute).

Vào đầu mùa Đông năm 1933, Sư rời Lhasa và hành hương đến các Thánh địa của Đức Phật ở Ấn Độ, Nepal, Yangon ở Miến Điện và những nơi khác.

Vào mùa hè năm 1934, Sư đến Singapore, qua Hồng Kông, rồi Thượng Hải, đến thăm chùa A Dục Vương và chùa Tuyết Đậu ở Ninh Ba, kính lễ Đại sư Thái Hư.

Vào mùa hè năm 1935, Sư đến Thành Đô, trước làm phiên dịch cho A Vương Kham Bố (Khenpo Arqiong, 1918-1998) và giảng dạy "Duyên khởi tán luận" của Đại sư Tông Khách Ba. Trở lại Tây Tạng vào mùa Thu và Lhasa vào mùa Đông.

Năm 1936, Sư y chỉ Pháp vương Giáng Tắc (絳則法王, Jiangze) để học pháp, Sư đã dịch ra Hán văn và xuất bản "Bồ-đề đạo thứ đệ quảng luận" và "Mật tông đạo lược luận". Sau mùa thu, Sư trở lại Ấn Độ bằng đường biển và trở về Trung Quốc, thỉnh về nước “Đại Tạng Kinh Tạng văn”. Sau khi trở lại Hán Tạng Giáo Lý Viện, Sư tiếp tục công việc phiên dịch và giảng dạy.

Sau mùa Thu năm 1937, Sư mời Đại sư Thái Hư đến giảng tại Hán Tạng Giáo Lý Viện, và chuyển dịch "Mật tông đạo thứ đệ quảng luận".

Trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật xâm lược, Sư tiếp tục chủ trì công việc của Hán Tạng Giáo Lý Viện, qua lại Thành Đô và Trùng Khánh, giảng kinh thuyết pháp, phiên dịch kinh điển từ Tạng ngữ sang Hán ngữ.

Năm 1949, bản dịch tiếng Tây Tạng của "Đại Tỳ-bà-sa luận" được hoàn thành.

Năm 1950, Pháp sư đến Bắc Kinh, chủ trì Bồ Đề Học Hội, tham gia duyệt các văn kiện của Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc lần thứ nhất, xem xét bản dịch Hiến pháp tiếng Tây Tạng, và biên tập một số từ điển Tạng-Hán và Hán-Tạng.

Năm 1955, Sư đã viết hơn mười bài báo cho Phật giáo Bách khoa Toàn thư.

Vào mùa Thu năm 1956, sau khi thành lập Học viện Phật giáo Trung Quốc, Sư giữ chức vụ phó hiệu trưởng Phật học viện và giảng dạy các môn Phật học, bao gồm: Tỳ-kheo học xứ, Nhập Trung luận tụng và Câu-xá luận, v.v.

Năm 1966, trong cuộc Đại Cách mạng Văn hóa, sau khi Phật học viện bị giải thể, Sư bị gán là thành phần phản động và bị bắt tham gia lao động chân tay.

Năm 1972, tội danh phản động được dỡ bỏ và tự do được khôi phục.

Vào mùa thu năm 1980, Pháp sư trở thành hiệu trưởng của Học viện Phật giáo Trung Quốc. Vào ngày 14 tháng 12 cùng năm, vào buổi sáng tĩnh lặng tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh, Sư vẫn không ngừng viết, vì Pháp quên thân, người nghe biết mà cảm khóc.

Ngày 14 tháng 12 năm 1980, Pháp sư viên tịch tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh, thọ 79 tuổi, Hạ lạp 59 năm. Tháp thờ linh cốt Pháp sư được xây dựng nơi chùa Quảng Tông, Ngũ Đài Sơn.